NĂM THỨ BẢY • # 80 • DECEMBER 1995

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

KHAI THÁC SÔNG MÊ KÔNG

PHẠM PHAN LONG

QUỶ XƯỚNG VĂN

HÀ THÚC SINH

THE WHITE DRESS

A Short Story by **KHÔI LƯU**

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Hãy nhớ đến

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!
Một máy bằng 3 máy
cộng lại mà chỉ tốn
nửa số tiền.

GOLDEN® Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

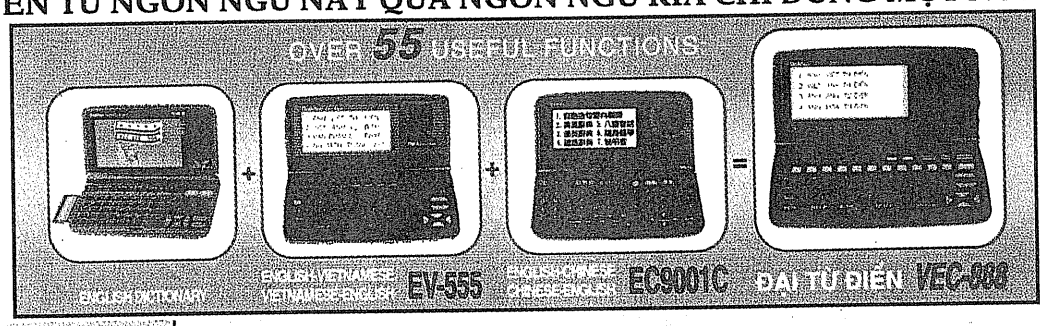

- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Sổ Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- **Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)**
- **Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555**
- **Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C**

Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555
với trên 40 công dụng

Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898
Fax: (818) 279-9899
Nhận Order: **1-800-248-3948**

THẾ KỶ NEW YORK
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9116 * Fax: (718) 358-0294

FELICITY CO.
861 N. Spring St., # 110, LA.
Tel: (213) 617-2283

LITTLE SAIGON
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

NHÀ SÁCH THĂNG LONG
767 N. Hills St. # 102, LA., CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 628-1644

MONTERY PARK
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

CHINATOWN (LA)
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

Nhạc tình trẻ trung! Nhạc tình hạnh phúc!
Nhạc tình hiện đại!

- Cơn mưa phùn...
- Em đi...
- Đường xa ướt mưa...
- Và con tim đã vui trở lại... v...v...

PARIS BY NIGHT 33

Nhạc Tình ĐỨC HUY

Những nhạc phẩm thành công nhất của **ĐỨC HUY** *được diễn tả một cách tuyệt vời bởi các giọng hát được yêu thích nhất hiện nay tại hải ngoại:*

Giá $25.00 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
9295 BolsaAve. - Westminster, CA 92683 - USA
P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Khánh Hà - Ái Vân - Ngọc Lan - Hương Lan - Dalena - Thanh Hà - Diễm Liên - Bảo Hân - Thảo My & Đức Huy - Phi Phi - Jenny Loan - Duy Quang - Thế Sơn - Nguyễn Hưng - Don Hồ - Henry Chúc ...v.v...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

MỘT NỬA ĐÀN ÔNG LÀ ĐÀN BÀ

Tiểu thuyết của Trương Hiển Lượng, Phan Thịnh dịch

Trương Hiển Lượng là một tiểu thuyết gia hàng đầu hiện nay của Trung Quốc. Ông bị tù năm 21 tuổi chỉ vì một bài thơ và suốt hai mươi năm bị chuyển từ trại cải tạo này đến nông trường khổ sai khác. Kinh nghiệm lao tù của ông trở thành chất liệu mang nhiều tính tự truyện của ***Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà***, tác phẩm đã đưa Trương Hiển Lượng thành nhà văn có tầm mức quốc tế. Với kinh nghiệm lao tù, những suy tư của người trí thức trong cái hỗn loạn phi nhân của "cách mạng văn hóa", Trương Hiển Lượng dùng tài năng của mình biến thành một tuyệt phẩm đa diện gồm đủ: tình yêu, tình dục, triết lý nhân sinh, triết lý chính trị, cái thi vị của thiên nhiên, cái bi hùng của đời sống... Một **"Bác sĩ Zhivago Trung Quốc"**, và đối với bạn đọc Việt Nam (nhất là những người đã từng sống dưới chế độ cộng sản), đọc Trương Hiển Lượng thú hơn đọc Boris Pasternak vì gần gũi hơn, Đông Phương hơn.

Sách dày 368 trang. Giá 16 MK. Ngoài nước Mỹ thêm 3 MK.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY SUITE A ▪ GARDEN GROVE CA 92640 ▪ TEL. 714-638-9510 FAX 714-638-1944

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN ▪ SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full Name:*_____ Đ.T./ *Phone:*_____

Địa chỉ / *Address:*_____

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like* ***The Ky 21*** *delivered to me:*

☐ 06 số / *Issues* ☐ 12 số / *Issues* ☐ 24 số / *Issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*_____

Kèm theo đây là chi phiếu / lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of:* $_____

Gửi Bulk Rate:	☐ 6 tháng / *6 months:* $22.00	☐ 1 năm / *1 year:* $40.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 75.00
Gửi First Class:		☐ 1 năm / *1 year:* $52.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (chỉ nhận Air Mail)	*CANADA*	☐ 1 năm / *1 year:* $59.00	☐ 2 năm / *2 years* $113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	☐ 1 năm / *1 year:* $76.00	☐ 2 năm / *2 years* $140.00
	Á & ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	☐ 1 năm / *1 year:* $86.00	☐ 2 năm / *2 years* $160.00

TỔ HỢP LUẬT SƯ VIỆT-MỸ
TIM GRAY & ANDRE LAM

Liên lạc:
DIAMOND BICH NGOC
10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708
(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)
1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)
(714) 663-4314 (Beeper)

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ
LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

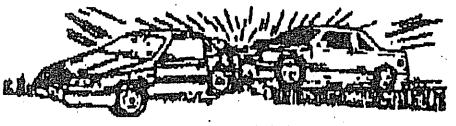

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%
Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.

ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Tổ Hợp Luật Sư Việt-Mỹ Tim Gray và Andre Lâm phụ trách, và Diamond Bich Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM
và
GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.
Trân trọng thông báo.

TRUNG TÂM XUẤT BẢN, NHÀ SÁCH, VÀ PHÁT HÀNH

MINH VĂN

2808 GRAHAM ROAD, FALLS CHURCH, VA 22042

Điện thoại: (703) 698-8490 / 698-8491 Fax: (703) 204-9239

Đọc sách, uống trà, nghe nhạc, xem tranh, và ngắm tượng. Đến với Minh Văn quí vị sẽ có đủ năm thú tiêu khiển thanh nhã này.

Sách mới: Bóng Đèn Tà Nguyệt, truyện dài của ***Hồ Trường An*** ($16.00)

Chân Trời Lam Ngọc 2, ký sự của ***Hồ Trường An*** ($13.00)

Kẻ Đào Mồ, tập tuyện ngắn của ***Trần Long Hồ***, tái bản ($13.00)

Sách của Trần Long Hồ: *Ngày Quanh Quẩn* ($10.00), *Niềm Vui Ung Thư* ($10.00), *Kẻ Đào Mồ* ($13.00), *Cõi Sa Mù* (quyển một, $18.00), *Cửa Địa Ngục* (quyển 2, $22.00), *Bóng Thiên Đường 1* (tập 1, quyển 3, $15.00). ***Sách của Hồ Trường An:*** *Chân Trời Lam Ngọc* ($11.00), *Chân Trời Lam Ngọc 2* ($13.00), *Bóng Đèn Tà Nguyệt* ($16.00)

Sách của Ngô Nguyên Dũng: *Âm Bản* ($11.00)

Minh Văn có hàng ngàn mặt sách, báo, trà, bình trà, tranh, và tượng. Xin quí vị liên lạc Minh Văn để có tập sách quảng cáo đầy đủ. Chi / lệnh phiếu xin đề MINH VĂN

LAN MUSIC XIN TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CD MỚI NHẤT

Lan Music

Midnight Serenade

Sasha Alexeev

Piano Solos

Một buổi chiều vàng, sau những giờ làm việc mệt mỏi, xin quý vị hãy tìm lại giây phút thanh thản của một ngày còn lại...Hãy để lòng lắng xuống và lắng nghe tiếng đàn dương cầm rất cổ điển, rất quý phái của Sasha Alexeev. Nếu quý vị đã từng yêu mến tiếng đàn dương cầm điêu luyện của Sasha Alexeev qua những CD VELVET RAIN, SILOUETTES quý vị không thể bỏ qua đĩa CD mới nhất của Sasha Alexeev

Midnight Serenade

gồm 12 nhạc khúc rất cổ điển và cũng rất trữ tình của nền nghệ thuật Việt Nam:

• **Tiếng Thời Gian** Lâm Tuyền • **Còn Tuổi Nào Cho Em** Trịnh Công Sơn • **Khi Người Yêu Tôi Khóc** Trần Thiện Thanh • **Ngọc Lan** Dương Thiệu Tước • **Nhìn Những Mùa Thu Đi** Trịnh Công Sơn • **By Candle Light** Sasha Alexeev • **Mùa Thu Không Trở Lại** Phạm Trọng • **Đêm Đông** Nguyễn Văn Thương • **Lòng Mẹ** Y Vân • **Nắng Thủy Tinh** Trịnh Công Sơn • **Nocturne** Sasha Alexeev • **Bên Cầu Biên Giới** Phạm Duy

Đây là một món quà rất đẹp và quý để tặng cho bạn bè, cho người yêu dấu... Một đĩa nhạc rất lý tưởng cho các văn phòng dịch vụ, bác sĩ, nha sĩ, nhà hàng sang trọng.

Đại diện phát hành:
Trung Tâm Bích Thu Vân
9200 Bolsa Ave. #137-138
Westminster, CA 92683
Tel: 714-897-4519

Gửi thẳng về nhà kể cả cước phí Bưu điện:
Hoa kỳ: 10 US $, Ngoài Hoa Kỳ: 12 US $
Thư từ liên lạc hay chi phiếu xin đề:
LAN ĐÀO
P.O. Box 0563 BREA, CA 92622-0563 USA

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

---

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

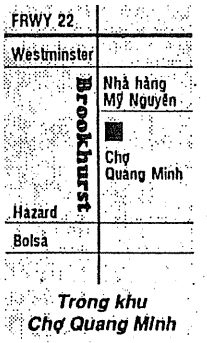

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

KC TRAVEL & TOURS
ARC

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TAXCALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341

Lê's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Tranh bìa: *Phạm Gia Linh*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Ngọc Dũng, Đinh Cường*
Hí họa: *Babui, Hiếu*
Ảnh: *Lê Tam Ca, Ngọc Linh, Lý Kiến Trúc*

MỤC LỤC

Số 80 • Tháng Mười Hai 1995

CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, LỊCH SỬ

14 Khai thác sông Mekong (*Phạm Phan Long*)
20 Hà Sĩ Phu trả lời phỏng vấn đài VOA
22 Dự phóng tình trạng Hoa Lục trong khoảng 15 năm tới (*Từ Mậu*)
26 "Nỗi buồn của thế kỷ 20" (*Võ Doãn Nhẫn* dịch)
30 Tư tưởng canh tân của Phạm Phú Thứ (*Quang Uyển*)
42 Chia tay ý thức hệ (*Hà Sĩ Phu*)

VĂN HỌC

36 Vẫn chuyện Tú Xương đi thi chữ quốc ngữ (*Nguyễn thị Chân Quỳnh*)
50 The white dress (short story, *Lưu Khôi*)
57 South wind changing (Book review,*Nguyễn Đình Hòa*)
58 Bối cảnh sinh hoạt văn học Cộng sản từ năm 1975 (*Lê Đại Lãng*)
65 Một quyển sách làm ẩu (*Nguyễn Hữu Thành*)
66 Người nữ và trái tim Đông phương trong thế giới của Trần Mộng Tú (*Bùi Vĩnh Phúc*)
72 Giọt nước mắt thứ ba (*Hoàng Khởi Phong*)
76 Nuôi cọp trong nhà (*Khuyết Danh Thị Ng.*)
80 Con chó mực của ông tôi (*Nguyên Ngữ*)
83 Quỷ xướng văn (*Hà Thúc Sinh*)
90 Mùa thu và những buổi học đầu đời (*Nguyễn thị Minh Thủy*)
92 Thơ người thơ (*Đỗ Thì Kênh G*)

NGHỆ THUẬT, KHOA HỌC

69 Ái Vân, thuyền đã cập bến (*Phan Thanh Tâm*)
74 Một hệ thái dương mới (*Bình Anson*)
95 Sống nhàn, sống giản dị (*Hạ Quyên*)
98 Phong trào dùng tự điển điện tử bỏ túi (*Nguyễn Đức Quang*)

THƠ

67 Hiên trưa (*Trần Thiện Hiệp*) - 77 Hoa sứ (*Đỗ Thì Kênh G*) - 81 Năm ngọn nến hồng (*Dương Kiền*) - 85 Ánh Mắt; Tình gió (*Nguyễn Thị Thanh Bình*) - 88 Lập xuân ở Mỹ; Tiên tri; Khi xem ti vi Mỹ (*Phan Nhật Nam*) - 91 Xóa; Chùi (*Lê Hữu Khóa*) - 93 Cổ Thạch (*Phạm Băng Hồ*)

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư tòa soạn
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và bạn đọc
12 Thư trị sự
45 Sổ tay
100 Vòng chân trời văn học nghệ thuật
103 Sách báo trong tháng ■

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage:
http://www.vietmedia.com/theky21

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoằng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng thư ký Tòa soạn:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21.

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1.*Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2.*Phạm Thị Thu Hương*
39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Úc: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

Thư Tòa Soạn

Trong tháng Mười Một vừa qua các nước ở vùng Á Châu và Thái Bình Dương trong khối APEC đã họp ở Nhật. Có người đã đề nghị tổ chức này nên thu nhận thêm Việt Nam. Ngay sau đó chính phủ Phi Luật Tân lại nhắc nhở thế giới và các nước trong vùng đừng quên các tranh chấp quốc tế về quần đảo Trường Sa. Một thỏa hiệp về lưu vực sông Cửu Long đang tiến hành, quyền lợi chung và riêng của các nước Miến Điện, Thái Lan, Trung Quốc, Lào, Cam Bốt, và Việt Nam liên hệ chặt chẽ với nhau qua con sông phát nguyên từ Tây Tạng này. Một đập nước và nhà máy thủy điện ở Vân Nam sẽ tác động như thế nào vào sinh môi và nền kinh tế ở các nước khác? Vụ một cựu tổng thống Đại Hàn bị truy tố về tội tham nhũng ông đã phạm từ nhiều năm trước sẽ tạo ra phản ứng nào trong lòng người Việt? Nêu lên các đề tài trên, chúng tôi chỉ muốn quý vị độc giả cùng nhìn về quê hương trong một toàn cảnh mở rộng hơn.

Hiện nay mối quan tâm lớn nhất của người Việt là thay đổi đất nước. Mối quan tâm về nội trị quá lớn cho nên chúng ta không có mấy dịp tìm hiểu và bàn luận về các vấn đề ngoại vi. Nhưng chính khi nhìn vào các vấn đề trong toàn cảnh vùng Á châu chúng ta càng thấy sự thúc bách của việc cải tổ ở bên trong. So sánh với các nước trong vùng hiện nay, Việt Nam là một nước hèn kém nhất, ngang với Miến Điện.

Tình trạng thua kém của Việt Nam và Miến Điện giống nhau vì dân hai nước đều bị giam hãm trong các chế độ độc tài lạc hậu. Miến Điện do một nhóm quân phiệt dốt nát nắm đầu, Việt Nam do một đảng cộng sản tham nhũng khai thác. Trong tháng Mười Một vừa qua ông Đỗ Mười vẫn còn hô hào củng cố quyền cai trị của đảng cộng sản. Ngay các đảng viên có lương tâm cũng thấy hổ thẹn vì chủ trương tham quyền cố vị đó.

Muốn nước ta thoát khỏi tình trạng lạc hậu và thua kém thì phải tạo cơ hội cho mọi người dân được làm việc, mọi người dân được trao đổi và góp ý kiến làm sao cho nước nhà tiến bộ, phú cường. Do đó phải thiết lập một chế độ dân chủ. Người dân phải được hưởng các quyền tự do tối thiểu là tự do báo chí, tự do hội họp. Chỉ trong khung cảnh của tinh thần dân chủ và các định chế bảo đảm tự do thì mới tạo nên được mối đồng tâm xây dựng đất nước và huy động được năng lực của mọi người dân.

Suy nghĩ và thảo luận về các vấn đề của đất nước, đó là điều mà tạp chí Thế Kỷ 21 vẫn theo đuổi từ khi ra đời. Trong gần bảy năm nay tờ báo đã trở thành một sợi giây liên lạc giữa những người Việt ở hải ngoại cùng quan tâm về vận mạng và tương lai dân tộc. Một nhiệm vụ của tờ báo là cung ứng các tài liệu và thông tin cần thiết cho những người cùng ưu tư về vận nước. Sau đó tờ báo đón nhận các ý kiến, tạo nên một diễn đàn tự do, tạo nên thói quen thảo luận tự do trong tinh thần tương kính tương nhượng, tôn trọng sự thật và lẽ phải.

Gần đây tạp chí Thế Kỷ 21 cũng được đưa về Việt Nam dù chính quyền ở đó vẫn cấm đoán. Khi biết rằng nhiều người ở trong nước đang theo dõi và chia sẻ các tin tức, các mối ưu tư và suy nghĩ của chúng ta, hy vọng rằng các cuộc trao đổi và thảo luận sẽ hào hứng hơn nhiều. Như quý vị độc giả đã nhận thấy, từ lâu nay Thế Kỷ 21 đã đăng tải nhiều tài liệu, ý kiến và các sáng tác của những tác giả đang sống ở Việt Nam. Khi nào nước ta được sống trong tự do thì tờ báo sẽ phổ biến tự do trong nước để thành diễn đàn đích thực của tất cả mọi người Việt.■

Bàn về số đặc biệt Võ Phiến

Hôm nay tôi nhận được báo *Thế Kỷ 21* số 78 (October 1995): Số đặc biệt nhà văn Võ Phiến đăng từ trang 27 đến trang 84.

Những bài viết về Võ Phiến của tác giả khắp bốn phương đăng trong số này làm cho tôi ngưỡng mộ nhà văn này hơn nữa.

Tuy nhiên, điều làm cho tôi phải viết thư này ngay đến quý báo vì tôi thấy có một thiếu sót tuy có vẻ là "nhỏ," nhưng thực ra lại là "lớn" trong số báo 78 này. Đó là: Tại sao Báo TK 21 không cho đăng **Đôi dòng tiểu sử của nhà văn Võ Phiến**, chỉ cần sơ lược về tiểu sử thôi, chẳng hạn như tên thật là gì, sinh năm nào, sinh quán ở đâu, tình trạng gia đình (vợ tên là gì, có mấy con), bắt đầu viết văn năm nào nhưng **phần quan trọng là liệt kê tất cả những tác phẩm của nhà văn này** (dù đã hay chưa xuất bản), [dù ở trang 36, có liệt kê thư mục của nhà xuất bản Văn Nghệ, còn nhà xuất bản nào khác trước 1975 và sau 1975 đã xuất bản tác phẩm của Võ Phiến?]

Tôi thấy trong các sách báo nói về các văn sĩ, thí dụ như các tác giả được đăng trong bộ tùng thư *Contemporary Authors* của nhà xuất bản Gale Research, họ đều có tiểu sử và văn nghiệp được tóm tắt trong một vài trang. Tôi xin đính kèm một trang của sách nói trên, nói về một tác giả Việt Nam là cố Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, đăng trong *Contemporary Authors*, quyển số 126, xuất bản năm 1989 để quý vị tường.

Nếu làm như trên trong một *số đặc biệt* về một tác giả, độc giả sẽ hiểu khái quát về công trình văn nghiệp của tác giả đó. Ngoài ra, nếu có thể sưu tầm được cũng nên liệt kê những bài phê bình văn học về tác giả ấy, như thế sẽ giúp nhiều cho những nhà nghiên cứu.

Phạm Lệ Hương *(Modesto, CA)*

Xin cám ơn bà nhiều về những ý kiến rất xác đáng. Chúng tôi xin ghi nhận để rút kinh nghiệm cho các lần sau.

Giải thích quá nhiều

Tôi có một góp ý, nhỏ, nhưng có thể là "to": *TK 21* có tục mới là xen LTS vào một số bài. Vài chỗ ở loạt bài Quốc-Cộng của Lê Mạnh Hùng thì còn có vẻ tạm được, song ở cái thư của Lê Hồng Hà (số 79) thì coi bộ ngang quá! Đọc rất ức và rất tức! Hay là vì Đỗ tôi không phải "độc giả ở hải ngoại" để (phải) đọc các LTS đó? Đã đành *về nội dung* các LTS đó đều OK.

Xưa thì người đọc tinh và tường là phải biết đọc-giữa-hai-hàng-chữ, nay (ở "TK 21") thì giữa hai hàng chữ là... "Lời Tòa Soạn" rồi. Khỏe quá!

Nói vậy chớ LTS là cần thiết nhưng chỉ ở các "ca" đúng là cần thiết. Lạm dụng quá là nó thành... "*Bài* (của) Tòa Soạn," chứ đâu còn là "Lời Tòa Soạn" nữa! Mong thay!

Đỗ Quyên *(Đức Quốc)*

Rất cám ơn ý kiến và hoàn toàn đồng ý với bạn là Tòa Soạn chỉ nên "can thiệp" vào khi cần thiết thôi. Chúng tôi sẽ kỹ lưỡng hơn khi cân nhắc nơi nào và khi nào là cần thiết. Riêng loạt bài Quốc-Cộng của Lê Mạnh Hùng thì chúng tôi bị trách oan đấy nhé: chỉ có một LTS (ngắn) ở đầu bài thôi!

Riêng bài về vụ "NV-GP" bạn gửi sẽ đi ở một số sau. Từ "ngày quen nhau," chúng tôi vẫn gửi báo cho ông NMC đấy. Thân.

Đi tìm tinh thần

Ông Võ Doãn Nhẫn, trong bài Đi Tìm Tinh Thần (TK 21 # 78), đã dịch không đúng một số chữ. Chữ *Mind* không thể dịch là *Tinh thần*, mà phải dịch là *Trí Tuệ*. Tôi lấy ví dụ một vài trường hợp của *spirit*:

A spritual leader: Một nhà lãnh đạo tinh thần, như Đức Giáo Hoàng, Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Lack of spirit: Thiếu tinh thần.

Full of spirit: Phấn chấn, đầy nghị lực.

Một vài ví dụ bằng tiếng Anh sau đây cho thấy chữ *mind* được dùng như thế nào:

Absent-minded: Lãng trí, nhớ trước quên sau.

Narrow-minded: Thiển cận, suy nghĩ một chiều.

Single-minded: Nhất quyết.

Out of sight, out of mind: Xa mặt cách lòng.

Chữ *Mind* nói lên khả năng của não bộ, trong khi đó chữ *spirit* nói lên cái trừu tượng của tâm linh.

Glimpses of the mind không thể dịch là "những nắm bắt của tinh thần" mà phải dịch là *những khía cạnh của trí tuệ. Glimpses dịch sát nghĩa là những cái nhìn thoáng.*

Một người có thể vừa là khoa học-gia vừa là triết gia. Nhà bác học Einstein đã đặt mình vào vai trò của một triết gia khi thốt ra câu: *Thượng Đế không chơi trò xúc xắc khi Ngài sáng tạo ra vũ trụ* (để phản đối khoa học vi lượng tử của Niels Bohr), nhưng khi Einstein thốt ra câu: *Tôi rất tiếc dùm Thượng Đế, những bài tính của tôi*

cho thấy tôi đúng! (khi kiểm chứng độ cong của không-thời gian qua một thí nghiệm trong ngày nhật thực trong đó ánh sáng từ Thủy tinh đến Trái đất đã bị ảnh hưởng của mặt trời làm lệch đi) ông ta đã đứng vào vị trí một khoa học gia. Và cùng một suy diễn như vậy, tiếng động của một thân cây đổ trong rừng thẳm có hay không tùy theo lối suy nghĩ của một triết gia, hay một khoa học gia.

Trần L. Vũ *(Santa Ana, CA)*

Khô khan và ướt át

Chúng tôi ở vùng khá xa các cộng đồng Việt Nam, một tờ báo như *Thế Kỷ 21* tôi nghĩ đáp ứng được khá đầy đủ các nhu cầu tinh thần, văn hóa cho một người Việt có học trung bình. Nhóm bạn bè Việt Nam nhỏ nhoi của tôi ở đây cùng thích tờ báo, nhưng mức độ khác nhau. Có người, như vợ tôi chẳng hạn, cho là nó hơi khô khan. Tôi thì cho rằng liều lượng các loại bài như thế là vừa khéo, nhiều bài chính trị, kinh tế đọc rất "đã," nếu bớt đi thì rất uổng. Đại khái số người theo hai loại sở thích có vẻ bằng nhau. Tòa soạn có nghĩ cách nào vừa làm cho tôi lẫn vợ tôi đều hài lòng hay không? Nghĩa là tăng cái phần "ướt át" lên chút đỉnh?

Cũng vì xa các trung tâm xuất bản sách Việt Nam, chúng tôi rất ít tin tức về tình hình sách vở. Mục Sách Báo Trong Tháng tỏ ra ích lợi cho chúng tôi ở đây, trung bình mỗi tháng qua mục ấy tôi có thể chọn mua ít nhất là một cuốn sách bằng đường bưu điện. Sách nhiều quá không đọc hết được, nhờ có người đọc trước và giới thiệu (tuy sơ qua nhưng tôi thấy rằng cũng khá chính xác) để mình chọn lựa một ít cuốn xứng đáng, thật là tiện quá.

Trương Đình Thuyết *(Tulsa, OK)*

Mỗi tờ báo đều có tôn chỉ của mình, nhưng khi thực hiện tôn chỉ ấy, phải làm sao vừa lòng càng đông đảo độc giả càng tốt. Chúng tôi thấy việc cùng lúc làm vừa lòng ông và quý nội tướng ở nhà không có gì là mâu thuẫn nhau cả. Cám ơn ông đã đặt vấn đề, cho chúng tôi một cơ hội hiểu biết thêm các khuynh hướng của độc giả để từ đó nghĩ cách cải tiến tờ báo cho phù hợp.

Xót xa

Tôi rất cám ơn ông Thảo Trường với bài viết "Nhớ Về Một Người Bạn Tù Già" của ông trong *Thế Kỷ 21* số 79. Cám ơn vì ông đã phần nào xóa cho tôi cái cảm giác xót xa khi thấy ông Nguyễn Đình Huy bị một số người ở hải ngoại "đánh" tơi bời khi ông tham gia tổ chức hội thảo cho tự do dân chủ trong nước cách đây hai năm. Đọc ông Thảo Trường chúng tôi biết rõ hơn con người thật của ông Huy, khiến lòng chúng tôi càng thêm kính trọng ông, cũng như kính trọng bao người hiện nay đang âm thầm hy sinh cả đời sống của mình cho dân tộc, đất nước, vừa bị tù đày của Cộng sản mà cũng chưa chắc thoát được lời "chưởi bới" ở ngoài này. Chúng tôi nghĩ việc tối thiểu chúng ta phải làm là tỏ lòng biết ơn và kính trọng họ. Trong cái cõi mù mờ trắng đen rất là lẫn lộn của đời sống hải ngoại của chúng ta hiện nay, những bài viết như của ông Thảo Trường cần thiết cho chúng tôi biết bao! Ít nhất đó cũng là một cái gì *tin được* trong một thế giới đầy vẻ hàm hồ.

***Lê Văn Tri** (Westminster, CA)*

Đại Hội của Sự Thật

... Tôi đã viết bài cho *Thế Kỷ 21*, nhưng tôi không gởi vì ra hình tranh luận. Nhưng nếu bỏ qua thì ra hình nhận chìm lịch sử với bao nhiêu khốn khổ trầm luân mà dân tộc phải cúi đầu cam chịu. Khi ở trong nước, những Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu đã can đảm nói lên những sự thật để bị quản chế, ngồi tù, thì ở trên đất tự do nầy, có điều gì ngăn cản chúng ta nói lên những sự thật, những sự thật đau lòng mà hình như sự im lặng muốn cho lãng quên?

Để cho vấn đề được sáng tỏ không phải giữa Quý Báo và cá nhân tôi, mà với Đất Nước, tôi kính yêu cầu Quý Vị mời một Đại Hội gồm những Trí thức, những Chính trị gia, những Chiến sĩ đã tranh đấu cho độc lập của Quốc gia trong 30 năm, những cựu Thủ Tướng, cựu Phó Thủ Tướng, những cựu Tổng Trưởng, Bộ Trưởng của Đệ nhứt và Đệ nhị Cộng Hòa để thảo luận về tai họa của Đất Nước để vấn đề được sáng tỏ, đồng thời truy niệm hàng triệu chiến sĩ đã hy sinh cho Xứ Sở.

Nguyễn Trân *(Sun Valley, CA)*

Vì khuôn khổ tờ báo có hạn và các vấn đề cứ phải thay đổi luôn nên chúng tôi có khi rất tiếc không thể đăng tất cả các loại bài, mặc dù có giá trị. (Như thời gian qua chúng tôi phải ngưng những bài liên quan đến cuốn "In Retrospect" của McNamara, trong đó có một bài Góp ý với những Nhận định về cuốn ấy, của ông Nguyễn Trân).

Chúng tôi rất cảm kích vì lòng yêu mến và tin cậy của ông Nguyễn Trân đối với Thế Kỷ 21, muốn giao cho chúng tôi công việc tổ chức một Đại hội trọng đại như thế, mà chúng tôi không chắc mình có làm nổi không. Ý của quý độc giả ra sao?

Độc giả thầm lặng

Chúng tôi là độc giả thầm lặng và dài hạn của quý báo. Tuy chưa bao giờ đóng góp ý kiến gì, nhưng chúng tôi rất hoan nghênh chủ trương của quý báo. Tất cả các bài của các mục đăng trong báo, không vừa thì nhiều, chúng tôi đều

thích đọc cả. Nhất là bài của Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh và Vương Hữu Bột thì chúng tôi luôn luôn mong đợi. Xin kính chúc báo *Thế Kỷ 21* được trường cửu.

Đỗ Như Lạc *(Dortmund, Germany)*

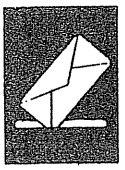

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn đã nhận được bài vở của những tác giả sau:

Tô Đăng Khoa, Triệu Quyết Thắng, Nhung Uyên & Robert Wilcher, Nguyễn Đăng Ngọc, Babui, Hiếu Đệ, Nguyễn Viết Ninh, Dương Kiền, Trần Thiện Hiệp, Bình Anson, Nguyễn Thị Minh Thủy, Phan Thanh Tâm, Đỗ Quyên (Đức Quốc), Phan Thị Đỗ Quyên (Úc), Bùi Vĩnh Phúc, Thuận Văn, Nguyễn Hưng Quảng, Trần Văn Nam, Kim Hà, Vi Giang, Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Tấn Hưng, Chung Nguyễn, Huỳnh Long Giang, Trần Doãn Nho, Vũ Băng Đình.

Chân thành cám ơn quý vị.

Trần H.V. *(Blythe, CA)*: Ông V.P. đã nhận được bức thư đầy cảm tình của ông, và thành thật đa tạ.

Triệu Quyết Thắng *(Germany)*: Cám ơn ông về các bài thơ, chúng tôi đang đọc. Thơ thì làm theo đề tài gì cũng được, miễn là hay. Chúng tôi thấy không trở ngại về đề nghị gửi báo của ông. Bưu phí mỗi năm hiện nay là 36 đô la mỹ, có thể gửi làm hai đợt cũng được. Thân chúc ông mọi sự như ý.

Tô Đăng Khoa *(Westminster, CA)*: Bài ấy cho thấy thiện chí và tấm lòng của một người trẻ tuổi mới gia nhập cộng đồng này một thời gian không lâu. Đã thấy xuất hiện trên báo NV rồi. Chúc anh nhiều thuận lợi trong việc học hành, cố gắng nhìn ra và diễn đạt những vấn đề *mới mẻ* trong đời sống. Thân.

Phạm Văn Tiên *(Springfield, MO)*: Chân thành cám ơn ông về cuốn sách ông gửi cho và rất sung sướng có ông là độc giả dài hạn của tờ báo. Cũng rất cám ơn ông đã cho phép trích đăng bài trong cuốn sách. Chúng tôi sẽ xin làm việc ấy khi thấy thuận tiện. Kính.

Ngô Thanh Tùng *(Alameda, CA)*: Mùa này các mỹ cảnh lộ miền đông Sierra tuyết đang xuống, lái xe đi thăm chắc gặp nhiều trở ngại. Vậy xin hẹn với anh đến mùa khô ráo thuận tiện sẽ mời độc giả nghe anh giới thiệu các con đường tuyệt vời đó. Nói sớm quá, đến lúc đó mọi người sẽ quên mất! Thân kính.

Nguyễn Viết Ninh *(Montreal, Canada)*: Bài VGL viết công phu nhưng rất tiếc không đăng được. Xin cám ơn ông về các đánh giá tờ báo và những người cộng tác với nó. Thật sự nhiều khi chúng tôi không thấy ranh giới giữa "ban biên tập" và "bạn đọc" khi mọi người cùng tham gia vào thế giới văn chương chữ nghĩa, cùng góp ý thảo luận về các vấn đề chung. Mong các bài khác của ông. Thân.

Nguyễn Tà Cúc *(Cerritos, CA)*: Chúng tôi thấy chuyện ấy "nói qua nói lại" thế là đã đủ để các bên hiểu nhau. Chắc bà cũng đồng ý chuyện đời nếu nói hoài thì sẽ còn hoài. Mọi chuyện sẽ giữ được vẻ đẹp nếu được chấm dứt đúng lúc. Chân thành cám ơn bà vì những điều tích cực đã đóng góp.

Nguyễn Văn Ba *(Saskatoon, Canada)*: Sẽ đăng TNMM trong một số tới. Cũng rất cám ơn ông về sự thông cảm và giúp đỡ. Chúc ông mạnh, viết đều, mọi chuyện đều vui.

Đính Chính: Vì sơ ý trong việc đánh máy, hai bài thơ của Trần Hồng Châu, bài Suối (số 75) và Bia Nâu Bia Vàng (số 79), đã không được ngắt đoạn theo như ý của tác giả. Xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

Trong truyện ngắn Người Đưa Tin của Trần Công Sung (số 79) có vài chỗ in sai:

Trang 83, cột bên trái, dòng 16 từ trên xuống, câu "Gã thiếu úy mở cửa...", xin đọc cả câu là: "Gã thiếu úy gõ cửa. Người mở cửa là một thiếu phụ với khuôn mặt rất tươi."

Trang 84, cột trái, dòng 6 từ dưới lên: "Toàn cười khùng khục như gà đẻ", xin đọc: "Toàn cười cùng cục như gà đẻ."

Xin tác giả và bạn đọc tha lỗi.

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG phụ trách

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Lê Văn Tư (Madison WI), Nguyễn Thị Minh Châu (GERMANY), Nguyễn Văn Diên (Bayou La Batre AL), Đoàn Phi Long (GERMANY), Phạm Văn Tiên (Springfield MO), Hoàng Minh Thúy (Houston TX), Nguyễn Hữu Tuệ (San Mateo CA), Đoàn Nhật Quang (Houston TX), Lưu Trường Khôi (Brookline MA), Ngô Vũ Bích Diễm (Huntington Beach CA), Phạm Trung (Holland OH), Bửu Sao (Orlando FL), Thái Lộc (Dallas TX), Phạm Trọng Lệ (Fairfax VA), Clif-

ford Nguyễn (Queens NY), Vũ Quý Kỳ (Stone Mountain GA), Divine Word Theologate (Chicago IL), Đẹp Magazine (Houston TX), Trần Thiện Hiệp (Kent WA), Nguyễn Thúy Diệm (Annandale VA), Nguyễn Đức Lũy (Sparks NV), Nguyễn Trân (Sun Valley CA), Nguyễn Thu Hương (West Hills CA), Nguyễn Can (Orlando FL), Joseph Trương (Boston MA), Tuấn Nguyễn (San Jose CA), Pomona Public Library (Pomona CA), Chapman Br Lib (Salt Lake City UT), Los Angeles Pub Lib (Los Angeles CA), Nguyễn Chương (Skokie IL), Nguyễn Đức Liên (Atlanta GA), Trương Thành (Elk Grove CA), Lực Tự Hứa (Reseda CA), Nguyễn Thanh Trang (San Diego CA), Trần Thị Hằng (Garden Grove CA), Lương Minh Đức (San Diego CA), Trần Văn Huy (Gometz Le Chatel FRANCE), Hoàng Châu (Houston TX), Long Trần (Omaha NE), Trần Đăng Sang (Brooklyn NY), Trần Kim Tháp (AUSTRALIA), Trần Ngọc Giác (JAPAN), Bùi Quang Cương (East Haven CT), Phạm Xuân Tích (FRANCE), Minh Hà (San Jose CA), Fitzroy Library (AUSTRALIA), Menzies Library (AUSTRALIA), Columbia BR Library (Seattle WA), Biblio Ville Montreal (CANADA), Đàm Thế Lữ (San Jose CA), T.P (Fresno CA), Lại Mạnh Cường (HOLLAND), Vaulx Milieu (FRANCE), Bùi Hữu Mạnh (FRANCE), Trịnh Hữu Đức (Sacramento CA), South Branch Library (Berkeley CA), Oakland Public Lib (Oakland CA), Dan Nguyễn (Garden Grove CA), Lê Văn Đức (Van Nuys CA), Cornell University Library (Ithaca NY), Thủy Trần Myers (Florissant MO), Trần Hữu Dũng (Dayton OHIO), Nguyễn Đình Nhạc (Portland OR), Nguyễn Tứ Quý (Corona CA), Nguyễn Ngọc Danh (Sacramento CA), Đàm Quang Lâm (Philadelphia PA), Nguyễn Thanh Quang (Vienna VA), Hà Dương Cự (Bethlehem PA), Fonds Documentaire Asemi (FRANCE), Dương Thành Bé (Northridge CA), Triết Minh Ngô (Long Beach CA), Đỗ Thị Ánh (Santa Clara CA), Ngọc Châu Phương (JAPAN), Tâm Chính Nguyễn (Houston TX).

Phạm Lệ Hương *(Modesto CA):* Đã gởi báo đến Ông LVT. Cám ơn bà đã ủng hộ TK 21. Thân mến.

Vinh Nguyễn *(Memphis TN):* Toà soạn đã gởi về địa chỉ mới những số báo 77, 78 và 79. Mong rằng từ nay TK 21 sẽ đến đúng nhà và không còn thất lạc nữa. Kính.

Trần Roanh *(Dorchester MA):* Đã điều chỉnh số báo gia hạn của ông đến #102. Kính.

Bùi Quang Cương *(East Haven CT):* Xin cho biết các số cần mua, chúng tôi sẽ gởi đến ông, hiện ở TK 21, những báo cũ không còn được đầy đủ. Kính.

Lý Cần *(JAPAN):* Đã chuyển thư qua ban Biên Tập. Toà soạn xin cám ơn lời chúc tốt đẹp của ông. Kính.

Đinh Văn Hiển *(Houston TX):* Đã gởi *Thơ Bùi Giáng* đến ông. Chúc ông vui luôn. Kính. ■

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay

☑ *nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ*

☑ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE

CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

MERRY CHRISTMAS AND HAPPY NEW YEAR

West Lake Food Corp.

CÔNG TY THỰC PHẨM TÂY HỒ

bánh cuốn tây hồ

西湖餐室

Được Bộ Nông Nghiệp (U.S.D.A.) cho phép sản xuất:

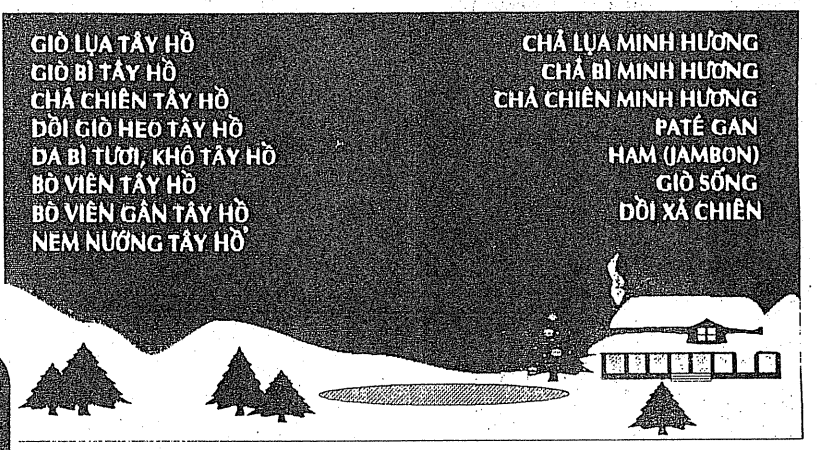

BÁNH CUỐN tây hồ ①
3520 W. FIRST ST.
SANTA ANA, CA 92703
TEL: (714)839-7533
MỞ CỬA 7 NGÀY

BÁNH CUỐN tây hồ ②
9242 BOLSA AVE., STE C
WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714)895-4796
NGHỈ NGÀY THỨ HAI

BÁNH CUỐN tây hồ ③
1039 E. VALLEY BLVD., STE B103
SAN GABRIEL, CA 91776
TEL: (818)280-5207
MỞI CỬA 7 NGÀY

BÁNH CUỐN tây hồ ④
15566 BROOKHURST ST.
WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714)839-1389
NGHỈ NGÀY THỨ HAI

- ☑ **TÂY HỒ** là nơi sản xuất các sản phẩm của quê hương, đúng hương vị, thơm ngon và tinh khiết nhất. Dưới sự kiểm tra vệ sinh của Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ.
- ☑ **TÂY HỒ** là đệ nhất về sản xuất các loại giò chả gói bằng lá chuối để làm quà cho các dịp lễ.
- ☑ **TÂY HỒ** cung cấp Jambon, Paté, Giò thủ, và Dồi giò heo đến các tiêm Bánh Mì Thịt Nguội trên toàn nước Mỹ với giá đặc biệt.
- ☑ **TÂY HỒ** cung cấp Bò Viên và Bò Viên Gân đến các hiệu phở danh tiếng khắp thế giới từ Mỹ đến Canada, Nhật Bản và được công nhận là dòn, ngon, đúng hương vị quê hương và tinh khiết nhất.
- ☑ **TÂY HỒ** cung cấp tất cả sản phẩm đến các siêu thị từ Tokyo, Hawaii đến New York và được trình bày bán tự do và hợp pháp.

Mọi dịch vụ xin liên lạc:
Tel: **(714)750-3331** hay Fax: **(714)971-9420**

KHAI THÁC SÔNG MÊ KÔNG

PHẠM PHAN LONG

(nguyên tác của Patricia Cummings, Tiếng Lúa Reo — Việt Nam Kỷ Yếu, Ấn bản đặc biệt mùa hè - Mê Kông Bộ 1, Số 3 — ngày tháng Bảy 1995.)

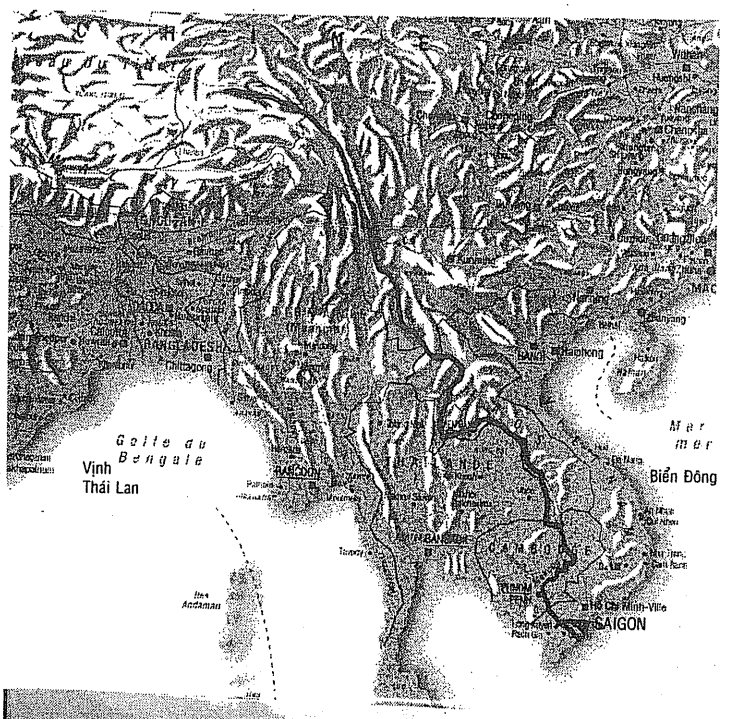

Sông Mekong phát nguyên từ Tây Tạng, chảy qua các nước Trung Hoa, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam, đổ ra Biển Đông

Mê Kông là một trong những hệ thống sông ngòi hùng vĩ bậc nhất của thế giới, bắt nguồn ở Tibet (Tây Tạng) với cao độ 16000 bộ Anh (4877 mét), từ vùng đèo Rup-sa cằn cỗi và sỏi đá. Mê Kông chảy dài trên 2600 dặm (4815 kí lô mét) qua Trung quốc dọc theo biên giới Miến, Lào, Thái và từ Campuchia chia ra làm nhiều nhánh chảy sang Việt Nam biến thành "con rồng chín đuôi" trước khi ra biển. Những dòng nước phép này mang lại sự sống, văn hoá, và phương tiện sinh tồn cho hàng triệu người, vô số cây cỏ và vô vàn sinh vật nằm trên thủy trình của nó. Mê Kông kết nối các giống dân và nhiều địa phương vào trong một mê cung phức tạp và mong manh; tính đa diện của nó thể hiện qua các tên gọi khác nhau Dza-Nak trên thượng lưu Tibet, Lan-Tsan Kiang bên Trung Quốc, Tonle Thom bên Campuchia và Cửu Long ở Việt Nam. Tiếng Mê Kông lấy ra từ chữ Mae Nam Khong của Thái, tiếng Việt có nghĩa là "Sông Cái."

Ủy Ban Sông Mê Kông và Việc Khai Thác Lưu Vực Mê Kông:

Kho tàng thiên nhiên này đang bị đe dọa bởi sự khai thác của con người. Các nước Thái, Lào, Campuchia và Việt Nam ký xong một thỏa hiệp vào tháng Tư vừa qua, lập ra Mekong River Commission (MRC, hay Ủy Ban Sông Mê Kông) dưới sự dẫn dắt của United Nations Development Plan (UNDP) hay Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc. Ngay sau khi bốn quốc gia vừa ký xong một hiệp ước thoả thuận nhau về sự phát triển bền vững (sustainable development: theo định nghĩa của chính UNDP, bền vững có

nghĩa là không gây hại cho môi trường), Thái Lan đã có sẵn đề án để Campuchia và Lào cho phép họ khai thác năng lượng từ dòng sông này.

Tại nghị hội đầu tiên, MRC vừa lập ra đã mời ngay Trung Quốc và Miến Điện tham dự vào buổi họp sau của họ tại Phnom Penh, và đã dùng Basin Development Plan hay Kế Hoạch Khai Thác Đồng Bằng, công trình khảo cứu có trước của Mekong Secretariat, cơ quan vừa bị họ thay thế, làm căn bản để họ nghiên cứu. Thay vì chờ kết quả của các nghiên cứu về môi sinh đang tiến hành rồi mới lập ra một kế hoạch riêng của họ, Ủy Ban này bắt tay duyệt xét ngay 78 dự án có sẵn do khảo cứu Mekong Secretariat đã liệt kê ra: 58 dự án rải rác khắp nơi trên dồng bằng Mê Kông và 20 dự án tại Thái Lan. Thêm vào đó Lào đã đề bạt ra 48 dự án cho quốc gia họ và Campuchia có hai dự án.

International Rivers Network (IRC), Viện Sông Ngòi Quốc Tế tường trình rằng Lào là tâm điểm trong việc khai thác thủy điện: "Lào đang cho doanh nhân tư thuê sông ngòi của họ để xây đập." Có ít nhất 23 hợp đồng đã được thành hình giữa chính phủ Lào và các công ty xây dựng tư. (World River Review, 4th Quarter, 1994). IRN cũng nói rằng: "loạt đập nước này sẽ biến đổi toàn thể thủy tính và môi sinh của vùng Mê Kông tận cơ bản."

Tất cả hoạt động của MRC tường trình trên báo chí Thái là về thủy lực và không hề nhắc đến hành động gì của MRC thi hành sự bảo vệ môi sinh đã cam kết trước (BP). MRC không hoạt động công khai nên chúng ta chỉ có thể theo dõi quá trình của họ qua những gì họ kể về mình và qua báo chí mà thôi. Sự việc thiếu minh bạch của một Ủy Ban dựng ra bởi Liên Hiệp Quốc, tài trợ bởi viện trợ quốc tế, với mục đích là hoạt động theo quyền lợi công chúng lại cản trở việc công chúng theo dõi các biến chuyển trong công việc của họ. Ý đồ căn bản của họ rất rõ rệt — thủy điện là mục tiêu của họ.

Energy Promotion and Development hay Nha Khuếch Trương Năng Lượng và Phát Triển của Thái Lan muốn xây ra ba đập để chuyển nước từ Campuchia về các nhà máy điện của Thái. Các vị đại diện chính phủ vừa gặp nhau để bàn luận về đập thủy điện trị giá $480 triệu Mỹ kim đưa nước về cho Thái và đổi lấy điện cho Campuchia (VNS). Nhu cầu điện của Thái Lan dự đoán sẽ tăng gấp đôi trong vòng 15 năm tới, và công suất các nhà máy hiện có sẽ không thể đáp ứng số điện cần thiết đó. Nhu cầu điện lực này là do việc mở rộng thành phố và kỹ nghệ hóa gây ra. Có nên cung cấp cho họ không cần suy xét không và sẽ với giá nào? Việc đây không phải chỉ là giá thành của từng kí lô oát điện, mà còn có các tốn kém về xã hội và thiệt hại môi sinh trong việc đem thêm điện về các phòng trà karaoke ở Bangkok lên trên việc thiết kế có kế hoạch quân bình, có kế hoạch tiết kiệm năng lượng, và điều hoà những phát triển không thể tránh né được trong vùng.

Dự án khai thác và xây đập trên Mê Kông không mới lạ, thực sự chương trình hiện thời chỉ là một bước nhảy vọt ngược lùi về chương trình đã bị mất tín nhiệm đã có từ thập niên 1960. Chương trình đó đề ra việc dựng đập nước và xây dựng cơ sở hạ tầng thật vĩ đại, ngay từ lúc đó đã có phỏng đoán sẽ tốn kém hàng tỉ đô la. Khi tuyên bố viện trợ Mỹ cho công trình cầu cống và đê đập cho dòng sông Mê Kông "trinh trắng" đó, Tổng thống Johnson đã thể hiện hiểu biết của thời này khi nói rằng: "Con sông Mê Kông vĩ đại có thể cung ứng nước và điện nhiều hơn cả Tennessee Valley Authority" (TVA). Tỉ số tốn kém so với lợi ích của chính TVA hiện nay đang được đem ra thẩm định lại. Một sự việc đáng cho MRC lưu tâm.

MRC dường như đã tin một cách mù quáng với ảo tưởng rằng việc phát triển "bền vững" này có thể thực hiện được bằng những công tác xây dựng to lớn và phí tổn cao. Khắp thế giới, lợi ích kinh tế của việc xây dựng đê dập đang bị đánh dấu hỏi. Dân chúng địa phương từ chối không chịu di tản, những hứa hẹn cho việc làm và kinh tế bùng phát đã mất sự tín nhiệm, và giới tiêu thụ có lý do chính đáng lo âu về dự đoán của giá điện từ những dự án này.

Trên quan điểm môi sinh và nông nghiệp, sự lo lắng không phải chỉ từ việc hủy hoại do các đập thủy điện sẽ gây ra cho hệ thống sông ngòi này mà thôi. Đường dây tải điện luồn lách qua lãnh thổ Thái sẽ mở toang, thoái hoá và thậm chí giết chết những mảnh rừng thiêng trên hàng dải đất lớn. Những hậu quả khác có thể kể đến là việc biến đổi đất lành thành sa mạc, thiệt hại cho đời sống dân gian ven bờ, hủy diệt ngư nghiệp, lở sụt bờ biển ven hồ, xúc phạm lề lối sinh sống địa phương, và còn làm tuyệt chủng những sinh vật đặc biệt. Chẳng hạn như loài cá bông lau khổng lồ dài 10 bộ Anh (3 mét) có tên là "pla buk", chúng chỉ sống ở Mê Kông và dùng để tế lễ ở Thái và Lào. Xây đập và chuyển nước đi nơi khác sẽ gây sút giảm lưu lượng vào mùa khô khi cần có nước để canh tác ở Việt Nam và Campuchia, gây trở ngại cho việc hải hành, tăng nhu cầu vét lòng sông và tăng sức lấn ép của muối biển vào đồng bằng nông nghiệp tại Việt Nam.

UNDP khó chịu vì bị chỉ trích đã vạch ra nhiều điều lệ bảo vệ môi sinh có ghi trong thoả hiệp quốc tế nhưng tới nay họ không thể trưng ra một thí dụ nào về cách thức những chính phủ đó đã bảo vệ môi trường thế nào, và đã gặt hái được thành quả gì hay ví dụ họ cho công chúng xem xét hay kiểm chứng trách nhiệm việc nước

ra sao. Việc thêm cụm từ "phát triển bền vững" vào nhan đề của thoả hiệp chỉ làm dáng cho việc khai thác không bị kiềm toả, với một vài điều lệ bảo vệ đời sống của dân gian mà lý ra họ mới là người thưà hưởng số tài trợ khổng lồ đang nhắm về Mê Kông.

Ủy Ban Mê Kông và Viện Trợ Quốc Tế:

Thỏa hiệp Mê Kông tạo dễ dàng cho quốc tế phân phối viện trợ và cho các quốc gia thành viên vay tiền để mong điều hợp các kế hoạch phát triển. Vì vậy Lào có thể tiến đến việc chia sẻ năng lượng với Thái và gây quỹ cho công tác chung của họ. Phần lớn các bản tường trình nói rằng MRC nhận thấy nhu cầu điều hợp các dự án là do sự thiếu hụt tài trợ nghiên cứu sự khả thi và phát triển. Việc mà MRC không chịu làm là tận dụng tất cả những kiến thức chuyên môn có sẵn, khám phá tầm giới hạn và khả năng chuyển vận của toàn thể hệ thống, dùng các chuyên viên của các quốc gia đó trong lợi thế tối đa, kêu gọi sự góp phần tham dự của dân chúng các nước đó vào quá trình hoạt động của họ hầu tạo thành một viễn ảnh mới cho toàn thể lưu vực. MRC dường như chỉ chú tâm vào việc tạo ra một phương cách nào để chia chác miếng bánh viện trợ cho nhanh chóng về mặt chính trị.

Sự thành lập Ủy Ban và ký kết thỏa hiệp "Hợp Tác để Khai Thác Bền Vững Sông Mê Kông" mở đường cho sự hủy hoại. Tất cả các tường trình, nghiên cứu, thương lượng, lập chính sách và kế hoạch đều thực hiện đàng sau hai cánh cửa đóng kín không có sự tham dự của những người mà đời sống họ dính liền với Mê Kông. Biết bao tiền của đang tiêu dùng vào những cuộc nghiên cứu nhưng không có một chính sách môi sinh và chính sách xã hội liên hệ dẫn đường.

Sự hợp tác quốc tế thay cho sự tranh chấp lâu dài giữa những quốc gia này trong việc dùng nước như thế rất đáng được hoan nghinh. Dù chưa có mặt Trung Quốc, nôm na gọi là con đười ươi 1000 cân Anh, nó muốn ngồi đâu thì ngồi, và chuyển nước trên thượng lưu cách nào tùy ý nó, Ủy Ban này sẽ gặp phải khó khăn. Các thỏa hiệp trước cần có sự đồng ý của tất cả các nước thành viên, theo thoả hiệp lần này các nước đồng ý chỉ thông báo nhau vào mùa mưa và tham vấn nhau vào muà khô khi chuyển hướng nước chảy.

Biện pháp giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra là một bước tiến lớn cho mối tương quan trong vùng và là khuôn mẫu cho thế giới về việc giải quyết những tranh chấp. Nhưng quốc gia có thể gặt hái nhiều lợi nhất từ sự hợp tác là Việt Nam. Và nó cũng là nước có thể sẽ chịu thiệt thòi nhiều nhất, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp. Với chén cơm nằm ngay trên trung châu này, xa nguồn nhất so với tất cả các nơi khác, đây là nơi dễ bị nguy hại nhất bởi việc khai thác. Quan điểm của Việt Nam về việc phát triển Mê Kông vẫn khó lường. Ước muốn của Việt Nam, dựa theo Tổng Kế Hoạch Mê Kông dự trù 6,2 tỉ vốn đầu tư (VET).

Viện trợ quốc tế thường được khoe là để tạo ra lợi ích cho người nghèo và thiếu thốn, và không công khai mang lợi tức cho kỹ nghệ gia hay chính trị gia tham nhũng. Nay thế giới đã biết được tai hại của các đập nước và việc khai thác không tiết chế đối với con người, liệu những dự án này có thể bán được trước cộng đồng quốc tế hay không? Ai cũng biết dân sống trong lưu vực Mê Kông là những người nghèo nhất trên thế giới và biết họ cần được trợ giúp, nhưng những nhà kỹ nghệ và chính trị lợi dụng sự thiếu thốn của người địa phương để bán những công trình xây dựng to tát cho các cộng đồng bảo trợ. Một khi viên chức chính quyền và nhà thầu xây cất chia nhau xong lợi nhuận từ việc thiết kế đến việc xây dựng, cơ quan chính quyền quản trị các công trình này thường không đạt được mức năng lượng chỉ tiêu, và có thể chi phí cho dự án không còn hợp lý. Thói thường

diễn ra là lúc đó viện trợ quốc tế lại phải bước vào thanh toán hậu quả rối ren cho xã hội và môi sinh. Ủy Ban Mê Kông và các nước trên lưu vực này có vẻ quyết tâm lập lại khuôn mẫu này.

Tài Trợ Công, Quyền Lợi Tư, Vấn Đề Tài Trợ Không Thăng Bằng:

Những tài trợ cho việc phát triển Mê Kông: (Đây là vài ví dụ không phải là một danh sách đủ.)

- Chỉ trong vài năm, UNDP đã chi ra trên 50 triệu Mỹ kim để lập ra thoả hiệp Mê Kông. Viện trợ cho MRC Ủy Ban Sông Mê Kông có từ nhiều chiều như các cơ quan Liên Hiệp Quốc, các quốc gia như Thụy Sĩ, Phần Lan, Nhật Bản, Thụy Điển và Úc.

- Asian Development Bank (ADB) hay Ngân Hàng Phát Triển Á Châu, Japan Special Fund hay Quỹ Đặc Biệt Nhật Bản và Swedish International Development Agency (SIDA) đóng góp 5,4 triệu Mỹ kim cho các nghiên cứu khả thi.

- Pháp góp 1 triệu Mỹ kim cho một nghiên cứu liên hệ về hành lang Lào, Thái, Việt và ADB cũng tài trợ một nghiên cứu song song về hệ thống truyền thông từng vùng.

- Canadian International Development Research Center hay Trung Tâm Nghiên Cứu Phát Triển Quốc Tế của Gia Nã Đại đang tài trợ việc nghiên cứu môi sinh và Economic Commission for Asia Pacific hay Ủy Ban Á Châu Thái Bình Dương đang làm việc chung với ADB nghiên cứu về du lịch.

- Chính phủ Na Uy có ý muốn tài trợ một diễn đàn về điện lực cho từng vùng. (IHT, 4/29/95)

Bản tường trình thường niên từ Bangkok, của Mê Kông Secretariat hay Văn Phòng Tổng Thư Ký Mê Kông, cánh tay điều hành của MRC do UNDP quản trị, liệt kê tổng số đóng góp bằng Mỹ kim lên tới $46,932,000 và chi phí tiền mặt lên tới $45,777,000. Bình quân chi phí của VPTTK Mê Kông là khoảng 9 triệu Mỹ kim trong năm năm qua. Số tiền chi dùng vào nghiên cứu, thiết kế, hội họp, cố vấn, hội luận, hải cảng, tàu bè, dẫn thủy, hệ thống điện tải, phát triển thủy điện và huấn luyện. Trong những dự án đề ra năm 1994, $23,786,000 dành cho việc phát triển chính yếu là thủy điện và hệ thống điện dẫn liên hệ. Trong những dự án hoàn tất năm 1994, tất cả tiền tài trợ chi vào việc xây cầu cống và hải cảng. Phần lớn các buổi họp và hội luận trong năm 1994 là nhắm vào phát triển thủy điện và quan tâm hơn cả là việc tham dự đều là viên chức và nhân viên các quốc gia thành viên.

Trong bản tường trình thường niên này có những bức hình bóng bảy của những người dân sống bên Mê Kông tươi cười. Có những hình họ câu cá, làm ruộng, hay trên những chợ nổi, nhưng đọc kỹ văn bản thì thấy rằng những người này thiếu vắng trong các dự án và thiết kế đó. Họ có hình trong bản tường trình chỉ để tô thêm vào đó màu sắc địa phương mà thôi. Dựa theo tất cả các bản tường trình của các NGO hay các cơ quan ngoài chính quyền, sự hiện diện của người dân trong các buổi họp của Ủy Ban hay trong việc quản trị đều không được tán thành. Các quốc gia ven sông thành viên của Ủy Ban vẫn hoạt động theo nguyên tắc họ biết điều gì là tốt nhất cho dân chúng họ. Không có tài trợ dành cho việc tham vấn với người dân hay huấn luyện họ kỹ càng về thiết kế chính những tài nguyên đó. Tiền tài trợ phần nhiều do công quỹ thuế má người dân tây phương góp xem như viện trợ ngoại quốc dành cho chính quyền tiêu dùng "nhân danh dân chúng" sống trong lưu vực Mê Kông đó.

Ngân quỹ của Ủy Ban dành cho chương trình giáo dục, cố vấn, và tham gia tại địa phương vào thiết kế Mê Kông:

Không có.

Vậy phải làm gì ?

1. Trước hết, Ủy Ban Mê Kông nên cam kết và thừa nhận một cách thức làm việc quang minh và chịu trách nhiệm giải bày trước công chúng.

2. Kế tới là học bài học quá khứ. Ủy Ban Mê Kông và các nước thành viên cần xem xét kỹ càng các sự kiện đã ghi lại từ những dự án và kế hoạch phát triển tương tự trong cũng như ngoài nước.

Thí dụ: Ngày nay Việt Nam, nơi nạn đói kém không giảm được là tỉnh Sơn La, nơi 20,000 người không tự nuôi sống mình được. Theo CARE, cơ quan đã mang $500,000 Mỹ kim viện trợ tới tỉnh Sơn La, thì nguyên do của nạn đói là sự thăng bằng của môi sinh vùng này đã bị làm xáo trộn trầm trọng bởi việc xây đập vào những năm của thập niên 80 (VIR). Đập Hòa Bình xây bởi người Sô Viết đã không có nghiên cứu môi sinh. Ít nhất có 59,000 người đã bị tản cư khi bể chứa nước được xây nên (VIR). Những người này còn đang chịu đựng hậu quả, và chưa được tái định cư như đã dự trù. Bồi thường của chính phủ không cấp cho nhà ở, họ chưa khai quang được đất rừng được chính phủ cấp phát, họ chưa quen thuộc với điều kiện trồng trọt tại địa phương mới, không được săn sóc sức khoẻ và giáo dục. Dù cho có đập nước hay là chính tại vì đập nước này mà đất lở lói, rừng thoái hoá, hạn hán và lụt lội càng tăng thêm, bây giờ kèm theo nạn đói xảy ra cho khối người bị tản cư mà trước kia họ sinh sống trên mặt sông, nay phải sống lệ thuộc vào viện trợ. Thế mà một đập nước thứ hai vẫn đang được thiết kế. Đập Sơn La sẽ lớn gấp hai đập Hoà Bình và sẽ gây ra nhiều tan tác và hủy hoại môi trường.

Những bài học tác hại của thủy điện trên thế giới

Trong 50 năm qua, World Bank đã cho 93 quốc gia vay 58 tỷ Mỹ kim dựng nên 604 đập. Một nửa số này đã không đạt được kết quả kinh tế dự ước, còn gây nhiều tác hại môi sinh và đẩy các quốc gia đó lún sâu vào công nợ lâu dài. Gần như không có một dự án đê đập nào mà World Bank lại không cho vay. Thậm chí International River Network (IRN), một tổ chức nghiên cứu vô vị lợi đã phải gọi World Bank là "ngân hàng của kẻ xây đập."

Các dự án thủy điện lớn trên thế giới này nay đang bị dân chúng địa phương, giới trí thức và các viện nghiên cứu môi sinh, hợp tác chống đối rất mãnh liệt. Họ đã thấy được bằng chứng các tác hại của thủy điện đã gây ra trên thế giới: diệt chủng của một số giống loài (degradation of biodiversity); thay đổi tai hại cho môi trường (ecosystem) như thoái hóa rừng vì lụt nước, soi mòn và lở đất vì sống dồn vào những vùng đất mềm, sa mạc hóa hạ lưu, mặn hóa đồng bằng do nước biển lấn vào, phèn hóa do mực nước ngầm hạ thấp; thiệt hại nông nghiệp vì sút giảm phù sa; thiệt hại ngư nghiệp vì số trứng đẻ ra và mức sinh sản cá con giảm đi đã có nơi đến 50%, độc hại cho thủy sản như chất độc thủy trong cá tăng lên; và tác động tiêu cực trên mặt xã hội trong việc cưỡng bách các bộ lạc thiểu số di tản tắc trách như đã xảy ra cho dân Cree tại Canada.

Ngoài ra còn có nhiều di hại môi trường khác về lâu dài, và khi xảy ra rồi có thể không cứu vãn lại được. Chưa ai biết các dòng nước chứa khí trời trên mức bão hòa chảy ra từ các tuyệc bin thủy điện (supersaturated atmospheric gases) sẽ tác động trên các loài sinh vật, thảo mộc hay tôm cá ra sao. Khoa học còn đang kiểm chứng mức độ khí thán khí (carbonic), tỏa ra vì sự mục rữa vi sinh (microbial decomposition) tại các hồ nước thủy điện. Thán khí này lúc đầu ước tính bốc ra tới 26 lần so với mức thán khí phát ra từ một nhà máy nhiệt điện cùng công suất và giảm dần nhưng kéo dài nhiều thập niên sau. Thán khí sẽ góp phần làm nóng mặt địa cầu qua hiện tượng nhà kính (greenhouse effect) và gây biến đổi vĩnh viễn cho hệ sinh thái.

Vì các hiểm họa nêu trên nên nhiều dự án thủy điện lớn tại các quốc gia đã hay còn đang phát triển, do World Bank khởi xướng và tài trợ, đã phải ngưng lại và sau đó phải hủy bỏ như tại Nepal, India, Canada, China v.v... Quyền lợi và thế lực của kỹ nghệ thủy điện trưởng thành từ nhiều thập niên qua tới mức vô lường nay bỗng bị đe dọa vì không còn công trình to lớn khả thi nào trên thế giới đã phát triển mà có sự hậu thuẫn của dân chúng trong vùng cho họ thực hiện nữa.

Mặt khác tại Trung Quốc, Lý Bằng, vốn xuất thân là Kỹ sư thủy điện, quyết tâm xây dựng Three Gorges Dam ngang dòng sông Dương Tử, để đặt 26 tuyệc bin nhằm phát ra 18,000 MW thủy điện. Dự án 30 tỷ Mỹ kim này hãm chứa 10 triệu triệu gallon nước, 10% nhiều hơn cả Hoover Dam ở Nevada, Mỹ. Lúc đầu Văn phòng Phục hồi Đất đai của chính phủ Mỹ (Bureau of Reclamation, BUREC) đã cung cấp cố vấn kỹ thuật, còn chính phủ Canada tài trợ cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada (Canadian International Development Agency) nghiên cứu dự án này dưới sự giám sát của World Bank. Merrill Lynch, một công ty chứng khoán quốc tế rất lớn của Mỹ, chuẩn bị tài trợ cho dự án này.

Nhưng trí thức và dân chúng Trung Quốc lại phản đối kịch liệt sự nguy hại của dự án này. Hình ảnh Trung Quốc chịu lụt lội năm 1975 với hàng trăm ngàn nạn nhân thiệt mạng, 11 triệu người lâm nạn đói và bệnh tật khi 62 đập nước sụp xuống sau hai ngày mưa bão tại Trung Quốc vẫn còn in dấu trong ký ức dân gian. Những kẻ chống đối dự án này đã bị đàn áp hoặc thanh trừng coi như chống lại "thiên mệnh" và buộc vào tội "phản cách mạng." Đến nay, World Bank và Merrill Lynch đã phải hủy bỏ kế hoạch tài trợ Three Gorges Dam và chính phủ Mỹ cũng đã rút các cố vấn BUREC về nước trước áp lực của công luận. Tháng Tư, 1994, Dan Beard, Cao ủy BUREC tuyên bố thời kỳ xây đập tại Mỹ — cũng như việc ủng hộ, khuyến khích và tham gia xây đập trên thế giới đã chấm dứt, BUREC không muốn kinh nghiệm sông Colorado và Colombia tại Mỹ tái diễn tại nơi khác.■

trợ công lẫn tư với các đầu tư vào Mê Kông. Hàng triệu Mỹ kim của các kế hoạch viện trợ để phục hồi đất đai, dẫn thủy nhập điền, xây cất đê điều, vệ sinh và chống lụt lội được hướng vào hạ tầng cơ sở, nông nghiệp và thủy nghiệp. Thương gia được bảo sẽ có lợi nhuận nhưng tới nay câu "ai làm ô nhiễm phải đền" không thấy ai nhắc tới. Trong một thế giới mà nhu cầu ngày càng tăng trưởng lên, trên một nơi tài nguyên thiên nhiên hữu hạn, với tài lực giảm sút dần, liệu cộng đồng viện trợ quốc tế có muốn và gánh vác nổi những phí tổn ngoại vi của việc phát triển không kiểm toả tại vùng Mê Kông hay không?

4. Cần có một số tài trợ dành riêng cho những hoạt động chủ xướng từ địa phương và kỹ thuật thích ứng với văn hoá nhằm đáp ứng nhu cầu cộng đồng của địa phương ấy. Sự thiếu vắng tài nguyên từ các cơ quan viện trợ cho các dự án của dân chúng tham gia, dự án giáo dục cộng đồng và nhận thức về môi sinh cần phải sửa đổi.

đồng và nhận thức về môi sinh cần phải sửa đổi. Dự án địa phương cần được yểm trợ để nới rộng tầm mức hoạt động và thiết lập các phương pháp phù hợp với văn hoá và kinh tế để phát triển lưu vực theo tầm mức ảnh hưởng đến địa phương và nhu cầu riêng của nó. Nên gây áp lực với chính quyền địa phương vùng và các nhóm như APEC and ASEAN và trực tiếp với Ủy Ban Mê Kông để họ cho phép dân chúng tham gia vào và hội nhập các dự án địa phương vào với việc thiết kế và phân phát nhân lực và tài lực của họ.

5. Một chiến dịch quốc tế để tránh cho Mê Kông thoát việc khai thác thủy điện tắc trách là điều cấp thiết. Việc này cần có hành động quốc tế của giới trí thức và NGO. Chiến dịch này để vận động sao để đặt Ủy Ban Mê Kông và các quốc gia thành viên lập tức chịu trách nhiệm giải thích trước cộng đồng thế giới. Kho kiến thức không tưởng tượng nổi nằm sẵn trong các đại học, các cơ quan viện trợ và khảo cứu cần phải đem ra chia sẻ. Cần có những trao đổi về giáo dục với các phe nhóm địa phương nhằm vào các chương trình có mục đích tăng gia mức sống, tránh thoái hóa cho ven sông và tạo cơ hội cho dân chúng tham gia vào quá trình hợp tác thiết kế có tính cách lịch sử này.

Thời điểm cũng đang thuận lợi cho cộng đồng NGO quốc tế tham dự vào. Việc ký kết Thỏa Hiệp Mê Kông mang lại một cơ hội hiếm có để liên kết lại làm việc chung từ khởi đầu và lập ra một chiến dịch hợp tác nhằm gây ảnh hưởng trên mọi công việc ngay từ lúc giai đoạn nghiên cứu. Nhưng phải hành động ngay lập tức. Bắt dầu bằng sự tham dự của báo chí quốc tế, NGO quốc tế và các cộng đồng viện trợ tư trong tất cả các buổi họp và sinh hoạt của Ủy Ban. Sau đó, tất cả nhóm viện trợ công và tư cần làm việc chung để việc cho vay và viện trợ đa phương đó nhìn nhận các nhóm người sinh sống tại địa phương là mục đích chính của việc tài trợ không phải chính quyền hay quan chức tại địa phương đó.

Hàng trăm các nhóm địa phương đang hoạt động khắp nơi trong vùng và cố gắng của họ sẽ được tốt đẹp hơn nếu có sự hợp tác, liên hệ và đóng góp chung vào các dự án quốc tế. Tầm quan hệ của công tác địa phương tại Thái, Lào, Miên, Việt không thể coi thường. Những phong trào phát động tại địa phương phù hợp với văn hoá họ để giáo dục người dân Mê Kông và giúp họ tham gia vào và nêu lên ý kiến của riêng họ là điều thiết yếu để đạt được mục tiêu bảo quản và tu bổ lâu dài. Trong một một buổi họp gần đây ở Thái Lan, 30 NGO địa phương đã ký cùng một bản tuyên ngôn nói về những hậu quả tai hại của thoả hiệp Mê Kông cho toàn lưu vực và khuyến cáo không nên coi quá trọng ý kiến của chính quyền và chủ trương khai thác, không cân xứng với nhu cầu dân chúng địa phương và môi sinh. Việc của công đồng quốc tế là thực hiện những đề án này.

The Mekong Foundation

Hàng ngày tôi nhìn thấy cảnh túng thiếu của hầu hết người dân sống bên Mê Kông và biết tài trợ rất cần thiết để nuôi sống, che chở và định cư họ. Khi tôi nói chuyện với họ, họ phát biểu rằng yếu tố sống còn là điều cần yếu nhất. Câu ngạn ngữ dạy người ta câu cá hơn là cho họ cá không đâu thích hợp hơn nữa cả. Vì thế với kinh nghiệm của một người tranh đấu, tôi quyết định bắt đầu ngay tại nơi tôi sống và xem tôi làm được việc gì. Thể theo sự lo âu của tôi về Mê Kông, việc tài trợ không cân bằng, sự phát triển không cương, và sự việc người dân địa phương không được tham gia vào vấn đề nói là vì lợi ích cho họ, tôi lập ra một cơ quan nhỏ nhằm giải quyết những vấn đề này. Cơ quan này có tên là The Mekong Foundation.

The Mekong Foundation sẽ áp dụng cách nhìn xa về môi sinh nhằm vào việc làm tăng hiểu biết cho dân địa phương và giúp họ hoàn thành những công tác bảo tồn theo ưu tiên của chính họ. Chúng tôi nhận biết nỗi vất vả thường nhật của họ và cộng tác với những cơ quan viện trợ có mặt ở đó giúp chống đói kém và bệnh tật. Chúng tôi quyên góp tiền cho các dự án nông nghiệp, môi sinh và kỹ thuật thích ứng. Chúng tôi dùng tài trợ đó để huấn luyện giáo chức, cung cấp cho họ vật liệu để giảng dạy về môi sinh liên hệ đến dòng sông này. Chúng tôi đã có một thí điểm nông trường hữu cơ và nhóm phụ nữ họp bàn về việc làm thực phẩm lành mạnh và không có chất ô nhiễm. Chúng tôi bắt đầu bằng chương trình bằng những số tặng phẩm thật nhỏ từ $10 tới $20 cho các trường học và các nhóm phụ nữ làm công tác bảo tồn và những dự án nông nghiệp hợp môi sinh.

Chúng tôi có thể cung cấp một số phương tiện và khuyến khích sự hợp tác địa phương trong một quá trình mà chúng tôi biết sẽ cần rất lâu dài. Chúng tôi bắt đầu tại Cần Thơ, một khi chúng tôi đứng vững ở đó, chúng tôi sẽ lên thượng du. Chúng tôi đang liên lạc với một trường học và thành lập dự án cứu cá heo sông tại Campuchia và tạo liên hệ với các nhóm tại Thái và Lào. Nhưng hiện thời chúng tôi hãy còn nhỏ chỉ bắt đầu hoạt động tại Cần Thơ thôi. Vấn đề là bắt đầu làm việc cần làm trong vùng, và đưa vào quan điểm của cộng đồng địa phương. Nhận xét chung chung, cơ quan chính quyền, cơ quan viện trợ quốc tế, công ty khai thác và những nhà đầu tư đều có kế hoạch riêng của mình.■

(All rights rerserved - TRP, The Rice Paper)

HÀ SĨ PHU TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA ĐÀI V.O.A.

V.O.A: *Cảm nghĩ của anh trước việc lập lại quan hệ bình thường giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ Mỹ?*

H.S.P: Mỹ là hiện thân của hai con người. Một mặt Mỹ là anh đại Tư bản, phải kiếm tìm lợi nhuận và phải chăm lo cho quyền lợi của nước Mỹ, người Mỹ, cho chiến lược toàn cầu của Mỹ; không có bổn phận phải lo cho vận mệnh của nước Việt Nam. Mặt khác, lịch sử đã tạo dựng nước Mỹ thành một nhân tố tiền tiến có vai trò đặc biệt trong thế giới loài người hiện nay, vai trò của người hiệp sĩ lớn, nâng đỡ cho những tiến bộ, bảo vệ cho dân chủ, nhân quyền.

Nhân dân Việt Nam xứng đáng ở tầm nào, Mỹ sẽ "chơi" ở tầm đó. Nếu nhân dân Việt Nam tự khẳng định mình là những người đáng trọng, đang nỗ lực để thoát khỏi những lạc hậu, kém cỏi, đấu tranh cho một con đường đổi mới trong sáng để hòa nhập vào thế giới văn minh, thì Mỹ sẽ hành xử như một sứ giả hào hiệp, và Việt Nam sẽ được hưởng sự hỗ trợ thành tâm và hiệu quả của Mỹ. Trái lại, nếu nhân dân Việt Nam tự khẳng định mình là những người kém cỏi, ranh vặt, như đàn vịt trong trại, thì anh lái buôn kia sẽ chỉ đến để làm việc với người chủ trại thôi. Cả hai sẽ mặc cả với nhau trên lưng đàn vịt. Không có ai quyết định vận mệnh của nhân dân Việt Nam thay cho nhân dân Việt Nam.

Một việc sẽ là tốt hay xấu tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể. Nhân dân Miến Điện cũng rất cần viện trợ, nhưng bà Ôn-san Su-chi lại yêu cầu hãy khoan viện trợ, chính là vì mọi việc đều cần những điều kiện đồng bộ thì mới đạt được kết quả mong muốn. Tôi chưa xây được kho thóc mà anh đã vội chở thóc vào thì chỉ béo lũ chuột.

V.O.A: *Việc chấp nhận kinh tế thị trường, vào khối ASEAN, lập quan hệ bình thường với Mỹ... chứng tỏ Việt Nam đã đi vào đúng quỹ đạo của quy luật. Vậy còn điều gì phải lo lắng?*

H.S.P: Những việc kể trên là thuận quy luật nhưng không phải là thước đo thành tựu của công cuộc đổi mới.

Ngày nay cũng chẳng còn mấy ai ngu dốt đến mức không đếm xỉa đến quy luật. Nhưng tin vào quy luật một cách đơn giản thế là chưa hiểu quy luật và chưa hiểu Việt Nam. Trong quy luật lớn còn chứa đựng bao nhiêu quy luật nhỏ. Người cầm quyền có thể vẫn đưa xã hội thuận theo quy luật mà vẫn chiếm được mọi chỗ béo bở cho mình. Xã hội từ bỏ nền kinh tế chỉ huy để thực hiện kinh tế thị trường là đúng quy luật, nhưng quy luật ấy không quy định số phận của tôi, của anh. Có khi xã hội thực hiện đúng quy luật mà tôi thì thành tỷ phú còn anh thì "thân tàn ma dại"!

(**V.O.A** *ngắt lời): Chữ "anh" vừa nói đó là ai vậy?*

(**H.S.P.** *tiếp*): Là những người ở tầng lớp dưới, không có quyền, không có tiền và không hiểu biết, không có thông tin, nên không lợi dụng được "quy luật" và dễ trở thành nạn nhân của "quy luật"! Còn tầng lớp trên thì bao giờ cũng vớ bẩm, và các tầng lớp từ trung lưu trở lên thì ta cũng không phải lo cho họ, dù thời thế xuôi ngược thế nào họ cũng thích nghi được.

Trong cuộc đổi mới của Việt Nam, cái mẹo là ở chỗ tốc độ và thời gian. Cái gì là quy luật chắc chắn sẽ được thực hiện, vấn đề là khi nào? Nếu tôi chưa thu xếp xong phương án có lợi cho tôi thì tôi hãm cho "quy luật" đi chậm lại. Nếu tôi thấy cần tranh thủ lúc dân trí thấp để cướp cho nhanh thì khi ấy tôi tìm cách đẩy cho "quy luật" nhanh lên. Nếu tập trung quyền lực xã hội vào một chỗ thì chỗ ấy sẽ chi phối "quy luật" và "quy luật" cũng là vô nghĩa!

Quy luật ở Việt Nam là lừa nhau ở chỗ tốc độ và thời gian ấy, nên trông thấy làm như vậy mà thực ra không phải vậy. Không chuyên gia ngoại quốc nào có thể làm luật hộ Việt Nam; cái gì đến nước này cũng phải du kích hóa. Tôi nghĩ nước ngoài không dễ gì chi phối được Việt Nam. Nước ngoài đến Việt Nam cũng phải thích nghi theo lối Việt Nam!

<B>V.O.A: *Tôi thấy anh em người Việt trẻ ở nước ngoài, nhất là ở Đông Âu, đấu tranh cho Dân chủ rất mạnh mẽ, sôi sục. Trung Quốc có vụ Thiên An Môn. Theo anh nhận xét thì giới trẻ trong nước thế nào?*

H.S.P: Chất hăng hái là chất rất đáng quý. Còn những thái độ cực đoan thì ngày càng tỏ ra không thích hợp, Việt Nam thường không ứng xử theo lối cực đoan, có lẽ dần dần mọi người đều gặp nhau ở điểm ấy.

Tôi thấy sinh viên trong nước bây giờ không giống sinh viên ngày xưa. Thời thị trường này họ chỉ lo học tiếng Anh, lo học vi tính, quản trị kinh doanh... để lập nghiệp. Những chuyện tâm huyết về lý tưởng, về vận mệnh nước nhà chẳng mấy ai buồn nghe. Một số người trẻ vào Đảng thì thực ra cũng chẳng có lý tưởng gì như ngày xưa, họ vào Đảng cũng để có cơ hội tiến thân và lập nghiệp. Đảng viên còn tâm huyết lại thuộc những thế hệ già!

Tôi thấy tình hình ấy nguy hiểm và đáng buồn, nhưng tôi không trách họ. Có lẽ họ có lý của họ. Thầy thế nào thì trò vậy. Có lẽ nên trách những thế hệ đi trước như chúng tôi đã không làm được vai trò của cái gạch nối.

V.O.A: *Anh có đồng ý cho chúng tôi công bố những ý kiến này của anh không, có phiền cho anh không?*

H.S.P: Nếu anh không công bố thì tôi cũng sẽ tự viết ra để trao đổi với mọi người. Tôi không làm và không biết làm Chính trị. Tôi đặt vấn đề trên bình diện Khoa học và Nhận thức, và hiểu rằng sự trao đổi về Nhận thức là rất có ích cho xã hội. Muốn đổi mới đất nước một cách ôn hòa, trong sáng và lành mạnh thì trước hết cần tính Công Khai. Tôi tin ở thiện tâm của mình.■

29 tháng Bảy, 1995

KHU VƯỜN MÙA MƯA — THẾ UYÊN

KHU VƯỜN MÙA MƯA là một truyện dài viết theo ngôi thứ nhất, theothời gian tuyến rất cổ điển. Cổ điển, như thể thơ lục bát hay nguyên tắc ba thống nhất trong kịch, khó, nhưng có cái mạnh của nó mà muốn khai thác phải lão luyện. Lão luyện đến mức giản dị như trong văn Thế Uyên thường làm cho người đọc bị lôi cuốn vàotình ý, sự kiện, mà quên văn... Lịch sử, xã hội, tâm lý, sinh lý, quan hệ người với người được đan kết tế nhị, được mô tả nhiều khi táo bạo và luôn luôn hấp dẫn. Một vài chuyện người điểm sách này hơi khó tin, chẳng hạn tại sao nhân vật nữ chính quá ngây thơ.Nhưng không sao, "sự thực" của một tác phẩm vănhọc nhiều khi cóthể chưa bao giờ xẩy ra, mà vẫn thực hơn là sự thực...HÀN THỦY (DIỄN ĐÀN FORUM, Paris)

KHU VƯỜN MÙA MƯA là một quyển truyện mới nhất của nhà văn ThếUyên. Truyện dựa trên những nhân vật có thật cũng như những nhân vật không có thật, trong một bối cảnh chính trị mù mờ của những ngày tiền "đảo chính 63". Nhà văn Thế Uyên là một khuôn mặt quen thuộc của văn học Việt Nam cả trong nước cũng như ngoài nước,trước hay sau 75. Ông có bút pháp táo bạo, và là một trong vài nhà văn tiền phong dám đưa ngòi bút mình vào lãnh vực tình dục,một lãnh vực đại kỵ trong sinh hoạt văn học của chúng ta. Tuy đề cập tới chuyện chính trị, cách mạng, đảo chánh nhưng không phảivì thế tình dục không có chỗ chenchân vào. Mười một chương sách chương nào cũng có những trang viết về, viết tới vấn đề này. Khi thì làm tình thật, khi thì nói tới một vụ làm tình nào đó... VĂNHỌC số 93-94 (California)

CUỐN SÁCH GẦN ĐÂY NHẤT CỦA THẾ UYÊN in tại hải ngoại là tiểuthuyết "Khu vườn mùa mưa". Đây là cuốn sách hay, văn phong tươimát, giàu chất thơ và rất Thế uyên. CÁNH ÉN (số 48, Germany)

KHU VƯỜN MÙA MƯA, 372 trang, Giá **$15.00**
Đặt mua tại nhà Xuất bản XUÂN THU P.O. Box 97 Los Alamitos, CA 90720, USA * Tel: **(714) 828-9222**

DỰ PHÓNG TÌNH TRẠNG HOA LỤC TRONG KHOẢNG 15 NĂM TỚI

TỪ MAI

(tiếp theo và hết)

4. Một số nhân vật có thể sẽ đảm nhận vai trò quan trọng hơn

a) Châu Gia Hoa (Zou Jiahua)

Đệ nhị Phó Thủ tướng đặc trách Kế hoạch và Quốc phòng, Châu Gia Hoa có nhiều liên hệ đối với quân đội hơn tất cả các lãnh tụ vừa kể. Là con một liệt sĩ, Châu được một đơn vị quân đội đỡ đầu và được đưa sang Nga du học. Sau khi tốt nghiệp viện Kỹ thuật Mạc Tư Khoa, Châu về nước, thành hôn với con gái Thống chế Diệp Kiếm Anh (Ye Jianying) và làm việc nhiều năm trong Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Quốc phòng. Năm 1983, Châu được thăng Thứ trưởng trong Ủy ban đó. Năm 1989, Châu được cử điều khiển Ủy ban Kế hoạch nhà nước và sang 1991, được chính Đặng Tiểu Bình cử làm Phó Thủ tướng đồng thời với Chu Dung Cơ.

Bên cạnh việc được quân đội ủng hộ, Châu còn được hưởng sự yểm rợ của gia đình bên vợ. Con trưởng của Thống chế Diệp Kiếm Anh là Diệp Tuyển Bình (Ye Xuanping), nguyên Tỉnh trưởng Quảng đông, đương kim Phó Chủ tịch Hội nghị Tham vấn Chính trị Nhân dân toàn quốc; con thứ là Diệp Tuyển Ninh (Ye Xuanning), Giám đốc một cơ sở kinh doanh lớn của quân đội. Gia đình họ Diệp có ảnh hưởng rất lớn ở miền Nam, nhất là Quảng Đông. Sau khi Đặng Tiểu Bình qua đời, nếu quân đội Hoa Lục giữ một vai trò quan trọng hơn, Châu có nhiều triển vọng ở vị trí cao hơn hiện nay (11).

b) Dương Thượng Côn (Yang Shangkun)

Chủ tịch Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa giai đoạn 1988-1993 đã được 88 tuổi (sinh 1907) nhưng còn rất mạnh. Theo nhiều người nhận xét, ông muốn trở thành một "lãnh tụ tối cao" như Đặng Tiểu Bình hiện nay sau khi Đặng qua đời. Không có thiện cảm với Giang Trạch Dân như đã trình bày trên, ông tích cực hoạt động trong khoảng hơn một năm nay, đi rất nhiều nơi, nhất là những nơi Giang ít có ảnh hưởng như Quảng Đông, Quảng Tây..., để liên lạc và gây thanh thế. Có nhiều liên hệ đáng kể với các lãnh tụ chính trị và quân sự địa phương. Nếu sức khỏe không gây trở lực, Dương có thể liên kết với một số tướng tá và lãnh tụ địa phương bất mãn để gây khó cho Giang. Trong trường hợp chính quyền hiện nay của Giang, Lý Bằng, và Chu Dung Cơ gặp khó khăn, tiếng nói của Dương về lớp lãnh đạo kế tiếp tại Bắc Kinh cũng sẽ rất quan trọng.

Bên cạnh người em khác mẹ là Đại tướng Dương Bạch Đăng (vẫn còn trong Trung ương Đảng và Bộ Chính trị), Dương có nhiều ảnh hưởng ở quê hương Tứ Xuyên và ở Quảng Đông, nơi Dương từng giữ các chức vụ Phó Tỉnh trưởng và Chính ủy Quân khu (12).

c) Triệu Tử Dương (Zhao Ziyang)

Tuy phải từ chức Tổng Bí thư đảng và bị phe bảo thủ công kích nhân cuộc biểu tình của sinh viên năm 1989, Triệu Tử Dương vẫn còn nhiều hậu thuẫn và ảnh hưởng. Sau khi Đặng Tiểu Bình qua đời, phong trào tranh đấu để nới rộng dân chủ của sinh viên và trí thức nhiều phần sẽ mạnh thêm. Với sự hỗ trợ của những phần tử có đầu óc tiến bộ trong chế độ như Kiều Thạch, Điền Kỷ Vân..., khuynh hướng dân chủ hóa có thể thắng thế, điều kiện thuận tiện để Triệu Tử Dương được phục hồi. Dù không trực tiếp tham chính (Triệu đã 76 tuổi), ông vẫn có thể đóng góp bằng cách giúp những cộng sự viên trẻ hơn cũng bị thanh trừng hồi trước như Hồ Khải Lập (Hu Qili). Sau khi bỏ phiếu chống lại việc thiết quân luật và bênh vực Triệu Tử Dương năm 1989, Hồ bị trục xuất khỏi Bộ Chính trị nhưng vẫn được ở lại chính phủ với chức Bộ trưởng bộ Kỹ nghệ Điện tử. Rất có thể Hồ (và những người tương tự) sẽ được giữ những vai trò quan trọng hơn.

Triệu được sự ủng hộ của đa số trí thức, văn nghệ sĩ, và khuynh hướng tiến bộ trong đảng Cộng sản. Bên cạnh quê hương Hồ Nam, ông có nhiều ảnh hưởng ở Quảng Đông và Tứ Xuyên, những nơi ông phục vụ nhiều năm với thành quả tốt đẹp (13).

Nói tóm lại, đúng như nhận xét của giáo sư Joseph Fewsmith, chuyên gia về Đông Á của Đại học Boston, tuy tương đối Giang Trạch Dân đang ở ưu thế, "một cuộc tranh giành quyền lực vẫn sẽ xảy ra ở Trung Hoa." Nhưng như đã trình bày trên, một số nhân vật có tiềm năng trở thành

đối thủ của Giang như Lý Bằng, Chu Dung Cơ, Kiều Thạch... đều mỗi người có một giới hạn riêng. Trong tâm lý chung của dân Trung Hoa hiện nay, không muốn xáo trộn trong giai đoạn chuyển tiếp vì sợ đất nước đi theo vết xe của Liên bang Sô Viết cũ, nhiều phần các tranh chấp sẽ diễn ra một cách thầm lặng.

Một chuyên gia về Hoa Lục của Đại học UCLA, giáo sư Richard Baum, ước lượng: sau tang lễ dành cho Đặng, dưới bề mặt đoàn kết, "rạn nứt có thể xảy ra sau một vài tuần." Tuy nhiên, người viết những dòng này đồng ý với những nhận định của nữ ký giả Kathy Chen viết từ Bắc Kinh cho báo *Wall Street Journal:* "Những thay đổi lớn trong tập thể lãnh đạo sẽ không xảy ra trong khoảng một, hai năm cho tới kỳ Đại hội Đảng Cộng sản khóa 15 năm 1997." Với một quốc gia một tỷ 200 triệu dân (và còn đang tăng thêm) như Trung Hoa, các áp lực xã hội và kinh tế gây ra do quyền lợi mâu thuẫn giữa các địa phương, sự chênh lệch giữa giàu và nghèo, các tệ trạng tham nhũng, bất công..., tình trạng thất nghiệp trầm trọng, cùng khát vọng tự do, dân chủ của dân chúng sẽ mỗi ngày một tăng thêm. Trung Hoa sẽ không tránh khỏi trải qua một loại biến đổi quan trọng và lớn lao hơn. Nhưng đó là chuyện về sau, của một khoảng thời gian dài hơn một vài năm. Căn bản của các biến cố ấy cũng sẽ lớn hơn là chuyện tranh giành quyền lực (14).

B. Mâu thuẫn với Đài Loan và Hoa Kỳ

Bang giao Hoa Lục - Hoa Kỳ và liên hệ Hoa Lục - Đài Loan căng thẳng suốt mấy tháng giữa năm 1995 — nhiều khi tưởng như sắp bùng nổ — vì một chuyện tương đối nhỏ theo quan niệm nhiều người: chính phủ Hoa Kỳ cấp chiếu khán cho Tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy (Lee Teng-hui) để, với tư cách cá nhân, đến dự một buổi họp mặt với các bạn đồng học cũ tại ngôi trường ông theo học trước trên đất Mỹ. Cho tới nay, tuy báo chí và đài phát thanh Hoa Lục vẫn tiếp tục công kích Tổng thống Lý Đăng Huy (đôi khi nhắc cả tới thân phụ ông một cách thiếu tôn kính), chúng ta có thể tin chắc: trong hoàn cảnh hiện tại, triển vọng một cuộc tấn công của Hoa Lục lên lãnh thổ Đài Loan rất thấp, nếu không nói là không có, vì những lý do sau đây:

1. Đài Loan sẽ không tuyên bố độc lập, giúp lý do cho Hoa Lục tấn công, ít nhất trong hoàn cảnh hiện nay

Lý do chính Bắc Kinh đưa ra để biện minh cho hành động tấn công Đài Loan là khi chính phủ Đài Loan tuyên bố tách khỏi Trung Quốc làm một quốc gia độc lập. Trong hoàn cảnh hiện tại, điều ấy sẽ không xảy ra. Cho tới nay, không chính khách nào ở Đài Loan có ý định cổ võ cho hành động vừa không cần thiết, vừa thiếu khôn ngoan ấy.

a) Hai ứng cử viên bất mãn của Trung Hoa Quốc Dân Đảng quyết định tranh cử với Tổng thống Lý Đăng Huy trong cuộc bầu cử tháng Ba, 1996 sắp tới đều vì "không muốn có những hành động có thể coi như khiêu khích đối với đại lục". Phó Chủ tịch Quốc Dân Đảng Lâm Dương Cảng (Lin Yang-kang) tuyên bố rõ: ông "chống lại những hành động có thể gây thêm căng thẳng đối với Bắc Kinh". Viện trưởng viện Giám sát Trần Lý An (Chen Li-an, con trai cựu Phó Tổng thống Trần Thành) cho biết ông ra tranh cử vì "không đồng ý với thái độ khiêu khích đại lục của Lý Tổng thống".

b) Ứng cử viên Vương Kiến Huyên (Wang Chien-shien), đại diện Tân Đảng, cũng chỉ trích Tổng thống Lý Đăng Huy đã "tạo nên những dấu hiệu không rõ rệt trong lãnh vực ngoại giao khiến tình trạng căng thẳng đối với Bắc Kinh đã xảy ra". Từ Quốc Dân Đảng tách ra năm 1993, lập trường chính thức của Tân Đảng là: Trung Hoa là một nước, tán thành chuyện thống nhất "dựa trên căn bản bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau". Tân Đảng chủ trương nói chuyện với Bắc Kinh "trên căn bản hai đảng, đại diện hai khuynh hướng khác nhau trong cùng một dân tộc".

c) Với tư cách người đại diện chính thức của Trung Hoa Quốc Dân Đảng, cho dù có muốn Đài Loan độc lập, Tổng thống Lý Đăng Huy (gốc Đài Loan) cũng không thể tuyên bố như thế, ít nhất trong lúc này. Quốc Dân Đảng chủ trương kế thừa di sản tinh thần của nhà cách mạng Tôn Văn ("Quốc phụ Tôn Trung Sơn"), tự đặt cho mình nhiệm vụ hướng dẫn toàn thể dân tộc Trung Hoa, trong đó Đài Loan chỉ là một tỉnh, để thực hiện Tam dân Chủ nghĩa ("dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc"). Nếu tuyên bố Đài Loan độc lập và không lý gì đến toàn cõi Trung Hoa nữa là phản bội lý tưởng ấy, lý tưởng căn bản cắt nghĩa sự hiện hữu của chính Quốc Dân Đảng.

d) Ứng cử viên duy nhất cổ võ tư cách độc lập của Đài Loan là Bành Minh Dân (Peng Ming-min), đại diện đảng đối lập Dân chủ Tiến bộ. Ông tán thành việc vận động cho Đài Loan một chỗ trong Liên Hiệp Quốc, nhưng nhắc đi nhắc lại rằng "độc lập là một vấn đề không nên quyết định hấp tấp" và "nên đợi một cuộc trưng cầu dân ý". Cũng theo ông, "Đài Loan không cần phải vội trong chuyện ấy" mà nên "tạm hài lòng với tình trạng độc lập thực sự hiện nay".

Tìm hiểu sâu thêm vào nội tình chính trị Đài Loan, chúng ta sẽ thấy Dân chủ Tiến bộ là đảng của những người gốc Đài Loan, bất mãn khi thấy một thiểu số người Hán từ lục địa tới sau 1949 (10% dân số) chi phối nền chính trị đảo quốc với

một tỉ lệ bất tương xứng, nhất là từ thời Tưởng Kinh Quốc (con trai Tổng thống Tưởng Giới Thạch) về trước. Đảng Dân Tiến đã thành công trong một số cuộc bầu cử địa phương nhưng chưa có kinh nghiệm với chính trị trên cấp bậc quốc gia. Từ khi Đài Loan dân chủ hóa sau thời Tưởng Kinh Quốc, nhiều người gốc Đài Loan muốn tham dự vào sinh hoạt chính trị quốc gia cũng gia nhập Quốc Dân Đảng. Nhiều người đã được đảng đề cử vào các chức vụ quan trọng và đã đắc cử. Tổng thống Lý Đăng Huy cũng như Thủ tướng Liên Chiến (Lien Chan) đều đại diện Quốc Dân Đảng, và đều là người gốc Đài Loan.

Theo tuần báo *Asiaweek* xuất bản tại Hồng Kông, các cuộc thăm dò ý kiến tại Đài Loan giữa tháng Tám vừa qua về thái độ của cử tri đối với các ứng cử viên trong cuộc bầu cử Tổng thống sắp tới đem lại kết quả như sau:

Ủng hộ Lý Đăng Huy (Quốc Dân Đảng, đương nhiệm) 34%

Ủng hộ Trần Lý An (Quốc Dân Đảng, bất mãn) 20%

Ủng hộ Lâm Dương Cảng (Quốc Dân Đảng, bất mãn) 6%

Ủng hộ Bành Minh Dân (Dân chủ Tiến bộ, Đài Loan độc lập) 5%

Ủng hộ Vương Kiến Huyên (Tân Đảng, đối lập) 3% (15)

Bành Minh Dân là một chính khách có tâm huyết, được dân Đài Loan quý trọng. Nếu ứng cử vào các chức vụ có tính cách địa phương hay vào ngành lập pháp, nhiều phần ông sẽ thu được số phiếu rất cao. Nhưng triển vọng đắc cử Tổng thống của ông rất thấp (5%, trong khi hai ứng cử viên dẫn đầu có thể tới 34% và 20%). Như trên đã nói, cho dù có đắc cử, ông cũng sẽ không tuyên bố Đài Loan độc lập vì theo ông:

— Phải đợi sau một cuộc trưng cầu dân ý,

— Đó là một điều không nên vội vã cũng không cần thiết trong lúc này, vì trên thực tế, Đài Loan đang độc lập.

Theo tuần báo uy tín *The Economist* xuất bản tại Luân Đôn, kết quả các cuộc tham khảo ý kiến tại Đài Loan gần đây cho thấy tỉ lệ dân Đài Loan muốn tuyên bố độc lập "nhiều lắm là 25%". Các doanh gia Đài Loan, những người đang đầu trên trên 20 tỉ Mỹ kim tại Hoa Lục, không tha thiết với chuyện này. Đa số dân chúng cũng không mấy sốt sắng. Hai câu nói sau đây với phóng viên báo *Asiaweek* phản ảnh tâm trạng khá nhiều người Đài Loan. Theo Bộ trưởng Tư Pháp Mã Anh Cử (Ma Ying-jeou): "Chúng tôi muốn thống nhất nhưng phải đợi đến khi hoàn cảnh thuận tiện. Chúng tôi không cần tuyên bố độc lập vì chúng tôi đang độc lập". Theo một dân biểu thuộc đảng Dân chủ Tiến bộ, ông Tạ Đông Mẫn (Hsieh Tung-min): "Hầu như không ai muốn thống nhất với Hoa Lục trong một khoảng thời gian ngắn hạn hay trung hạn. Còn trong tương lai xa, chúng tôi đều đã chết" (16).

Chúng ta có thể tin: Bất cứ đảng nào chiếm đa số trong cuộc bầu Quốc hội tháng Mười Hai, 1995, bất cứ chính khách nào đắc cử trong cuộc bầu Tổng thống tháng Ba, 1996, Đài Loan cũng sẽ không tuyên bố độc lập. Trong một tương lai, khi chính Hoa Lục cũng chia thành nhiều mảnh, việc chính thức hóa tình trạng độc lập của Đài Loan sẽ dễ và thuận lý hơn. Lúc ấy, đảng Dân chủ Tiến bộ (hay một đảng khác với chủ trương tương tự) có thể sẽ đắc cử với một số phiếu cao hơn. Vẫn sống trong yên ổn và tương đối thịnh vượng, 21 triệu dân Đài Loan đủ kiên nhẫn để chờ đến ngày đó.

2. Sự tự chế của Bắc Kinh

Những người cầm đầu ở Bắc Kinh cũng tự biết đứng về phương diện quân sự, một cuộc đổ bộ xâm lăng Đài Loan không dễ và sẽ vô cùng tốn kém, cả nhân mạng lẫn tài nguyên. Đứng về phương diện giao tiếp và liên hệ kinh tế với thế giới, nhiều hậu quả tai hại sẽ xảy ra. Họ còn nhiều lý do để tránh mâu thuẫn lớn với Hoa Kỳ. Khi không được Tổng thống Clinton tiếp với nghi thức long trọng của một cuộc thăm viếng chính thức tại thủ đô Washington như ước muốn, Chủ tịch Giang Trạch Dân cũng tạm hài lòng với một cuộc nói chuyện bên lề Hội nghị Liên Hiệp Quốc ở New York.

Họ không phải là phía duy nhất có lỗi trong việc gây ra tình trạng căng thẳng mấy tháng vừa qua. Ít ngày trước khi chính phủ Hoa Kỳ cấp chiếu khán cho Tổng thống Lý Đăng Huy, trong một cuộc thảo luận với Phó Thủ tướng Tiền Kỳ Sâm (Qian Qichen), người đại diện chính thức và cao cấp nhất của Hoa Lục trong việc đối ngoại, Ngoại trưởng Warren Christopher, vị đại diện chính thức và cao cấp nhất của Hoa Kỳ trong lãnh vực này long trọng xác nhận sẽ không có chuyện ấy. Chắc vị Phó Thủ tướng họ Tiền cũng báo cáo với thượng cấp của mình ở Bắc Kinh như thế. Ít ngày sau chiếu khán được cấp và Tổng thống Lý Đăng Huy lên đường.

Sweet, Crisp Persimmons

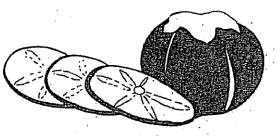

NEAR WHOLESALE PRICES
Fresh from the Grower
All Sizes & Grades
By the Pound or the Box
Easy Drive to N. San Diego Cty.

FENTIMAN FARMS
(800) 368-9331
Open 7 Days
Hyw. 78 east to Broadway in Escondido, then north for 5 miles

Đối với những người ở Bắc Kinh, lời xác nhận của Ngoại trưởng Christopher ít hôm trước đó chỉ có thể được hiểu là một lời dối trá. Và khi người nhận lãnh sự dối trá lại là một Ủy viên chính thức Bộ Chính trị, cơ cấu quyền lực cao nhất ở Hoa Lục, với nhiệm vụ hành pháp "Đệ tam Phó Thủ tướng" (chỉ sau có Chu Dung Cơ và Châu Gia Hoa), thì chuyện không thành thật ấy, nếu không để che giấu một âm mưu đáng ngại, hẳn đã biểu lộ một thái độ khinh thường.

Suốt 23 năm qua, liên hệ giữa Hoa Kỳ và Hoa Lục vẫn đặt căn bản trên bản Tuyên cáo chung ký tại Thượng Hải năm 1972, trong đó Tổng thống Richard Nixon công nhận "chỉ có một Trung Hoa" và "Đài Loan là một phần của Trung Hoa". Trong những năm gần đây, nhờ kiên nhẫn vận động và cũng vì duy trì được hình ảnh một xã hội dân chủ, thịnh vượng, Đài Loan thu được nhiều cảm tình của Quốc hội và dư luận Mỹ. Qua năm 1995, hành pháp Hoa Kỳ lặng lẽ nâng các cuộc thăm viếng của viên chức Đài Loan lên tới cấp Bộ trưởng. Tháng Ba, 1995, Ủy ban Ngoại giao Thượng viện đồng thanh chấp thuận một quyết nghị tuyên bố "Đài Loan xứng đáng có một chỗ trong Liên Hiệp Quốc". Giữa lúc dư luận đang sôi nổi vì những lời phản kháng của Bắc Kinh, Chủ tịch Hạ viện Newt Gingrich nêu câu hỏi: "Đã thế, tại sao chúng ta không công nhận Đài Loan là một quốc gia độc lập?" Thật khó cho Bắc Kinh tránh khỏi nỗi ngờ vực: Hoa Kỳ quả đang muốn khuyến khích Đài Loan tuyên bố độc lập và quay lưng lại bản Tuyên cáo Thượng Hải. Việc các nước Đông Nam Á và một vài cường quốc ngoài khu vực chuẩn bị họp hội nghị về an ninh trong vùng, với dư luận một số cường quốc đang muốn các nước Đông Nam Á liên kết chặt chẽ hơn trong việc phòng thủ, việc khối ASEAN chấp thuận đưa Hà Nội vào trong nhóm, và việc chính phủ Hoa Kỳ bình thường hóa bang giao với chính thể ấy, càng làm trầm trọng thêm nỗi ngờ vực: "quả đang có một kế hoạch lớn nhằm mục đích cô lập và phong tỏa Trung Quốc". Đa số những phản ứng của Bắc Kinh sau đó phát xuất từ yếu tố tâm lý trên.

Theo nhiều nhà phân tích, các lãnh tụ chính trị của Hoa Lục, những người tương đối hiểu tình trạng phức tạp của chính trị Hoa Kỳ như Giang Trạch Dân, Tiền Kỳ Sâm... phải đương đầu với rất nhiều áp lực của phe quân sự, những người đòi hỏi phải cứng rắn trong các chuyện liên hệ tới Đài Loan. Tiếp xúc với đặc phái viên các tuần báo *Newsweek, U.S. New & World Report* và nhật báo *Washington Post* tại Bắc Kinh trung tuần tháng Mười, 1995, Giang Trạch Dân cho biết: "Bất cứ lãnh tụ Trung Hoa nào nhu nhược trong vấn đề ấy (Đài Loan) sẽ không thể đối mặt 1 tỉ 200 triệu dân Trung Hoa" (17).

Tình trạng căng thẳng dịu bớt sau buổi Ngoại trưởng Christopher gặp lại Phó Thủ tướng Tiền Kỳ Sâm ở Brunei hôm 1 tháng Tám, 1995. Chắc Tiền Phó Thủ tướng đã thông cảm thêm nỗi khó khăn của hành pháp Hoa Kỳ đối với Quốc hội, cùng đã có thêm yếu tố để yên tâm: không có âm mưu khuyến khích Đài Loan tuyên bố độc lập cùng quay lưng lại bản Tuyên cáo Thượng Hải, ít nhất trong lúc này. Sau đó, hai sĩ quan tùy viên quân lực bị bắt khi đang chụp hình một khu vực quân sự được trả tự do. Người công dân Mỹ gốc Hoa Harry Wu, tuy cũng đã khiến các lãnh tụ Bắc Kinh nhức nhối vì những tố cáo vi phạm nhân quyền với bằng chứng cụ thể, được thả ngay sau khi đọc xong bản án. Việc ông về tới Mỹ rất cần cho việc Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ hướng dẫn phái đoàn sang Trung Quốc dự Hội nghị Phụ nữ Thế giới ở Hoài Nhu (Huairou). Sau đó, chính phủ Hoa Lục loan tin chấp nhận vị tân Đại sứ Hoa Kỳ và Giang Chủ tịch chuẩn bị sang New York đợi "thượng đỉnh" với Tổng thống Mỹ.

Nói tóm lại, dù quyền lợi Hoa Lục còn nhiều mâu thuẫn với quyền lợi Đài Loan và Hoa Kỳ, dù bang giao Mỹ - Hoa vẫn còn nhiều khúc mắc, một cuộc chiến do tình trạng độc lập của Đài Loan nhiều phần sẽ không xảy ra. Để các danh tướng Hoa Lục thỉnh thoảng có cơ hội dương oai, dân Đài Loan có thể còn có dịp chứng kiến một vài cuộc thao diễn quân sự hay được nghe ít hỏa tiễn nổ gần hải phận, nhưng triển vọng một cuộc đổ bộ tấn công rất thấp. Trong hiện nay, các phe liên hệ đều cố gắng tự chế, không để mâu thuẫn trầm trọng thêm. Về phía Hoa Lục, sự tự chế còn thêm một lý do: ngay trong nước, họ đang phải đối phó với muôn vàn khó khăn ở cấp độ sinh tử. ■

Chú thích:

11. Lawrence R. Sullivan, ed., *China since Tiananmen* (New York: M.E. Sharpe, 1995), trang 323-324. "The princelings," *Asiaweek,* 26 tháng 5, 1995.
12. "Will power struggle spell paralysis?" *Business Week,* 6 tháng 2, 1995. "China's power game," đã dẫn.
13. "China's power game," đã dẫn.
14. Joseph Fewsmith, đã dẫn.
"China's power game," đã dẫn.
Kathy Chen, "As Deng's health appears to worsen, leaders in China jockey in the wings..." *The Wall Street Journal,* 23 tháng 1, 1995.
Rone Tempest, "China's heir apparent auditions as world player," *Los Angeles Times,* 21 tháng 10, 1995.
15. "Raising the stakes," *Asiaweek,* 8 tháng 9, 1995.
16. "Free-for-all," *The Economist,* 29 tháng 7, 1995.
"Search for identity," *Asiaweek,* 17 tháng 3, 1993.
17. "Storm warnings," *Newsweek,* 23 tháng 10, 1995.
"The problem is political will," *U.S. News & World Report,* 23 tháng 10, 1995.

"NỖI BUỒN CỦA THẾ KỶ 20" HAY LÀ SỰ TIẾN HÓA CỦA NIỀM TUYỆT VỌNG

ROBERT WRIGHT
VÕ DOÃN NHẪN trình bày bằng Việt ngữ

I. Đọc *Time*, ngày 28 tháng Tám 1995

Khoa tâm lý học tiến hóa (evolutionary psychology) cố gắng tìm căn cơ của những chứng bệnh hiện đại (tâm trạng căng thẳng, nỗi lo lắng, sự trầm cảm) trong "gen" của chúng ta. Lĩnh vực mới này của khoa học nhân văn khảo sát sự bất tương hợp giữa cơ cấu di truyền của chúng ta với thế giới hiện thời, tìm nguồn gốc của một cảm thức đang lan tràn về sự bất mãn.

"[Tôi] cho những vấn đề xã hội và tâm lý của xã hội hiện thời là do xã hội đòi hỏi con người phải sống trong những điều kiện cơ bản khác với những điều kiện trong đó loài người tiến hóa."

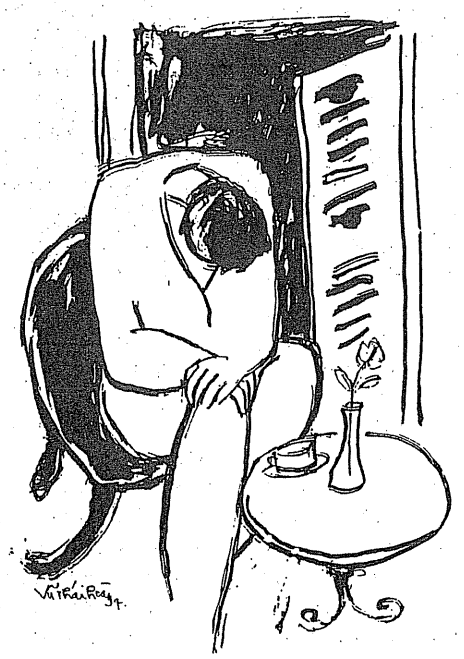

Tác giả mở đầu bài báo bằng nhận định trên của tên khủng bố The Unabomber. Trong một giới hạn, tác giả bài báo đồng ý với nhận định trên, cho rằng thế giới ngày nay do những điều kiện kỹ thuật, có thể là một nơi chốn không thuận lợi, không thích hợp để sinh tồn. Đó là một thế giới bắt chúng ta hành xử theo những cách thế "tách biệt với khuôn mẫu tự nhiên của thái độ con người". Trong cuộc sống hàng ngày, có những lúc thật sự có một cái gì không ổn: hoặc là chúng ta bị đè nặng bởi một náo động quá lớn của công việc hàng ngày; hoặc chúng ta bị làm chai lì vì cảm giác bị xã hội cô lập; hoặc chúng ta sa lầy trong một cảm giác về cuộc sống vô nghĩa. Cũng có khi chúng ta bị đảo lộn bởi một tình trạng lo lắng không sao giải tỏa; hoặc không còn cảm thức được ý nghĩa của thời gian vì phải ngụp lặn trong những tuần lễ làm việc dài dài. Dù cho nguồn gốc của những căng thẳng tinh thần là gì, thỉnh thoảng chúng ta vẫn có cảm tưởng đời sống hiện thời không phải là những gì chúng ta mong ước mà chỉ là những gì chúng ta bị áp đặt.

Sau đó tác giả bài báo đề cập đến việc làm của một nhóm học giả, gọi là những nhà tâm lý học tiến hóa. Với một phương pháp được tác giả đánh giá là khách quan, khoa học, nhóm học giả đó bắt đầu phác họa những đường nét của tinh thần con người theo như sự đào thải tự nhiên (natural selection) đã hoạch định. Vài người trong nhóm còn đề cập đến sự xuất hiện một lĩnh vực, gọi là "thuyết bất tương hợp" (Mismatch theory), nghiên cứu các chứng bệnh được xem là hậu quả của sự tương phản giữa môi trường hiện đại và "môi trường thừa hưởng của tổ tiên" (ancestral environment). Những bệnh này có nhiều mức độ của niềm tuyệt vọng (depression) hay còn gọi là sự trầm cảm đang tăng gấp đôi trong những xứ công nghiệp trong vòng mười năm trở lại đây. Tự tử, nguyên nhân của cái chết của thanh niên Bắc Mỹ Châu, đứng hàng thứ ba, sau tai nạn xe và giết người; 15% người Mỹ gặp phải những xáo trộn vì tình trạng lo lắng (anxiety) và tình trạng điên loạn bệnh hoạn hoặc giết người là đặc điểm của thời đại chúng ta. Trong giới hạn đó, theo tác giả, The Unabomber đã có lý.

Robert Wright cho rằng, khi đề cập đến Tâm lý học tiến hóa, có lẽ điều làm ta ngạc nhiên nhất là sự mô tả "thú tính" (animal) trong chúng ta. Freud và vài nhà tư tưởng khác đã xem "văn minh" như là một sức mạnh áp chế những thôi thúc thú vật cơ bản như dục tính (libido) và tính gây hấn, chuyển chúng vào tình trạng bệnh lý. Nhưng các nhà tâm lý học tiến hóa cho rằng một đe dọa sức khỏe tinh thần đáng lo ngại hơn có thể là cái cung cách lề lối mà nền văn minh đã

áp đảo sự giáo dục, sự nuôi dưỡng. Có một khía cạnh hiền hòa trong nhân tính càng ngày càng có vẻ trở thành nạn nhân của chứng trầm cảm.

Những bối cảnh xã hội tạo hình cho tinh thần con người cách nay hàng triệu năm lẽ đương nhiên đã chìm sâu trong sương mù tiền sử. Trong cố gắng tái dựng "môi trường thừa hưởng tổ tiên", các nhà tâm lý học tiến hóa đã phân tích những dữ kiện chính xác gần nhất, đó là những xã hội sơ khai mà The Unabomber đã ca tụng. Chẳng hạn những xã hội săn hái mà những nhà nhân chủng học đã nghiên cứu trong thế kỷ này như bộ lạc Ainu ở Nhật, bộ lạc Kung San ở Nam Phi và bộ lạc Ache ở Nam Mỹ. Không có xã hội nào trong các bộ lạc trên là... Niết bàn cả! Bản tường trình của những nhà nhân chủng học đã cung cấp ít dữ kiện để chấp nhận quan điểm của J.J. Rousseau về một cuộc sống man sơ lý tưởng; trái lại có khá nhiều dữ kiện để đồng ý với Thomas Hobbes rằng đời sống đối với tổ tiên xa xôi của chúng ta là "xấu xa, thô bạo và ngắn ngủi".

Ngoài tính chất xấu xa, thô bạo, "môi trường thừa hưởng tổ tiên" còn được nổi bật bởi nạn đói, bệnh nan y và viễn ảnh bị thú dữ ăn thịt. Những xấu xa và bất trắc như thế của cuộc sống sơ khai đã được dùng để bác bỏ luận cứ của The Unabomber. Sử gia Daniel Kevles trong tờ *The New Yorker,* khi nói về quan điểm của The Unabomber muốn trở về thời đại sơ khai, đã viết: "Hầu hết chúng ta không muốn sống trong một xã hội như thế."

Mặc dù sự xung đột tràn ngập những xã hội sơ khai, phần lớn những xung đột đều có tính cách hiền hòa. Hình như tổ tiên ta đã cạnh tranh bằng sự lừa gạt và làm lụng cần cù vất vả. Và sự cạnh tranh này đã có những kết quả mang tính chất của học thuyết Darwin. Các nhà nhân chủng học đã chứng minh rằng những đàn ông trong bộ lạc săn hái, một khi thành công trong cạnh tranh, có cơ may giao cấu, đã truyền "gen" lại thế hệ sau. Và truyền "gen" cho thế hệ kế tiếp là tiêu chuẩn theo đó tinh thần con người được quy định. Qua sự sinh sản, những đặc điểm của tinh thần con người đã được di truyền. Chúng là những gì tạo nên tinh thần chúng ta ngày nay, chúng là chúng ta. Qua "gen" chúng ta đã được quy định để tồn tại trong một cơ cấu xã hội sơ khai. Điều tích cực là khi con người làm một công việc kéo theo một số cảm giác hoặc cảm tình khá vui thích — do sự hợp tác xã hội cải thiện những cơ may sống còn — sự đào thải tự nhiên làm tinh thần chúng ta tiếp nhận một cơ sở hạ tầng cho tình hữu nghị, gồm thiện cảm, lòng biết ơn và lòng tin cậy. Nói theo từ chuyên môn, đó là cơ sở cho "lòng vị tha hỗ tương".

Nhưng cũng luôn luôn có mặt tiêu cực. Con người, ngoài bạn bè còn có kẻ thù là những đối thủ trong xã hội. Do vậy con người ngoài lòng biết ơn, cũng cảm thấy bực tức, có lòng tin cậy nhưng cũng cảm thấy ngờ vực. Con cái của họ — được coi là đường dây di truyền — có thể làm họ hãnh diện nhưng cũng có thể làm họ bất mãn, giận dữ hay là lo âu thái quá. Con người reo hò chiến thắng nhưng cũng cảm nhận nỗi thống thống khổ của sự thất bại. Theo tâm lý học tiến hóa, những tình cảm không thích thú đó tồn tại với chúng ta đến ngày nay vì chúng đã giúp đỡ tổ tiên của chúng ta giải quyết những khó khăn của cuộc sống. Nỗi lo âu (anxiety) đã thúc đẩy họ canh giữ con cái. Nỗi buồn rầu — sau sự thất bại trong xã hội — dẫn đến hành động tự vẫn và điều đó có thể giúp ta tránh việc tái phạm lỗi lầm từng đưa ta đến thất bại. Sự hữu ích đã qua của những tình cảm khó chịu là điều kiện tự nhiên được tìm thấy trong mọi nền văn hóa, không thể bỏ qua.

Nhưng cái gì không tự nhiên nếu kéo dài sẽ đi đến bất thường bệnh hoạn. Sự buồn rầu kéo dài thành chứng chán chường tuyệt vọng; sự lo lắng kinh niên làm ta liệt nhược. Đó là những bệnh thời đại, trong xã hội gọi là văn minh. Khi những nhà sưu tầm quan sát những nông dân quê mùa trên đảo Samoa (Nam Thái Bình Dương), họ nhận thấy một phó sản sinh hóa của chứng lo lắng là chất Cortisol ở mức rất thấp và khi một nhà nhân chủng học Tây phương cố gắng nghiên cứu chứng trầm cảm của giống dân Kaluli ở Tân Guinée, ông đã không thấy gì.

Một tác nhân khi khiến cho tình cảm buồn bã (hoàn toàn tự nhiên) thành bệnh hoạn là bệnh trầm cảm, đó là sự cách ly (isolation) xã hội. Ngày nay có 1/4 gia đình Mỹ chỉ gồm có một người. Vào năm 1940 số đó chỉ có 8% và ở "môi trường thừa kế từ tổ tiên" hình như là 0%. Những xã hội săn hái, dù có nhiều hình thức khác nhau, tiêu biểu cho sự thân cận, gần gũi và bền vững: con người sống trong một quan hệ chặt chẽ mật thiết trong hàng chục năm với mấy chục bà con thân hữu. Họ có thể di chuyển đến một làng khác, nhưng thường là liên kết với một gia đình mới (do hôn phối), hoặc là trở lại gia đình cũ trước kia họ đã sống với.

Bất cứ ai đã từng sống trong một thị trấn nhỏ đều có thể xác nhận: sự thân cận, gần gũi của xã hội đến với cá nhân bằng một giá cao của sự riêng tư, nghĩa là cá nhân phải hy sinh sự riêng tư. Mọi người đều thấy, đều biết những việc làm của anh. "Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ"; và điều đó chỉ xảy ra khi người láng giềng không phải là chủ nhân của một biệt thự kín cổng cao tường mà là chủ nhân của một túp lều tranh vách lá. Nhà nhân chủng học Phillip Walker đã nghiên cứu những mảnh xương của hơn 5,000 trẻ

em hàng trăm nền văn hóa tiền công nghiệp, kể cả 4,000 năm trước Thiên Chúa. Ông ta cũng còn tìm những vết bầm rải rác trên xương được xem là những dấu vết trên xương của "hội chứng trẻ con bị đánh đập". Walker đánh giá rằng trong một vài xã hội hiện đại những vết bầm như thế được tìm thấy trên hơn 1/20 trẻ em chết giữa tuổi từ một đến bốn. Walker giải thích sự tương phản trên bằng nhiều yếu tố, gồm cả một nhận định bi thảm về sự tàn bạo: Trong những xã hội sơ khai những trẻ em sinh ra ngoài ý muốn thường bị giết chết ngay sau khi được sinh ra, hơn là bị ghét bỏ, bạc đãi, đánh đập năm này sang năm khác. Walker còn tin rằng có một nhân tố khác nữa là tính chất công cộng tập thể của việc nuôi nấng trẻ con sơ khai, chưa kể những cặp mắt dòm ngó của những bà cô, mụ dì, ông chú bà bác, ông ngoại bà nội và bằng hữu. Trong một " môi trường thừa kế tổ tiên" như thế, ít có điều bí mật về những gì xảy ra đàng sau cánh cửa đã đóng, nói cho đúng, không có cánh cửa nào đóng cả.

Trong ý nghĩa đó, sự luyến tiếc loại gia đình gọi là gia đình hạt nhân — gia đình chỉ gồm cha mẹ và con cái mà không có thêm bất cứ ai — của những năm 1950 là một thái độ mang ít nhiều tính chất mỉa mai. Các nhà tâm lý học tiến hóa đã đánh giá thấp loại gia đình hạt nhân này, họ đề nghị nên cách ly trẻ con xa ông bố ghẻ, người mà hai nhà tâm lý học tiến hóa Martin Daly và Margo Wilson nhận định rằng có nhiều khả năng lạm dụng trẻ em hơn là bố ruột của chúng.

Như người ta thường nói "thành thị hóa" là tiến trình dẫn đến những chứng bệnh thời đại. Việc "thành thị hóa" đời sống chúng ta đem lại sự phối hợp giữa một siêu khoa học và sự cách ly gia cư, khiến nhiều người cảm thấy rất cô đơn với các nhà lân cận. (Ngày nay nhờ những cái máy mở cửa garage tự động, bạn có thể lái xe thẳng vô mà không phải tiếp xúc với láng giềng). Nhà ở thành phố đã đặc biệt gây khó khăn cho phụ nữ về việc nuôi nấng chăm sóc con cái của họ. Trong một làng săn hái tiêu biểu, các bà mẹ có thể kết hợp khá hài hòa một nếp sống gia đình với cuộc sống lao động trong một bối cảnh manh tính chất xã hội. Khi các bà mẹ đi thu nhặt lương thực, thức ăn, con cái họ hoặc ở với họ, hoặc ở với dì, cô, chú, bác, ông bà hoặc bè bạn. Khi họ trở về làng, việc chăm nom trẻ con gần như là công việc có tính cách cộng đồng, tập thể. Còn phụ nữ trong xã hội hiện đại? Betty Friedan trong tác phẩm "Tính chất thần bí của phụ nữ", đã đề cập đến một mẩu đối thoại với một người mẹ sống ở thành thị. Bà này, với một "nỗi tuyệt vọng thầm lặng" đã nói về sự giận dữ và sự tuyệt vọng mà Friedan gọi là "vấn đề không tên" và một vị bác sĩ gọi là "hội chứng của những bà nội trợ". Cũng chỉ là điều tự nhiên khi những bà mẹ hiện đại ở nhà nuôi con dễ mắc chứng trầm cảm hơn những bà mẹ làm lụng ở ngoài. Và ngay cả phụ nữ lao động cũng dễ mắc chứng trầm cảm hơn đàn ông lao động. Như The Unabomber nhận định, đa số những xáo trộn tâm lý này bắt nguồn từ kỹ thuật. Kỹ thuật đã làm hại những ràng buộc của sự tùy thuộc hỗ tương và có lẽ cực điểm của những kỹ thuật cách ly con người là TV, đặc biệt là khi TV được nối với một CVR và một dây cáp. Như nhà tâm bệnh học tiến hóa Randolph Nesse nhận định, TV còn có thể bóp méo sự tự nhận biết, sự phản tỉnh của ta. Là thành viên trong một xã hội, chúng ta đã tự nhiên so sánh chúng ta với người chúng ta gặp, tiếp xúc. Điều đó có nghĩa là trong "môi trường thừa kế từ tổ tiên" chúng ta đánh giá chúng ta qua người trong làng. Nhưng giờ đây chúng ta so sánh đời sống rất nhiều giả tưởng trong TV. Nesse viết: "Vợ, chồng của chúng ta, cha mẹ của chúng ta, con cái chúng ta có thể rất là bất tương xứng khi so sánh. Vì thế chúng ta bất mãn với chúng và bất mãn ngay cả với chính chúng ta" (và bất mãn với mức sống của chúng ta nữa).

Mạng lưới Internet tuy còn phôi thai đã nổi tiếng vì đã kết hợp những tâm hồn tương đắc lại với nhau. Trong lúc khả năng của những đường dây điện thoại được nới rộng, trải ra thì Internet có thể cho chúng ta chơi môn racket thực sự với anh chị em ta hoặc với người bạn ở thị trấn ra. Nhưng ít nhất trong tình trạng hiện nay, Internet vẫn không mang lại những gần gũi về thị giác và vì thế không thỏa mãn đầy đủ khát vọng tình cảm mang tính chất xã hội của ta. Một cách tổng quát, Internet đã làm cho sự truyền thông trở thành "quá tải" mà hậu quả về mặt tâm lý vẫn chưa biết được, nhưng chắc chắn là không hoàn toàn lành mạnh.

Quan niệm cho rằng xã hội hiện đại là... phi xã hội một cách nguy hiểm sẽ làm Freud ngạc nhiên! Trong "Civilization and its Discounts", Freud có than phiền về sự căng thẳng giữa những xung đột đầy thú tính thô bạo và những giáo điều luân lý của xã hội. Freud nói xã hội bảo chúng ta phải hợp tác với nhau, và phải "yêu kẻ láng giềng như yêu chính mình"; thế nhưng tự bản chất, lúc nào chúng ta cũng tìm cách lợi dụng khai thác kẻ láng giềng, "làm nhục họ, gây đau khổ cho họ, hành hạ và tìm cách giết họ". "Homo homini lupus": người là chó sói với người. The Unabomber cũng đã xiển dương bản chất "hoang sơ" của chúng ta và than phiền rằng trong xã hội hiện đại tuy "chúng ta không được để nghị nên ghét một ai, vậy mà gần như tất cả mọi người đều ghét nhau lúc này hay lúc khác". Cũng theo The Unabomber, những ràng buộc gò bó con người "tự nhiên" của chúng

ta này tạo nên những con người "siêu xã hội". Dường như The Unabomber đồng ý với Freud rằng "người sơ khai đã khôn ngoan hơn trong việc biết thả lỏng bản năng". Thật thế, lòng căm ghét là một phần trong cái "vốn" bẩm sinh của chúng ta và trong những chiều hướng khác, bản chất của chúng ta là thô bạo. Nhưng việc kiềm chế những xung lực thô bạo cũng là một phần bản chất chúng ta. "Mặc cảm tội lỗi" mà Freud không hề giải thích thỏa đáng là một sức mạnh kềm hãm bẩm sinh, nó ngăn cấm ta chểnh mãng, lơ là đối với bà con hàng họ, vì thói ích kỷ buông lung, hoặc cấm ta gây nguy hại tình bè bạn trong cơn nóng giận hoặc ít nhất cũng khiến ta bồi thường, tạ lỗi sau những lần gây nguy hại như thế, một khi ta đã nguôi giận. Đành rằng xã hội hiện thời có thể bắt chúng ta "cáng đáng" tội lỗi một cách quá mức. Sau khi cắt đứt quan hệ với một người trong cơn giận dữ, có thể ta không tìm gặp người đó trong nhiều tuần, nhiều tháng, trong khi ở "môi trường thừa kế tổ tiên" ta có thể cùng với người đó hòa giải nhanh gọn. Nhưng mặc cảm tội lỗi về những hành vi ác độc không phải là sản phẩm của nền văn minh hiện đại. Điều này chỉ rõ hàm ý mỉa mai của tâm lý học tiến hóa: nhiều xung lực được tạo nên bởi sự thôi thúc của tính vụ lợi di truyền, không phải là vị kỷ. Tình yêu, lòng thương hại, lòng quảng đại, sự ân hận, tình bè bạn và lòng chung thủy v.v..., là một phần thừa kế di truyền và một số trong các xung lực này bị dồn nén cưỡng chế bởi các cơ cấu của xã hội hiện đại. Vấn đề đối với đời sống hiện nay không phải là chúng ta bị xã hội hóa quá độ mà là chúng ta được xã hội hóa chưa đủ; hay nói rõ hơn, có quá ít trong giao tiếp "xã hội" của chúng ta là "có tính cách xã hội" trong ý nghĩa gần gũi, tự nhiên của từ ngữ ấy.

Để kết thúc bài báo, tác giả nhận định về luật đào thải tự nhiên như sau: dù tốt hay xấu, sự đào thải tự nhiên cũng là "tạo hóa" của chúng ta, nhưng không phải là Thượng Đế. Những xung lực đào thải tự nhiên đã đưa vào tinh thần chúng ta không nhất thiết là tốt và chúng cũng không phải là bất khả kháng.

II. Suy nghĩ

Người mang bút hiệu The Unabomber (một tay hay đi đặt bom ám sát, nay vẫn chưa bị bắt) có lý khi cho rằng thế giới hiện tại là một môi trường... khó sống. Tâm lý học tiến hóa cũng nhìn nhận rằng chúng ta không thích hợp với một đời sống kỹ thuật quá cao. Lẽ tự nhiên một môi trường khó sống, một đời sống kỹ thuật quá cao không thích hợp, sẽ là nơi thuận lợi để các bệnh tâm thần phát sinh. Con người của thế kỷ này nhiều ích kỷ thô bạo hơn là vị tha hiền hòa, đến nỗi Jean-Paul Sartre phải kêu: "Hỏa ngục, chính là tha nhân" và André Coide đã để một nhân vật của ông lên tiếng: "Hỡi gia đình, ta ghét mi". Vậy có lẽ đối với đa số, xã hội ngày nay, nhất là xã hội thành thị, là một môi trường không thích hợp với "gen" di truyền trong con người họ nữa.

Nhưng không phải tất cả chúng ta đều mắc hoặc sẽ mắc bệnh tâm thần. Sự căng thẳng tinh thần (stress), nỗi lo lắng thái quá (anxiety) hoặc chứng trầm cảm (depression) không đến với tất cả mọi người. Nói cách khác, không phải ai cũng là nạn nhân của xã hội hiện đại, một xã hội đầy rẫy xấu xa, thô bạo và có một nền kỹ thuật cao, do nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Chủ quan là cá nhân vì e ngại mà xa lánh xã hội này, đi tìm vui thú điền viên hoặc ở ẩn như Nguyễn Bỉnh Khiêm ngày trước:

"Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người tới chốn lao xao"

Và khách quan là xã hội này không tác động trực tiếp và tiêu cực lên một số khá đông người, dù cho họ có phải lăn vào xã hội để sống. Tại sao những người đó không mắc bệnh tâm thần?

Phải chăng vì họ không có những "gen" di truyền từ "môi trường thừa kế tổ tiên"? Nói theo tính tình học của Le Senne, phải chăng họ thuộc loại tính tình EAS (loại đam mê), loại EAP (loại phẫn nộ), loại NEAS (loại lãnh đạm), loại NEAP (loại đa huyết)?

Như Robert Wright, tác giả bài báo, nhận định: thuyết tiến hóa mà các nhà tâm lý học tiến hóa ca ngợi, dựa vào, không có giá trị tuyệt đối. Sự đào thải tự nhiên không phải là Thượng Đế tuy rằng nó tạo ra chúng ta. Luật đào thải tự nhiên của Darwin không phải là luật hoàn hảo, nghĩa là có những cái vô ích vẫn còn tồn tại trong dòng tiến hóa đến ngày nay. Xin đơn cử một vài ví dụ. Sự đau khổ tinh thần có mặt tích cực của nó, nhất là dưới nhãn quan của những nhà tu khổ hạnh, của thi nhân lãng mạn như Alfred Musset: "L'homme est un apprenti, la douleur est son maitre". Con người là kẻ học nghề, mà thầy là nỗi ê chề đớn đau. "Et nul ne se connait tant qu'il n'a pas souffert". Không ai tự biết được mình một khi người đó chưa đau khổ. Nhưng sự đau đớn thân xác thì chỉ có hại. Có người cho rằng cảm giác đau đớn có chức năng báo nguy cơ thể gặp nguy hiểm và như vậy có lợi. Điều đó không đúng: tại sao luật tiến hóa và đào thải không tạo và duy trì một loại cảm giác khác để báo nguy mà lại là cảm giác đau đớn? Đó là chưa nói trường hợp cực kỳ nguy hiểm mà thân xác không được báo nguy bằng một cảm giác đau đớn nào. Một nhà tâm lý học đã viết: "Sự tiến hóa và đào thải đã làm một công việc vô ích và tàn bạo khi bắt con người chịu đau đớn". Trong cảm xúc như giận dữ, sợ hãi cũng có những bất lợi tồn tại đến ngày nay. Trong cơn giận dữ, sợ hãi, tay chân run rẩy, tim đập hỗn loạn, đôi khi ngất xỉu, tất cả chẳng giúp ích gì để giải quyết được tình huống, trái lại còn có thể gây khó khăn nguy hiểm.

Khi đề cập đến tâm thức, Freud có nói đến das ES (tiếng Đức), tạm dịch là Nguyên Ngã. Đây chính là phần vô thức gồm bản năng khoái lạc, tính gây hấn và những xung lực "thú vật" khác ta có dịp nói ở trên. Đối lập với Nguyên Ngã là Siêu Ngã, das Uberich, là phần tâm linh được tạo thành do những giáo điều luân lý, cấm đoán xã hội. Nguyên Ngã bẩm sinh, Siêu Ngã do gia đình xã hội tạo nên. Theo tâm lý học tiến hóa thì Siêu Ngã được di truyền qua "gen" vào những thế hệ sau và đó chính là "môi trường thừa kế tổ tiên", giúp hậu duệ thích nghi dễ dàng với hoàn cảnh xã hội. Theo Freud các bệnh thần kinh u uất (hystéries) là hậu quả của một xung đột nội tâm giữa Nguyên Ngã và Siêu Ngã mà phần thắng nghiêng về Siêu Ngã, một phần thắng phải trả giá. Theo các nhà tâm lý học tiến hóa, bệnh tâm thần ngày nay là hậu quả của sức nặng xã hội thiếu xã hội tính mà những "gen" di truyền thuộc "môi trường thừa kế tổ tiên" không thích ứng nổi. Trước và đồng thời Freud, bệnh u uất được chữa trị bằng... điện và bằng thôi miên; với Freud thì bệnh u uất được chữa bằng phương pháp phân tâm. Người viết bài này không biết các nhà tâm lý học tiến hóa chữa những bệnh tâm thần là nỗi lo lắng (anxiety) và chứng trầm cảm (depression) bằng phương pháp gì. Có lẽ nào họ cũng dùng phương pháp chạy điện hoặc thôi miên, những phương pháp Freud đã từ bỏ vì tính chất... thô bạo, "phi nhân" của chúng. Theo thiển ý, phương pháp phân tâm là phương pháp nhân bản nhất trong việc chữa bệnh u uất vì phương pháp này đòi hỏi một quan hệ đặc biệt giữa bệnh nhân và người chữa bệnh: đó là sự thông cảm, dựa trên lòng tin cậy nhau, một lòng tin chính các nhà tâm lý học tiến hóa và tác giả Robert Wright khuyên mỗi chúng ta nên đi tìm trong một xã hội rất ít "tính xã hội" này.■

Santee - Viết giữa mùa thu 95.

Tìm đọc:

NHƯ ẢO NHƯ THỰC

Tiểu thuyết
của KIM LƯU
(Thái Chinh Lưu Kim Loan)
Tác giả xuất bản - 1995
Thế Kỷ phát hành - Giá $20.00

Liên lạc: THẾ KỶ
11022 Acacia Pky #A Garden Grove CA 92640
ĐT (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

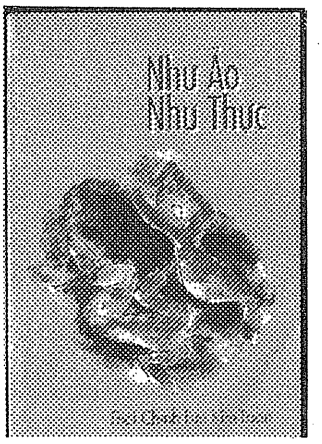

TƯ TƯỞNG CANH TÂN CỦA PHẠM PHÚ THỨ (1821-1882)

QUANG UYỂN

Một cụm núi có nhiều chóp

Trong bài thơ điếu Phạm Phú Thứ của Nguyễn Trọng Hợp có câu:

Thiên ngoại, cô cao kiến (hiện) nhất phong (1)

(Ngoài trời, hiện lên cao vút một chóp núi)

Tôi muốn mượn hình ảnh đó, nói thêm rằng, cụm núi ấy của đất Nam Trung, không phải chỉ có một chóp mà có nhiều chóp (như núi Ngũ Hành).

Quả vậy, con người của Phạm Phú Thứ có nhiều mặt xuất sắc:

- *Xuất sắc trong học tập và thi cử:* Đầu xứ (2), thủ khoa, rồi hội nguyên, đứng đầu bảng đệ tam giáp tiến sĩ trong vòng năm năm liền (1839-1843), lúc hai mươi hai tuổi (3), thế mà vẫn suốt đời đọc sách, như Vi Dã Lão Nhân đã từng khen: "Nhất kinh do hướng đăng tiền độc" (Một quyển sách vẫn giở trước đèn).

Phạm Phú Thứ

- *Xuất sắc trong kinh bang tế thế:* Thành tích giữ vững thăng bằng thu chi của nhà nước trong mười năm nắm bộ Hộ (4) giữa lúc khó khăn nhất của đất nước, và thành tích sáu năm mở cảng Ninh Hải (Hải Phòng), đã đủ để vua Tự Đức sánh ông với Quản Trọng (Bản tào trùng tán Quản Di Ngô: bộ Hộ ta một lần nữa ca ngợi Quản Di Ngô) (5). Và Quản Di Ngô của vua Tự Đức lại văn võ kiêm toàn, nên đã có lúc (năm 1859) vua hỏi riêng về tác giả một quyển binh thư cổ và sách lược chiến thủ đối với quân Pháp (6).

- *Xuất sắc về nhân cách:* Con người ấy là tổng hợp của một đầu óc sáng suốt với một tấm lòng khảng khái vô tư: kiên quyết ủng hộ cái đúng, cái tốt, chống cái sai, cái xấu, không tính toán đến lợi hại cho bản thân. Một bằng chứng tiêu biểu là tờ sớ năm 1850, phê bình vua trẻ ham chơi, bỏ lơi triều chính, với những lời lẽ thẳng thắn, đã thưởng cho ông một cái án đày khổ sai (cắt cỏ ngựa) ở trạm bưu chính Thừa Nông (gần ga Nông bây giờ). Thế mà ông vẫn sống theo thầy Mạnh: ta cứ vui vì đã làm một việc đúng (7). Thái độ đó đã làm cho bà mẹ vua cảm phục, nên đã can thiệp với vua miễn tội ông. Thế mà, sau này, lúc đã luống tuổi và đang ở địa vị cao trong triều, ông vẫn còn nhắc vua: "tuần du vô độ" (8).

- *Xuất sắc về sự nghiệp trước tác:* không kể hai công trình về sử học để ở Viện Tập hiền (chưa in), Phạm Phú Thứ là tác giả của một sự nghiệp trước tác đồ sộ:

+ Bộ Giá Viên toàn tập (đã in) gồm 26 quyển thơ văn với khoảng trên ba trăm năm chục ngàn chữ.

+ Bộ Giá Viên biệt lục (hay Tây hành nhật ký) gồm ba quyển (cũng đã in) với trên dưới sáu mươi ngàn chữ.

Về chất lượng, đó là một nguồn tư liệu phong phú và có giá trị cao cho việc nghiên cứu lịch sử và văn học nước nhà trong giai đoạn bước ngoặt của lịch sử. Ấy là chưa nói đến tính chất độc đáo của văn thơ ông: Văn thơ canh tân, văn thơ mở cửa, hầu như chưa thấy tập trung ở một tác gia nào thời đó.

- *Xuất sắc về hoạt động canh tân* mà chúng tôi xin trình bày riêng dưới đây.

Ba giai đoạn phát triển của tư tưởng canh tân của Phạm Phú Thứ

1. Sau khi được trắng án khổ sai, đầu năm 1851, ông còn phải đi theo một đoàn công cán sang Quảng Châu để lập công chuộc tội (hiệu

lực). Do đó Phạm Phú Thứ không thể có một vai trò gì quan trọng. Nhưng dịp ấy chính là trường dời cấp trên đại học đối với ông. Như ông đã tự nhận, một phần tư thế kỷ sau - lúc đang chịu trách nhiệm thi hành đường lối mở cửa ở Hải Phòng - chuyến đi Quảng Châu đã đánh thức ông khỏi giấc ngủ mê của tư tưởng đóng cửa kéo dài suốt cả triều Nguyễn:

"Quang cảnh thế giới đã thức tỉnh giấc mộng trần tục của tôi" (địa cầu phong vật tinh tràn mộng) (9).

Đúng vậy, năm 1851 lần đầu tiên ông thấy thế nào là một thị trường tư bản chủ nghĩa ở "Mã Cao" (10): Từ "Mã Cao", qua Hoàng Phố, đến bến Lục Ước của Quảng Châu, một đoạn đường dài của sông Ngọc Trai (Châu Giang), trên bến (cửa hàng của người Tây không dưới vài chục), dưới thuyền, chật ních hàng hóa của người Tây; thuyền máy nhiều tầng của họ, mỗi lần rẽ nước chạy qua, gây sóng lay động của cột buồm và mui thuyền nhỏ bé của dân địa phương, như có một luồng gió nhẹ. Trong những đống hàng hóa của họ, súng tay với đạn dược và thuốc phiện đầy rẫy như thực phẩm khô và bên cạnh hàng hóa là nhà dạy đạo Da Tô cho trẻ con. Một bức tranh hiện thực khá sinh động!

Tuy vậy trong cách nhìn của ông bấy giờ, vẫn lộ những ấn tượng không mấy có thiện cảm với chủ nghĩa tư bản đế quốc phương Tây (nó vừa mới đe dọa ta ở Trà Sơn năm nao). Ở đây tàu thủy của họ đi lại với khí thế hung bạo và nghênh ngang (kiệt ngạo). Họ độc chiếm kế hoạch buôn bán và đạo Da Tô lừa phỉnh những con em mất dạy (vô lại tử đệ).

Nhưng đối với giới tiểu thương người Hoa ở nơi này, ông rất ngợi khen về lối làm ăn của họ là "hết sức chính quy" (tận quy mô) và "bớt vất vả" (tỉnh sự: bớt việc, bớt những động tác để cho người đỡ vất vả): "Lão bán rau" cũng có sổ và cân, người bán hàng không rao bằng mồm mà bằng những tín hiệu (như người bán quà rao bằng tiếng kim khí, người hớt tóc rao bằng động tác sử dụng cái kéo). Những nhận xét đó, tuy nhỏ nhặt, nhưng chứng tỏ người nhận xét quả có một đầu óc duy lý cao: Phạm Phú Thứ đã vô tình tiếp cận khoa học nghiên cứu sức lao động trong kinh tế học hiện đại, và đã hữu ý tỏ thái độ thiện cảm với lề lối làm ăn chính xác, minh bạch trong buôn bán của một xã hội kinh tế thị trường mà ngày nay ta gọi là nếp văn minh trong thương nghiệp.

Bài tự học đầu tiên về chủ nghĩa tư bản, tuy còn khiêm tốn, nhưng ở vào niên đại giữa thế kỷ XIX, đối với người Việt Nam, thật có ý nghĩa lớn vì trước đó và sau đó ít năm đã có nhiều đoàn với nhiều vị khoa bảng của ta đi Quảng Châu, Tân Gia Ba (Singapore), Lưu Giang Ba (Djakarta), thậm chí đến tận Paris nữa, mà chưa thấy ai về đưa ra những nhận xét gì về nước ngoài, chứ nói gì đến việc để lại cho hậu thế những bài thơ hiện thực tân kỳ như chùm thơ "Châu Giang kỷ kiến tạp vịnh" trong tập "Đông hành thi lục" (GV III) của Phạm Phú Thứ mà chúng tôi vừa giới thiệu nội dung chính.

2. Từ sau chuyến đi Quảng Châu, tư tưởng canh tân của ông tiến lên một bước tích cực và cụ thể hơn bằng những việc làm và chủ trương trong phạm vi công nghệ và tổ chức kinh tế.

Năm 1856, lúc đang làm án sát sứ (chánh án tòa án) tỉnh Thanh Hóa, ông quan văn đó đã dám chịu trách nhiệm với triều đình, hướng dẫn cho thợ đóng một chiếc tàu vận tải đường biển "kiểu mới" và một chiếc "tàu đồng" mang tên Thụy Nhạc. Với thành tích đó, Phạm Phú Thứ được khen thưởng "bốn lần" (tứ thứ) (11).

Cũng ở Thanh Hóa, năm 1857, ông đề nghị một phương án táo bạo về tổ chức kinh tế và quốc phòng của nhà nước: xin triều đình thuê thuyền buôn tư nhân vận chuyển gạo thóc các tỉnh về Kinh bán, thay cho tàu nhà nước dùng để chuyên chở các hàng nặng và tuần tra bờ biển (12). Về việc này, chúng tôi sẽ trình bày rõ hơn dưới đây.

3. Chuyến đi sứ sang Pháp và Tây Ban Nha năm 1863-1864 (ông là phó sứ của Phan Thanh Giản) đánh dấu bước ngoặt đột biến trong tư tưởng canh tân của Phạm Phú Thứ: Bước phát triển toàn diện và sâu sắc, được thể hiện tập trung trong "Tây hành nhật ký" và "Tây phù thi lục" (GV VIII). Cho nên, Phạm Phú Thứ tâm sự với một người em con cô: "Đến Tuyết Sơn và Hồng Hải, không có cái gì lạ mà mình không thu thập. Mắt đã tìm được nhiều cái mới, cần cho ta sau này." (13)

Và liên tiếp từ 1865 cho đến cuối đời (1881), quan điểm của ông được phát biểu trong mười một tờ sớ tấu còn lại (trong đó quan trọng nhất là các tờ năm 1865, 1867 và 1873), hai mươi bức thư (trong đó quan trọng nhất là những bức thư gửi cho những vị quan chức lớn như: Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Quế Bình v.v...), hai bài tựa sách và nhiều bài thơ (tập trung trong Hàm Thành thi lục - GV XII - và rải rác trong những tập Kinh Hương thi lục và Tĩnh Hậu thi lục - GV IX-X-XI-XIII).

Đặc điểm chung của các văn bản trên là: Phạm Phú Thứ nêu lên những việc thiết thực cần phải làm trước mắt của nhà nước trên quan điểm canh tân, chứ không trình bày thành luận văn về những chương trình dài hơi như những văn bản của Nguyễn Trường Tộ. Vì vậy, chúng tôi tạm gọi Phạm Phú Thứ là *một nhà canh tân thực hành*.

Song, tổng hợp tất cả các việc làm và ý kiến của ông, chúng tôi thấy có thể xếp làm mấy mục

lớn như sau: giáo dục, khoa học - kỹ thuật, tôn giáo, kinh tế, quốc phòng và đối ngoại.

Canh tân về giáo dục

1. Phạm Phú Thứ cho rằng cái gốc của sự giàu mạnh của một nước là "nuôi người để mong ở sự hữu dụng" (dưỡng nhân nhi cầu kỳ dụng) nên ông đặt *vấn đề giáo dục lên hàng đầu* trong các công việc trước mắt của nhà nước (14).

2. Để việc học hành được thiết thực, ông đề nghị nhà nước *ban bố, cho các trường học, sách của nước ta* về địa lý, lịch sử, pháp luật, điển chế và cả thiếp tập viết chữ nữa, thay vì chỉ dạy và học hoàn toàn theo sách Trung Quốc.

3. *Nghiên cứu lại qui chế thi cử:* kỳ hạn các khoa thi, tiêu chuẩn (yêu cầu) tuyển chọn thí sinh.

4. *Học ngoại ngữ và dịch sách nước ngoài:*

- Đề nghị thành lập một cơ quan phiên dịch ở bộ Lễ (Ngoại giao và Giáo dục) để dịch sách và tài liệu nước ngoài.

Rồi chọn những viên quan thông minh và có kiến thức, chức vụ từ lang trung, viên ngoại đến chủ sự (ngũ phẩm), cho lương bổng hậu, đến đó học nói và viết các thứ tiếng Anh, Pháp, Xiêm (Thái), Man (Miên).

Các viên quan này sẽ dạy lại cho lớp trẻ do các nha của sáu bộ gửi đến (mỗi nha hai ba người).

- Riêng *về tiếng Pháp, lập một trường nội trú* ở phía tây ngoại thành (ở hữu ngạn sông Hương). Học viên học xong, sẽ được đưa về cơ quan phiên dịch làm việc. Thầy sẽ là các vị đạo trưởng (linh mục). Những vị này, khi triều đình cần, có thể làm phiên dịch.

Ý kiến về lập trường học tiếng Pháp đã được đưa ra từ năm 1865, nhưng đến khi ra Hải Dương, hơn mười năm sau, Phạm Phú Thứ mới thực hiện được!

Học tập khoa học, kỹ thuật phương Tây

1. Sự kiện năm 1856 ông đã hướng dẫn cho thợ đóng hoàn thành hai chiếc tàu nói trên, chứng tỏ, từ trước, ông đã chú ý nghiên cứu kỹ thuật đóng tàu mới (hiện nay chúng ta chưa biết ông đã nghiên cứu ở đâu, từ bao giờ và bằng cách nào).

Đến khi sang Pháp (1863-1864), ông mới nói rõ ý muốn học tập khoa học kỹ thuật phương Tây: "Thiết nghĩ, nên lấy cái sở trường của họ thì ta mới có uy với người nước ngoài" (15) và "nếu ta muốn cho người sang học tập, họ sẵn sàng truyền thụ phương pháp" (16).

Và Phạm Phú Thứ nêu gương của Ai Cập và Trung Quốc: Ở Ai Cập, xưởng quân giới nhờ người Pháp trông coi việc chế tạo (17). Họ còn thuê người Anh đặt nhà máy cất nước biển lấy nước ngọt (18). Còn người Trung Quốc từ khi mở cửa, học tập được kỹ thuật đóng tàu và kỹ thuật thủy chiến của người Anh (19).

Sau đó, ông còn đề nghị nên mềm dẻo với người Pháp để nhờ họ huấn luyện quân đội và dạy ta cách buôn bán (20).

Ý muốn học tập cái khôn của người khác, hình như cứ ám ảnh ông mãi, nên ông đã từng khuyên một người em họ đi công tác ở Hương Cảng: "Hãy đua theo cái lạ, chọn cái hơn (của người) để giúp ta mạnh" (21).

2. Chính tinh thần học tập cái hơn, cái giỏi của phương Tây đã nâng giá trị của tác phẩm "Tây hành nhật ký" lên thành *một công trình khảo sát nghiêm túc về công nghệ tiên tiến của châu Âu bấy giờ.*

Qua quan sát và thẩm vấn ngót hai mươi cơ sở kỹ nghệ nhẹ (từ máy điện báo đến hệ thống công trình lọc nước biển lấy nước ngọt, hệ thống trữ và dẫn nước mưa của Anh, xưởng khí đốt, xưởng bện dây thừng tàu biển, xưởng thủy tinh, xưởng giấy hoa, nhà máy thuốc lá, nhà nuôi tằm, xưởng tạc tượng, hiệu chụp ảnh, khinh khí cầu v.v... của Pháp), và hơn bảy cơ sở kỹ nghệ nặng (từ tàu thủy đến xe lửa, nhà máy luyện kim, xưởng cơ khí, xưởng đóng và sửa chữa tàu thủy, xưởng quân giới, xưởng làm đạn v.v... của Pháp) Phạm Phú Thứ đã ghi lại những điều nghe thấy với một tinh thần khoa học đáng làm cho chúng ta ngạc nhiên: miêu tả tỉ mỉ và số liệu chính xác.

Đó là chưa kể tới những tìm hiểu về địa lý đại cương cũng như địa lý khu vực, lịch sử, kinh tế, chính trị, tôn giáo, phong tục, ngôn ngữ, văn tự... của nhiều nước và dân tộc, đặc biệt là Ai Cập, Tiểu Á và châu Âu ven Địa Trung Hải.

Và để diễn đạt được những khái niệm bách khoa mới mẻ đó - hoàn toàn xa lạ với người Việt Nam lúc bấy giờ - bằng tiếng Hán cổ, ngôn ngữ của Tứ thư, Ngũ kinh, tác giả đã phải tự sáng tạo kịp thời một loạt *thuật ngữ khoa học tổng hợp* bảo đảm cả ba yêu cầu khoa học, dân tộc và hiện đại (lẽ tất nhiên là đối với thời đó):

- Những thuật ngữ bằng *từ Hán-Việt* được dùng theo lối Việt Nam: đậu trà (café; người Trung Quốc chỉ phiên âm), vọng xá (gare; Trung Quốc: xa trạm), hoàng tiêu diêm cường thủy (H_2SO_4; Trung Quốc: lưu toan), bách nhãn lê (cây, quả dứa; Trung Quốc: phụng lê), xích đạo bắc hạn (tropique du Cancer; Trung Quốc: hạ chí tuyến)...

- Dùng *chữ nôm* để phiên âm từ Việt: hột nổ.

- Khi cần thiết, *phiên âm thẳng từ tiếng Tây* bằng hệ thống chữ Nôm: potasse: bồ tát; franc: pha răng v.v...

Nguyên tắc thứ ba này được tác giả dùng nhiều để phiên âm địa danh, nhân danh, tên các chức vụ hành chính, tên các tôn giáo nước ngoài (khác với âm Hán Việt của thuật ngữ Trung Quốc):

- Ceylan: Xây lăng; Roma: Rô ma; Marseille: Ma xai;...

- Louis: Lô uy; Palanca: Ba lăng ca;...

- Bey: Bề; Sénateur: Xì na tơ; Député: Đê bô tê;...

- Protestantisme: Bô-tê-tăng giáo; Judai'sme: Xu-đào giáo;...

Có thể nói, Phạm Phú Thứ là người đầu tiên đã có công *xây dựng kho thuật ngữ khoa học tổng hợp Việt Nam.*

Nhưng, tiếc thay! Tác phẩm truyền bá phép tiên của công nghệ phương Tây ấy, được dâng lên vua ngày 31 tháng 3 năm 1864 - đúng hai ngày sau khi sứ bộ về đến Huế - đã được giữ kín ở Viện Cơ Mật cho gần đến thế kỷ XX, khi thực dân Pháp đã ổn định nền đô hộ trên cả nước ta rồi, con cháu của tác giả cùng với một số quan chức lớn trong tỉnh, mới đứng ra tập hợp bản thảo để lại và kêu gọi những nhà có hằng sản và hằng tâm, góp tiền khắc in (cùng với bộ "Giá viên toàn tập").

3. Mười năm sau, được cử làm tổng đốc Hải Yên, con người say mê khoa học, kỹ thuật đó lại tiếp tục công tác *phổ biến khoa học, kỹ thuật.*

Phát huy truyền thống khắc in gỗ của làng Liễu Chàng, Phạm Phú Thứ đã dựng lại nhà xuất bản Hải Học Đường (được thành lập từ đời Gia Long, nhưng sau đóng cửa), cùng với các quan tỉnh có nhiệt tình (Nguyễn Tăng Doãn, Nguyễn Tiến Khang, Võ Khoa...) in lại một số sách khoa học, kỹ thuật của phương Tây, được các giáo sĩ phương Tây và Trung Quốc viết hoặc dịch ra chữ Hán như: Vạn quốc công pháp, Bác vật tân biên, Khai môi yếu pháp, Hàng hải kim châm (22).

Những sách đó đã được triều đình chỉ thị gửi về các trường tỉnh để thầy và trò tham khảo (23). Và sau này, đến đầu thế kỷ XX, lại được các nhà nho trong phong trào duy tân cho in lại, xem là "tân thư" (như Bác Vật Tân Biên được in lại năm Duy Tân Kỷ Dậu, 1909). Như vậy, mặc nhiên, Phạm Phú Thứ đã được suy tôn là ông tổ của phong trào duy tân ở Việt Nam.

Ông còn có tham vọng tiếp tục tái bản một loạt sách nữa như: Địa cầu thuyết lược, Doanh hoàn chí lược, cách vật nhập môn (24). Nhưng tiếc thay, kế hoạch bị bỏ dở vì quan tổng đốc bị triệu về Kinh để chờ xét án (1880), do những tin đồn thất thực từ phía người Pháp và một số người bất mãn tung ra.

4. Tuy say sưa truy tầm khoa học, kỹ thuật tiên tiến, ông quan gần dân ấy, khi dừng chân ở Ai Cập, không bỏ qua một công cụ cải tiến đơn sơ, nhưng rất cần cho nhà nông Việt Nam: bánh xe tát nước bằng sức trâu. Ông cho người vẽ mẫu để về phổ biến cho các địa phương, trong đó có tỉnh Quảng Nam của ông mà nhân dân còn áp dụng đến những năm 60 của thế kỷ này với cái tên ngắn gọn và thân mật "xe trâu". Qua điều tra, ông đã ghi chính xác, bằng số liệu, cái lợi của bánh xe ấy so với gàu sòng (25).

	GẦU SÒNG	XE TRÂU
Diện tích	2 mẫu	3 mẫu
Phí tổn	150 quan	15 quan

Vài con số đơn giản ấy cho ta thấy, với phí tổn tát nước bằng gầu sòng trên hai mẫu ruộng, nhà nông thời xưa có thể dùng xe trâu để tát một diện tích ruộng rộng gấp mười lăm lần. Thế mà suốt cả một cánh đồng Thừa Thiên, chỉ có một nhà ông bá hộ dùng! Phạm Phú Thứ trách đầu óc bảo thủ của nông dân ta: "Khư khư giữ vụng, thiệt riêng ta!" *(Thế nan thủ chuyết khước minh thiên)* (26).

5. Song Phạm Phú Thứ ca ngợi khoa học, kỹ thuật phương Tây không phải với một tinh thần tự ti, khiếp sợ, với một trạng thái choáng ngợp như một số người khác. Ví dụ một cách nhìn triết học rất đúng về văn minh, ông cho rằng phương Tây quả là giàu mạnh:

"Bát chính thực trù chân hữu đắc" (Tám chính sách về đời sống nhân dân, được tính toán cụ thể, thật đã đạt những kết quả tốt).

Nhưng văn minh phương Tây thiếu cái nền tảng tinh thần, vốn có trong xã hội cổ truyền phương Đông:

"Tứ đoan thâm ý tích vô truyền" (Tiếc rằng ý nghĩa sâu xa của bốn tiêu chuẩn đạo đức là: nhân, lễ, nghĩa, trí thì không được truyền lại).

Cho nên, nếu phương Đông sớm giỏi về kỹ thuật nữa thì phương Tây chẳng thể hơn được:

Tảo giao Đông thổ kiêm trường kỹ,
Pha lý, Long đôn vị túc hiền.
(Giá phương Đông sớm cừ kỹ thuật,
Pha lý, Long đôn chửa hẳn tài) (27).

Hai câu thơ đó dường như là lời tiên tri về sự phát triển của phương Đông (trong đó lẽ nào không có Việt Nam) ở cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.

(Còn tiếp)

Một số chữ viết tắt về thư mục tham khảo:

Giá viên toàn tập: GV
Tây hành nhật ký: Nhật ký
Đại nam thực lục chính biên: TLCB
Đại nam liệt truyện chính biên: LTCB
Quốc triều khoa bảng lục: Khoa bảng lục.

Từ "thi lục" đi theo tên các tập thơ được bỏ đi. Ví dụ *Đông hành thi lục, Tây phù thi lục, Kinh hương thi lục* thì chỉ còn: Đông hành, Tây phù, Kinh hương v.v...

Chú Thích:

(1) GV q. Thủ. Nguyễn Trọng Hợp (1834-1902), hiệu là Quế Bình, quê làng Kim Lũ (Thanh Trì, Hà Nội), tiến sĩ, làm quan đến tổng đốc, thượng thư, kinh lược sứ, phụ chính đại thần, có văn thơ để lại.
(2) P.P.Thứ - Vong đệ di sự - Bi minh, hành thuật, GV XIX.
(3) Khoa bảng lục (chữ Hán).
(4) Nguyễn Tư Giản - Văn bia mộ P.P.Thứ - GV Thủ.
(5) LTCB đệ nhị tập, q.34 - P.P.Thứ.
(6) P.P.Thứ - Vua hỏi tác giả quyển binh thư "Âm phù kinh" (1859)... Ký tự... sách dẫn GV XXII.
(7) P.P.Thứ - Thư trả lời anh (1850) - Thư khải - GV XXV.
(8) P.P.Thứ - Trình bày chính sách hiện thời... (1873) - Chương tấu - GVXV.
(9) P.P.Thứ - Viết tặng thuyền thương chính trên sông - Hàm thành - GV XII.
(10) Từ Mã Cao là do P.P.Thứ tự đặt để phiên âm từ Macau (hoặc Macao) của người Tây phương, chỉ Áo Môn của người Trung Quốc. Và từ Macau (Macao) xuất phát từ địa danh dân gian của Trung Quốc là Mạ cảng (cảng của Mẹ, tức Thiên Hậu) đọc theo âm Nhật là MaKôô, được phiên âm theo lối Nhật là Makau hoặc Makao bằng Katakana cũng như bằng Romaji. Có thuyết cho rằng Macau (Macao) xuất phát từ địa danh Amakôô (Thiên cảng) của tiếng Nhật, rút gọn (bỏ âm tiết A). Tóm lại, dù xuất phát từ Mạ cảng hay Thiên cảng, địa danh Macao cũng đều do người Nhật truyền lại người Bồ Đào Nha rồi sau các người Tây phương khác dùng theo ( ).
(11) P.P.Thứ - Báo cáo thành tích cá nhân ba năm (1858). Chương tấu GV XIV.
(12) P.P.Thứ - Tấu trình bày chính sách hiện thời (1857). Chương tấu GV XIV.
(13) P.P.Thứ - Viết cho em con cô là Lương Văn Tấn (Tiến) - Kinh hương. GV XI (Tuyết Sơn: Mont Blanc ở Pháp).
(14) P.P.Thứ - Trình bày các khoản đầy đủ binh bị, đồi dào tài nguyên...(1865). Chương tấu GVXIV.
(15) P.P.Thứ - Tiểu dẫn bài thơ: "Trên đường đi xe lửa ở Pháp"... Tây phù, GV VIII.
(16) P.P.Thứ - Nhật ký I
(17) P.P.Thứ - Nhật ký I
(18) P.P.Thứ - Nhật ký III
(19) P.P.Thứ - Phúc tấu về Nguyễn Đức Hậu (1867) - Chương tấu GV XIV.
(20) P.P.Thứ - Phúc tấu về tờ phiên của Nguyễn Tư Giản (1873) - Chương tấu, GV XV.
(21) P.P.Thứ - Viết cho em con cô là Lương Văn Tấn... Kinh hương, GVXI.
(22) P.P.Thứ - Thư gửi ông Nguyễn Tăng Doãn, chánh sứ đi Pháp - Thư, Khải, Tự, Đề - GV XXVI.
(23) TLCB đệ tứ kỷ, tập XXXV, Q.LXVI, bản dịch Hà Nội 1976.
(24) P.P.Thứ - Bài tựa cuốn Vạn quốc công pháp - Thư khải, tự bạt, GV XXVI.
(25) Tiểu dẫn bài thơ "Trên bờ đê nông giang xem xe trâu" - Kinh hương, GVIX.
(26) Bài thơ "Trên bờ đê nông giang..." đã dẫn. (Minh: tối; Thiên: một bên).
(27) P.P.Thứ - Ghi sự việc trên dường đi xe lửa ở Phú lăng sa - Tây phù, GV VIII.

VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY

IM LẶNG HỐ THẲM TRÊN NHỮNG CHẶN ĐƯỜNG ĐỜI

của

THIỆN HỶ

* Đọc VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY để thấy rõ cái phi lý, bi đát của chiến tranh Việt Nam 1946-1975

* Tác giả VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY và Phạm Công Thiện chưa hề gặp và quen biết nhau, "nhưng hai người đã nhìn nhận ra nhau trong một thế giới bí mật nào đó của Uyên Mặc ở giữa lòng sụp đổ tâm linh của nhân loại" (Viện Triết Lý VN và Triết Học Thế Giới)

* VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY và IM LẶNG HỐ THẲM là chỗ gặp nhau của những con người ưu tư, mang ước vọng lý giải những bất hạnh lớn lao của Việt Nam bằng và trên bình diện tư tưởng. (Phạm Xuân Đài)

VIỆN TRIẾT LÝ VIỆT NAM VÀ TRIẾT HỌC THẾ GIỚI
Xuất bản

Giá 15 USD

VẤN CHUYỆN TÚ XƯƠNG ĐI THI QUỐC NGỮ

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

LTS: Dưới đây là bài của Nguyễn Thị Chân Quỳnh trả lời nhà nghiên cứu (NNC)Bằng Vũ. Tòa soạn đã lược bớt đoạn mở đầu.

I. Trung thực và chính xác

"Lập trường" của tôi không bao giờ là "Tú Xương chỉ thi có bảy khoa" (sẽ nói ở đoạn dưới) mà là khi viết phải cố gắng viết cho xác thực. Nói có sách, mách có chứng, giấy trắng mực đen, không thể muốn viết gì thì viết được. Nếu NNC Bằng Vũ đã "quên" thì để tôi lược lại "mối tương giao" từ đầu đến cuối và luôn tiện sửa lại những chỗ NNC viết sai.

Ai "khai hỏa trước"?

— *Thế Kỷ 21* số 14, tháng Sáu 90, trong bài "Tú Xương ngọn nguồn văn học Việt Nam hiện đại" NNC Bằng Vũ viết rằng "kể từ *1903* các kỳ thi Hương cổ điển thuần dùng Hán tự đã biến mất nhường chỗ cho một kỳ thi bốn ngôn ngữ: Hán tự, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, chữ Pháp."

Khi ấy tôi đã thu thập tài liệu về Khoa cử được bốn, năm năm nên biết là NNC (BV) lầm nên viết một bài chữa lại.

— *Thế Kỷ 21* số 18, tháng Mười 90, trong bài "Khoa cử thời cải cách" tôi viết Khoa cử chỉ cải cách từ năm 1909, trước đó các thí sinh thi toàn chữ Hán, không thi quốc ngữ và chữ Pháp đã đành, mà ngay cả chữ Nôm cũng không. Từ khi Việt Nam dùng Khoa cử để kén người ra trị nước, chữ Nôm chỉ xuất hiện có hai lần trong trường thi:

1) Khoa thi Tiến sĩ năm 1565, thời Mạc Mậu Hợp, đề mục kỳ đệ tứ là một bài phú Nôm (1).

2) Khoa thi Hương, trường Nghệ An năm 1789, thời Quang Trung Nguyễn Huệ, La Sơn Phu Tử làm Đề điệu (Chánh khảo), bài làm viết bằng chữ Nôm nhưng đầu bài vẫn bằng chữ Hán.

Ngoài hai khoa này ra thì chữ Nôm tuyệt nhiên không được có mặt trong các kỳ thi vì nhà nước phong kiến cho chữ Hán mới đủ nghiêm túc để chở đạo, và bàn những chuyện "kinh bang tế thế," còn thứ chữ "nôm na mách qué" chỉ để dùng những lúc giải trí, vui chơi, ngẫu hứng.

Để chứng minh Khoa cử chỉ cải cách từ năm 1909, tôi trích *Le Concours triennal du Tonkin pour 1909*. Ngoài những chi tiết về ngày thi, đề mục mỗi trường... có một câu viết rất rõ ràng:

"Cette épreuve (facultative) de Francais, de même que *la troisième épreuve de langue annamite était une innovation* car dans les précédents concours toutes les compositions étaient rédigées en chinois." (Kỳ thi (tình nguyện) bằng chữ Pháp này cũng như kỳ thi trường ba bằng chữ quốc ngữ là một điều mới lạ vì trong các khoa thi trước tất cả mọi bài thi đều viết bằng chữ Hán).

Mục đích của tôi chỉ để viết cho đúng sự thực, không phải để "công kích" ai nên trong bài tôi tránh không nêu danh NNC Bằng Vũ ở những chỗ NNC sai lầm. Song nếu cho rằng vì tôi viết ngược lại những gì NNC đã viết là tôi "khai hỏa trước" thì quả tôi đã "khai hỏa trước" thật, nhưng không phải với bài "Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không?" mà ngay từ bài này.

— *Thế Kỷ 21* số 20, tháng Mười Hai 90, NNC Bằng Vũ đã đáp lại với bài "Từ nghị định Doumer 1898 tới dụ Thành Thái 1906 (Góp ý với NNC Nguyễn Thị Chân Quỳnh ở Châtenay-Malabry)." Tôi xin trích:

NNC (NTCQ) nêu lên giả thuyết "Tuy dự tính cải cách đến 1908 (sic) mới chính thức công bố, song dân chúng đã được nghe phong thanh từ trước." Tôi (BV) luôn kính trọng Tú Xương và nghĩ ông không phải con người nhìn "vỏ dưa" ra "vỏ dừa." Từ trước đến nay các NNC đã có chê Tú Xương ở một số mặt nhưng tuyệt nhiên chưa thấy ai trách nhà thơ hiện thực này "nghe phong thanh" một sự việc rồi gắn việc đó vào bàn chân ông. Sự việc ông dự một kỳ thi Hương "Bốn kỳ trọn vẹn," lại đèo "thêm kỳ nữa," ông đã trung thực ghi nhận như các văn bản xưa cũ nhất đã sao chép."

NNC còn viện dẫn cả *Bulletin du Comité de l'Asie francaise*, số 75 v.v... nữa.

Bài có nhiều điểm cần phải xét lại nhưng tôi chỉ tập trung những câu trả lời vào vấn đề Tú Xương đi thi quốc ngữ.

— *Thế Kỷ 21* số 23, tháng Ba, 91. Lần này trong bài "Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không?" Tôi quả đã nêu đích danh NNC ra để phản bác từng điểm một, song tôi không nghĩ là

tôi "khai hỏa trước," tôi chỉ "phản pháo," đáp lễ NNC thôi.

Để chứng minh Khoa cử chỉ cải cách từ 1909, tôi lại trích *"Le Concours..."* ngoài ra tôi còn viện dẫn thêm Cao Xuân Dục. Vì lúc ấy chưa mua được cuốn *Quốc Triều Hương khoa lục,* tôi phải tạm dùng cuốn *Quốc triều Đăng khoa lục* ghi chép tất cả những khoa thi Hội và thi Đình diễn ra một năm sau các khoa thi Hương.

Cao Xuân Dục có thói quen ghi những đặc điểm của mỗi khoa thi ở ngay trang đầu rồi mới ghi đến danh sách và tiểu sử các tân khoa. Sau đây là chi tiết các khoa thi Hội năm 1907, 1910 và 1913, theo Cao Xuân Dục:

- *Khoa 1907,* tức khoa kế tiếp khoa thi Hương 1906 (mà NNC Bằng Vũ nhất quyết là đã có thi chữ quốc ngữ). Về đặc điểm khoa này Cao Xuân Dục chỉ ghi vỏn vẹn mấy dòng cho biết ông đã tâu xin cho các cống sĩ thi chung lẫn lộn chứ không thi riêng rẽ miền Nam, miền Bắc như cũ nữa (2). Cao Xuân Dục không đả động gì đến chuyện thi quốc ngữ cả.

- *Khoa 1910,* kế tiếp khoa thi Hương 1909 (mà tôi cho là khoa đầu tiên thi quốc ngữ) Cao Xuân Dục xác nhận đây là khoa thi Hội cải cách đầu tiên và dành tới bốn trang rưỡi để ghi những thể lệ mới.

- *Khoa 1913.* Đặc điểm khoa này rút xuống còn nửa trang và có một đoạn ngắn liên quan đến cải cách:

"Nguyên trước đầu bài quốc ngữ ra bằng chữ Hán, nay tòa Khâm sứ bàn xin ra đầu bài bằng chữ quốc ngữ." Đây là vì khoa 1910 đề mục ra bằng chữ Hán, thí sinh cũng làm bài bằng chữ Hán rồi phiên âm ra chữ quốc ngữ khiến những người Pháp chấm bài chỉ hiểu quốc ngữ nhưng không biết chữ Hán đọc không hiểu. Tòa Khâm yêu cầu ra đề bằng quốc ngữ để thí sinh trả lời thẳng bằng quốc ngữ.

Chi tiết này chứng tỏ khoa 1910 đúng là khoa thi quốc ngữ đầu tiên nên ban giám khảo chưa có kinh nghiệm mới ra đầu đề bằng chữ hán. Tới khoa cải cách thứ nhì (1913) rút kinh nghiệm lần trước tòa Khâm sứ mới xin cho ra đầu bài thẳng bằng quốc ngữ để thí sinh cũng làm bài thẳng bằng quốc ngữ. Nếu khoa 1907 là khoa thi Hội đầu tiên thi quốc ngữ thì khoa "rút kinh nghiệm" phải là khoa 1910 chứ sao lại đợi đến khoa 1913 mới "rút kinh nghiệm"?

Vì *Le concours...* và Cao Xuân Dục, hai nguồn tin khác biệt, đều cùng cho biết chỉ bắt đầu thi quốc ngữ từ khoa thi Hương 1909 và khoa thi Hội 1910, với đầy đủ chi tiết, dĩ nhiên tôi tin Tú Xương chưa kịp đi thi quốc ngữ thì đã mất (Tú Xương mất từ năm 1907).

— *Thế Kỷ 21* số 26, tháng Sáu 91. Trong mục "Trao đổi" NNC Bằng Vũ cho biết ông vẫn "cứng đầu" không tin Tú Xương chưa đi thi quốc ngữ đã mất và viện lý:

— *Nội lý:* Ông vẫn dựa vào câu thơ "Bốn kỳ trọn vẹn..." trong bài "Cũng đi thi."

— *Ngoại lý:* Ông lại một lần nữa đưa ra *Bulletin du Comité de l'Asie francaise* số 75, tháng Sáu 1907, bài "Les Annamites et l'instruction occidentale" của A. Salles, và trích một câu:

"Déjà, à la session de *1908* une épreuve spéciale annamite et francaise *a été* introduite" (Ngay từ khoa 1908 đã có một kỳ thi đặc biệt bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp).

— *Thế Kỷ 21* số 29, tháng Chín 91, trong bài "Ai cứng đầu?" tôi đã bác cả "nội lý" lẫn "ngoại lý" của ông.

— *"Ngoại lý".* Tuy câu Salles viết có thể hiểu là năm 1908 có một khoa thi cả chữ quốc ngữ lẫn chữ Pháp nhưng sự thực là năm 1908 chẳng có một khoa thi nào cả! Hơn nữa, bài viết từ *1907,* tức là một năm trước khi có "khoa thi 1908" thì làm sao Salles lại có thể dùng những chữ *"a été* introduite" vốn để trỏ vào quá khứ? Viết như thế là sai văn phạm! Câu này trỏ vào những đề nghị cải cách đã được đưa ra từ 1906 thì hợp lý hơn.

— Về *"nội lý,"* tôi viết rằng bài "Cũng đi thi" rất có thể là một bài thơ ngụy tạo mặc dầu giọng rất giống Tú Xương. Bài như thế này:

Cũng đi thi
Tấp tểnh người đi, tớ cũng đi,
Cũng lều, cũng chõng, cũng đi thi.
Tiễn chân cô mất hai đồng chẵn,
Sờ bụng thầy không một chữ gì!
Lộc nước còn mong thềm giải ngạch,
Phúc nhà may được sạch trường quy.
Bốn kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa,
Á, ớ, u, ơ, ngọn bút chì. (3)

Câu "Tiễn chân cô mất hai đồng chẵn" khiến người ta phải hoài nghi. Thời xưa, thí xinh ở xa thường phải cách sông qua đò mới đến trường thi. Trước khi đi, bạn bè, họ hàng hay "tiễn chân" một món tiền gọi là "tiền đò," sự thực món tiền này không những giúp thí sinh trang trải tiền đò mà cả tiền trọ trong suốt kỳ thi Hương dài khoảng năm tuần. Nhà Tú Xương ở phố hàng Nâu, thành Nam Định, trường thi ở ngay chân thành Nam, đi xe kéo chỉ mất độ mười xu (theo lời một bậc tiền bối đã từng đến nhà Tú Xương để sưu tầm tài liệu) nghĩa là cũng khá gần trường thi. Tú Xương đã không phải qua đò, lại cũng không phải ở nhà trọ thì việc gì "cô Tú" phải "tiễn chân" mất tới hai đồng bạc? Bài đã không chắc do Tú Xương viết, thì lý lẽ dựa vào bài cũng không vững chắc.

— *Thế Kỷ 21* số 73, tháng Năm 95. Trong bài "Tú Xương bắt đầu đi thi từ khoa nào?" Tôi có cho biết đã tìm thêm được tài liệu mới chứng minh tôi vẫn đúng, song vì thấy chuyện đã cũ

nên tôi bỏ qua, với sự đồng ý của *Thế Kỷ 21*. Hai tài liệu mà tôi mới có và nhắc đến trong bài là:

— *Làng Hành Thiện và các nhà Nho Hành Thiện triều Nguyễn của cụ Đặng Hữu Thụ.*

— *Quốc triều Hương khoa lục* của Cao Xuân Dục.

— *Thế Kỷ 21* số 77, tháng Chín 95, trong bài "Tú Xương có thi chữ quốc ngữ hay không? (Góp ý với nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Chân Quỳnh)" NNC Bằng Vũ đã khẳng định là tôi "chưa tìm ra tài liệu nào khác." Vấn đề này tôi sẽ trả lời ở đoạn dưới.

Còn ai là người "khai hỏa trước" thiết tưởng đã rõ ràng.

"Lập trường Tú Xương đi thi bảy khoa"

Trong phần *"I. Tú Xương tham dự cả thẩy bao nhiêu khoa thi Hương?"* NNC Bằng Vũ viết:

"Lập trường của NNC (NTCQ) là bẩy. Lập trường của tôi là tám. Lấy cớ là "phải gạt bỏ khoa 1885 vì chỉ có trường Bình Định kịp tổ chức, và khoa 1887 vì chỉ có trường Thừa Thiên được tổ chức, NNC khẳng định "tính đến khi Tú Xương mất ông chỉ có thể thi bảy khoa..." Theo tôi (BV) thì NNC đã bỏ sót một kỳ. Đó là kỳ ân khoa Đồng Khánh (1886)..."

NNC Bằng Vũ là một người ưa thích "trung thực," không nên cắt xén câu tôi viết rồi gán cho tôi những ý tưởng tôi không có. Nguyên văn câu tôi viết như thế này:

"Khoa 1888 cũng bị loại vì tính đến khi Tú Xương mất, ông chỉ có thể thi bảy khoa mà *ai cũng biết Tú Xương đã thi ít nhất là tám khoa* (Lê Kim Ngân còn nói ông thi tới chín khoa)."

Thiết tưởng "lập trường" của tôi ai đọc cũng rõ là Tú Xương đi thi tám khoa, chỉ riêng NNC Bằng Vũ cho là tôi đã "khẳng định" Tú Xương chỉ thi có bảy khoa. Nếu tôi nghĩ Tú Xương chỉ thi có bảy khoa thì để Tú Xương bắt đầu đi thi từ khoa 1888 là quá đúng rồi, việc gì tôi phải "loại" khoa này ra ngoài? Loại ra vì lẽ gì? Thêm nữa, tôi đã viết mấy trang để tìm và chứng minh Tú Xương bắt đầu đi thi từ khoa 1886, đời nào tôi lại "bỏ sót" khoa này? Nếu NNC chịu khó đọc xuống độ mươi dòng bên dưới sẽ thấy tôi lại viết:

"*Kiểm lại:* Nếu Tú Xương bắt đầu đi thi từ khoa 1886 thì:

- Ông thi đủ tám khoa trước khi mất..."

Trước kia tôi có ngần ngại là ở chỗ không biết chắc Tú Xương chỉ thi có tám khoa hay hơn, nhưng từ khi biết Tú Xương bắt đầu thi từ khoa 1886 thì tôi cũng biết chắc chắn Tú Xương chỉ thi có tám khoa mà thôi. Chưa bao giờ tôi đặt vấn đề Tú Xương đi thi dưới tám khoa!

C- *"Chưa tìm ra tài liệu khác"*

Cũng trong bài "Tú Xương có thi chữ quốc ngữ hay không?" (*Thế Kỷ 21* số 77, tháng Chín 95) NNC xác quyết:

"Mãi *cho tới nay,* dựa vào tờ *Thế Kỷ 21 số mới nhất (tháng Ba, 1995)* NNC (NTCQ) vẫn chưa tìm thấy được tài liệu khác nên vẫn khăng khăng giữ vững lập trường..."

Trước hết, NNC trích bài tôi in trên *Thế Kỷ 21* số tháng Năm 95 chứng tỏ NNC đã đọc số tháng Năm, trong đó tôi cho biết đã tìm được tài liệu mới, sao NNC lại dừng lại ở số tháng Ba và gọi nó là "số mới nhất"?

Thứ nữa, bài của NNC viết ngày 4 tháng Bảy, 95 thì rất có thể NNC cũng đã đọc cả số tháng Bảy, 95, trong có bài Nguyễn Nam Anh "nói chuyện" với tôi và chúng tôi có đề cập tới cuộc tranh luận Tú Xương đi thi quốc ngữ. Tôi cho biết tôi đã tìm thêm được tài liệu mới v.v... Tại sao đến tháng Bảy viết bài mà NNC vẫn chỉ có số "mới nhất" là số tháng Ba? Còn những số tháng Năm và tháng Bảy thì để đâu? Phải chăng vì những tài liệu mới vẫn chứng minh tôi đúng nên chúng không "mới"? Hay vì chúng không hợp ý NNC nên NNC coi như chúng không có?

Khi viết "5% còn lại xin hẹn khi có thêm tài liệu sẽ công bố" là tôi nghĩ đến tìm cuốn *Hương Khoa Lục* của Cao Xuân Dục, vì tôi biết nó nằm trong thư viện trường Viễn Đông Bác Cổ ở Paris. Vì nhiều lý do, đặc biệt vì thư viện này đóng cửa trong mấy năm liền để sửa sang nên tôi không đi thư viện được. Tôi cũng có nhờ một số bạn bè quen giúp đỡ nhưng không có kết quả nên phải bó tay cho tới khoảng 1993 mới mua được cuốn *Làng Hành Thiện...* của cụ Đặng Hữu Thụ ghi chép tỉ mỉ các khoa thi Hương trường Hà Nam (Nam Định) từ 1886 đến 1915. (Cụ Đặng Hữu Thụ đã đọc *Hương Khoa Lục* và đối chiếu với những bài tường thuật mỗi khoa thi in trên báo tây như *Avenir du Tonkin, Revue indochinoise* v.v...) và sau đó ít lâu tôi mua thêm được cuốn *Hương Khoa Lục.* Trước đây tôi không trích dẫn vì nghĩ sự thực đã quá hiển nhiên nay xin trích:

1- Trích Cao Xuân Dục

- Khoa 1906. Đặc điểm khoa này chỉ nằm trong sáu dòng rưỡi, tức là độ một phần tư trang, nói về chuyện ăn mừng Hoàng Thái Hậu 50 tuổi nên cho phép các trường thi lấy thêm người đỗ. Cao Xuân Dục không đả động gì đến chuyện thi quốc ngữ.

- Khoa 1909. Những đặc điểm khoa này chiếm một trang rưỡi, nghĩa là dài gấp sáu khoa 1906. Cao Xuân Dục viết "Khoa này (1909) chiếu theo lời bàn năm Thành Thái thứ 18 (1906) cho đổi định phép thi bốn trường: Thừa Thiên, Bình Định, Nghệ An, và Thanh Hóa như sau:

Kỳ 1: 10 bài văn sách (kinh nghĩa, Nam sử, Bắc sử).

Kỳ 2: thơ phú.

Kỳ 3: một bài luận chữ Nho, một bài luận chữ quốc ngữ.

Một kỳ dành riêng cho những thí sinh tình nguyện thi chữ Pháp dịch ra quốc ngữ.

Phúc Hạch (coi như kỳ năm nếu kể cả kỳ thi tình nguyện chữ Pháp) gồm:

Một bài văn sách, một bài phú, một bài luận quốc ngữ.

Riêng trường Hà Nam việc thi thơ phú, kinh nghĩa bãi bỏ nên phép thi hơi đổi khác:

Kỳ 1: năm bài văn sách (văn chương, luân lý, Bắc sử, Nam sử, địa dư, chính trị Đông Dương).

Kỳ 2: hai bài luận chữ Nho.

Kỳ 3: hai bài luận chữ quốc ngữ.

Kỳ 4 - Phúc Hạch: một bài luận chữ Nho, một bài luận chữ quốc ngữ v.v...

... Các điều khoản khác cũng giống như bốn trường ở Trung Kỳ."

- *Khoa 1912.* Đặc điểm khoa này chỉ còn nửa trang. Cao Xuân Dục cho biết các môn thơ phú đều bãi bỏ châm chước theo phép thi trường Hà Nam khoa 1909.

Về niên hạn thì thí sinh phải từ 40 tuổi trở xuống, còn các điều khoản khác theo như khoa trước." (4)

2- *Trích Đặng Hữu Thụ*

- *Khoa 1906* khai mạc ngày 16 tháng Mười Một, 1906 (Âm lịch là ngày mồng 1 tháng Mười năm Bính Ngọ) và bế mạc vào ngày 25 tháng Mười Hai, 1906. Không đả động gì đến chuyện thi quốc ngữ khoa này.

- *Khoa 1909* khai mạc ngày 6 tháng Mười Một, 1909 (Âm lịch ngày 24 tháng Chín, Kỷ Dậu). "Khoa thi Hương này là khoa đầu tiên theo quy chế mới. Từ khoa thi Hương năm 1906 trở về trước, các khoa thi Hương được tổ chức theo cựu chế. Các bài thi theo cựu chế đều làm bằng chữ Hán và bao giờ cũng có bài kinh nghĩa, thơ phú, văn sách...

Nghị định ngày 30 tháng Ba, 1908 của Thống sứ Bắc kỳ được Toàn quyền Đông Dương duyệt ngày 3 tháng Tư, 1908 ấn định các môn thi theo tân chế:

Kỳ 1: năm bài văn sách bằng Hán văn (đề mục là luận lý, văn chương, triết lý, sử ký Trung Hoa và Việt Nam, việc tổ chức hành chánh Đông Dương và luật lệ Việt Nam).

Kỳ 2: hai bài luận Hán văn.

Kỳ 3: Các bài luận quốc ngữ (hỏi về văn chương, địa lý, sử ký, khoa học và tính đố).

Kỳ Phúc Hạch

Pháp văn là môn thi tình nguyện, không bắt buộc."

Trên đây là những bằng chứng trực tiếp cho thấy quốc ngữ chỉ thực sự bắt đầu thi từ năm 1909.

Trong bài "Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không?" (*Thế Kỷ 21* số 23) tôi đã đề cập đến những bằng chứng gián tiếp: ấy là con số thí sinh dự khoa 1909 giảm sút rất nhiều so với các khoa trước. Lúc ấy tôi chưa sưu tầm được đầy đủ số sĩ tử mỗi khoa, nay đã có đủ, xin chép ra đây:

Khoa 1897: 12,000 người dự thi.

Khoa 1900: 12,948 người dự thi.

Khoa 1903: 10,349 người dự thi.

Khoa 1906: 6,121 người dự thi (kỳ này Thống sứ Bắc kỳ hạn chế số sĩ tử vào khoảng 6,000 người vì sợ sĩ tử tập trung đông đảo sẽ gây khó khăn cho cuộc trị an).

Khoa 1909: 3,068 người dự thi.

Khoa 1912: 1,398 người dự thi.

Khoa 1915: 1,886 người dự thi.

Số sĩ tử giảm sút rất nhiều kể từ khoa 1909, khi bắt buộc phải thi quốc ngữ. Đó là vì nhiều người thấy quốc ngữ do các giáo sĩ ngoại quốc đặt ra lại do một số thông ký thiếu đức độ sử dụng, dựa thế Tây hống hách bắt nạt dân đen nên cho học quốc ngữ là "vọng ngoại" là "vong bản" thà bỏ thi chứ không thèm học quốc ngữ. Cụ Đặng Hữu Thụ còn nêu thêm lý do vì "dụ" công bố quá muộn nên một số sĩ tử ở xa không có thầy, không kịp học chương trình mới (ngoài quốc ngữ còn khoa học, tính đố v.v...)

Nhà nghiên cứu đã "khấn nguyện" cho tôi tìm ra tài liệu mới, lòng thành của NNC đã thấu đến trời xanh khiến tôi mua được hai cuốn *Làng Hành Thiện...* và *Hương Khoa Lục.* Hẳn nay NNC đã mãn nguyện?

II- Những "Chứng Tích Gốc"

1- Chứng tích số 1: Bulletin du Comité de l'Asie francaise, số 75 (Juin 1907)

Đây là lần thứ ba NNC dẫn tờ báo này. Hai lần trước là:

- *Thế Kỷ 21* số 20, trong bài "Từ nghị định Doumer..."

- *Thế Kỷ 21* số 26, mục "Trao đổi."

Lần này tuy trích dài dòng hơn, nhưng câu chính vẫn là "Déjà, à la session de *1906...*" mà NNC dịch là "Ngay trong kỳ thi năm 1906, một môn thi đặc biệt cho tiếng Việt và tiếng Pháp đã được áp dụng."

Trong *Thế Kỷ 21* số 26 NNC chép là "A la session de *1908...*" nay sửa lại là *1906.* Tôi chưa có điều kiện đi thư viện để xem 1908 đúng hay 1906 đúng, song tôi đã trả lời về năm 1908 trong bài "Ai cứng đầu?," nay chỉ trả lời về khoa 1906 và về bài báo đăng trên *Bulletin du Comité de l'Asie francaise,* số 75, Juin 1907 cùng tác giả bài báo này.

Căn cứ vào bài của NNC trong *Thế Kỷ 21* số 26 thì tác giả bài báo là A. Salles và tựa đề của bài là "Les Annamites et l'instruction occidentale." A. Salles là một người Pháp biết nhiều về Việt Nam song riêng về Khoa cử không thể sánh với Cao Xuân Dục được. Cao Xuân Dục không những là tác giả hai bộ sách nổi tiếng về Khoa cử (*Quốc triều Hương Khoa Lục* và *Quốc triều*

Đăng Khoa Lục) mà còn từng là khảo quan cả thi Hương lẫn thi Hội. Salles là người làm việc cẩn thận và tỉ mỉ, khi ông chứng kiến lễ Xướng Danh khoa 1897, trường Hà Nam (Nam Định) ông đã chụp ảnh khảo quan và ghi rõ tên tuổi với đầy đủ các dấu sắc, huyền, hỏi v.v... cùng chức tước và ngày tháng. Nếu ông là chứng nhân khoa 1906 thì chắc ông còn đưa thêm ra những "chứng tích" khác chứ không phải chỉ một câu xác nhận suông. Trong khi ấy ngoài đặc điểm khoa 1906, Cao Xuân Dục còn chép đầy đủ tên tuổi, quê quán các tân khoa và Đặng Hữu Thụ thì cho biết ngày khai mạc, bế mạc, số sĩ tử v.v... của khoa 1906.

Còn về khoa 1909, ngoài Cao Xuân Dục, Đặng Hữu Thụ, phải kể đến *Le Concours*... đã nêu ra những chi tiết khó mà có thể bịa đặt được như:

— Số sĩ tử dự thi kỳ một là 3,068 người nhưng đến kỳ hai thì chỉ còn có 408.

— Một trong những đề mục thi quốc ngữ là "Les différents pays de l'Indochine francaise avec leurs capitales et villes principales. Relations commerciales avec les pays voisins" (Các nước trong Đông Pháp với thủ đô và những thành phố chính. Mối giao thương với các nước lân cận) v.v...

Vậy thì giữa một câu xác nhận suông và những chi tiết minh bạch như thế, ta nên tin bên nào?

2- Chứng tích số 2: Dụ Thành Thái ngày 3 tháng Năm 1906

NNC viết "Dụ này lúc đề cập các kỳ thi Hương canh cải lại còn nói rõ ràng địa điểm của khoa thi đặc biệt đó (*Journal Officiel de l'Indochine francaise,* ngày 6 tháng Mười Hai, 1906)..." và vịn vào đạo dụ để xác quyết Tú Xương thật sự có thi chữ quốc ngữ từ 1906.

Khoa 1906 khai mạc ngày 16 tháng Mười Một, 1906, bế mạc ngày 25 tháng Mười Hai, 1906. Dụ ra từ tháng Năm, mà khoa thi mãi đến tháng Mười Một mới khai mạc, sao lại gọi là "chứng tích" được? Theo *Le Concours*... thì sau dụ còn có nghị định do Thống sứ Bắc kỳ J. Morel ký ngày 30 tháng Ba, 1908, Toàn quyền Bonhoure duyệt và ký 3 tháng Tư, 1908 rồi mới "áp dụng" vào khoa 1909.

Journal officiel ra ngày 6 tháng Mười Hai, 1906 thế mà lại được "áp dụng" ngay vào khoa thi đang diễn ra, mới biết con Rồng cháu Tiên cũng có khác, không cần chuẩn bị cũng thi được như thường!

Trong khi ấy Cao Xuân Dục viết về khoa 1909 cho biết đến khoa này mới "áp dụng" dụ Thành Thái. "Khoa này (1909) chiếu theo lời bàn năm Thành Thái thứ 18 (1906) cho đổi định phép thi bốn trường..." Cao Xuân Dục phải viết sau khi khoa thi bế mạc mới có thể có danh sách các ông Tân Khoa.

Ngoài Cao Xuân Dục ra, còn Đặng Hữu Thụ và *Le Concours*... cũng đều viết sau khi khoa 1909 bế mạc và đều đưa ra những chi tiết chứng minh khoa 1909 mới bắt đầu thi quốc ngữ. Đấy mới là những "chứng tích."

NNC trách tôi "khăng khăng giữ vững lập trường" song thử hỏi tôi đã có trong tay những bằng chứng "hùng hồn" như vậy tại sao tôi lại không tin mà đi tin vào một đạo dụ ra trước khoa thi, hay vào một câu xác nhận suông chẳng kèm theo một chi tiết nào về khoa 1906, của một người Pháp không chuyên về Khoa cử?

3- Chứng tích số 3: "Bốn kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa"

Đây là lần thứ tư NNC viện dẫn câu thơ này. Ba lần trước là:

— *Lần thứ nhất, Thế Kỷ 21* số 14,, "Kể từ năm 1900 một Tú Xương tích cực chuẩn bị thi Hương phải hội nhập chữ quốc ngữ. Ông đã không úp mở nói đến kỳ thi đó:

"Bốn kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa,
Á, ớ, u, ơ, ngọn bút chì."

Từ bốn kỳ như trước đây, nay các thí sinh phải thi thêm một kỳ thứ năm dành cho bộ môn mới: chữ Quốc ngữ."

— *Lần thứ nhì, Thế Kỷ 21* số 20, "Sự việc ông (Tú Xương) dự một kỳ thi Hương "Bốn kỳ trọn vẹn," lại đèo "thêm kỳ nữa," ông đã trung thực ghi nhận như các văn bản xưa cũ nhất đã sao chép."

— *Lần thứ ba, Thế Kỷ 21* số 26, ."... Tôi xin phép được tiếp tục "cứng đầu" trả lời là "Tú Xương thực sự có thi chữ quốc ngữ."

"Bốn kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa
Á, ú, u, ơ, ngọn bút chì."
Đó là nội lý..."

Trong bài "Ai cứng đầu?" tôi đã viết không có gì đảm bảo bài "Cũng đi thi" do Tú Xương sáng tác. Tú Xương hay làm thơ nhưng không chép lại thành tập nên trước kia phần nhiều người ta biết thơ ông là nhờ truyền khẩu. Mãi sau mới có người sưu tầm in thành sách song thường in lẫn cả những bài thơ không chắc do Tú Xương làm (5).

NNC xác quyết Tú Xương đã viết câu "Bốn kỳ trọn vẹn..." để trỏ vào khoa thi 1906. Nếu NNC đọc lại cả bài "Cũng đi thi" thì sẽ thấy ngay trên câu "Bốn kỳ trọn vẹn..." còn một câu nữa cũng rất đúng chú ý:

Phúc nhà may được sạch trường quy.
Bốn kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa...

Xin hỏi: Một người "nổi tiếng tài hoa" như Tú Xương, xưa nay hỏng thi chỉ vì "phạm trường quy," khoa này may mắn lọt vào cả năm trường, lại "sạch trường quy" tại sao không đỗ, dù chỉ

đỗ lại một cái "Tú tài quèn," "rốt bảng" như khoa Giáp Ngọ (1894)?

Hơn nữa, NNC có thể chấp nhận cả hai bài "Cũng đi thi" và "Buồn vì hỏng thi" đều do Tú Xương viết về khoa 1906 mà không thấy có vấn đề gì thắc mắc cả. Tôi khác. Trong "Cũng đi thi" Tú Xương viết:

Phúc nhà may được sạch trường quy.

nhưng trong "Buồn vì hỏng thi" ông lại viết:

Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy!

Dĩ nhiên ông viết câu thơ này sau khi thi khoa thứ tám, tức khoa 1906.

Không thể nào cùng trong một khoa thi (1906) mà Tú Xương lại vừa "sạch trường quy" vừa "phạm trường quy"! Một là "phạm" hai là "sạch" không thể ỡm ờ vừa "sạch" vừa "không sạch" được.

Nếu với bằng ấy "chứng tích" và lý lẽ mà NNC vẫn nhất quyết Tú Xương có thi chữ quốc ngữ khoa 1906 thì chắc là Tú Xương tự đặt ra đề mục và tự ngồi thi một mình, còn khảo quan thì phải đợi đến 1909 mới ra đề thi quốc ngữ.

*

Nhà nghiên cứu nói đúng, quả thật tôi đã "khăng khăng giữ vững lập trường" từ bài đầu tiên đến bài này, vẫn một mực nói Khoa cử chỉ cải cách từ năm 1909, song trong mỗi bài viết về sau tôi đều đưa thêm ra hoặc bằng chứng mới, hoặc lý lẽ mới. Còn NNC thì từ đầu chí cuối chỉ đưa ra có chừng ấy "chứng tích," song quả đã uyển chuyển đổi từ 1903 (*Thế Kỷ 21* số 14) qua 1908 (*Thế Kỷ 21* số 26) và nay dừng lại ở 1906 (*Thế Kỷ 21* số 77). Biết đâu nếu tiếp tục, sau khi thử qua các năm 1904, 1905, ... đi hết một vòng NNC lại chẳng đứng lại ở 1909?

NNC cho biết ông thích đọc bài tôi viết nhưng hình như ông chỉ "thích đọc" một cách lơ đãng, cho nên có những chỗ hiểu lầm, và đọc xong thì quên sạch sẽ cho nên cứ mách đi mách lại mãi những "chứng tích" ông đã đưa ra nhiều lần và tôi đã trả lời.

NNC sẵn sàng "góp ý" nhưng xem ra lại không sẵn sàng đối thoại nên bất chấp những bằng chứng và lý lẽ tôi viện dẫn, chỉ một mực "góp ý," khiến tôi cứ phải nhắc đi nhắc lại những điều tôi đã viết. Nếu NNC chịu giảng cho tôi hiểu vì sao tôi không nên tin vào Cao Xuân Dục, Đặng Hữu Thụ, *Le Concours*... mà chỉ nên tin vào dụ Thành Thái hay Salles thì có phải một khi hiểu ra, tôi sẽ không còn "khăng khăng" nữa không? Không đếm kể đến những bằng chứng tôi dẫn, lại muốn tôi đừng "khăng khăng" thì quả là đòi hỏi một điều vượt xa khả năng của tôi, phải là một người "siêu quần bạt tụy" mới làm nổi! Thôi thì đành trông vào công luận vậy.

Đã từ lâu, nhiều người khuyên tôi đừng trả lời nữa, vậy tôi xin chấm dứt cuộc tranh luận về Tú Xương đi thi quốc ngữ ở đây. Bằng cớ đã hiển nhiên, viết đi viết lại hóa nhàm chán.■

Châtenay-Malabry, tháng Chín, 1995

Chú thích:

1. Trần Lê Sáng, *Phùng Khắc Khoan,* Hà Nội, 1985, trang 30.
2. Theo *Đại Nam Thực Lục chính biên,* XVI, trang 50-5 thì trước năm 1834, các sĩ tử miền Nam thi chung với sĩ tử miền Bắc có điều sút kém nên số người đỗ hai miền không quân bình (miền Bắc đỗ nhiều hơn miền Nam) nên lệ năm 1834 cho các sĩ tử miền Nam, miền Bắc thi riêng, đề mục cũng khác và chấm thi không giống nhau.
3. Trích Bảo Vân, trang 116, trừ câu "Bốn kỳ trọn vẹn..." đổi theo ý NNC.
4. Trước kia thí sinh đi thi không bị hạn chế tuổi.
5. Cũng theo lời bậc tiền bối đã đến tận nhà Tú Xương thì chính con trai nhà thơ cũng không thuộc thơ của cha, phải nhờ một người trong họ giúp.

Sách tham khảo:

- Bảo Vân, *Thơ Nôm Yên Đổ - Tú Xương.* Canada: Quê Hương, 1980?
- Cao Xuân Dục, *Quốc triều Hương Khoa Lục,* nhà xuất bản TPHCM, 1993. Dịch giả: Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm. *Quốc triều Đăng Khoa Lục,* Sàigòn: Bộ Quốc gia Giáo dục, 1962. Dịch giả: Lê Mạnh Liêu.
- Đặng Hữu Thụ, *Làng Hành Thiện và các nhà nho Hành Thiện triều Nguyễn.* Pháp, 1992?
- *Le Concours triennal du Tonkin pour 1909. Hà Nội - Hải Phòng. Imprimerie d'Extrême-Orient.*
- Trần Lê Sáng, *Phùng Khắc Khoan,* Hà Nội, 1985.
- *Đại Nam thực lục chính biên,* XVI. Hà Nội: Khoa Học, 1966. Dịch giả: Nguyễn Danh Chiên, Ngô Hữu Tạo.

Một cách quảng cáo

Một dân biểu Dân Chủ mang vào quốc hội Mỹ bức tranh hài hước vẽ chủ tịch Hạ viện Newt Gingrich đang khóc như một đứa bé, đăng trên trang nhất một nhật báo ở New York. Phe Cộng hòa của ông Gingrich phải bỏ phiếu một quyết nghị cấm mang bức tranh đó vào quốc hội. Chỉ tờ báo có lợi vì được quảng cáo.

Đóng thuyền vượt biên

Trong thời gian dân Québec bỏ phiếu chọn ly khai khỏi Canada hay không nhiều người hoảng hốt lo chuyển tiền đi sang tỉnh khác hay sang Mỹ. Một số người Việt Nam lo đi đóng thuyền, mua bến.

CHIA TAY Ý THỨC HỆ

HÀ SĨ PHU

(Tiếp theo số 79)

3) HỎI: Tại sao nói Chủ nghĩa Duy vật Lịch sử mang tính Duy tâm và Siêu hình?

ĐÁP: Nói cách khác: chủ nghĩa Duy vật lịch sử Mác xít đã chống lại tinh thần Duy vật Biện chứng. Cái nhìn của chủ nghĩa Duy vật lịch sử Mácxít đối với con người và xã hội luôn cắt rời, cực đoan và phiến diện. Ví dụ:

+ "Con người" có thuộc tính cá nhân và thuộc tính xã hội thì về lý luận Mác-Lê để cho "con người xã hội" nuốt chửng mất "con người cá nhân," để trong thực tế tạo tiền đề cho một vài cá nhân nuốt chửng xã hội.

+ Đảng Cộng sản cũng như Con người, có mặt phải mặt trái, mặt thiện mặt ác thì Mác Lê chỉ thấy mặt thiện. Trong khi đó xã hội "tư bản" cũng có hai mặt thì Mác Lê chỉ thấy mặt trái.

+ Nhà nước bao giờ cũng có hai mặt công ích và tư lợi, nhưng Mác-Lê chỉ nhìn thấy bản chất tư lợi xấu của Nhà nước nên phấn đấu làm tiêu vong Nhà nước, kết quả là cái Nhà nước quá độ mà các ông tạo ra lại quá nhiều tính tư lợi mà không ai làm tiêu vong nó được, (trừ khi xã hội ấy nhất tề từ chối chủ nghĩa Mác-Lê như Liên xô và Đông Âu.)

+ Sở hữu tư nhân hay sở hữu tập thể đều có hai mặt tích cực và tiêu cực, nhưng Mác Lê chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực của tư hữu và chỉ nhìn thấy mặt tích cực của công hữu, nên phá tư hữu, lập công hữu. Hệ quả là tạo điều kiện cho một số người chiếm của công thành của tư và đang trở thành những nhà tư sản thực thụ.

+ Sự "chiếm hữu" trong xã hội như cái sào huyệt *mafia* gồm hai buồng: chiếm hữu tư liệu sản xuất và chiếm hữu quyền lực. Nhưng Mác Lê chỉ nhìn thấy một kẻ thù là chiếm hữu tư liệu sản xuất, bèn nống cái quyền lực lên để dùng nó diệt cái chiếm hữu tư liệu sản xuất. Ai ngờ cái chiếm hữu quyền lực còn tai ác gấp vạn lần.

+ Vấn đề "giá trị thặng dư" cũng vậy. Cũng có hai mặt: phát triển kinh tế và tạo nguy cơ mất công bằng. Nhưng Mác-Lê chỉ nhìn thấy mặt "bóc lột" của giá trị thặng dư mà không thấy mặt tích cực và hợp lý của nó. Kết quả là bây giờ các đảng viên vừa được khuyến khích "làm giầu" (thực chất là bằng cách bóc lột giá trị thặng dư chứ gì nữa), lại vừa phải nói khéo để

Hà Sĩ Phu

khỏi làm tủi vong linh tác giả "Tư bản luận."

+ Vấn đề "đấu tranh giai cấp" cũng có hai mặt, mặt làm đối trọng tích cực để làm xã hội phát triển và mặt phá phách làm nhiễu xã hội. Nhưng Mác Lê tâng bốc đấu tranh giai cấp thành động lực duy nhất thúc đẩy tiến hóa để có sức mạnh mà giành chính quyền, đến lúc mình cầm quyền rồi, quan hệ giai cấp vẫn còn đó thì xử lý với chuyện "đấu tranh giai cấp là động lực của tiến hóa" ra sao để cái ghế của mình được yên? Cái thuyết "đấu tranh giai cấp" và chống kinh tế thị trường của cụ Mác bây giờ lại làm ta "kẹt" quá, vậy thì nó phải "mềm đến mức có thể uốn được"! Nên bây giờ cụ Mác đang bị uốn, và xem chừng khi cụ Mác chịu uốn không nổi nữa thì đến lượt cụ Hồ...

+ Chủ nghĩa Mác-Lê nói "Trong xã hội có giai cấp thì đấu tranh giai cấp là động lực của tiến hóa." Nhưng xã hội có giai cấp chỉ là một giai đoạn trong lịch sử loài người (chính Mác-Lê đã nói thế.) Vậy xin hỏi: Trong toàn bộ lịch sử loài người nói chung, kể cả khi có giai cấp và khi không có giai cấp, thì động lực của tiến hóa nói chung là gì?

Bởi chưa quan tâm đúng mức đến cái toàn bộ đã quyết đoán về cái cục bộ, nên tiến trình cách mạng Vô sản lên chủ nghĩa Cộng sản cứ như một ngoại lệ, ngang phè phè, trật khớp ra khỏi lịch sử. Ăng ghen lại biện bạch điều đó bằng tính cách mạng "đoạn tuyệt một cách triệt để nhất..." (!)

Nếu biết nhìn lịch sử một cách thật biện chứng như một quá trình thống nhất ắt các ông phải thấy "trí tuệ" mới là động lực (động lực mang tính khách quan, khác với động cơ mang tính chủ quan), và không dựng ra một học thuyết đấu tranh giai cấp rùm beng như thế.

+ Tính cực đoan, phiến diện ấy khi thì gây ra bệnh quá tả như trên vừa nói, khi thì gây bệnh hữu khuynh: Đấu tranh sinh tồn (trong đó đấu tranh giai cấp là một biểu hiện) là quy luật phổ

biến, bao giờ hết được. Vậy mà các ông định làm một "cuộc chiến đấu cuối cùng" là nghĩa làm sao? Dựa vào ý tưởng hữu khuynh về đấu tranh giai cấp ấy những người cầm quyền Cộng sản đã kìm hãm tối đa sự đấu tranh giai cấp của những giai cấp và tầng lớp lao động mới.

+ Công trình lớn nhất của Mác là tập "Tư bản," rất công phu, rất nhiều kiến thức nhưng điều mấu chốt thì lại không giúp gì cho việc giải bài toán xã hội. Chẳng những thừa mà còn có hại cho mục đích này bởi nó gây sự hiểu lầm, tưởng rằng tội lỗi sinh ra là ở chỗ có giá trị thặng dư. Nhà triết học đập vào "giá trị thặng dư" thì khác nào người công nhân trút căm thù vào máy móc.

Tách bài toán phân chia sản phẩm ra khỏi bài toán phân chia quyền lực và bài toán phát triển sản xuất thì làm sao tìm ra đáp số cho bài toán xã hội?

Nhiều người vẫn nghĩ rằng việc đề cao yếu tố kinh tế như trên và việc tìm ra một lực lượng vật chất là giai cấp công nhân là bằng chứng về tính duy vật của chủ nghĩa. Song, như đã phân tích trong phần "vật chất và ý thức": nếu duy vật một cách phiến diện, cắt rời, mang tính định hướng chủ quan và lãng mạn thì lại chạy sang duy tâm.

Nói "duy vật," "duy tâm," là dùng hệ ngôn ngữ chúng ta đã quen dùng. Theo ý riêng tôi trong hệ tư duy mới thì ranh giới duy vật duy tâm không thể tồn tại như ta quan niệm, và khi ấy vấn đề sẽ được diễn đạt một cách khác.

Tóm lại toàn bộ nhãn quan "duy vật lịch sử" Mác xít là một nhãn quan phi biện chứng, đầy tính duy tâm chủ quan. Những điều này tôi đã phân tích trong một tài liệu có tính chất lý luận cơ bản: "Đôi điều suy nghĩ của một công dân."(ĐĐSN...) (1.)

Nhiều luận lý Mác xít là những "tam đoạn luận" máy móc, xuất phát từ một tiên đề chủ quan nên kết thúc phi lý. Ra đời trong giai đoạn chưa chín của Văn minh Công nghiệp, phương pháp luận Mác xít đã mang nhiều dấu ấn của "bệnh Công nghiệp": "công nghiệp" hơn cả Công nghiệp, thể hiện ở xu hướng thích quy mô lớn, thích đồng loạt, thích cơ chế một cách máy móc (thậm chí biện chứng một cách máy móc, "uyển chuyển" một cách máy móc), thích kinh tế, cực đoan hóa tính "vật chất," cực đoan hóa sự phân tích và loại trừ...

Nói "công nghiệp" hơn cả Công nghiệp là vì: Công nghiệp sản xuất đại trà trên cơ sở sản xuất chính xác từng đơn vị sản phẩm. Còn Mác quan tâm đến "tổng thể những quan hệ xã hội," quan tâm giải phóng xã hội, mà vi phạm sự giải phóng cá nhân (nên coi nhẹ vấn đề Quyền Con người, vì nghĩ rằng Xã hội là đã có Con người nằm trong đó rồi!) (2)

Nói "công nghiệp" hơn cả Công nghiệp là vì trong quy trình vận hành của Công nghệ bao giờ cũng phải có "cơ chế ngược" (*feedback*) để tự kiểm tra, tự khống chế, tự dừng, tự sửa chữa..., nhưng Chuyên chính Vô sản là bộ máy máy chỉ vận hành theo chiều thuận mà hoàn toàn không có những "cơ chế ngược" ấy, nên lúc đầu thì ổn mà về sau quyền lực cứ bành trướng vô hạn độ, đến nỗi người thiết kế ra nó cũng trở thành nạn nhân!

Những điều này cùng với những đặc điểm mang tính lãng mạn và phong kiến (sẽ phân tích sau) chắc cũng đủ cho nhận định rằng Chủ nghĩa Xã hội Mácxít chỉ là đại biểu cuối cùng của dòng thác chủ nghĩa Xã hội không tưởng.

Hệ lý luận Mác xít càng phát triển càng tự mâu thuẫn, càng xa thực tế và càng lúng túng, bởi xây dựng trên những tiên đề và phương pháp luận chủ quan, phiến diện. Nói đến sai lầm của học thuyết này thì sai lầm đầu tiên và bao trùm hết thảy chính là sai lầm về phương pháp luận! Đảng Cộng sản buộc phải thừa nhận những sai lầm khác nhưng lại kiên quyết bảo vệ phương pháp luận (!.) Xem cái cung cách mà cả một đội ngũ các nhà chính trị và lý luận Mác xít bây giờ đang hì hục nai lưng ra vá víu, che chắn, người ta không khỏi phì cười vì thấy hiện ra một đám anh hề, cố sức lau nhà cho khô nhưng lại cứ để cái rô-bi-nê phía sau ồ ồ phun nước!

4) HỎI: **Nhận định gì về tính Tiền phong và những Dự đoán Mácxít?**

ĐÁP: Tính Khoa học, tính Tiền phong và khả năng Dự đoán là một bộ ba liên hoàn. Nếu có tính Khoa học thật sự, ắt có tính Tiền phong và khả năng Dự đoán. Ngược lại nếu Dự đoán luôn luôn sai hay chủ yếu là sai thì bản chất khó lòng là Tiền phong và Khoa học được.

Một khi chủ nghĩa Mác-Lê đã tự xác định mình là "Chủ nghĩa Xã hội Khoa học" thì việc tự xưng là Đảng Tiền phong và tiến hành những Dự đoán như đinh đóng cột cũng là hợp với tư duy lôgic và "phép biện chứng tự nhiên."

Nhưng ngược lại, nếu những dự đoán như đinh đóng cột ấy đổ thì đương nhiên không ai dám nhận mình là Khoa học và Tiền phong nữa, vì đó là cũng là lôgic tự nhiên và là sự tự trọng tối thiểu.

Người Cộng sản rất tài giỏi trong thực tế tranh đấu, trong đó có sự ứng dụng khoa học thật sự, do đó những dự đoán chiến thuật thường là đúng, nếu không thì sao thắng được. Nhưng dự đoán chiến lược lại là một vấn đề khác hẳn.

Dự đoán Mác xít có tính chiến lược bao trùm nhất, kết tinh của tư duy Cộng sản toàn thế giới là tuyên bố của 81 đảng Cộng sản về "nội dung thời đại": ... "Thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ Chủ nghĩa Tư bản lên Chủ nghĩa Xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng Cách

mạng Xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. ... Là sự sụp đổ của chủ nghĩa Đế quốc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa, là sự xuất hiện ngày càng nhiều dân tộc tiến lên con đường XHCN. Giai cấp Công nhân quốc tế, mà đại diện là những Đảng Mác xít Lênin nít chân chính, đang đứng ở vị trí trung tâm của Thời đại mới, đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa Xã hội!"

Đảng Cộng sản Việt Nam còn đi xa hơn, không phải "dự đoán" nữa mà đã nhìn thấy "ba dòng thác": dòng thác tan rã của chủ nghĩa Tư bản, dòng thác sinh sôi của chủ nghĩa Xã hội và dòng thác của thế giới thứ ba.

Đối chiếu với thực tế ngày nay, liệu còn gì để bình luận?

Hãy chú ý rằng đấy là trí tuệ tập trung của cả thế giới Cộng sản, trí tuệ ở vào lúc khá nhất của phong trào Cộng sản (khá nhất vì trong đó tính giai cấp kiêu ngạo cực đoan phi thực tế đã được điều chỉnh đi rất nhiều), khá đến mức bị những người Cộng sản khác lên án là "xét lại," mà còn sai đến mức lộn ngược như thế thì hệ thống lý thuyết ấy ở dạng "chân chính" còn khủng khiếp biết chừng nào?

Vậy mà đến tận hôm nay, những trí thức gọi là tiên tiến nhất của thế giới tư duy Cộng sản vẫn chưa nhìn ra được cái sai từ nơi gốc rễ, vẫn cứ xưng là "Khoa học," là "Tiền phong," thì đủ biết khả năng "ngu hóa" của lý thuyết ấy đã đến độ tuyệt hảo vậy.

Có người không đồng ý với tôi, lại bảo: Người ta chẳng dốt đâu, người ta biết cả đấy!

Nếu vậy thì còn kinh khủng hơn. Đẩy được trí tuệ ra khỏi đầu những người vốn thông minh đã là điều tài tình, thì việc đẩy được lương tâm và danh dự ra khỏi những trái tim vốn đầy tính lương thiện và lý tưởng quả là một siêu ma lực đáng để loài người muôn đời nghiền ngẫm.

Kẻ làm chính trị mà dùng được "ngu lực" hay ma lực này thì lo gì không vô địch?

Và người vô địch không bao giờ ngu dốt, trái lại, tinh khôn tuyệt vời.

Thông minh và ngu dốt luôn song song trong mỗi con người, bởi lượng trí khôn mà Tạo hóa ban cho mỗi con người bình thường gần là một hằng số như nhau (Trừ những người bất thường thì không kể. Chỉ số thông minh IQ cũng chỉ là một mặt của trí khôn thôi.) Dùng hết tinh khôn cho việc này thì ngu dốt trong việc khác. Vô địch trong điều kiện này thì đại bại trong điều kiện khác. Thoạt nhìn thì Chân lý mang tính "cù nhầy."

Nhưng nếu lấy sự Tiến hóa và Hạnh phúc chung của cả Nhân quần làm chuẩn thì Chân lý có những tiêu chuẩn xác định, không thể lộn ngược.

Trong cuộc chiến tranh Vệ quốc, Đảng Lao động Việt Nam gồm những người yêu nước nhất, dám hy sinh, biết tổ chức và có sách lược nên có vai trò tiền phong thật sự. Nhưng bước vào giai đoạn "cách mạng" tức cuộc đấu tranh giai cấp nhằm mục đích tối hậu là xây dựng chủ nghĩa Cộng sản thì tình hình dần dần xoay ngược trở lại.

Dựa trên một lý thuyết phi khoa học thì chủ trương và hành động sẽ chống quy luật, sẽ bị thực tế phủ định. Bản chất lạc hậu, không tiền phong, nhưng muốn giành vị trí tiền phong thì quy trình giành lấy tiền phong phải diễn ra theo bốn bước tuần tự :

Bước 1 : Thấy cái "tiền phong thật" ngược với mình, nên coi là phản động.

Bước 2 : Không chống được, đành buông lỏng, để cái "tiền phong thật" tồn tại không chính thức .

Bước 3 : Thấy cái "tiền phong thật" hữu hiệu , hợp lý nên phải làm theo.

Bước 4 : Tuyên bố cái "tiền phong thật" ấy là do mình khởi xướng.

Trong thực tiễn "Cách mạng" Việt Nam, từ việc to việc nhỏ đều có thể dẫn ra vô số sự kiện đã diễn ra theo kiểu ấy, tức là lếch thếch chạy theo thực tiễn để đoạt lấy tiền phong: từ chủ trương khoán sản, thị trường tư nhân, tự do luyến ái, y phục thời trang, quan hệ với người nước ngoài, hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù, nhân quyền, pháp trị, xã hội công dân, tự do lập hội, trí tuệ là động lực ... ... , rồi chẳng bao lâu nữa sẽ là những thứ mà ngày hôm nay đang coi là phản động, như: từ bỏ Chuyên chính Vô sản, Dân chủ đa nguyên, tự do báo chí, tự do truyền bá tư tưởng, thông tin Internet, tự do xuất bản, hủy hệ thống "trường Đảng," nhìn nhận lại bản chất tư tưởng Mác-Lê, nhìn nhận lại vấn đề "tư tưởng Hồ chí Minh" và lăng Hồ chủ tịch, Đảng đối lập, Tổng thống chế, tự do vận động tranh cử... vân vân... (xin nhắc lại: nhiều vấn đề ấy đang bị coi là cấm kỵ, nhưng xin chưa thảo luận ở đây.)

Ngay những bài viết của tôi cũng như của nhiều trí thức tiến bộ, hôm nay còn bị "thông báo nội bộ" coi là phản động thì rồi đây chắc chắn sẽ được coi là quan điểm của Đảng. Nếu rồi đây Đảng cũng nghĩ như thế thật thì rất đáng mừng, vì điều quan trọng đối với xã hội không phải ở chỗ quan điểm ấy là của ai, mà ở chỗ quan điểm tiến bộ ấy được thực hiện như thế nào, do thực tâm muốn đổi mới vì đất nước hay vì buộc phải thích nghi để duy trì được quyền lợi của tập đoàn. Và từ đó sẽ phát sinh những hệ quả rất khác nhau.

Trong những phần sẽ trình bày sau, có đề cập đến một số Dự đoán mang tính hiện thực và Tiền phong bởi nó dựa trên tư duy Khoa học thực sự.

(còn tiếp)

NGÂN SÁCH VÀ BẦU CỬ Ở MỸ

Trong tháng Mười Một, chính phủ liên bang Mỹ phải cho 800 ngàn công chức nghỉ ở nhà một tuần vì tổng thống phủ quyết luật ngân sách tạm thời của quốc hội.

Sau khi tổng thống và quốc hội Mỹ thỏa hiệp để bộ máy hành chánh liên bang làm việc lại, bên nào cũng hãnh diện tuyên bố là phe mình đã thắng.

Phe Cộng Hòa thắng lợi ở điểm nào? Họ nhấn mạnh rằng tòa Bạch Ốc đã phải nhượng bộ, chấp nhận nguyên tắc "cân bằng ngân sách trong vòng bẩy năm sắp tới." Trước đây ông Clinton đề nghị một thời hạn chín năm, ông nói chỉ đồng ý thời hạn bẩy năm nếu ngân sách được soạn thảo với dự đoán kinh tế lạc quan của tòa Bạch Ốc, nhờ thế sẽ cắt giảm chi tiêu về y tế ít hơn.

Bên hành pháp cũng tuyên bố thắng trong trận đấu cân não một tuần đó. Phát ngôn viên của tổng thống nói phe quốc hội đã phải chấp nhận nguyên tắc không được cắt giảm quá đáng ngân sách về y tế cho người già, về giáo dục, và bảo vệ sinh môi. Đó là "những chính sách mà dân chúng Mỹ quan tâm nhất."

Thực ra cuộc tranh chấp giữa tổng thống và Quốc hội Mỹ trong tháng Mười Một chỉ là hiệp đầu. Vấn đề họ quan tâm không phải chỉ là ngân sách, mà là cuộc bầu cử năm 1996.

Trong trận đấu vận động bầu cử đó ông Clinton đã đạt nhiều thắng lợi chính trị không nhỏ. Điều đáng kể đối với các nhà chính trị là dân chúng nghĩ về họ thế nào. Cuộc thăm dò dân ý ngày Chủ Nhật vừa qua cho thấy ông Clinton đang lên. Có 56% dân Mỹ đồng ý việc tổng thống phủ quyết luật ngân sách của quốc hội, chỉ có 36% nghĩ tổng thống không nên phủ quyết. Sáu trên mười người lo ngại đảng Cộng Hòa đi quá xa trong chiều hướng cải tổ chính trị nước Mỹ, thay vì lo ngại đảng Cộng Hòa bị ngăn trở trong việc cải tổ.

Thắng lợi thứ hai của ông Clinton là về khẩu hiệu hai đảng đưa ra. Khi nói đến bất đồng ý kiến căn bản giữa hành pháp và lập pháp, đảng Cộng Hòa nhấn mạnh đến vấn đề phải cân bằng ngân sách. Trong khi đó đảng Dân Chủ nhắc đến vấn đề cắt giảm chi tiêu như thế nào, do đó họ đề cao mối lo âu của Hành pháp là quốc hội cắt giảm chi phí y tế cho người già, học bổng cho sinh viên, bỏ bớt các cơ quan lo bảo vệ sinh môi, trong khi giảm 245 tỷ thuế cho người người giầu.

Trong năm tới hai đảng sẽ tranh cử trên những khẩu hiệu chính trị đó. Bên Cộng Hòa sẽ nhắc nhở dân chúng rằng họ là vô địch trong chủ trương cân bằng ngân sách, trong khi bên Dân Chủ sẽ nhắc dân rằng nhờ họ bênh vực nên các quyền lợi của người già, sinh viên và giới lao động được bảo vệ. Đa số cử tri sẽ thấy luận điệu của phe dân chủ nghe cụ thể, dễ hiểu hơn.

Riêng về cuộc tranh cử tổng thống năm tới thì ông Clinton cũng được lợi rất nhiều trong trận đấu vừa qua vì ông tự tạo được một hình ảnh mới. Người dân đi bầu tổng thống không chọn lựa những chủ trương hay chính sách, mà chọn một nhân vật. Hình ảnh của một ứng cử viên quan trọng hơn các tư tưởng của ông ta. Từ lâu nay Clinton vẫn bị coi như một người không có cá tính lãnh đạo mạnh mẽ, dễ thỏa hiệp và thiếu nguyên tắc. Trong trận đấu trí tuần qua ông đã xóa bỏ được hình ảnh tiêu cực đó. Ông tỏ ra là "có xương sống," có thể đứng mũi chịu sào, có khả năng đương đầu với áp lực của phe đối lập.

Trong vụ này phe Cộng Hòa lại vấp vào những sai lầm lớn vì khinh suất. Ngay từ dự luật ngân sách tạm thời đầu tiên họ đã tỏ ra quá cứng rắn, như đề nghị tăng tiền đóng bảo hiểm y tế cho người già. Ông Clinton đã phủ quyết, đòi quốc hội bỏ điều đó, và quốc hội nhượng bộ. Sự nhượng bộ nhanh chóng này không được ai khen mà còn bị các người lớn tuổi ghét. Họ bị dân chúng coi là quá cứng rắn, gây khó khăn rắc rối về ngân sách một cách vô ích. Nhất là khi dân biểu Gingrich, chủ tịch Hạ viện lỡ lời nói sở dĩ ông cứng rắn với ông Clinton về ngân sách là vì ông giận tổng thống đối xử không lịch sự trên chuyến bay từ Israel về (ông không có dịp bàn chuyện ngân sách với tổng thống trong chuyến bay đi viếng tang thủ tướng Do Thái Rabin, như ông chờ đợi, lúc về còn bị cho đi ra khỏi máy bay bằng cửa sau.)

Khi đặt câu hỏi cho dân Mỹ rằng chính trị gia nào đặt chương trình riêng của mình lên trên lợi ích chung của quốc dân, 60% dân Mỹ đổ tội cho ông Gingrich, 56% nghĩ vậy về ông Dole, chỉ có 43% gán tội đó cho Clinton.

Hai đảng còn một năm trời nữa để tranh cử. Cuộc tranh luận về ngân sách có thể còn kéo dài suốt năm tới, trở thành đề tài chính trong cuộc vận động. Dân chúng sẽ quên các con số chi và thu, họ sẽ chỉ nhớ các khẩu hiệu đơn giản và các hình ảnh của những ứng cử viên. Chắc hai đối thủ chính năm tới sẽ là nghị sĩ Dole và tổng thống Clinton. Và ông Dole sẽ phải nỗ lực rất

nhiều để người dân quên vụ đóng cửa chính phủ vì ngân sách bế tắc trong tháng qua. Một người Mỹ tóm tắt cảm tưởng của ông ta đối với cuộc tranh chấp về ngân sách vừa qua như vầy: "Đảng Dân chủ thì chỉ lo cho bọn (lười) không chịu làm việc, còn đảng Cộng Hòa thì chỉ lo cho bọn (giầu) không cần cần làm việc." Dân chúng càng nhìn các vụ tranh chấp lại càng chán các chính trị gia chuyên nghiệp, đó là điều khiến họ lấy làm tiếc tại sao các người như tướng Powell không chịu ra ứng cử.

MỘT PHONG TRÀO MỚI TẠI VIỆT NAM

Báo *Người Việt* và đài phát thanh VNCR ở California đã phổ biến nhiều tài liệu nhận được từ Việt Nam. Có nhiều dấu hiệu chứng tỏ các tài liệu này đã được lưu hành rộng rãi ở Việt Nam dưới nhiều hình thức, từ các bản chụp thu nhỏ lại cho đến các đĩa mềm dùng để đọc và in lại bằng máy điện toán. Trong số các tài liệu, từ lá thư minh oan của Lê Hồng Hà cho tới bài nhận định của Hà Sĩ Phu, điều trần của Nguyễn Trung Hiếu, v.v. các bản chụp đều cũ, được chụp đi chụp lại nhiều lần trước khi đến tay người Việt ở hải ngoại.

Điều đó cho thấy có một phong trào trong nhân dân mà công an không thể kiểm soát nổi. Người ta có thể nghi ngờ đây là một chiến dịch gài bẫy của công an để các người có ý định chống đối xuất đầu lộ diện và sẽ bị bắt. Nhưng tinh thần chống đối của nhân dân nay đã cao mà ai cũng biết như vậy, không cần công an thí nghiệm để tìm hiểu hay gài bẫy nữa.

Người dân bình thường tuy mải lo chuyện kiếm ăn, một thiểu số lo làm giầu, nhưng không ai không muốn có một chế độ dễ thở hơn, ít nhất để họ có thể làm ăn một cách an toàn hơn, có luật pháp rõ ràng hơn. Mà điều đó chỉ có khi đất nước được dân chủ hóa. Cho nên khi có các tài liệu chống chế độ thì dân chúng truyền nhau đọc và phổ biến rất nhanh.

Điều đặc biệt trong phong trào này là ngoài những tài liệu dài như *Người Việt* và VNCR đã loan tải, còn có những lá thư ngắn được chụp lại và truyền tay và chuyển qua bưu điện. Thí dụ một "Thư Kiến Nghị" ký tên Hai Mươi Bẩy, của 27 nhân vật trí thức. Lời lẽ thư là của những người miền nam đã cộng tác hăng hái với chế độ mới sau ngày 30-4-75, họ tỏ ý thất vọng và yêu cầu cộng sản trả tự do cho các tù nhân chính trị. Lá thư này đòi hỏi "...đảng Cộng sản Việt Nam hãy sớm thả tự do cho những tù nhân chính trị..., mở rộng tự do dân chủ, thích nghi với những tiêu chuẩn quyền con người, theo tuyên ngôn nhân quyền mà Việt Nam là một thành viên..." Một đoạn khác trong kiến nghị đòi "trả tự do cho các tăng lữ, các tín đồ,..." Lời văn chứng tỏ những người soạn thảo không thuộc thành phần học vấn cao, hoặc chỉ là các học sinh vô danh tự động viết truyền đơn để phổ biến. Một lá thư của Kim Tính, trước làm báo Ấp Bắc ở Mỹ Tho đòi đảng Cộng sản Việt Nam ấn hành và phổ biến bản tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hiệp Quốc, sau đó yêu cầu trả tự do cho những người như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt.

Trong một bài nhận định của Hoàng Tự Tiến, tác giả phân tích phản ứng của CSVN đối với Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, v.v. Bài mang tên "Đàn Áp Có Chọn Lựa" cho rằng sở dĩ Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế bị tù nặng vì họ thuộc thành phần miền Nam chưa bao giờ theo cộng sản, còn Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu bị đàn áp ngay là vì họ có tính cách đại diện cho nhiều đảng viên cộng sản khác. Bài này trông cách trình bầy ngay ngắn rõ là đã được đánh máy bằng computer. Theo các nguồn tin ở hải ngoại thì ông Hoàng Tự Tiến thuộc phong trào của giáo sư Nguyễn Đình Huy.

Lá thư của ông La văn Lâm tự Bẩy Liếm đang gây xôn xao dư luận nhất, vì ông ta cũng từng làm công an xung phong. Ông phản đối việc cộng sản cho phép người Mỹ đào nghĩa trang bộ đội để tìm xương quân nhân Mỹ mất tích. Chính sách của đảng cộng sản đối với cựu bộ đội lâu nay vẫn gây nhiều bất mãn. Nay lá thư gửi quốc hội và đảng của La Văn Liếm không nêu rõ chi tiết, không ai biết các nghĩa trang này ở đâu, cho nên có thể gia đình tử sĩ nào của bộ đội cộng sản cũng hoang mang lo ngại. Nhất là hàng trăm ngàn gia đình ở miền bắc không bao giờ biết con cái mình đã chôn ở nơi nào. Suốt thời chiến tranh họ mất tin con cái. Sau ngày 30-4-75 nhiều gia đình nhận được hai, ba giấy báo tử cùng một lúc, nhưng họ không bao giờ biết đích xác mồ mả con cái họ nằm ở nơi nào! Nhiều nghĩa trang liệt sĩ có những nấm mồ không có xác người, vì cán bộ địa phương đắp mộ giả để lấy tiền trợ cấp cho "gia đình liệt sĩ ma."

Phong trào truyền tay tài liệu này giống như ở Việt Nam Cộng Hòa những tháng trước cuộc đảo chính tháng Mười Một 1963. Khi đó tinh thần chống đối trong dân chúng được thể hiện qua những truyền đơn chống chính phủ do các nhóm học sinh tự động làm, những tin đồn, các tin chống đối in thành bản tin theo lối thủ công nghiệp để phổ biến. Chỉ khác là ngày nay có computer và máy chụp xerox. Các cựu đảng viên cộng sản hiện nay đã bớt sợ công an và họ có thể biết các mánh khóe công an rõ hơn người dân thường, họ có thể tạo thành một phong trào chống chế độ kiểu mới. Tình hình hiện nay không thể có một cuộc nổi dậy hay đối kháng

rộng lớn, nhưng sự bất mãn của một số đông đảng viên có thể dẫn tới một thứ "đảo chính trong cung đình."

CÓ PHÉP LẠ KHÔNG?

Chúng ta đã nghe nói rất nhiều về phép lạ kinh tế của bốn con rồng Á đông: Đại Hàn, Đài Loan, Hồng Kông và Tân Gia Ba. Nếu có ai nói ngược lại chắc chúng ta không vui. Nhưng đã có một người nói ngược lại thật, một nhà kinh tế được kính trọng, giáo sư Paul Krugman thuộc đại học Stanford ở California. Trong một bài đăng trên tạp chí *Các vấn đề ngoại giao - Foreign Affairs*, ông Krugman đã trình bầy những lý luận của ông. Bài báo mang tựa đề khiêu khích óc tò mò và sự suy nghĩ của người đọc: "Huyền thoại về phép lạ Á châu."

Ông Krugman thấy phép lạ Á đông chỉ là một huyền thoại, vì sự phát triển kinh tế ở mấy nước này... chẳng có gì lạ hết. Nghĩa là nếu những xứ khác, ở vùng khác, vào thời khác, mà cũng có đủ hai điều kiện kinh tế là tư bản và nhân lực gia tăng thì họ cũng phát triển nhanh như các nước Á đông vậy. Do đó không thể coi là phép lạ.

Các người học về lý thuyết phát triển đều biết công thức này: Phát triển kinh tế = tăng gia nhân dụng làm việc + tăng gia vốn đầu tư vào máy móc + tăng gia Hiệu Năng tổng quát.

Lý luận của Krugman là sự phát triển ở vùng Á đông mấy chục năm qua chỉ nhờ sự gia tăng nhân lực và tư bản, còn Hiệu Năng Tổng quát (Total Factor Productivity) chẳng tăng thêm được chút nào.

Nhân dụng là biến số thứ nhất của hàm số. Nhiều người làm việc hơn, nhân lực có khả năng kỹ thuật cao hơn, thì nền kinh tế phải sản xuất nhiều hơn.

Yếu tố tư bản gồm những máy móc người ta dùng. Muốn có máy móc phải có vốn. Nhiều vốn, nhiều máy móc, thì kinh tế cũng phải gia tăng sản xuất.

Yếu tố Hiệu Năng quan trọng hơn. Năng suất lên cao khi nào người ta dùng một số nhân lực hay vốn mà có thể sản xuất nhiều hơn trước. Cái gì tạo ra năng suất cao? Đó là khả năng cải tiến kỹ thuật, đặc biệt là tổ chức công việc cho hữu hiệu hơn, có sáng kiến khi làm việc, khi sử dụng máy móc, khi sử dụng vốn cũng như sức người. Đây mới là yếu tố có thể tạo ra phép lạ.

Làm cách nào để tính ra bao nhiêu phần phát triển kinh tế là do nhân dụng, bao nhiêu do vốn, và bao nhiêu là do năng suất chung đã gia tăng? Muốn tính ra, người ta dùng phương pháp thống kê học gọi là *regression*, tiếng Việt quen gọi là phép quy hồi. Đại khái phép quy hồi tính được phần đóng góp của mỗi yếu tố trên vào hàm số sản xuất kinh tế. Phép thống kê học này có thể phân tách ra phần đóng góp của mỗi yếu tố trên là bao nhiêu.

Sau khi dùng phép quy hồi tính và thấy sự gia tăng tổng sản lượng quốc nội ở các nước Á đông có thể được giải thích do việc gia tăng nhân dụng, gia tăng vốn, ông Krugman thấy chẳng còn gì khác nữa. Nghĩa là yếu tố thứ ba, Năng Suất Cải Thiện không có mặt trong đó, hoặc là không đóng góp gì đáng kể.

Tất nhiên có người không đồng ý với ông Krugman, nhưng chỉ phê bình ông về phương pháp tính toán. Ông Lý Quang Diệu cho rằng Krugman dùng tỷ số lãi suất của vốn hơi cao, vì thế nên giải thích sự phát triển kinh tế Singapore bằng việc gia tăng vốn và nhân lực cũng đủ, không còn gì khác nữa. Nếu cho lãi suất của vốn là thấp hơn thì còn một phần của sự phát triển để coi là do Hiệu Năng Tổng Quát gia tăng.

Ở Singapore năm 1966 chỉ có 27% dân chúng làm việc, tới năm 1990 có tới 51% dân số có việc làm. Năm 1966 chưa đầy một nửa dân đi làm từng được đi học, sang năm 1990 thì hai phần ba số người làm việc đã tốt nghiệp trung học. Đó là về nhân dụng: nhiều người làm việc hơn và trình độ nhân lực cao hơn. Còn về vốn thì năm 1966 xứ này chỉ đầu tư có 11% tổng số lợi tức, đến năm 1990 tỷ số đó lên tới 40%. Theo Krugman, sự phát triển của Singapore chỉ do người ta làm việc nhiều hơn, học vấn cao hơn, bỏ vốn vô nhiều hơn. Những chuyện này ở đâu cũng vậy, không thể coi là phép lạ, còn Lý quang Diệu không đồng ý.

Nhưng phát triển kinh tế nhờ gia tăng nhân lực và đầu tư chẳng phải là điều đáng mừng hay sao? Đáng mừng, nhưng mừng vừa vừa thôi. Không nên mừng quá, vì nhịp độ phát triển sẽ chậm dần, không thể lẹ như lúc đầu được. Người ta có thể tăng gấp đôi số nhân dụng trong một thế hệ, nhưng không có thể tiếp tục như thế trong thế hệ thứ hai được. Người ta có thể đầu tư thêm máy móc, nhưng sẽ xẩy ra tình trạng gọi là "định luật năng suất tiệm giảm." Thí dụ dùng một máy cầy tăng sản suất rất nhanh, đến cái máy thứ hai thì sản suất tăng ít hơn, mang cái máy thứ bẩy vô có khi chẳng ích lợi gì nữa.

Không chóng thì chầy, nếu yếu tố thứ ba là Năng Suất sử dụng nhân lực và tư bản không tăng thì nền kinh tế sẽ phát triển chậm lại, hoặc ngưng luôn. Trường hợp Liên xô thời xưa là bài học đáng chiêm nghiệm. Những năm sau đại chiến thứ hai, Liên Xô cũng động viên nhân lực và cưỡng bách dân sống khám khổ, dè sẻn để tăng vốn đầu tư. Thời 1950-60 kinh tế Liên Xô cũng tăng trưởng 8% đến 9% mỗi năm, như Việt Nam bây giờ. Trước cảnh đó ông Khruschev tin rằng chẳng bao lâu nữa Liên xô sẽ đuổi kịp và vượt qua Tây phương. Nhưng nền kinh tế Liên

xô không gia tăng được Năng suất tổng quát, cho nên cuối cùng, từ thập niên 1980 kinh tế Liên xô đứng khựng lại.

Riêng đối với Việt Nam thì chúng ta không dám ước mong phép lạ bây giờ. Nếu như chúng ta gia tăng được số nhân lực làm việc và học vấn cũng như khả năng kỹ thuật của nhân công, gia tăng được số vốn đầu tư, thì cũng là đỡ lắm rồi. Còn chuyện năng suất tổng quát, chắc phải để mươi năm nữa mới dám nghĩ đến chuyện gia tăng. Với tình trạng đổi mới kinh tế nửa vời, chập choạng, và không khí chính trị bấp bênh hiện nay, riêng việc có thêm đầu tư vào người vào máy cũng cần phải có phép lạ rồi.

WALESA THẤT BẠI VÀ THÀNH CÔNG

Trong cuộc bầu cử ở Ba Lan ông Walesa đã thất bại, chức tổng thống Ba Lan từ nay thuộc về Aleksander Kwasniewski, một cựu đảng viên cộng sản Ba Lan. Nhưng việc ông Kwasniewski thắng cử cũng chứng tỏ cuộc cách mạng dân chủ ở xứ Ba Lan đã thành công. Nếu Ba Lan, sau sáu năm thí nghiệm dân chủ mà không đủ trưởng thành thì chắc một lãnh tụ đối lập không thể thắng "sát nút" với tỷ số 51,7 - 48,3 trong một cuộc bầu cử trong trật tự và ông hòa như vậy.

Năm 1980 ông Lech Walesa là một người thợ điện ở một xưởng đóng tầu tại hải cảng Gdansk. Ông trở thành người lãnh đạo của phong trào Đoàn Kết (Solidarnos), một phong trào tự phát của công nhân, mà mục tiêu đầu tiên là tranh đấu về quyền lợi và lương bổng. Phong trào trở thành một ngọn lửa lan rộng trong toàn thể xã hội Ba Lan, và cũng thành một điểm hội tụ lôi cuốn những nhà trí thức, thanh niên, và nhất là các linh mục trẻ trong giáo hội công giáo ở Ba Lan. Chính vì vai trò đó mà Solidarnos trở nên quá nguy hiểm đối với chế độ. Sau cuộc đình công kéo dài năm ngày vào tháng Giêng năm 1981, đảng cộng sản đàn áp phong trào, tướng Jaruzelski ban hành thiết quân luật, Lech Walesa bị bắt.

Nhưng khi đảng cộng sản tiếp tục tất bại trong việc nâng cao mức sống của người dân và thợ thuyền Ba Lan thì cuối cùng họ phải chịu thua. Năm 1988 đánh dấu bằng những cuộc đình công trên toàn quốc, cuối cùng Jaruzelski phải hợp thức hóa phong trào Đoàn Kết. Trong cuộc bầu cử năm sau phong trào được phép tranh cử và đã chiếm hầu hết các ghế trong thượng viện và tất cả 169 ghế trong hạ viện (Sejm). Tướng Jaruzelski có can đảm nhân danh đảng cộng sản xin lỗi dân chúng Ba Lan. Ngày nay còn nhiều người Ba Lan yêu quý ông ta, như một cuộc thăm dò dân ý gần đây chứng tỏ.

Năm 1990 ông Walesa thắng cử làm tổng thống Ba Lan, với 74% số phiếu. Năm sau cuộc bầu cử quốc hội đã tạo nên tình trạng phân tán chính trị với 29 đảng phái, trong tình trạng đó vai trò tổng thống của Walesa trở nên rất quan trọng. Nhưng ông đã tỏ ra không phải là một người của thời đại mới. Ông không đưa ra những đạo luật, không thiết lập các định chế, và không lập được một đảng đủ mạnh với một chương trình rõ rệt.

Nhưng từ mấy năm nay các cựu đảng viên cộng sản Ba Lan đã tập hợp lại dưới ngọn cờ mới, đảng Liên Minh Dân Chủ Tả Phái, họ hoàn toàn từ bỏ chủ nghĩa cộng sản. Trong khi đó các phe không cộng sản không thể đoàn kết được thành một lực lượng thống nhất. Họ vốn tập hợp lại với nhau chỉ vì cùng chống lại chế độ cộng sản. Nhưng họ quy tụ rất nhiều khuynh hướng khác biệt. Một thành phần chống cộng mạnh nhất là giáo hội Công giáo Ba Lan, trước đây là một cột trụ của phong trào Đoàn Kết. Nhưng ngoài ra còn thành phần nông dân và trí thức khác. Khi chế độ cộng sản mới sụp đổ, quốc hội mới có khuynh hướng ủng hộ các yêu cầu của giáo hội, như đề cao việc học giáo lý ở trường học, chống ly dị và cấm phá thai, ngừa thai, v.v... Nhiều người chống cộng nhưng không hoàn toàn ủng hộ đường lối đó. Trong cuộc bầu cử năm 1993 đảng "cựu cộng sản" đã chiếm đa số tại quốc hội.

Chính ông Walesa cũng trở thành một đề tài cho nhiều người chống đối. Adam Michnik, một người thuộc phong trào Đoàn Kết từ lâu, nay làm chủ tờ nhật báo lớn nhất ở Ba Lan, *Gazeta Wyborcza*, còn tố cáo ông Walesa có khuynh hướng độc tài.

Ông Walesa vốn không phải là người có học vấn và kinh nghiệm sống với ý thức dân chủ như các nhà trí thức Ba Lan đã tiếp xúc với tư tưởng dân chủ tây phương. Ông đã bị tố giác giống như một "tổng bí thư" đảng cộng sản hơn là một chính khách dân chủ. Điều này làm nhiều người ủng hộ ông bất mãn.

Nhưng ông thua chính vì hai cuộc tranh luận trên đài truyền hình. Trong cuộc tranh luận đầu tiên ngày 12 tháng Mười Một, một phóng viên hỏi Walesa về chủ trương chống phá thai của ông, Walesa, 52 tuổi, đã tỏ ra rất độc đoán và thô lỗ. Ông nói rằng "Nếu việc phá thai mà hợp pháp thì chắc chính anh đã bị trôi xuống cống rãnh nhà thương hồi đó rồi!" Đây không phải là một cách tranh cử khôn ngoan, và chứng tỏ "ứng cử viên Walesa" chưa học được lối tranh cử dân chủ. Ngay những người ủng hộ ông cũng bất mãn về câu trả lời bất nhã của một ông tổng thống thiếu tế nhị. Trong khi đó thì ứng cử viên đối lập, 41 tuổi, chuyên viên kinh tế, đã tranh cử như một chính trị gia Mỹ. Ông và bà vợ trẻ của

ông đã tự trình bầy như một gia đình trung lưu, tân tiến, hướng về tương lai và hoàn toàn dứt khoát với quá khứ chế độ cộng sản.

Ông Kwasniewski đã từng làm bộ trưởng trong chính phủ cộng sản thời xưa. Walesa không quên nhắc dân Ba Lan chi tiết đó trong cuộc bầu cử vừa qua nhưng chắc họ không còn sợ gì cộng sản nữa. Chủ nghĩa đó đã thật sự hết thời rồi. Trong 18 tháng vừa qua, các cựu đảng viên cộng sản đã thắng phiếu trong các cuộc bầu cử tự do ở Hungari, Slovakia và Bulgaria mà không thấy ai muốn trở lại với Marx-Lenin cả.

Lựa chọn của người dân Ba Lan trong kỳ bầu cử vừa qua dựa trên tiêu chuẩn kinh tế. Phần lớn người ủng hộ Walesa là những dân ở đô thị đã hưởng các thành quả của cuộc đổi mới kinh tế. Còn nông dân và công nhân các tỉnh xa ủng hộ phe đối lập vì họ không được hưởng và thấy bị bỏ rơi. Hai ứng cử viên đưa ra các chương trình không khác nhau bao nhiêu: Tiếp tục cải tổ kinh tế một cách sâu rộng, tư hữu hóa các xí nghiệp nhà nước, thiết lập các định chế dân chủ, tôn trọng nhân quyền, về ngoại giao thì thân Tây phương, xin gia nhập khối Nato.

Sự thành công của Liên Minh Dân Chủ Tả Phái không có nghĩa là "cộng sản trở lại chính quyền." Chính những người đó đã chán ngán chế độ cộng sản rồi, họ đúng ra là một đảng "tư bản đỏ," đã làm giầu nhờ cải tổ kinh tế. Ngay một công ty đầu tư Mỹ, Salomon Brothers cũng nhận xét là vụ bầu cử này không làm thay đổi gì tình hình kinh tế.

Ông Walesa có thể hài lòng là đã đóng trọn vai trò thay đổi nền kinh tế và chính trị đất nước ông. Việc ông thất cử chứng tỏ Ba Lan thật sự có dân chủ. Lịch sử Ba Lan ghi công đầu cho ông trong cuộc chuyển hóa này. Còn mọi chuyện về sau cứ để cho nhân dân Ba Lan quyết định.

VIỆT HỌC CÓ CƠ PHÁT TRIỂN

"Nếu cộng đồng người Việt nhận ra sự cần thiết của việc nghiên cứu Việt học, và góp sức thúc đẩy, thì ngành học này có cơ may phát triển ở miền Nam Cali." Đó là nhận xét của giáo sư Phạm Cao Dương, thuộc Hội đồng Cố vấn Văn khố Đông Nam Á, thuộc Viện Đại học UC Irvine, sau buổi họp thường lệ mỗi ba tháng một lần của Hội đồng này vào tối thứ Ba 21 tháng Mười Một, tại thư viện UCI.

Giáo sư Phạm Cao Dương hiện đang giảng dạy một số môn về lịch sử và văn hóa Việt Nam tại các đại học UCI, UCLA, CSU Long Beach. Ông là một trong số gần hai chục thành viên của Hội đồng Cố vấn Văn khố Đông Nam Á, trong đó có các giáo sư, quản thủ thư viện, nhà báo và sinh viên thuộc các cộng đồng Việt, Campuchia, Lào và Mỹ.

Được thành lập từ năm 1987, Văn Khố Đông Nam Á do bà Anne Frank làm quản thủ, đã đạt được nhiều bước tiến để đi từ một bàn giấy nhỏ bé, nay chiếm nguyên một phòng trên lầu tòa nhà thư viện trung ương đại học UCI.

Văn Khố lưu trữ và cho phép sinh viên cũng như bất cứ ai đến tra cứu, tham khảo các tài liệu như sách, báo, vi phim, băng ghi âm bằng các thứ tiếng Anh, Việt, Miên và Lào — đặc biệt là những tài liệu ghi dấu 20 năm định cư tị nạn của các cư dân đến từ các nước Đông Nam Á.

Trong lúc ở nhiều trường đại học khác đã có những lớp dạy về văn hóa và ngôn ngữ Việt, ở đại học UCI mới chỉ có một vài lớp. Gần đây, nhà trường đã tăng cường thêm một giáo sư dạy ngành Việt học. Đó là tiến sĩ Trần Đình Tri, đến từ San Jose.

Giáo sư Tri cho biết các môn học về văn hóa Á châu hiện nay vẫn bị khống chế bởi ba nhóm Đông Bắc Á là Trung Hoa, Nhật Bản và Đại Hàn; còn các nước Đông Nam Á như Việt, Lào, Thái, v.v... vẫn bị cố tình bỏ quên.

Nhờ những cuộc tranh đấu đòi hỏi có thêm các môn học về Đông Nam Á, của các sinh viên, trường UCI đã có những cải thiện tuy nhỏ bé.

Từ cuối năm vừa qua, Hội đồng Cố vấn Văn Khố Đông Nam Á đã chính thức gửi văn thư đến Viện trưởng Viện đại học UCI, đặt vấn đề tăng cường môn học cũng như giảng viên về Việt học. Bà Viện trưởng Laurel Wilkening, trong một văn thư phúc đáp, cho biết lý do của việc chậm trễ đáp ứng những yêu cầu mở thêm môn Việt học là do thiếu ngân sách.

Bà Viện trưởng đã từng cùng phái đoàn lãnh đạo đại học UCI thăm viếng khu Little Saigon để tận mắt chứng kiến sự hình thành và phát triển của cộng đồng Việt Nam, sau khi đã thấy rõ con số sinh viên gốc Việt theo học tại UCI gần 2,000 là con số đáng kể.

Trong các nỗ lực của Hội đồng Cố vấn Văn Khố Đông Nam Á, một thành viên của Hội đồng là nhà báo Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm nhật báo *Người Việt*, cho Hội đồng biết ông và tòa báo sẵn sàng tổ chức một buổi tiếp tân giới thiệu Văn khố Đông Nam Á với cộng đồng Việt Nam ở quận Cam, để cộng đồng hiểu thêm về Văn khố, sau đó sẽ tiếp tay với Văn khố thúc đẩy việc hình thành các lớp học về văn minh, văn hóa và ngôn ngữ Việt tại UCI. Buổi tiếp tân dự trù tổ chức vào đầu tháng Ba 1996, tại tòa báo *Người Việt*. Hội đồng hy vọng sẽ được các giới trong cộng đồng hưởng ứng, để đóng góp sách báo, tài liệu lưu trữ trong Văn khố, cũng như giúp thúc đẩy việc có thêm các lớp giảng dạy Việt học tại đại học danh tiếng này. ■

THE WHITE DRESS

LUU KHOI

Suong was combing her hair when she noticed, in the corner of her mirror, how much her son's eyes looked like his father's. The boy was seated behind her on the wooden floor, putting on brown loafers. With a seriousness that amused her, his eyes narrow with concentration, brows furrowed downward, lips sealed, he tied his laces, then wiped away the dust specks near his heels.

She called Ninh to her and asked him to stand still. "Tonight, son, you will wear your hair parted, like your Ba's."

He smiled, showing a missing front tooth. One hand steadying his shoulders, she began gliding her brush through his bangs. He blinked with each stroke. In his hair, she smelled sweat, sunshine, happiness. She pinched his cheeks when she was done and said, "There. You'll be the most handsome man tonight."

"Look, Mom," Ninh exclaimed, pulling up his left trouser leg. "If I have shoes on, you can't see the hole in my sock."

Suong pursed her lips and felt a tightening in her chest. When she saw his sly smile, she kissed him on the forehead, letting her lips linger there. Buy new socks, she reminded herself.

They were on their way to dinner at the house of a former Cabinet Minister of South Vietnam, and in anticipation of tonight's event, Suong had mail-ordered the most expensive dress from Lord & Taylor — white silk charmeuse, with a scoop neck and princess seams. The cardboard box in which the dress had been delivered lay half-opened on the floor, next to the door that whined.

Ninh walked over and picked up the dress's bubbled wrapping. "Mom, can I have this now?" he asked. "I want to pop the bubbles."

She gave a soft no, folding her arms over her chest. "But son, guess what? You will see some of Ba's old friends tonight."

"I don't remember them," he stated. "What should I say to them? You never made me go before."

She smiled. "Just be polite, okay? Be polite, for me and Ba."

He nodded.

She went over to the closet, dislodged his jacket from its hanger, and helped Ninh zip himself up. Sky-blue and slightly too tight, his jacket had been donated by a Mr. Botticelli from St. Edmund's Church. For tonight's occasion, Suong herself was wearing a long black coat — borrowed from Mrs. Schuler, her boss — which accentuated her height.

As they walked down the stairs of their apartment, Ninh said, "Mom, you look so pretty tonight." He squared his shoulders, trying to look taller. "It's like we're on a date." His mother had aristocratic features: a classically-oval face, skin the color of the moon, teeth like pearls. Her perfectly-placed eyes and delicate nose reflected Vietnamese gentility, and when she walked, the air molecules seemed to bow and part for her.

"The taxi's coming, son." She grabbed his hand, gave it a gentle squeeze, and in the split second it took to realize that its dough-like softness was nothing like the texture of his father's, she wanted to release it. But she saw her son's smile and held on.

In the cab, Ninh did all the talking. His English was perfect now, after just one year in America. He told the unshaven driver the Minister's house was in McLean, that he was in third grade, that he was an Orioles fan.

"The Orioles suck! Don't you think so, lady?"

Suong followed the swirl of smoke from the driver's cigarette as it wafted out the window into the late-October air. A proper reply escaped her.

"What's the matter, lady? Don't speak no English?"

Harder now, she squeezed Ninh's hand. She had been taking classes at the community college — her law degree from the University of Saigon was no longer useful — and she hoped to get a nursing degree once her English improved. She recalled that Mrs. Schuler's son had a Baltimore Orioles rug in his bedroom, which she vacuumed three afternoons a week, and he had Orioles sheets and matching pillowcases, as well. But she did not know what "Orioles" meant, or what they would be "sucking."

Hearing no reply, the driver said, "English ain't that hard." He turned around and winked. "Not for a pretty lady like yourself."

She concentrated on the suburban Virginia scenery: broad-lawned houses, their window ledges crowned with jack-o-lanterns. Tree-lined avenues dotted with piles of orange-brown leaves. Also, an occasional blue mailbox, standing by itself at a street corner.

Her husband — Suong began to miss her husband. The last letter Tue had written to her was two years before, in the fall of 1978. It had ended with the following sentence: "Please, dear, take Ninh to visit my younger brother." His younger brother lived in Colorado at the time, so she knew this was his covert way of telling her to escape from Vietnam — covert, because letters from re-education camps were always pre-screened. After the war's end, in May of 1975, he was taken to the jungles of Thanh Hoa, along with the other high-ranking Saigon officials, and, for four years, Suong had waited for him down south. In the spring of 1979, spurred on by that letter, she and Ninh escaped to Malaysia by boat and, later that fall, arrived in America — without him.

She wondered why, for the past two years, he had not written to any of his relatives in Saigon, and every month she wrote to her mother back home asking for any definitive news. Suong feared the worst.

But still, she hoped. The previous week, she had been walking to Mrs. Schuler's when she spotted an oak tree. On a near-naked branch she could not reach, something caught her eye. Though the others had withered and dropped onto the lawn below, one leaf had yet to change colors — was still a defiant green. Suong blinked twice, and, yes, the leaf was still there. She gave it one last glance and then continued walking, arms folded over her chest, eyes directed toward the sky.

At the front door of the Minister's house, the host, a stocky man with a feminine face, nodded politely at Suong and then exclaimed, "And this must be Tue petit? How are you, son?"

"I am fine," the boy returned. "Thank you, sir."

Turning back to the mother, the Minister said, "He has Tue's eyes, Sister. I miss him just thinking about it." The man began to shake his head, and when his eyes drooped downward, Suong remembered that thirteen years before, in 1967, he had given her those same sad eyes, after she rejected his offer of marriage.

"Well, Sister Suong's finally here. You should invite her in, honey." The Minister's wife, in a bright-red dress, came to the door holding a tray of shrimp hors d'oeuvres. She smiled at Suong, and, after eyeing her from head to toe, put down her tray and slipped her arm inside her husband's.

"You do look lovely, Sister Suong," the Minister's wife said, raising her chin slightly.

"Thank you," Suong replied.

"Well, I'm so glad you came. Ninh, come here and try some of this shrimp and stuffed quail eggs."

Ninh looked to his mother, who nodded approval. The boy followed the Minister's wife, who threw some hors d'oeuvres on a plastic plate for him and then ushered him down the basement to play with the other children. When the hostess came back, she directed Suong to the library, where the grandmothers were sitting.

"Let me fix you a drink. Your job must be wearing you out."

Suong tucked a strand of hair behind her hair as she watched the Minister's wife disappear into the kitchen.

"Thank you, Sister," Suong said, when the hostess returned with a Coke.

"I was going to get you a Diet Coke, but you don't need it. You've been looking so thin, so pretty, Sister Suong. I myself am just a lazy housewife."

"Well, you are looking very pretty yourself, Sister."

"It's great that you brought Ninh. A boy needs good food, once in a while, to grow strong."

Suong's left shoulder flinched. She sucked in her cheeks and looked around the room. In one corner, in between two Ming vases, stood a ceiling-high jade plant, each leaf meticulously cut like a dark-green thumb-nail. In another were three porcelain elephants, next to a statue of the Buddha.

In the late 1960s, she had chosen Tue over her other suitors because he was the kindest. And he was, like Suong, descended from a long line of scholar-officials. The Minister's father had been a recently-rich merchant who sold radios in Saigon, while the Minister's wife's family became wealthy from exporting rice to South Asian markets.

"So tell me, Sister Suong. Where did you buy that dress? How much did it cost?"

"How is your son doing, Sister?" Suong replied.

As the party progressed, Suong re-acquainted herself with many of Tue's former colleagues from Saigon — some were friends from his school days at the National Institute of Administration, some from grade school even. Unlike Tue, these men got out before April 30, 1975,

the day the Communists took over. There was Dat Ngo, Tue's childhood friend, who had done intelligence work during the war. Dat had a square face and shifty eyes and was shorter than Suong.

"Sister, how are you?" Innocently, he grabbed her hands and tried to hug her, but she pulled away. He continued, "How are you getting by?" When she did not answer, he reached into his wallet, took out a $100 bill, and handed it to her. "Please, do not refuse," he murmured.

"No, no, please," she replied, shaking her head. "If you want, buy my son something. A bicycle. Please, I can't." Trying not to look at him, she put the bill back in his palm, which was damp with sweat, and cold.

Dat wanted to meet Ninh, so they walked downstairs to the basement. Some boys were playing ping-pong and Atari; others were shooting rubber bands at the girls, who were trying to play jump rope in peace. The melodies of the children's laughter pleased Suong — made her feel less awkward about what had just transpired. She scanned the room for her son, and saw that while the other children had taken their shoes off, Ninh had taken off his socks as well. He was lying on his stomach playing a board game with Hoang, the Minister's son.

As Suong and Dat approached the children, Hoang said, "Let's play Stratego now. Ever play that?"

Ninh watched, with widening eyes, as Hoang opened up the board game and began separating the plastic pieces, blue from red. "No," he answered. "I've never played it."

"You haven't? Geez, what kind of house do you live in if you don't got Stratego?"

Ninh looked down at the floor. Suong saw his naked ankles and wanted to pick him up, shelter him. Clearing her throat, she said, gently, "Son, this is a friend of Ba. One of his best and oldest friends, in fact."

The boy looked up, one eyebrow arched. He rose, straightened himself, and shook the man's hand as firmly as he could.

After staring into the boy's face for a couple seconds, Dat swallowed hard. "Already, he is handsome like Tue, Sister Suong." Suddenly, without warning, Dat reached over and hugged Ninh, whose arms hung loosely at his sides. After the embrace, Dat asked, "Do you remember much about your father?"

"Yes, sir. I remember a lot."

Her son, Suong knew, was lying, perhaps to save face or maybe to end the conversation there. When they stepped back to let the children resume their board game, Dat whispered, "Sister, I know I'm not helping any by telling you this. But there's still a chance he might be alive. If they killed him, they must at least have the decency to give a death certificate, those Communist bastards. His mother would have received it. Oh, Suong, I still consider him my closest friend." Dat's eyes turned glassy, his jaw became fixed, and his face froze into a frown.

"Thank you," she said.

Neither spoke for a couple minutes.

"Sister Suong, did he write letters to you often?"

She did not answer, instead fixing her gaze on her son. Dat understood. He covered his mouth with his left hand, then sighed heavily, causing Ninh and Hoang to turn their heads.

To their left, Suong and Dat heard the click of high heels and then a woman's voice: "Now there you are. It isn't polite to leave your wife by herself at a party, you know." Stout and plain, Dat's wife hugged Suong mechanically.

"Honey, you can take care of yourself," Dat replied. "No Communists lurking around anymore."

"But I'm sick," the wife said with a pout. "I have arthritis. Remember?" She held her hands up to her husband's face, squeezing the joints, but also angling it just enough so Suong could see the sparkle of her diamond rings, two of them. "Ouch. It hurts."

"Well, I hope you feel better soon," Suong said, but she was looking at Dat, who, in turn, avoided her eyes.

Near the party's end, Suong was sitting on the sofa next to the elderly Duchess Ngan, who was of royal lineage from Hue. The Duchess was asking about Ninh. "He's doing well," Suong replied. "Sometimes, though — " She paused, clasping her palms together. "It's just has no one to play soccer with."

The Duchess reached over and grabbed Suong's hands. "My child, you must not forget."

"Forget what?"

"The folktale of Truong Sinh and Vu Thi." More tightly now, the Duchess gripped Suong's hands.

The younger woman wrinkled her forehead in confusion. The tale told of Truong Sinh, a married soldier forced to leave home during wartime.

"Do you remember what happens later in that story, child? Not the ending when the wife kills herself — before that. Do you remember?" The Duchess was stroking Suong's forearms now. "Truong Sinh comes back, child. Three years later, he comes home. He comes home to Vu Thi and their baby son."

Suong blinked four times, slowly, then touched her hair.

"Perhaps you should tell Ninh this story," the Duchess continued. "Before bedtime, maybe."

Leaning over, Suong kissed the Duchess on both cheeks. "Thank you," she whispered. "I will not forget." At that moment, as she inhaled the powdery scent on the elderly woman's face, she forgot about Mrs. Schuler and ESL lessons and socks with holes in them and letters yet to arrive from Vietnam. Taller in her chair she sat, then inched closer to the Duchess, as if to make room for another person. She stroked the fourth finger on her left hand and thought about diamonds, which had been taken away from her after the revolution.

"Thank you," Suong repeated.

When it was time for dessert, one of the cooks, a young girl with asymmetrical eyes and a long chin, brought out red-bean che pudding. As she walked over to where Suong and the Duchess were sitting, she tripped and spilled che near Suong's shoes.

Suong hesitated. For a split second, she pretended not to notice the girl, who was kneeling now, and frowning. The Minister's wife rushed over with a roll of paper towels and began wiping the rug. Hearing that the cook was now being scolded, Suong got down on the floor to help. The Minister's wife smiled widely at Suong, but the girl said, "You don't have to. Please."

Reaching over and dabbing at the girl's shoes, Suong said, "It is no bother."

At the night's end, Suong slipped her arms into her jacket and thanked the Minister's wife.

"No, thank you so much for coming," the hostess said. Suong turned to the Minister — it was he, she knew, who'd invited her — and told him that she had had a wonderful evening. He nodded and looked down at Ninh with affection.

Suong grabbed her son's hand, and together, they walked down the sidewalk to where their taxi waited, waited amongst a slew of Cadillacs and BMWs. The smell of burnt leaves filled the night air, and a strong breeze made her hair fly up in wild streaks.

As she closed the taxi door, she heard her son's clear voice telling the cab driver where to go. She asked Ninh, "Did you have a fun time?"

"Yeah. Hoang said I could borrow his Stratego and that I should come over all the time."

"Really? He was nice to you then?"

Ninh nodded, and then looking at her with wide, hopeful eyes, he asked, "Mom, should I be a ghost for Halloween? Or Batman?"

"Batman," she said. "I'll buy you a Batman costume." White was something she did not want him to wear over his head.

"No, Mom, it's too expensive," the boy replied, his voice dropping at the last word. He leaned onto her shoulder and closed his eyes, and she began stroking his hair. Two minutes later, he opened his eyes again. "But can I have one anyway?"

She nodded.

The rest of the ride back was silent.

In their bedroom, Ninh slumped onto his bed, a ragged mattress bought for ten dollars at a garage sale. Suong's mattress was the same size as his; it had been placed over the spots on the floor which were cracked and discolored. Her son in peaceful slumber, Suong changed and washed up for bed. She lit a stick of incense and bowed her head in front of the ancestral shrine, which held pictures of her deceased grandfathers and father. Before turning off the lights, she glanced longingly at her husband's portrait resting on top of the dresser drawer. As the lights went out, the bare walls stayed shiny-white for a couple seconds, then turned charcoal-black. Suong reclined down onto her mattress. It creaked and then silenced itself.

The following Monday morning — Halloween — Suong got up at dawn to do her chores. By eight o'clock, two hours before her ESL class at Concordia, all that remained was to sweep the living room. In the bedroom, Ninh was getting dressed, all the while singing a song from a film he'd seen in school, called "It's All Right to Cry."

Suong stopped sweeping and walked toward her son's crystalline voice. Both hands clasping the broom handle, she leaned against the doorjamb and watched him, joining in at the parts she had memorized by heart. When that song ended, Ninh crouched on the floor to make his bed and began singing another one, called "Free To Be," which she had never heard before. She observed him intently, swaying her hips to the music.

"Mom, it's like you're dancing with the broom!" Ninh called out.

Suong smiled, then looked down at the straw bristles near her feet.

The boy zipped up his jacket. "Well, see you at lunch," he said. "Half-day, remember?"

"Don't forget this," she replied, handing him his backpack.

"Oh yeah. Thanks." As he headed out the front door, he added, "And don't forget to buy my Batman costume."

"This afternoon, son." His steps made rhythmic thumps on the apartment stairs. Holding the front door ajar, she stood and listened until the sounds fell silent. Then she closed it, imagining her son trotting toward the bus stop on the corner

of Grove and Pleasant. She hoped that he would look both ways before crossing the street.

Alone now, Suong walked into her bedroom, over to the night stand, where she picked up her ESL textbook and notebook. Also on the night stand was the only possession that survived her escape journey from Vietnam: a collection of black and white snapshots from her childhood and former life. Crinkled and curled because they had once been wet, splashed by the waters of the South China Sea, the pictures now lay protected in a plastic bag.

Suong opened her textbook to page seventy-five, to the lesson on conditional statements. The assignment said to compose ten sentences using "if/then." Last Tuesday, she had finished, but now she wanted to review her sentences to practice her accent. Books in hand, she paced around the apartment, reading aloud.

If I am hungry, then I will open up the refrigerator and find something to eat...

She walked to the kitchen to act out this first sentence. The refrigerator was clean but never full: some heads of cabbage, a loaf of bread, lunch meats, a bottle of soybean milk. Once, she had overheard Ninh in the kitchen with his friend, Danny. "Uh, my Mom hasn't gone to the store yet this week, that's why. Let's snack at your house."

Sentence two: If I am thirsty, then I will drink something, perhaps some soybean milk, which is my son's and my husband's favorite.

Placing her books on the counter, she poured herself some soybean milk and leaned on the refrigerator door. She was about to pivot her head back to drink when she stopped. The sting of her son's words to Danny finally hit her.

Suong began scanning her kitchen. The stove did not hold a single pot or pan, the paper-towel roll needed replacing, two of her plates were cracked. She grabbed the Corn Flakes box on top of the refrigerator and shook it: a handful of flakes rattled at the bottom, rattled like the sound of a mouse frantically scurrying into a hole in the wall — and Suong shivered. Down on the counter, she placed her glass of soybean milk. She hugged her arms. What if her son thought she was an inadequate mother? What if she truly were a bad mother? What if Ninh were ashamed of her?

She decided to compose an eleventh sentence, and grabbing her notebook, she ran to the bedroom. For a pen, she fumbled around the night stand. She did not care about polished grammar. Or syntax. She wrote quickly. Frantically. If my son ever hungry, then I must ensure give him food.

Then a twelfth: If my son ashame of me, then I tell him I trying my best, I trying hard. Her hands felt cold, and they were shaking as she wrote.

She glanced down at Ninh's bed, at its tattered blanket. Thirteenth: If I work hard enough, then one day I will soon possible buy for my son one bed have Oriole sheet very pretty on them, like my boss son have, and then I buy for my son one game with red and blue piece.

Glancing up and spying the picture of Tue, she wrote another one: If my husband still with me today, then I more happy and my life more easy.

She stopped and buried her face in her hands. Fifteenth: Even if I work hard next five year, my son will be too old, no want Batman sheet any more, no want play with toy.

She looked into Tue's intense eyes and screamed out loud: "And if you, my husband, no decide go into politics, then you still with me. If we decide escape in 1975, today I not must live like this, your son ashame of me, no have clothes pretty for wear, I sleeping alone, my leg cold at night." It was the first time she spoke to him in English.

The bedroom felt clammy now. She stood still, her notebook and pen in hand, waiting — her lips tight, her eyes locked on her husband's, as if expecting a reply. "I say correct, right Tue?" she yelled. "Answer me!"

Several moments more, she waited. She glanced at her watch. She tucked a strand of hair behind each ear. Then, a sigh — and she walked to the window where silently, she began counting the cars passing by below. Yellow, gray, black, white, another black one. These cars — where were they driving to, she wondered. What smiling people were inside them? After ten vehicles, she turned her back to the window and looked down at her feet, at the Lord & Taylor box, its flaps still standing upright.

Ninh was not around, so it was safe. From the box, she took out the bubbled wrapping and unfolded it, making sure the receipt was still inside. She opened the closet door. With a swift jerk of her right wrist, she took the dress off its hanger and began to smooth it out, then creasing it. Finally, she found a black magic marker and was ready to write on the front of the cardboard box: "Please return to sender," when she noticed that the dress's bottom hem was stained purple with the spilled che pudding from Saturday night.

She would have to keep the dress, she knew. Or at least dry-clean it — but then the Lord & Taylor people might still get suspicious. Extra hours — she would have to ask Mrs. Schuler for extra hours. She pursed her lips and clamped her

eyes shut, trying to resist. When she first arrived in America, she had been weaker and had given in more often. During those days, whenever she felt frustrated, she would wait until her son was asleep, then go into the bathroom, lock the door, and there, she would cry silently into her palms or into a towel, hoping Ninh could not hear. If he heard her, she feared, he might not respect her, or he would lose faith in her, in their new country.

Suong lowered herself onto her mattress now, hugging her knees to her chest. The empty box and sullied dress were in front of her. Hard on her bottom lip she bit down — because at that moment, she thought about the extra hours of work, of vacuuming Mrs. Schuler's bearskin rugs, dusting her Baldwin piano, waxing her windows, folding the children's clothes; she thought about the Minister's wife and Dat Ngo's wife, and the life they led, or was led for them; she thought that she might never master this alien language which twisted her tongue into un-natural shapes; she thought that the apartment's creaky wooden floor reminded her too much of the creaky wooden boat which had limped its way to Malaysia after two weeks at sea; she thought about the Thai pirates, how on that boat, Ninh had clung to her when they smiled their yellow-toothed smiles, and how, later, after the pirates poisoned all their food with gasoline, her son kept whispering, his lips chapped, his underwear half-fal off, "Mom, I'm so hungry. Mom, I'm so hungry"; she thought that here in America, where life had promised itself to be easier — easier — most mothers had no trouble feeding their sons, such a basic duty, or buying them toys or clean, pretty sheets.

Suong bit harder on her bottom lip now, stopping only when she feared she might bleed. On her pillow, she rested her head, and as she drifted off to sleep, she told herself, just this once, she would skip her ESL class.

Ninh woke her around noontime. He was shaking her shoulders and screaming and crying. She sat up in bed and held his head still.

"Slow down, son, I can't follow — "

"They made fun of me, Mom." His words spewed out in rhythmic jerks. "He saw a hole in my sock in gym class — Dick McBride did — and then he said I don't even have a Halloween costume on. And then Jeremy Nutley said it doesn't matter. He can dress up as a poor stinking immigrant and he doesn't even need a costume, he can just be himself."

"Oh, son," she said, pulling him close, burying his face in her bosom. "It's okay, it's okay." She did not want to let him go. "What — what did the teacher say?"

"It was the fat gym teacher. He laughed, too. Everyone laughed but Danny." He began wiping the tears away with his palms.

Into her husband's eyes, Suong peered. "Oh, Tue," she mouthed. "Where are you? Help me, Tue." She wanted that portrait of him to come alive, those lips to move with words of advice. She wanted him to depart that world of glossy black and white stillness and come back to her. But the picture stood fixed, vertical.

She picked up her son, and together they went to the bathroom. A wet towel she ran over his face. His eyes were swollen, pink, vulnerable — and Suong felt her throat constricting. His hair still smelled of sweat and sunshine. She thought about telling him, once again, a story about his father — how Tue always stood up to insult — but her tongue could not curl up for any words, even in Vietnamese. As she wiped her son's face, she could only think of bus stops.

Suong did not want to be one of those mothers who woke up one day and realized, "My Gosh, my son is all grown up. Where did all that time go?" — especially since so much of her time had to be spent at Concordia or Mrs. Schuler's. She always met Ninh at the bus stop as he came from school. He had begun to get embarrassed by this — "I'm in third grade now, Mom" — but she insisted, and he allowed her this privilege. She loved seeing that yellow bus turn the corner, come to a halt, the stop sign slowly crooking out of its side. And then her son would emerge from the bus smiling, his backpack double-strapped behind him like an astronautical gear. But today, she had not gone to meet him. And she couldn't help thinking if she had bought him that Batman costume, none of this would have happened. The holes in his socks were her fault, too.

Suong sighed and swallowed hard. "I have an idea," she said, trying to smile. "Forget about what happened. It's nothing, Ninh. Just words, other people's words. Let's do something fun."

"What?"

"We'll go buy that Batman costume now."

"No. I don't want it anymore!" he said, stomping his right foot. "The American mothers all bought costumes for their children last week. Why didn't you?"

"Son, I'm sorry. I didn't know. I was busy."

"You're always busy!"

She flinched and looked at her hands. "I'm sorry. I — It's just me here. I'm trying my — "

"Were you waiting for it to go on sale or something?"

"No, no. I didn't know children wore costumes to school." She paused and thought hard. "But hey, I have another idea."

"I hate America!" he yelled, frowning.

"Let me make it up to you, son."

"How?"

"Just wait," she whispered.

She picked up the white dress and, with a quick snap of her wrists, unfolded it into the air like a bed sheet. She told him to wait outside, and his eyes became round with curiosity. He walked away, jerking his head back for one last peek.

She grabbed a pair of scissors, some measuring tape, some thread, and a needle. While she sewed, Ninh paced in the living room. "Are you done yet?" he would ask every five minutes, knocking on the bedroom door.

"Do I hear an impatient boy out there?" she'd reply.

"Oh I didn't say that, Mom. It was someone else. It was the Ninh in the sky." He would giggle and then resume his pacing.

Forty minutes later, she handed her son the most convincing ghost costume he had ever seen. The eyes were not just cut out; they were neatly hemmed. She also embroidered scars and streaks of blood onto the ghost face. She even sewed in mean-looking black eyebrows.

"Wow, Mom!" Ninh jumped up and down. "Wow!" The floor began to whimper.

Softly, she told him to try it on. The silk on his naked chest felt soft and cool, and he grinned, showing a crescent of teeth.

"And the best part yet: I'll go trick-or-treating with you tonight!"

"Okay. What will you be, Mom?"

"I'm not sure," she said, her forehead wrinkling. She felt old and somewhat silly. "I might not dress up as anything."

"But you have to. Otherwise, I'll go with Danny."

She thought of all the possibilities. After a pause, she said, "I'll wear an ao dai and be a Vietnamese woman."

"You can't, Mom. You have to be something crazy. Something different from what you are every day."

"I'll wear my work clothes, then. I'm not a cleaning lady every day."

"You — " He looked like she had just slapped him. "No, no, don't wear that. You have to be something new."

"Okay. Let me think a while." She gazed into his face. Behind the ghost costume, Ninh's eyes — her husband's — peered out at her. She looked over at Tue's portrait, still unmoving. On the floor was a purple strip of stained fabric. Suong heard her heartbeat: the rhythmic pounding of drums at a Buddhist funeral.

Clenching her teeth, she grabbed her scissors and began cutting a strip of leftover silk, of identical size as the stained one. Her lips were trembling now, so she turned her back to Ninh. Slowly, she wrapped the snow-white strip around her forehead, then knotted it tight. For two seconds, she covered her face with her hands, but then she told herself she had to be strong, she had to be strong.

Turning to face him, she said, "Son, this is what I will be."

The boy looked up and saw the white funerary headband against his mother's black hair, and he turned solemn.

"I will just be a widow."

He remained quiet for a couple minutes. He looked to the side and then down, then over at his father's picture on the night stand. He bit his index fingernail. Finally, he whispered, "I don't want you to be that."

"But this is what I am now. And though I'm not being someone crazy and different from who I am, this is what I want to be for Halloween. Let me break the rules a little, son."

"But — But Halloween is supposed to be fun."

Suong swallowed and said, "As long as you are happy." She could barely hear herself talk.

"But," he murmured, "Can't you be that next year?"

She kneeled on the floor and looked at him eye-level. "You try to be happy. You have a good costume." And fearing that she might be ruining his night, she added, "Maybe I will take my costume off tomorrow, okay?"

He nodded, and his face brightened.

"Son," she said, grabbing both his hands. "Are you ashamed you don't have a Batman costume?"

"No, Mom," he answered, stroking the silk. "This is even better."

"Then my Halloween will be happy, too," she said, biting her lower lip. Her smile was crooked.

Suong stood up, brushed her hips, though there was no dirt or dust to brush away, and then asked him to wait outside. She had to clean up the cloth fragments, she said, and thread, too. She listened as his steps made gentle taps on the floor. When she heard the click of the bedroom door closing, she walked over to the night stand. Her husband's portrait she cradled in her hands. She waited for her fingers to stop shaking before lifting Tue up to her face. The glass felt dusty yet cool against her lips. She lifted her husband higher, higher and placed him next to her father, behind the bowl of oranges, between the twin red candles.■

SOUTH WIND CHANGING

ĐÌNH-HOÀ NGUYỄN

(from WORLD LITERATURE TODAY)
JADE NGỌC QUANG HUỲNH, *South Wind Changing*,
St. Paul, Mn. Graywolf. 1994. 305 pages. $20. ISBN 1-555-97198-9.

South Wind Changing is the powerfully told story of a young Vietnamese who has survived all adversities in his war-ravaged native land and truly represents an entire generation of Vietnamese Americans of the early immigrant waves following the fall of South Vietnam in the Spring of 1975.

Jade Ngọc Quang Huỳnh — actually his Vietnamese first name is the disyllabic Quang Ngoc (Shining Gem), brutally broken up by ignorant Immigration and Naturalization Service clerks — is one of the seventeen children of the Huỳnh clan in a Mekong Delta village. Growing up in a war that took away six of his siblings, Jade tried both to hang on to the various charms of Vietnamese pastoral life — riding on buffalo-back, flying kites, chasing grasshoppers across ricefields — and to pursue his idealistic dream of education for all Vietnamese children.

During the awakening brought about by the 1968 Tet offensive, the family were caught between Government helicopters shelling their farmstead on the one hand, and VC guerrillas on the other whose wounded he and his brother had to help evacuate.

The author gives vivid descriptions of his life in communist jails, where the common diet consisted of plants, tubers, and crickets, and obedience to the work-detail guards was imperative. Whether watching a fellow prisoner die of snakebite, preparing rat traps, helping bury the raiders, Jade found his courage and optimism sustained by thoughts of family support and, notably, by the love of his parents and siblings. He nurtured hatred for the regime that sent him to remote camps for "education in communist ideology and psychological and physical retraining," and he contemplated every possible means of revenge.

When he was finally able to escape, thanks to the sympathy of Chu Tu, dedicated communist cadre who had fought the French invaders, Jade lived the life of a real fugitive, battling starvation and planning a getaway overseas. His second escape, however — together with 124 boat people — took him only to Thailand, following several perilous encounters with pirates. The aid of honest plain peasants helped sustain him until he was finally permitted to leave the refugee camp for the United States.

He has to leave the refugee camp for the United States. He has since lived in Tennessee, Mississippi, and California and has driven across the entire country. He finally settled in Vermont, where American hosts helped him enroll at Bennington College. He worked his way through college in the truest sense of the expression: learning how to make hamburgers at McDonald's, clean bathrooms, wash dishes, and work in electronic factories. His English studies and his love for British and American literature prepared him well for a writer's career.

Though his writings were far superior to the average sophomore or junior compositions, he has by no means become "a fine writer," as *Elle* magazine pretends. Indeed, *South Wind Changing*'s appeal is due mostly to its content, a deeply moving human story — one which, incidentally, every Indochinese refugee (Vietnamese, Lao, or Khmer) could turn out with proper prompting and ghost editing. Jade's English style can still be further honed, and better familiarity with classical and modern Vietnamese literature — as well as with his mother tongue in terms of cultural literacy — would take him very far indeed among the ranks of Asian American writers. That will come, but it will take time. ■

Southern Illinois University, Carbondale

ASIA BOOKS
720 Teresita Blvd., San Francisco, CA 94127
(415) 584-0498; (408) 741-1532 (message)

NEW:

VIETNAMESE-ENGLISH STUDENT DICTIONARY. New, augmented edition. Lincolnwood, IL: National Textbook Co., 1995

BỐI CẢNH SINH HOẠT VĂN HỌC CỘNG SẢN TỪ NĂM 1975

LÊ ĐẠI LÃNG

(tiếp theo)

Giai đoạn 1990-1995

Được sự yểm trợ hùng hậu của Nhà nước, các nhà văn tùy thời và yếu bóng vía có mặt trên các mặt trận báo chí — cũng theo chiến thuật biển người, lại đem thế trận quân sự dàn vào cuộc văn học. Bùi Công Hùng (tức Hoa Lục Bình), hăng say trong một bài viết đăng trên *Văn Nghệ* số 33, tháng Tám 1990, ca ngợi nền văn học trước 1975 là chân chính, và văn học trong mười lăm năm qua (75-90) là "kế thừa được tinh hoa của nền văn học 45-75, kế thừa tính chiến đấu với lý tưởng say mê cháy bỏng."

Trên *Tạp chí Cộng sản* số 8-1990, Nguyễn Văn Lưu nhận xét tình hình văn học trong mấy năm đổi mới là "tính học thuật thì ít mà tính mất đoàn kết, bè phái thì nhiều," rồi ví von: *cảnh tượng cứ như hai làng đứng hai bên bờ sông mà cãi vã, tranh nhau bến đò, không nghĩ đến chuyện bắc một cây cầu gặp nhau cùng bàn luận cho ra nhẽ...*

Nói như Nguyễn Văn Lưu không phải là quá. Trên tờ *Nha Trang* số 19, tháng 1-1989, nhà văn Cao Duy Thảo sau khi bênh vực Nguyễn Huy Thiệp, đã phẫn nộ mắng những người chống là: *Bọn khốn nạn! Giá không còn họ văn học ta đã tiến thêm được một bước nữa rồi!* Cũng trên phụ trương *Cánh Én* của số báo *Nha Trang* này, chủ biên Thái Vũ gay gắt về việc Hội Nhà văn buộc Nguyên Ngọc thôi chức Tổng biên tập tuần báo *Văn Nghệ*: *Những ý kiến đồng tình với Ban thư ký Hội Nhà văn, phê phán gay gắt thậm chí lên án nặng nề báo* Văn Nghệ *của Tổng biên tập Nguyên Ngọc mà tập trung nhất là trên báo* Nhân Dân, *tạp chí* Cộng Sản, *tạp chí* Văn nghệ Quân đội *và rải rác nhiều nơi khác nữa, đã tự phơi bày một trình độ tư duy và cảm thụ văn học cực kỳ ấu trĩ, cực kỳ thiếu cơ sở lý luận đến độ đáng cho chúng ta xấu hổ. Và tôi dám chắc rằng văn học thế giới thế kỷ thứ 20 này chỉ có thể chứng kiến cái kiểu cảm thụ và phê bình văn học phi văn học như vậy ở mỗi một nơi: đó là Hội Nhà văn Việt Nam.*

Nói theo ngôn ngữ chính quyền, thì các cuộc tranh luận về văn học "đang gây hậu quả nghiêm trọng, đáng cho hưởng án treo."

*

Đội ngũ người cầm bút tùy thời lúc nào cũng đông, tiếng nói của họ không phải là tiếng nói của văn chương mà là của mệnh lệnh (lập lại), của một loài dây leo quấn quanh cổ thụ Đảng. Họ tạo ra một nền văn học đồ sộ về lượng, và to tiếng — thực sự như vậy — và ta có thể nói đấy là nền văn học chính quy, một nền văn học viết từ bóng râm của Hiến pháp xã hội chủ nghĩa. Bất kỳ một người nào biết viết biết đọc (*literate*) đều có thể chép hàng loạt cương lĩnh có sẵn, và những điều chép lại ấy, luôn luôn có chỗ trang trọng trên các tờ báo lớn.

Sau Đại hội Nhà văn IV, ngoài những bài viết thù tạc, lên lớp, xuất hiện đây đó, là tiếng nói chững chạc của những trùm văn nghệ tiếp tục củng cố sứ mệnh cách mạng của văn nghệ. Trần Bạch Đằng, trên *Văn Nghệ* số 50, tháng 12-1989, tung lưới định nghĩa vai trò sáng tạo của nhà văn với một lý luận chỉ có ở Việt Nam: ... *sự lãnh đạo của Đảng phải là đương nhiên, không thể thiếu, là đòi hỏi bức xúc về phía nhà văn* - **Nhà văn cảm thấy thiếu sự lãnh đạo của Đảng là không thể chấp nhận được, là mất cái nền vững chắc cho sáng tác...** Hà Xuân Trường, trên *Tạp chí Cộng Sản* số tháng 12-1991, phủ nhận sự phân biệt giữa "văn học cách mạng" và "văn học (văn học)". Theo Hà Xuân Trường thì không thể tách văn học ra khỏi lịch sử. Mà lịch sử là Đảng.

Điều đáng buồn hơn là một số nhà văn nhà thơ trong thời kỳ thí nghiệm mở cửa, được nhiều người liệt vào thành phần "nhà văn phản kháng," thì ngay sau khi Đảng xăn tay áo nhảy vào can thiệp "nền văn nghệ phản kháng," nhất là sau Đại hội Đảng lần thứ VII (tháng 6-1991), bỗng như con bài hai mặt, lật liền... một cái, phơi mặt bên kia ra. Tệ hại làm sao khi một nhà văn xoay qua viết lý luận Đảng, một nhà thơ trở đầu bút tô hồng lãnh tụ. Đại hội Đảng xong, nhà thơ Phạm Tiến Duật viết phóng sự kể lể chi li quang cảnh ngày Đại hội, tâm tình của người dân, ca ngợi lãnh tụ đang tại chức trơ trẽn, đăng trang

đầu báo *Văn Nghệ* số 27, 6-7-1991. Hãy nghe Phạm Tiến Duật ca ngợi Đỗ Mười : Trong lồng ngực đồng chí như luôn có một bếp lửa nóng của lòng yêu người, yêu sự sống. Với một tấm lòng chân thực đến giản dị đồng chí luôn khiêm nhường, vừa làm vừa nghiên cứu trong cuộc sống để tự nâng tầm nhìn ngang tầm với những nhiệm vụ cao cả mà đồng chí gánh vác..., ca xong ông tân Tổng bí thư, chắc ăn hơn, Phạm Tiến Duật ca các đồng chí mới: *Danh sách Bộ chính trị, Ban bí thư và Ban chấp hành Trung ương khóa VII phản ánh rất rõ sự kế thừa và đổi mới của Đảng. Mỗi đồng chí, trong từng lĩnh vực đã là những người nổi tiếng và được đồng chí, đồng bào trong nước hoặc trong địa phương yêu mến, kính trọng.*

Sỗ sàng như thế cũng chưa đủ, Phạm Tiến Duật nhắc tên Trần Trọng Tân, thương Đảng là cái gì cũng lo cho dân; thương Phạm Thế Duyệt (Bí thư Thành ủy Hà Nội) là đến ngày gần Đại hội vẫn bị dân gọi điện thoại báo việc nước không cung đủ cho nhà tập thể, lo ông Duyệt làm nhiều như thế e mệt mất ("Tôi biết đồng chí Phạm Thế Duyệt là người sâu sát, nhưng phải lo cả những việc cụ thể đến thế thì ốm quá.")

Không kể nhân cách của một người cầm bút vì điều đó xa xỉ trong nền văn học chính quy, cứ cho là những chuyện nhỏ nhặt về đời sống nhân dân mà phải đến cả ông bí thư giải quyết, mà lại được khen, ta cũng thấy là những người viết lách như Phạm Tiến Duật chưa hề biết thế nào là lãnh đạo giỏi, và nó tiêu biểu cho cách quản trị đất nước theo lệ làng, theo cung cách hương thôn lý trưởng rất thảm hại. Chả trách đất nước tiêu điều.

*

Nhưng quang cảnh sau Đại hội nhà văn IV không chỉ có những chuyện buồn như vậy. Bên cạnh những cung cách ấy, vẫn là những nhân-cách. Đứng thẳng. Hoặc im lặng. Nhưng nhiều nhất là viết "lệch" đi, không đụng chạm xách mé ai như Nguyễn Huy Thiệp luận về thơ trên tạp chí *Cửa Việt*, số 17 tháng 10-1992, hoặc suốt cả năm 1992 trên *Văn Nghệ* nổi bật chuyện bàn tới bàn lui cuốn *Lý luận và văn học* của Lê Ngọc Trà vân vân. (Thẳng quá như Dương Thu Hương thì được Nhà nước sử dụng sở trường đàn áp. Nhà văn nữ này bị bắt ngày 14 tháng Tư 1991, tức trước Đại hội Đảng VI hơn hai tháng. Việc Dương Thu Hương bị bắt nói lên được sự cô thế của những người cầm bút chân chính, và đồng thời cũng thấy rõ bản chất tùy thời của những nhà văn hợp hiến. Ngày 20 tháng Mười Một 1991, Dương Thu Hương được tha, một tuần sau, báo *Văn Nghệ* số 48, 30 tháng Mười Một 1991 đăng một mẩu tin nhỏ về "vụ án Dương Thu Hương" theo giọng điệu của chính quyền là "Dương Thu Hương có những hành vi vi phạm pháp luật theo điều 82 Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam," không hiểu mục đích để làm gì.)

Cuối tháng Giêng 1993, Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) ra nghị quyết về "nhiệm vụ văn hóa văn nghệ," lại nhấn mạnh vai trò của Đảng trong văn học: *Nâng cao tính chiến đấu của các hoạt động văn hóa và văn học, nghệ thuật... Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ của Nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước* (25).

Và như thường lệ, sau mỗi nghị quyết là hàng loạt bài viết "triển khai." Lại hai ông họ Vũ — ai cũng biết — là Vũ Tú Nam và Vũ Hạnh, lần lượt triển khai nghị quyết (*Văn Nghệ* số 11 và 17-1993). Đầu năm 1994 (20 tháng Giêng), Đại hội Đảng giữa nhiệm kỳ lại tiếp tục lập lại vai trò của Đảng là *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với hoạt động văn hóa văn nghệ*.

Một tháng sau, ngày 24 tháng Hai 1994, một Hội nghị Tư tưởng - văn hóa khai mạc ở Hà Nội để triển khai nghị quyết Đảng giữa nhiệm kỳ. Tại Hội nghị, Hà Đăng, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, nêu 10 nhiệm vụ về công tác tư tưởng và văn hóa với nội dung tóm lược như sau: triển khai nghị quyết, xây dựng tư tưởng Đảng, chống "diễn biến hòa bình" (26), chỉ đạo hiệu quả công tác văn hóa văn nghệ. Như thế mũi tấn công hay hướng đi của văn nghệ chính quy trong giai đoạn này là bảo vệ Đảng, quản lý "thị trường văn hóa" (27), và nhất nhất đều dựa trên một vế mới làm nền tảng tư tưởng và mục đích văn nghệ: tư tưởng Hồ Chí Minh (song song với triết thuyết Mác - Lê-nin). Tất nhiên, việc triển khai nghị quyết là nhiệm vụ hàng đầu của Hội Liên hiệp Các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam (Trung ương tức Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học nghệ thuật, và các tỉnh), như đã quy định trong Điều lệ (sửa đổi) của Hội Liên Hiệp VHNT năm 1985 (28). Và ta thấy là nhà văn nào *hay* thượng tôn pháp luật!

Nói chung, chỉ được một vài năm *thoáng* sau Đại hội Đảng lần thứ IV, văn học Việt Nam sản xuất một vài tác phẩm khiến nhiều người hồ hởi tưởng chắc khi "con sướu sổ lồng" thì khó lòng bắt lại lắm, thậm chí còn tin tưởng như Thân Trọng Mẫn viết trên *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương* là trong trào lưu đổi mới mà văn học là một bộ phận, cao trào văn nghệ phản kháng *có đủ tiềm năng và khả năng vượt thắng guồng máy kềm kẹp của Đảng* (29). Tiềm năng và khả năng của người viết thì ở đâu và ở thời đại cũng có, nhưng như ta thấy, để cho khả năng ấy hiển lộ cần một thời gian dài có khi vài chục năm ngay cả khi có điều kiện cần thiết cho sáng tác là tự

do. Có lẽ một nhận xét của một người cầm bút khác thực tế hơn, như của Nguyễn Đức Hiền, trên *Văn Nghệ* số 19, 11 tháng Năm 1991, về thực trạng văn chương Việt Nam: *...đúng là nghị quyết VI của Đảng cởi trói cho nhiều cuộc đời, nhiều tác phẩm. Đảng cởi trói nhưng những vòng dây thừng, có khi là những vòng dây thép đã thít chặt lâu ngày, tự nó làm sao bật tung ra được.*

Những vòng giây thừng không tự nó bật tung, ai sẽ làm công việc ấy?

Điều chắc chắn là da thịt còn phong dấu số phận nhà văn và mệnh số tác phẩm, nên, cho đến nay, những người cầm bút còn thậm thà thậm thụt. Các sinh hoạt liên quan đến văn học thì quẩn quanh trong MỘT luận điệu áp đảo: chớ để nền kinh tế thị trường xâm nhập vào văn học, chống thương mại hóa văn học, chống văn học phủ nhận thành tựu cách mạng.

Thứ văn nghệ mà Nhà nước cho là phản Đảng ấy, cộng với văn chương mì-ăn-liền, từng được Vũ Tú Nam, Tổng thư ký Hội Nhà văn, gọi là "văn học tiêu dùng", và ông Tổng thư ký của cái hội tao đàn - quan chức ấy còn hiện thực hơn gọi là "thứ văn chương có cứt đái trong đó" (30).

Rõ ràng là giọng lưỡi của các quan chức văn nghệ cho thấy phe văn nghệ sĩ bảo thủ đang ở thế thượng phong trên bình diện tổ chức, họ vẫn nắm các vị trí then chốt trong guồng máy văn học thư lại, và tất nhiên, được thế là nhờ sự yểm trợ của chính quyền. Thực tế, từ sau chính sách đổi mới, sự xuất hiện của một số sách có khuynh hướng phủ nhận thành tựu văn học cộng sản khiến nhà cầm quyền e ngại, và họ sẵn sàng sử dụng mọi phương tiện để áp đảo những hạt mầm đi trật đường ray sẵn có. Điển hình nhất là vụ nhà văn Dương Thu Hương qua Pháp (tháng Mười 1994) được Bộ Trưởng Văn Hóa Pháp, Jacques Toubon, tặng Đệ ngũ đẳng huân chương văn hóa nghệ thuật Chevalier, các trùm văn nghệ Việt Nam đã lớn tiếng đả kích. Vũ Tú Nam, trên *Văn Nghệ* số 52, tháng Mười Hai 1994, gọi đấy là một hành động chính trị. Nhưng phi văn hóa hơn, Huy Cận, Chủ tịch Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật, đã mạt sát ông Toubon trên cùng số *Văn Nghệ* là "phi văn hóa, mang ý đồ chính trị rõ rệt."

Nhà nước Việt Nam sau đó đã có phản ứng mạnh là ra lệnh đình chỉ mọi trao đổi văn hóa với Pháp, chẳng hạn không chiếu phim Pháp, không đăng truyện Pháp, vân vân.

Biết đâu chừng văn hóa Pháp sẽ... tiêu tùng vì bị nhà nước Việt Nam cấm vận.

*

Mặt trận mới-cũ vẫn cò kè cho đến Đại hội Nhà văn lần thứ V, tổ chức ở Hà Nội từ ngày 11 đến 20 giờ ngày 14 tháng Ba năm 1995. Những nhà văn chủ trương văn học phải thoát khỏi ảnh hưởng của Đảng đã không hoàn toàn chiếm ưu thế trong Đại hội V. Nhìn vào Ban chấp hành Hội nhà văn khóa V (Nguyễn Khoa Điềm, Tổng thư ký; và Nguyễn Trí Huân, Ma Văn Kháng, Lò Ngân Sủn, Hữu Thỉnh), người ta có thể đoán là *về mặt tổ chức*, phe chủ trương văn học phải là văn học xã hội chủ nghĩa vẫn đang trên sức, (tất nhiên) vì họ được sự yểm trợ của chính quyền. Bài nói chuyện của Đỗ Mười ở Đại hội cũng chỉ lập lại một giọng điệu cũ: "...chúng ta cũng hiểu rõ rằng văn học không bao giờ tách rời chính trị. Tự do sáng tác trong văn học nghệ thuật là tự do phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc, cổ vũ mọi người phấn đấu vươn lên, góp phần làm cho đất nước tươi đẹp phồn vinh... Đó là trách nhiệm trước Tổ quốc, trước nhân dân, trước bạn đọc hôm nay và các thế hệ mai sau." (tạp chí *Văn Nghệ* Hội nhà văn, số 11, 19 tháng Ba 1995).

Tuy có vẻ chỉ lập lại luận điệu cũ, nhưng bài nói chuyện của Đỗ Mười có điểm cần lưu ý: Suốt bài diễn văn, Đỗ Mười chỉ kêu gọi nhà văn phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ công cuộc đổi mới của Đảng, tuyệt không hề đả động đến cụm từ "(Tổ quốc) xã hội chủ nghĩa."

Có thể đây là dấu hiệu cho thấy chủ nghĩa xã hội đã hoàn toàn tiêu tùng ở Việt Nam, còn lại chỉ là một đảng độc tôn lãnh đạo, có tên gọi là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xuất bản, phát hành, và báo chí

Ngày 8 tháng Sáu 1989, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định quản lý hoạt động báo chí và xuất bản. Nội dung chính: mọi hoạt động in ấn hay ra báo phải được phép của Bộ Thông Tin trước khi quảng cáo, huy động vốn; áp dụng chế độ đặt hàng với hoạt động xuất bản, cơ quan nào muốn in ấn phải đặt hàng với nhà xuất bản, nhà xuất bản trình nội dung và xin giấy phép của Bộ Thông Tin.

Xuất bản ở Việt Nam đồng nghĩa với kiểm duyệt, tuy không phải lúc nào cũng bị cai quản chặt chẽ như thế, đặc biệt là vào những năm "mở cửa" từ 1987. Để có một cái nhìn bao quát tiến trình kiểm duyệt, thử nhìn lại những điểm chính.

Thời điểm đánh dấu sự kiểm soát tình hình xuất bản đầu tiên một cách công khai là ngày 15 tháng Mười Hai năm 1956, khi ủy ban hành chính thành phố Hà Nội ra quyết định cấm lưu hành tờ *Nhân Văn*. Song song với quyết định nhà nước, văn nghệ sĩ bị áp lực phải thẳng tay tố cáo cái Đảng gọi là "bọn Nhân văn giai phẩm." Hai năm sau, ngày 6 tháng Giêng 1958, Đảng lại ra nghị quyết chấn chỉnh công tác văn hóa văn nghệ; rồi tăng cường công tác lãnh đạo văn nghệ sĩ (qua chỉ thị 109/CT-TW ngày 21-10-1958), tiếp đến là chỉ thị 172-CT-TW ngày 23-11-1959 nhằm chấn chỉnh công tác xuất bản. Tất cả những nghị quyết và chỉ thị trên, cùng với sắc

luật 003/SLT năm 1957 do Hồ Chí Minh ký quy định chế độ xuất bản chỉ nhằm một mục đích: tổ chức và xây dựng lực lượng xuất bản xã hội chủ nghĩa.

Biện pháp của Nhà nước lúc nào cũng có hiệu quả: Năm 1954, miền Bắc có 10 nhà xuất bản quốc doanh và 20 nhà xuất bản tư nhân. Sau vụ *Nhân Văn*, sau những chỉ thị và sắc luật vừa nói, nhà xuất bản tư nhân coi như hoàn toàn bị xóa sạch. (Theo Từ Sơn trong *Văn nghệ Quân đội* số 7-1989, thì con số nhà xuất bản cuối thập niên 80 là trên dưới 60 cơ sở, mỗi năm in khoảng 2000 đầu sách với số lượng 50 triệu bản).

Từ đấy cho đến khi cả nước túm thành một mối, sắc luật 003/SLT vẫn có hiệu lực, vẫn được coi là khuôn mẫu kiểm soát mọi hoạt động liên quan đến xuất bản. Nếu có khác, là khác một vài sửa đổi cho phù hợp với tình hình giai đoạn mà thôi.

Giữa năm 1993, sắc luật 003/SLT lại thêm một lần được "điều chỉnh" để đáp ứng yêu cầu củng cố các hoạt động tư tưởng văn hóa của Đảng. Trước khi đi sâu vào luật xuất bản (sửa đổi) lần này, tưởng cũng nên trình bày bối cảnh đưa đến luật xuất bản 1993.

Trước hết là những biến động đột xuất về văn hóa văn nghệ tưởng vuột khỏi bàn tay chăm sóc của Đảng trong thời kỳ mở cửa, cái mà Trần Nhân Ảnh gọi là "nạn loạn thư" trên *Văn Nghệ* số 30, 27 tháng Bẩy 1991, và tóm tắt tình hình xuất bản mấy năm đổi mới như sau:

— Đợt một, từ năm 1986-88: sách vụ án, "khởi thủy từ Lâm Đồng"(?). (Không hiểu Trần Nhân Ảnh dựa vào đâu để quy kết là sách mô tả bạo lực, khiêu dâm vân vân, tuột dốc từ cao nguyên xuống đồng bằng.)

— Đợt hai, 1988-1990: nạn sách dịch. Theo Trần Nhân Ảnh thì "Không ít những cuốn ở chính nước họ đã bị dư luận rộng rãi đào thải, căm giận bởi chính những yếu tố sa đọa của nó... Có cuốn dịch rồi, nay được đổi tên dịch giả, đổi cả tên sách để xuất bản lại, y như mới." (Có thể Trần Nhân Ảnh đi và đọc nhiều sách báo nước ngoài nên mới rành như vậy; nhưng về sau thì quả là ông ta đúng.)

— Đợt ba, theo ông Ảnh cùng thời với đợt hai, là việc tái bản ào ạt không chọn lọc sách thời Mỹ-ngụy. "Đặc biệt là sách thời Mỹ ngụy được đổi đầu đề và cả... phóng tác lại."

— Đợt bốn, sách võ hiệp, bói toán, tử vi ào ào tái bản, cũng xuất hiện từ đầu năm 1989.

Nếu tóm lược của ông Ảnh phản ảnh phần nào tình hình xuất bản và phát hành trong mấy năm sau cởi trói, thì nó cũng phản ảnh nhu cầu người đọc. Một, sách chính quy không tiêu thụ nổi bất chấp "những thành quả to lớn" về lượng. Ở Việt Nam ai cũng biết bộ sách có số bán chạy nhất (*bestseller*) là bộ *Lê-nin toàn tập* trong khoảng cuối 1979 đầu 1980. Những người mua bộ nầy gồm hai thành phần là học sinh và những người bán ve chai. Học sinh phải hoàn tất "kế hoạch nhỏ": mỗi em phải nộp cho trường bao nhiêu ký sách, hoặc mỗi em một viên gạch (gạch nạy ở đâu, lấy ở đâu cũng được miễn là có nộp), mà *Lê-nin toàn tập* dày hàng nghìn trang, được bao cấp, giá rẻ như bèo; rẻ đến mức các ông các bà bán ve chai mua sách mới về bán ký, hoặc để gói đồ. Thành thử cho đến nay, nếu hỏi trong gần 20 năm qua cuốn nào bán chạy nhất, xin thưa: *Lê-nin toàn tập*, in ra là có người mua, in ra là có người gói!

Hai là, việc bỏ chế độ bao cấp khiến nhà xuất bản chỉ nhắm những sách bán được. Trước đây nhà nước cấp vốn cho nhà xuất bản bằng cách cấp giấy in, in và bán sách xong thì thu tiền trả cho nhà in. Nhưng nay không có nhà in nào chịu cung cách làm ăn "gối đầu" như thế, trừ mỗi nhà xuất bản Tiến Bộ. Nhà in thời mở cửa biết tính toán kinh doanh hơn, đòi nhà xuất bản phải ứng tiền trước, và thế là xuất bản chỉ có nước đi vay ngân hàng, chịu lãi.

Ba là, các nhà xuất bản không cạnh tranh nổi với "đầu nậu" sách. Nhà xuất bản không chịu in sách khác với đường hướng của mình, thì đã có ngay đầu nậu sách o bế tác giả ăn khách để in, ứng tiền trước cho tác giả, rồi "chạy" giấy phép xuất bản do Sở Văn hóa Thông tin địa phương cấp "giấy phép nhất thời." Nếu bị trung ương phê phán thì Sở Văn hóa có ngay một công văn nhận khuyết điểm. Thế là ổn cả.

Bốn là, từ khi Tổng công ty phát hành sách bị mất độc quyền từ năm 1986, các cơ sở tư nhân lớn nhỏ, các Sở Văn hóa Thông tin đua nhau cạnh tranh, kẻ có quyền thì tranh thủ cấp giấy phép, không có quyền mà có tiền thì ra sức mua quyền xin xuất bản, kể cả những tờ báo chính quy cũng ra phụ bản, phụ trương để "cải thiện." Nhà xuất bản và phát hành nào cứ khăng khăng giữ "khí tiết của nhà Nho xã hội chủ nghĩa" chỉ có nước ôm sách về tồn kho vì sách giá đã cao lại không đáp ứng sở thích người đọc.

Sách dịch và sách cũ ở miền Nam được bán chạy chưa chắc vì giá trị văn chương, mà thể hiện một tâm lý phổ thông là người đọc muốn đọc những tác phẩm chắc chắn không bị bất kỳ một thứ chủ nghĩa nào gò ép, nghĩa là không phải một thứ quái thai văn chương. Chẳng hạn *Chuyện tình* của Erich Segan thì đổi đi một chút thành *Câu chuyện tình yêu*, *Bướm vượt ngục* của Chariere thì thành *Pa-pi-ông, người tù khổ sai*, *Ngàn cánh hạc* thì thành *Rập rìu cánh hạc* vân vân. Theo Lê Bầu, cán bộ nhà xuất bản Hà Nội, thì giá sách không phải chỉ tùy vào nội dung mà còn vào cái tựa sách. Sách có tựa thế này thì giá khác, nếu tác giả và nhà xuất bản đồng ý đổi cái

tựa theo ý nhà phát hành, thì lập tức giá cũng khác theo dù cũng là cuốn sách đó.

Trong bài tham luận đọc tại Đại hội Nhà văn lần IV, Thúy Toàn đã đưa ra những con số sau đây: 90 phần trăm sách bầy bán ở các quầy sách ở Hà Nội là sách dịch, và trên cả nước, sách dịch chiếm 40 phần trăm tổng số sách xuất bản. Cũng theo Thúy Toàn thì đây là "lần đầu tiên bạn đọc chúng ta được tiếp xúc với tác phẩm của nhiều nhà văn như Camus, Pasternak" vân vân.

Cởi trói song song với việc bỏ bao cấp cũng đã giúp cho thơ được xuất bản rộng rãi hơn. Trên *Văn Nghệ* số 11, 1991, Vân Long đã vẽ lại tình hình xuất bản thơ hồi thời bao cấp như sau: *Có hai nhà xuất bản chuyên in thơ thì Nhà xuất bản Văn Học chỉ in thơ tuyển... Như vậy, cửa ra duy nhất của các nhà thơ là Nhà xuất bản Tác phẩm mới. Hơn chục năm từ khi thành lập, trung bình Nhà xuất bản Tác phẩm mới chỉ in 10 tập thơ mỗi năm, trong khi đó số hội viên ngành thơ những năm đó [bao cấp] là 150 người. Như vậy, nếu Nhà xuất bản chỉ in riêng cho hội viên thì 15 năm mới đến lượt mỗi người. Nhưng trên thực tế, các nhà thơ trẻ chưa hội viên chiếm giải ở các cuộc thi thơ cũng đòi được xuất bản. Tỷ lệ xuất bản những năm đó là nột nửa hội viên, một nửa anh chị em trẻ... Như vậy hội viên thơ không phải chờ 15 năm mà 30 năm.*

*

Các nhà xuất bản lớn như Tác phẩm mới, Hội Nhà văn, Kim Đồng, Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là nhà xuất bản Văn học Giải phóng), Phụ Nữ, Văn học, Văn nghệ Quân đội, Thanh Niên... mgoài việc xuất bản theo chỉ tiêu năm, thường có khuynh hướng xuất bản sách theo chủ trương riêng của mình. Vẫn có trường hợp ngoại lệ: Năm 1993, nhà xuất bản Hội Nhà văn "lỡ" in tiểu thuyết *Nổi loạn* của Đào Hiếu, cuốn tiểu thuyết ba xu này bị tịch thu và giám đốc Nguyễn Kiên làm kiểm điểm. Thế nhưng những năm hạch toán kinh doanh là những năm số lượng nhà xuất bản tăng vọt, mỗi tỉnh, mỗi Hội VHNT địa phương, đều có nhà xuất bản. Có cả những nhà xuất bản cò con vừa tự xuất vốn, biên tập bài vở, ấn loát rồi tự lo cả chuyện phát hành. Vì thế mặc dầu trên lý thuyết, mỗi cuốn sách trước khi in đều nộp lưu chiếu, được Bộ Thông tin ký duyệt, nhưng thực tế vẫn có cuốn "ngoại sổ" như thường. Chưa kể trực tế, khi một cuốn sách không được nhà xuất bản này in (thường là nhà xuất bản lớn ở Sài Gòn hoặc Hà Nội), tác giả có thể mang đi nhà xuất bản ít tăm tiếng (và tai tiếng) khác ở tỉnh lẻ, như Quảng Ninh, Hải Phòng, Mũi Cà Mau, Đồng Nai vân vân. Thành thử những người cho rằng mọi tác phẩm in ấn ở Việt Nam đều là công cụ tuyên truyền cho Đảng là một lối nói quá khích, chống Cộng độc quyền và cực đoan do thiếu hiểu biết tình hình.

Chính ra cởi trói văn nghệ không phải là yếu tố duy nhất, mà phải cộng thêm việc xuất bản và tiêu thụ đã khiến người cầm bút giật mình nhìn lại cả quá trình văn học. Khi những cuốn sách theo đúng hiến pháp nhường chỗ cho các loại sách mà ông Trần Nhân Ảnh liệt kê trên thị trường chữ nghĩa nói trên, nhà văn Hữu Mai mới kêu lên: *Người đọc bỏ rơi chúng ta* (31). Hữu Mai phơi hiện thực: *Số lượng in trung bình một cuốn tiểu thuyết trước khi có đổi mới là một, hai vạn cuốn, nay còn lại... một ngàn! (có lúc 500). Khá nhiều nhà thơ, nhà văn phải bỏ đồng tiền hiếm hoi của mình để in tác phẩm, chỉ mong nó ra mắt bạn đọc mà không hy vọng thu lại vốn.*

Mặc dầu thực tế đã rành rành như thế, một quy luật tất yếu trong thị trường tự do, và lẽ ra là một bài học cho cả Nhà nước lẫn nhà văn, nhưng xem ra không ai học được, hoặc không muốn học. Nhà nước vẫn hô hào sáng tác theo nghị quyết, nhà văn chính quy tiếp tục cổ võ văn chương quá khứ trong những năm chống Mỹ, tiếp tục bảo vệ "di sản" văn học của mình. Sáng tác gắn liền với xuất bản, xuất bản đi liền với phát hành. Nhưng cái "biện chứng" đó lại vận động không nổi vì kiểm duyệt, vì luật xuất bản. Văn tài sống sao nổi trong điều kiện như thế. Thế nên đến năm 1994, lật bìa trong một cuốn sách, số lượng in vẫn là 1000 trong một nước trên 70 triệu người, cứ cho là mười phần trăm mù chữ, ba mươi phần trăm không muốn đọc, con nít. Vẫn cứ là "in 1000 bản," tất nhiên cũng phải kể ra ở dây có những sách bán chạy nên trên giấy tờ hành chánh chỉ ghi "in 1000 bản," nhưng trong thực tế có khi nhà xuất bản in "lậu" thêm cả vạn quyển (32).

Nhà văn như Hữu Mai cứ tiện nghi đổ tội cho đổi mới. Ông không cả đổ tội cho "văn tài." Ông cũng không dám nêu lên một sự kiện rất rõ là sau khi tờ *Văn Nghệ* hết đổi mới vì Nguyên Ngọc mất chức, tờ báo liền bán hụt đi 3000 số. "Người đọc bỏ rơi" là vì sách báo không đáp yêu cầu người đọc. Nhân tố góp phần tạo tầm vóc cho văn học phải kể đến người đọc, chứ không phải chỉ cậy vào "sức" sáng tác của tác gia.

Tiếng kêu "Trời!" của Hữu Mai khiến người ta phải giật tỉnh, lui cui đi nghiên cứu thành phần độc giả. Theo Phạm Thị Thanh Tâm (33), thì số người mua sách có 30 phần trăm cán bộ hưu trí, 35 phần trăm thanh niên và sinh viên học sinh, 12 phần trăm thiếu nhi, 10 phẩm trăm người làm nghề tự do buôn bán, 6 phần trăm công nhân, 4 phần trăm già, và chỉ 3 phần trăm là ngoại kiều. Điều tra về quyết định mua sách thì 60 phần trăm là do giá cả, chỉ có 25 phần trăm là do nội dung. Thế rồi Phạm Thị Thanh Tâm kiến nghị

Nhà nước nên bao cấp một số loại sách để hạ giá thành sách xuống vừa túi tiền người đọc, và đòi "nâng cao chất lượng cả về nội dung và hình thức của sách."

Trên *Tác phẩm văn học* số 8 năm 1988, Nguyễn Đình Thi còn so sánh cụ thể hơn: trước năm 1945, giá một cuốn sách chừng 150-200 trang là 1 đồng 5 cắc trong khi giá một bát phở là 5 xu, bây giờ cuốn *Vỡ bờ* của ông giá chỉ bằng một bát phở (tức khoảng 7000 đồng căn cứ vào lúc Nguyễn Đình Thi nói). Nhưng như thế vẫn còn cao vì *Vỡ bờ* mà giá đến một bát phở là... phải. Những sách nghiên cứu, số lượng in ít thì tất nhiên giá phải cao hơn.

Theo Huỳnh Ngọc Lý, Tổng giám đốc Tổng công ty phát hành sách Trung ương, thì mỗi cuốn sách từ khi xuất bản cho đến khi đến tay người đọc phải đi qua nhiều "đoạn trường": nhà xuất bản, Tổng công ty phát hành, công ty phát hành cấp tỉnh, công ty phát hành cấp huyện; và mỗi trong bốn cấp này đều phải vay ngân hàng với lãi suất 4.1% để có vốn xuất bản và phát hành. Như thế sách có mắc là hợp lý, ông Thi cũng không nên kêu ca gì với cuốn sách như thế của ông.

Nhưng không đợi khi kiến nghị xin Nhà nước bao cấp sách của Phạm Thị Thanh Tâm được xét, nhân dân lao động sáng tạo ngay một kiểu phát huy văn hóa hợp tầm tay độc giả: Cho thuê sách. Một bài viết ngắn trên tờ *Văn Học và Dư Luận* số 4, tháng Ba 1992 cho thấy riêng ở Sài Gòn có khoảng 200 địa chỉ cho thuê sách, giá cho thuê là 300 đồng một quyển (một bát phở 5000 đồng), và có nơi chủ cho thuê kiếm một ngày trên ba chục ngàn, gấp ba lương công nhân. Ngành cho thuê phát triển mạnh nhờ những cuốn của những người viết trước đây miền Nam ít được để ý: Nghiêm Lệ Quân, Tùng Long, Phương Lan... đặc biệt là truyện chưởng. Nhưng theo Diệu Vũ trên *Văn nghệ thành phố Hồ chí Minh* số 61, ngày 15 tháng Mười 92 thì có đến 300 đến 500 điểm cho thuê sách ở Sài Gòn, so với trước năm 1975 ở Sài Gòn chỉ có 50 chỗ.

*

Nhưng dù "tác phẩm văn học" sống khật khờ thì báo chí cứ sống khỏe.

Quần chúng, nói chung, chán đọc sách, nhưng nhu cầu đọc không thể thiếu, và chỉ có cách giải quyết cấp thời là đọc báo, vừa nhanh, gọn, lại rẻ, và nhất là đỡ suy nghĩ. Trong cái tâm trạng đó, tờ *Công an* là một trong những tờ báo bán chạy nhất cũng là điều dễ hiểu. Người dân muốn biết những vụ cướp táo bạo, những phóng sự nóng hổi của công an, những cuộc buôn bán dâm trá hình... nhất nhất đều có thể tìm thấy trên tờ *Công an*. Các tờ báo bậc trung khác đông độc giả là *Tuổi trẻ, Lao Động, Sài gòn Giải phóng, Hà nội mới, Thanh niên, Phụ nữ*. Chưa kể phong trào học tiếng Anh, sính ngoại đã giúp báo ngoại ngữ có môi trường hoạt động kể từ sau lệnh cấm vận được bãi bỏ. Một bản tin của Pháp Tấn Xã ngày 3 tháng Sáu 1994 từ Hà Nội cho biết là tỉ phú Kerry Packer, giám đốc đài truyền hình số 9, Úc, cũng mua 46 phần trăm cổ phần tờ *Vietnamese Investment Review*, rồi một nhóm thương gia Thái cũng đầu tư vào tờ nhật báo Anh ngữ quốc doanh duy nhất là *Vietnam News*, kể cả Thụy Sĩ cũng bỏ tiền vào tờ *Thời trang trẻ*; và thêm một tờ báo tiếng Pháp là *Courrier du Vietnam*.

Theo Lê Chí Thuận, Giám đốc Công ty phát hành báo chí Trung ương, trên *Văn Nghệ* số 20-1989, thì hàng năm có hơn 150 loại báo và tạp chí với hai trăm triệu bản in, cộng với 2500 báo chí nước ngoài trên cả nước. Đến năm 1992, cả nước có 1300 hiệu sách quốc doanh, 5000 đại lý bán sách báo thuộc Tổng công ty Phát hành sách Việt Nam (*Văn nghệ Hồ Chí Minh* số 61, 15-10-1992).

Nhưng con số của ông Giám đốc Thuận ra vẻ không đáng tin cậy lắm. Một tuần sau khi *Văn Nghệ* đưa ra con số trên, ông Phạm Tiến Duật (*Văn Nghệ* số kép 27 và 28-1989) lại báo cáo là cả nước có 256 tờ báo có giấy phép, và thú nhận là số báo và phụ trương ra phi pháp thì "chính các đồng chí ở Cục Báo chí cũng không biết hết." Phạm Tiến Duật kể thêm: *Anh Hân* [tức Lưu Văn Hân, Cục trưởng Cục Báo chí] *kể rằng, lần đi vào phía Nam vừa rồi chính anh phải bỏ mười sáu ngàn tiền túi ra để mua gần một trăm tờ báo mà lần đầu anh mới trông thấy* (34).

Câu chuyện trên cho thấy chính Nhà nước kiểm soát báo chí và ngành xuất bản không xuể theo ý muốn. Nguyên do không những tại không kiểm soát nổi một lực lượng "nhà báo có đăng ký" là 7000 người (35), mà còn bởi chính cơ cấu quản lý: Nhiều nhà xuất bản địa phương thuộc quyền kiểm soát của tỉnh ủy, cho nên Ban Tuyên huấn Trung ương, Cục xuất bản gần như chẳng ảnh hưởng gì đến quyết định tự cho xuất bản một cuốn sách xét rằng có thể bán chạy. Tình trạng loạn sách khiến Trung ương giải quyết bằng cách phối hợp liên ngành kiểm tra: Bộ Thông tin, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp họp thành một Hội đồng liên bộ để kiểm tra báo chợ đen và xuất bản không nộp lưu chiểu, mỗi địa phương cũng có hội đồng kiểm tra. Nhưng đó là nguyên tắc. Không thiếu trường hợp xin giấy phép ra một tờ nhưng lại "triển khai" thành hai tờ, hoặc con số xin in khác biệt hẳn với con số in thực tế (*nhân bản*), như Hội Điện ảnh thành phố Hồ Chí Minh; hoặc như Tòa án Tối cao xin ra phụ san về luật Tố tụng lại ra số "Vụ án tình yêu." Khi phát hiện, Hội đồng bộ tam này giải quyết bằng cách "nhắc nhở," bởi cái anh vượt đèn đỏ ấy thường là dây mơ rễ má với ông này

ông kia, mà ngay cả tòa án tối cao lại phạm luật thì lấy ai xử đây. Đành cứ đổ lỗi cho nhau, Bộ này khều Bộ kia, rút kinh nghiệm!

Nhưng chính *nhờ* thế nên lâu lâu người đọc phát hiện một cuốn sách, hay một bài báo làm xôn xao người Việt ở nước ngoài, xôn xao trên hai nhận xét: Một thì cho nhà văn vượt đèn đỏ kiểm duyệt... gan, phản kháng, vân vân và vân vân; hai là cái nhân vật hay cái bài viết ấy, cuốn sách ấy, chỉ là một âm mưu của Hà Nội, "chớ làm sao trong một nước cộng sản mà khi in lại không bị kiểm duyệt, vậy là có sự đồng ý của Nhà nước."

Thật ra Nhà nước quản lý chặt chẽ lắm. Như đã nói, ngày 19 tháng Bẩy 1993, Chủ tịch nước Lê Đức Anh ký lệnh công bố luật xuất bản gồm sáu chương, 45 điều. Một đạo luật mâu thuẫn đến kỳ dị như Hiến pháp Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, và thực chất, chỉ để trừng trị những người dám xé rào để "phản kháng." *Khoản 1 và 4 Điều 22* giết chết sự xuất hiện của tự do: *Nghiêm cấm các xuất bản phẩm có nội dung: 1. Chống lại Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân; 4. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của nhân dân.* Luận điệu này tiếp tục được lập lại thường xuyên, không mỏi mệt (36).

Nếu so với luật Báo chí thông qua ngày 28 tháng Mười Hai 1989, thì *Điều 8* của luật xuất bản chỉ khác với *Điều 10* của luật báo chí một chút xíu thôi: Trong *Điều 10* của luật báo chí, chưa có câu cấm "xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân." Như thế, chắc tại "Ông" Nguyễn Huy Thiệp đã giúp Quốc hội rút kinh nghiệm để bổ sung ba điều húy trên!

Căn cứ trên *Điều 22*, chúng ta có thể giải thích dễ dàng một hiện tượng mà nhiều người lưu tâm và cho là quan trọng: Đó là việc in lại *một ít* tác phẩm của các tác gia miền Nam trước đây từng bị bỏ tù nhiều năm vì tội làm thi sĩ, hoặc không được viết trong nhiều năm, thí dụ vài bài thơ của Thanh Tâm Tuyền, tuyển tập thơ Bùi Giáng, tuyển tập thơ Thế Phong, hoặc các tác gia muốn viết lại thì có ngay báo hoặc nhà xuất bản hứng nhận, như Doãn Quốc Sỹ (ký tên Dương Quan San), Trần Phong Giao, Võ Hồng, vân vân. Lý do dễ hiểu là bài thơ hay tập thơ ấy có thể là lãng mạn, nhưng dứt khoát là không có đoạn nào câu nào "chống lại Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam" hay "xúc phạm vĩ nhân" cả.

Thực chất đổi mới trong sinh hoạt văn học là thế. Cái còn lại là tài năng và nhân cách của người cầm bút.

...

Chú thích

(25) *Văn Nghệ*, số 8, 20-2-1993. Hà Nội.
(26) "Diễn biến hòa bình": cụm từ do Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khai sinh để chỉ chủ trương âm mưu lật đổ chế độ chuyên chính bằng đa nguyên, nhân quyền, dân chủ...
(27) Tuần báo *Văn Hóa* 6-3-1994. Hà Nội: Bộ Văn hóa - Thông tin.
(28) *Văn nghệ Nghĩa Bình*, số 10-1985. Quy Nhơn.
(29) Thân Trọng Mẫn (1990) "Từ nhân văn giai phẩm đến cao trào văn nghệ phản kháng 1986-1989". *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương*, sdd, tr. 17.
(30) Vũ Tú Nam "Đôi điều về sách văn học hôm nay", *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1990. Hà Nội.
(31) *Văn Nghệ*, số 10, 6-3-1993. Hà Nội.
(32) *Tác phẩm văn học* số 8, tháng 9 và 10, 1988. Hà Nội. Thuật ngữ trong luật xuất bản ở Việt Nam gọi việc in thêm này là "nhân bản," tức bản in được in hay sao chụp thêm.
(33) Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật*, số 5-1993. Hà Nội: Bộ Văn hóa Thông tin.
(34) Theo một bản tin của Pháp Tấn Xã đánh đi từ Hà Nội ngày 21 tháng 6 năm 1994, thì cả nước có chừng 300 nhật báo và tạp chí đủ loại.
(35) Bản tin Pháp Tấn Xã, 21-6-1994.
(36) Nhật báo *Quân đội Nhân dân* và *Nhân dân*, số ra ngày 21-6-1994, nhân ngày Nhà báo Việt Nam.

MỘT QUYỂN SÁCH LÀM ẨU

NGUYỄN HỮU THÀNH (Paris)

Vì ham sách và ngưỡng mộ Nguyễn Trãi nên tôi mua lầm quyển *Nguyễn Trãi Ức Trai Tập* (tập thượng) - Hoàng Khôi phiên dịch - NXB Văn Học 1994. Đoạn cuối *Lời Nói Đầu* (trang 8) người dịch viết:

"Ức Trai Tập có sáu quyển dịch theo Phúc Khê nguyên bản. Ngoài giá trị về thơ văn, bộ này là một tập sử liệu rất quan trọng, nhất là quyển thứ tư. Vì thế, cần phiên dịch, để người không chuyên về Hán văn đời sau được hiểu rõ sự tiến hóa của quốc gia Việt Nam."

Nghĩ đến người đời sau là rất quý, nhưng tôi trộm nghĩ nên lo cho *"người không chuyên về Hán văn"* đời nay trước đã. Xin *chỉ* nêu ít ví dụ:

Trang 70, bài 37: Họa Hương Tiên Sinh Vận Giản Chư Đồng Chí.

1) Chữ *Họa* 和 *ông phiên âm Hòa* là sai. Chữ này viết như nhau nhưng đọc khác, nghĩa khác.

2) Chữ *giản* 東 *ông phiên âm đông* 東 hay *động* cũng đều sai và vô nghĩa.

3) Ông dịch câu trên đây là: Họa Thơ Hương Tiên Sinh cũng không đúng. Theo ngu ý thì câu này phải dịch: Họa Vần Của Một Vị Tiên Sinh Trong Làng Gửi Các Đồng Chí.

4) Ông phiên dịch câu bốn sai là vì ông lầm *Suy* 衰 nhan ra *Ai* 哀 *nhan.*

5) Câu cuối cùng ông phiên âm *xuất xứ* cũng sai. Phải đọc *xuất xử* mới đúng. Hai chữ này chữ Hán viết như nhau nhưng đọc khác, nghĩa khác mà hầu như ai ai cũng biết.

Trang 138-139, bài 100: Câu chữ Hán: *ngoại hữu bình sa ước bán cao,* theo ngu ý thì câu này nghĩa là: *ngoài* (Động Bão Phúc) *có bãi cát bằng phẳng ước chừng nửa sào. Ông dịch: Phía ngoài, có nổi bãi bình sa, hơi cao.* (trang 139).

Bãi bình sa là bãi gì thưa ông? *Ước bán cao* là nói diện tích bãi cát *ước chừng nửa sào* mà ông dịch là *hơi cao* thì cao tay thật!

Chữ Hán thì ông chép và phiên âm lầm *ước* 約 ra *điếu* 釣 .

Trang 158: Câu cuối bài *Chí Linh Sơn Phú* chữ Hán chép rõ ràng *Cẳng thiên cổ* nghĩa là *suốt ngàn xưa* thì ông phiên âm *Tuyên thiên cổ* không có nghĩa gì cả!

Chữ *cẳng* 亘 và chữ *tuyên* 宣 không có giống nhau như loại Tác Tộ, Ngộ Quá!

Sai sót trong quyển sách này thì không biết bao nhiêu mà kể! Chỉ xin nêu một bài: Bài *Chí Linh Sơn Phú* (trang 154-158):

a) *Phần chữ Hán:* Văn biền ngẫu mà không chia ra từng vế, từng đoạn, in tràn lan thành một mẹt hai trương, không kể sai sót và chấm câu bừa bãi!

b) *Phần phiên âm:* Chỉ hai trương rưỡi mà cả sai cả sót đến ba tá (36 chữ)!!

Tôi chỉ đọc nửa quyển rồi chán không đọc tiếp nữa.

Chính tả thì *tr, ch, dấu hỏi, dấu ngã,...* sai bét! *Chữ Hán* thì có mấy chữ in ngược, *đầu xuống dưới, chân lên trên, mà các vị cũng cho "thông qua"!*

Nếu có quý vị nào muốn thưởng thức thơ chữ Hán Nguyễn Trãi mà chưa có dịp thì tôi xin giới thiệu quyển:

Thơ Chữ Hán Nguyễn Trãi - NXB Văn Hóa 1962

Phan Võ - Lê Tước - Đào Phương Bình dịch.

Tuy thời đó không có các vị *chịu trách nhiệm, biên tập, sửa bản in* như bây giờ, nhưng ba vị là những bậc túc nho và biết tôn trọng bạn đọc nên sách của các cụ làm rất nghiêm túc. Tôi nhận xét theo sự thực chứ không thiên vị ai hết.■

Paris, 30 tháng Chín, 1995

Ngoại tình và điện năng

Quận chúa Diana, vợ thái tử Charles nước Anh lên tivi nói thật rằng bà đã ngoại tình. Năm ngoái thái tử cũng thú nhận như vậy trong một chương trình truyền hình. Báo chí Anh đều chú ý đến chi tiết này: Sau cuộc phỏng vấn Diana, điện năng tiêu thụ ở Anh tăng vọt lên một ngàn megawatt, vì 21 triệu khán giả bật đèn, chạy đi đun nước pha trà. Năm ngoái, sau cái "sô" của thái tử, điện năng chỉ tăng lên có 600 megawatt thôi.

NGƯỜI NỮ VÀ TRÁI TIM ĐÔNG PHƯƠNG TRONG THẾ GIỚI CỦA TRẦN MỘNG TÚ QUA "CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG"

BÙI VĨNH PHÚC

Tập sách gồm có 14 chuyện ngắn và một lá thư.

Tất cả những bài văn ấy đều cho người đọc nhìn ra ở nơi tác giả một con người chân thành, tha thiết, lý tưởng, bao dung, và nhân ái. Đó là những mẩu chuyện được rút ra từ đời sống của chính tác giả. Chúng là đời sống trộn lẫn với những ước mơ dịu dàng và cao khiết của một người luôn muốn đưa tay vươn với về những hình ảnh trọn vẹn và đẹp đẽ trong đời. Đọc văn của Trần Mộng Tú, ta có cái hạnh phúc giản dị như khi được uống một cốc nước suối mát mẻ và trong lành. Tâm hồn ta như mát và sáng ra theo dòng nước suối len chảy róc rách đó. Đọc những bài văn ấy, tôi có cảm tưởng (và cả cảm giác) như mình đang ngồi bên một con suối của Yosemite, trên một độ cao vài ngàn bộ, xa cách với những bụi bặm và tạp âm của cuộc bon chen mỗi ngày. Những câu văn có trong chúng mùi thơm mát của cây lá và những suối nước, của những khoảng không mát lạnh và trong lành.

Văn của Trần Mộng Tú đẹp một cái đẹp trong lành, phớt nhẹ chút thơ mộng của mùa màng thời tiết và thiên nhiên. Nhưng cái đẹp thiết tha nhất trong những câu văn, trong những ý tưởng của chị chính là một cái đẹp tỏa sáng tự tâm hồn của người viết nó. Xét về mặt miêu tả đời sống với mọi thể thái và lốt vỏ của nó, có thể có những người cho rằng Trần Mộng Tú chưa thành công. Văn chị "hiền" quá. Và mang chứa thật nhiều lý tưởng. Nhưng nếu đó là sự chọn lựa của một nhà văn, tôi nghĩ chị đã thành công trong sự chọn lựa của mình. Đọc những chuyện ngắn của chị, tôi nghĩ người đọc sẽ thấy yêu thương và tôn trọng cuộc sống hơn, sẽ thiết tha và trân quý nó hơn, và sẽ biết ơn đời sống và Thượng Đế vì những hạnh phúc cỏn con mà mình đã có giữa đời.

Văn Của Trần Mộng Tú đẹp cái đẹp của thiên nhiên:

(...) đến xế trưa nắng gom lại vàng như mật ong rót xuống đầu những ngọn cây, những nóc nhà, đổ tung tóe từng vũng xuống mặt đường. Nắng ấm áp, dễ chịu xoa nhẹ nhàng trên da thịt chứ không gay gắt. Mùa thu đến chậm, nhưng đã đến (...) Con đường ngoằn ngoèo (...) đang hiện ra dần dần dưới lớp sương tan. (...) năm sáu cây phong đã bắt đầu thay áo đỏ, áo vàng. Có cây đang còn xanh tươi tự nhiên có một cành đỏ thẫm lạc lõng ở giữa giống như bức họa vụng về mà rất dễ thương của trẻ con. Bất chợt ở cuối đường (...) một cây phong đã đỏ ối toàn thân, cây phong này chắc sốt ruột không chịu nổi sự níu kéo của mùa Hè nên đã vội đổi mầu, trông giống như một thiếu nữ vừa may được cái áo đỏ phải mặc ngay vào rồi đi khoe với bạn, xong lại bẽn lẽn vì cái áo mới của mình nên chạy đứng riêng ra một chỗ. (...)
(Tan Theo Cùng Nắng)

Những tình cảm thân thiết giữa mẹ con, bố con, vợ chồng, hay những tình cảm nhân loại giữa những con người bất ngờ gặp nhau trong những thoáng qua của đời sống, trong văn của Trần Mộng Tú, đều là những nốt nhạc dịu dàng và sáng tươi của cuộc nhân sinh. Tất cả làm cho chúng ta hướng về những nét thiện của cuộc đời.

Bài Pho Sách Mẹ là một bài văn thật đẹp, ca ngợi trái tim và tâm hồn người Mẹ, những hy sinh dung chứa được bao đau khổ trong đời. Chúng biến những khổ đau thành những châu báu, những hạnh phúc mà con người có thể trao tặng cho nhau. Mẹ là người đã trao cho ta cái kho tàng thân thiết ấy. Những người tuổi trẻ Việt Nam lớn lên ở đây khó có thể tưởng tượng được hình ảnh những mẹ ta lam lũ đi gánh nước nuôi con, mong con lớn khôn, thành tài, góp mặt với đời. Trần Mộng Tú đã làm rõ nét hy sinh chan chứa đó: *(...) Bác Sáo (...) ít học và không có một nghề gì chuyên môn. (...) chồng chết thì hai con còn bé lắm. Bà theo người anh chồng đem hai con ra Hà Nội học nghề làm bàn chải bằng tre (thứ bàn chải dùng để giặt quần áo và cọ rửa sàn nhà, vật dụng). Vì đó là một nghề thuộc tiểu công nghệ và làm bằng tay, nên từ mua rẽ tre và cắt ngắn, phơi khô, đục lỗ trên một miếng tre hoặc miếng gỗ khác rồi luồn dây thép qua để buộc rẽ tre vào bàn chải v.v.. nhất nhất đều phải làm bằng tay cả. Rẽ tre khô, và dây thép đều là những thứ cứng và khó uốn nên lúc nào hai bàn tay của bà cũng bị chảy máu, vết cắt không bao giờ lành. Mỗi ngày bà phải làm mấy chục cái bàn chải (...)*

(...) Mỗi ngày bà đi gánh nước thuê tưới rau cho những người có vườn rau ở Đà Lạt. Nước gánh từ giếng nước hay ở hồ dưới chân đồi đem lên đỉnh đồi tưới rau. Khi hai con còn nhỏ bà gánh mỗi ngày từ 30 đến 50 đôi nước, hai con lớn dần, tiền ăn tiêu và tiền học cũng lớn theo, số nước bà gánh mỗi ngày một nhiều hơn. Cho đến một hôm bà đếm được số nước gánh lên đến một trăm đôi một ngày (một gánh nước là: một chiếc gậy bằng tre dài, vót dẹp: gọi là đòn gánh. Ở hai đầu đòn gánh người ta móc vào hai cái móc bằng sắt mỗi móc có treo một chiếc thùng sắt đựng được 20 lít nước). Bất cứ mùa Hạ hay mùa Đông bà đều phải dậy từ năm giờ sáng mới đủ thời gian cho 100 đôi nước. Không phải chỉ tưới cho một khu vườn mà tưới cho nhiều chủ vườn khác nhau, nên ít khi bà được nghỉ ngơi giữa lúc đang làm việc.

Các con ơi! Các con có biết là 100 gánh nước đó có bao nhiêu mồ hôi và nước mắt của người mẹ hòa lẫn vào? Bà không chỉ gánh nước tưới rau mà bà đã gánh những giọt lệ của người mẹ tưới lên tuổi thơ của con. Nhờ những giọt lệ, những giọt mồ hôi của mẹ, con mới được ăn, học no đủ. (...)

(Pho Sách Mẹ)

Tập sách của Trần Mộng Tú đầy những câu văn đẹp đẽ và chân thật như thế. Nó làm ta yêu thương đời sống và giúp ta sống có ý thức hơn trong cuộc sống của mình. Có rất nhiều câu văn đẹp và đầy chất thơ trong tập truyện ngắn này. Đó là những quà tặng mà tác giả đã được đời sống trao gửi. Và bà (*) đã lấy giấy bóng hồng, xanh, vàng, tím của tâm hồn mình, gói chúng lại, và gửi tặng chúng ta.

Về mặt bố cục, dù sao, tập sách cũng có một khuyết điểm. Truyện Những Đóa Hồng Vàng lạc hẳn ra khỏi cái không khí chung của toàn tập truyện. Tất cả những bài văn khác trong tập truyện đều có trái tim của chúng là lòng nhân ái, sự đẹp đẽ trong ý nghĩa của cuộc sống, và tính cao cả trong những hành động, những đối xử của con người. Truyện Những Đóa Hồng Vàng cũng thế. Nhưng chỉ trong phần đầu. Phần kết, tác giả đã đạp đổ tất cả những xây dựng ấy, không những trong phần đầu của truyện, mà còn trong tất cả những nét bố cục, xây dựng của toàn tập sách. Kết luận của truyện này đưa ra là con người không thể tin vào những điều tốt đẹp và cao quý trên đời. Bởi lẽ, chính vì đã thiết tha tin vào những điều đẹp đẽ và nhân ái đó mà nhân vật chính của truyện đã sống như một người thiếu óc suy luận, như một người mù và bị thôi miên. Để cuối cùng, cả gia sản và vợ con bị mất vào tay kẻ độc ác.

Có lẽ Trần Mộng Tú cũng sợ rằng tập sách của mình sẽ bị đánh giá như một bức tranh êm đềm và mang nhiều mầu dịu quá chăng? Bởi thế, phải có một bệt "nóng" quệt vào. Hay tác giả muốn phản ánh một kinh nghiệm xã hội tương tự mà tác giả đã từng nghe biết trong cộng đồng? Dù thế nào đi nữa, tôi nghĩ chủ đề của bức tranh bà đã vẽ, cũng như những gam màu bà đã sử dụng để diễn đạt nội dung của bức tranh, từ chối sự có mặt của bệt màu "nóng" kia. Mỗi con người phải sống đúng với bản chất của mình. Và chính khi ta trung thực với cái bản chất đó, ta sẽ tìm ra được hạnh phúc cũng như "điểm mạnh" trong cuộc sống của chính ta.

Một điểm khác tôi nghĩ tác giả cũng nên lưu tâm là cách phân ý trong câu văn của mình. Nhiều ý độc lập được đặt sát bên nhau quá, và chỉ được tách khỏi nhau bằng dấu phẩy, sẽ làm cho ý tưởng nếu không bị chằng chịt xoắn xít vào nhau thì cũng làm cho chúng mất xương sống. Chúng sẽ không diễn tả được rõ những ý cần thiết được theo dõi.

Những câu như dưới đây là một hiện tượng khá phổ biến trong cách diễn ý của tác giả:

Nga thấy cụ đứng lặng người đi không nói một câu nào, cụ đặt cành hoa táo vào tay cụ bà rồi cúi xuống hôn lên má vợ, hai mái đầu trắng xóa nghiêng vào nhau, nắng bạch kim rộng lượng tràn qua cửa sổ tưới chan hòa trên hai cụ.(...)

Hai chiếc đầu trắng vẫn đang chạm vào nhau, họ không nghe thấy tiếng nước sôi reo, họ chắc là đang nói chuyện hoa táo, tiếng họ nhỏ cô nghe không rõ, cô chỉ nghe thấy như tiếng rù rì của loại chim bồ câu khi chúng âu yếm nhau. (...)

(Hoa Táo)

TRẦN THIỆN HIỆP

HIÊN TRƯA

Khi về chải tóc em nghiêng
nghe hồn chợt ấm giữa miền long đong
hiên trưa lá biếc như lòng
ta như bướm nắng lạc dòng tóc phơi

Lòng còn ở với cuộc chơi
dẫu như mình đã lượng đời tà huy
lá rồi lấp dấu chân đi
ta còn em với thầm thì lược gương

LỄ TRAO GIẢI NHÂN QUYỀN ROBERT KENNEDY

Lễ trao giải Nhân Quyền Kennedy (Robert F. Kennedy Human Rights Award) cho hai nhân vật Việt Nam, giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế, cùng một người Ấn Độ, ông Kailash Satyrarthi, đã được tổ chức tại Columbus Club ở Union Station, thủ đô Washington DC, hồi 4 giờ chiều ngày 15 tháng Mười Một 1995.

Từ trái sang phải: Bà Kerry Kennedy Cuomo, bà Ethel Kennedy, BS Nguyễn Quốc Quân (lãnh giải thay cho em là BS Nguyễn Đan Quế — bị tù tại Việt Nam), ông Kailash Satyrarthi (Ấn Độ), bà Trần Thị Thức (lãnh giải thay cho chồng là giáo sư Đoàn Viết Hoạt — bị tù tại Việt Nam). Ảnh Phạm Bá Vinh.

Nàng tròn mắt ngước nhìn ông khâm phục, ông đưa tay ra như muốn đỡ nàng đứng lên, nàng do dự một giây, rồi đưa tay cho ông kéo, bàn tay ông lạnh và khô như một phiến đá, nàng khẽ rùng mình. (Padyamu)

Trong những câu văn vừa dẫn, nếu một số dấu phẩy được thay bằng những dấu chấm hay chấm phẩy (tùy trường hợp) thì những ý tưởng sẽ trở nên rõ ràng hơn. Những ý tưởng được đóng dấu bằng những hành động rõ nét hơn. Dùng một so sánh trong điện ảnh, ống kính của nhà đạo diễn — là tác giả — lúc đó sẽ không để bất động một chỗ. Nó sẽ không đứng yên để cứ thế mà chiếu mãi một toàn cảnh lớn bao gồm nhiều động tác, nhiều nhân vật. Mà ống kính sẽ di động, thay đổi vị trí, để bắt vào những cận ảnh, làm cho những đường nét, những động tác được khu biệt. Chính là ở những sự khu biệt ấy mà những hình ảnh và câu văn nói lên được những ý nghĩa đặc thù của chúng.

Cho dù còn một vài khuyết điểm, Câu Chuyện Của Lá Phong, trong nhận xét của tôi, vẫn là một tập truyện thật đẹp và chan chứa tình người. Tính nhân bản nổi bật lên như một gam mầu đẹp đẽ trong một bức tranh dịu dàng nhưng đầy chất sống. Tôi yêu bức tranh ấy.

Trần Mộng Tú, như thế, dù là một nhà thơ hay một nhà văn, vẫn là một tiếng nói tha thiết cất lên giữa cuộc đời thiếu vắng tình yêu này. Đó là một dòng suối yên ả, trong lành và thơm mát giữa cuộc đời nhiều tạp âm và dẫy đầy những bụi bậm mà chúng ta đang sống. Thơ và văn của Trần Mộng Tú đem đến cho người đọc những dưỡng chất cần thiết cho một cuộc sống có ý nghĩa.

Tôi nghĩ, đó chính là hạnh phúc riêng của Trần Mộng Tú khi tác giả cầm lấy cây bút và viết những dòng chữ yêu thương, thiết tha và chân thật trên những trang giấy trắng của văn chương hay của đời sống mình.■

Chú Thích:

(*) Một điều đặc biệt mà tôi nhận thấy về con người tác giả qua hai tác phẩm được phân tích ở đây là: trong thơ, người viết là một thiếu nữ, đôi khi một thiếu phụ, chân thành và tha thiết với những kỷ niệm của mình; nhưng trong văn, đó là một người vợ, một người mẹ, hiểu rõ vai trò của mình trong đời sống và ra sức xây dựng hạnh phúc cho những người thân yêu. Tính nhân ái, thiết tha và tính nữ đều được thể hiện rõ trong cả hai tác phẩm, nhưng cái tiếng nói và tâm thế của người nói có khác.

Một lý do để giải thích cho sự khác biệt này là, có những bài thơ của Trần Mộng Tú đã được viết sớm hơn những chuyện ngắn của bà khoảng 15 hay 17 năm trước. Mắt nhìn và tâm hồn một nhà văn có thể được pha trộn với những kinh nghiệm của đời sống để đưa đến một tâm thế khác.

ÁI VÂN: CON THUYỀN ĐÃ CẬP BẾN

PHAN THANH TÂM

Hồng nhan thì phận bạc. Có hẳn bao giờ cũng thế không? Đời lúc nào cũng có biệt lệ. Đó là trường hợp của Ái Vân. Một ngôi sao sinh ra và lớn lên tại Hà Nội, tưởng rằng sẽ chìm lỉm, và tắt ngấm ở vùng trời tự do. Nhưng nhờ may mắn và nỗ lực cá nhân cùng nhờ thuộc con nhà nòi, được bà mẹ truyền dạy cho nghệ thuật dân ca, nên cô hiện nay "có được một hạnh phúc vượt quá sức tưởng tượng của mình." Cô nói, "qua nhiều thăng trầm, sóng gió bây giờ đã đến bến đậu của mình. Chẳng mong gì hơn vì rất là hài lòng, rất là mãn nguyện."

Ca sĩ Ái Vân

Cách đây hơn sáu năm, khi còn là một người tị nạn ở bên Đức, cô không bao giờ dám mơ ước là có ngày cô sẽ xuất hiện trở lại dưới ánh đèn màu, được cất lên tiếng hát và nghe lại tiếng vỗ tay quen thuộc của khán giả. Khi quyết định ra đi, cô tự nguyện là sẽ chấp nhận tất cả, để tồn tại, để làm lại cuộc đời. Cô đã đi học tiếng Đức, mong có được một nghề gì đó để nuôi thân. Môi trường mới, hoàn cảnh mới, cô sẽ là một người trong đám đông, chớ không phải là người đứng sau bức màn nhung, chờ bước ra sân khấu, để tiếp tục nghề ca hát.

Tuy nhiên, cuộc đời có số. Cái nghiệp dĩ vẫn theo cô. Thiên hạ xung quanh thấy cô có sắc, và có người biết cô có tài, có giọng hát hay. Họ biết Ái Vân là một ca sĩ có hạng ở Việt Nam. Một người quen vượt biên từ năm 1978 ở Đức, tổ chức cho cô một buổi trình diễn. Từ đấy, cộng đồng Việt Nam địa phương bên Đức mỗi lần có họp hành gì đều mời ca sĩ Ái Vân đến ca hát cho thêm phần xôm tụ, vui vẻ. Tên Ái Vân lại được mọi người nhắc nhở. Và cô có dịp sống lại không khí quen thuộc ngày xưa.

Năm 1990 là năm đem đến cho cô nhiều thay đổi. Cô gặp người chồng hiện nay, một kỹ sư Việt Nam du học từ trước. Mặt khác, nó còn đánh dấu một cái mốc quan trọng trong sự nghiệp nghệ thuật. Mùa đông năm đó, một *show* của Thúy Nga tổ chức ở Đức. Một người quen trong ban tổ chức mời cô đi coi. Cô đi dự với tư cách một khán giả. Nhưng khi vãn hát thì cô lại là một trong những người đứng trên sân khấu. Hôm ấy, người chung quanh nhận diện cô. Chương trình Thúy Nga mời cô lên hát. Thấy được quá, chương trình này, sau đó, đã đưa cô nhập hẳn vào làng ca hát của người Việt hải ngoại.

Ngậm ngùi nhớ mẹ

Ái Vân cho biết, sau mỗi lần nhận được hàng tràng pháo tay, khi có dịp đứng riêng rẽ, cô lại ngậm ngùi xót xa nhớ đến mẹ, đến gia đình. Cố kịch sĩ nổi tiếng Ái Liên, mẹ cô, là người đã cố công truyền dạy cho cô nghệ thuật ca hát, nhất là dân ca. Bà chỉ mong một điều: cô ra nước ngoài và thành công trong nghề ca hát. Nay cô đã đạt được ý nguyện. Nhưng bà không hề hay biết. Khi cô chào từ biệt mẹ để đi Đông Đức, bà đã mất trí và ít lâu sau bà qua đời. Còn bố cô đã 84 tuổi, không biết bao giờ sẽ gặp lại. Ông không thấy được vẻ duyên dáng, tươi tắn, rực rỡ của cô con gái vì nhà nước chỉ cho phép nhận tiền gửi về chớ không cho nhận các cuộn băng nhạc.

Ái Vân nói đùa rằng cô là người "Hà Lội" gốc. Gia đình 11 anh chị em, hơn bốn đời, sống ở đấy. Hồi còn ở Việt Nam, cô nặng về trình diễn. Cô thường xuất hiện trong những chương trình cố định với những bài hát cố định. Sang đây, cô "cảm thấy rất là thích thú khi trình diễn vì có điều kiện gần với khán giả hơn." Mình có tự do lựa chọn và tự do thay đổi bài bản. Mình có thể đối thoại với khán giả như những người bạn. Chính sự thương mến của khán giả là nguồn động lực khiến cho người nghệ sĩ say mê và gắn bó với nghề.

Thật ra, ca hát vừa là một đam mê, vừa là

một việc phải làm. Nơi cô, không một khả năng nào khác quan trọng hơn là ca hát. Mỗi lần trình diễn phải xa gia đình. Đứa con gái năm tuổi, mỗi cuối tuần nghe mẹ sắp đi hát là cuống quýt ôm lấy mẹ. Trông rất tội. Nhưng biết làm thế nào hơn. Khi mới sang, nghe đêm trình diễn kéo dài năm sáu tiếng, "sợ ghê lắm." Hơi cực một chút, nhưng được đền bù xứng đáng. Cô cho biết có lần nhẩm tính, quãng đường bay mỗi kỳ đi hát, dài hơn cả một năm ở Việt Nam phải đi lưu diễn.

Không hối tiếc

Cô không muốn nhắc đến chuyện quá khứ, dù chẳng "có gì ân hận, hối tiếc." Cô nghĩ rằng, ít nghệ sĩ nào có được một đời sống tình cảm bằng phẳng. Chính sự đau khổ giúp rất nhiều cho nghề nghiệp. Với ca sĩ thì tiếng hát sẽ có hồn hơn. Khi gặp sóng gió đầu tiên trong đời, cô hát hay hẳn lên. Khán giả quen thân nhận xét như vậy. Cô nói, "sự bất hạnh trong cuộc đời là cái may mắn trong nghề nghiệp. Cuộc sống rất công bằng. Không ai trọn vẹn cả. Nhưng cũng không để cho ai bị thiệt thòi quá."

Cô sống ở San Jose (California), ngoài bé gái có với người chồng hiện nay, còn đứa con trai 11 tuổi ở Việt Nam sang. Cô cho biết nếu có khuyên chúng, cô sẽ bảo "nên tự tin trong cuộc sống; xông thẳng vào cuộc đời; muốn làm gì thì phải làm cho bằng được, và phải biết thương yêu gia đình. Nếu có đi theo con đường nghệ thuật thì phải có tài, phải nổi lên, còn làng nhàng, thì sẽ không có tương lai."

Theo cô, trong cuộc đời người con gái, bước ngoặt quan trọng nhất là lấy chồng và có con. Nó làm thay đổi cả nếp sống, suy nghĩ, cách nhìn đối với thế giới chung quanh. Còn về tình yêu? Cô nói, "nếu đã yêu ai thì yêu hết mình. Không tính toán; không vị kỷ. Yêu chết bỏ luôn." Cô đã bắt gặp điều đó.

Năm 18 tuổi, có người tỏ tình và cô kể như là tình yêu đầu tiên. Tình này rất là ngây thơ, rất là trẻ con, kéo dài trong một năm. Rồi vì một chuyện gì vô cớ, giận dỗi nhau, thôi nhau. Cô kể lại rằng, cách đây bảy năm, cô có thoáng thấy người ấy trên đường phố Sàigòn. Cô tự hỏi nhiều lần, không biết nên gọi đó là tình yêu hay không. Tuy nhiên, cô khó quên cái cảm xúc đầu tiên trong cuộc đời khi nghe một người khác giới nói với mình về chuyện yêu đương.

Hiện cô chẳng lo gì cả. Rất hài lòng với hiện tại. Còn tương lai là một cái gì mà chẳng ai đoán được. Giờ chỉ mong hàng tháng trả tiền nhà đều đặn; nuôi dạy con cái ngoan ngoãn; và còn hát thì ráng giữ ngôi vị mình đang có để khỏi phụ lòng khán giả.

Mộng bình thường

Cô tự nhận không phải là "thành phần mua sắm áo quần; mà chủ yếu là thích đồ bếp núc vì rất ưa nấu ăn." Cô nói, một ngày nào đó, nếu không còn phải đi hát nhiều, được ở nhà thì sẽ chăm lo việc nội trợ, coi sóc con cái. Có tiền thì thỉnh thoảng đi du lịch. Cô mong Việt Nam sẽ là một nước có tự do dân chủ thật sự và mơ có ngày sẽ về Việt Nam hát. "Nhưng thấy xa quá." Cô không có liên lạc với bạn bè ở bên nhà. Chỉ có thư từ với gia đình thôi.

Theo cô, cái điện thoại làm mất thói quen viết thư. Hồi ở trong trại tị nạn, mỗi ngày cô viết bảy bức thư. Giờ thì chịu vì viết một bức thư là cả một công trình. Nếu không có việc gì khác thì cô tập hát, nghe nhạc cổ điển, hay các băng nhạc của các ca sĩ khác để rút kinh nghiệm. Cô nói "kết quả của các buổi trình diễn trước công chúng là do sự làm việc nghiêm túc của mình." Cô thích giọng ca Khánh Ly, Khánh Hà, nam ca sĩ thì Elvis Phương, Thái Châu, Duy Quang. Cô thích đọc văn Võ Phiến và chuyện cười "Chuyện Cấm Đàn Bà" của Đặng Trần Huân.

Cô cho rằng, nghệ thuật phải có tự do vì có tự do mới có nhiều sáng tạo, mới có thể bay bổng lên được. Nhận xét về nhạc Trịnh Công Sơn, cô nói nó hay nhưng lời lẽ "quá trừu tượng." Cô rất thích nhạc Phạm Duy và "rất kính trọng nhạc sĩ Phạm Duy." Nhạc của ông đa điệu, giàu tình quê hương và tình tự dân tộc. Tuy nhiên, thích nhất là nhạc của Đức Huy vì cô "ưa những gì đơn giản, dễ hiểu." Chẳng hạn như bài "Và tôi cũng yêu em":

Tôi yêu những gì đến tự nhiên,
những câu nói thành thật,
tôi yêu tà áo trắng, yêu trăng sáng ngày rằm,
và tôi cũng yêu em,
yêu em rộn ràng,
yêu em nồng nàn,
yêu em chứa chan.

hay những câu trong bài "Và con tim đã vui trở lại":

và con tim đã vui trở lại,
tình yêu đến cho tôi ngày mai,
tình yêu chiếu ánh sáng vào đời,
tôi hy vọng được ơn cứu rỗi,
và con tim đã vui trở lại,
và niềm tin đã dâng về người,
trọn tâm hồn nguyền yêu mãi riêng người mà thôi.

* Bài này được viết khi ca sĩ Ái Vân đến thành phố đôi Saint Paul - Minneapolis trình diễn, nhân dịp cộng đồng Việt Nam tại Minnesota tổ chức kỷ niệm 20 năm định cư tại Hoa Kỳ trong mùa hè năm nay, 1995.

Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi Trân Trọng Giới Thiệu Compact Disc đã phát hành khắp nơi:

Hai Đĩa (double CD) ĐÊM NGÀN KHƠI chủ đề TÌNH HOÀI HƯƠNG và CON ĐƯỜNG CÁI QUAN

- Dàn Nhạc Hòa Tấu 40 nhạc sĩ Việt Mỹ trong Hòa Tấu Khúc của LÊ VĂN KHOA.
- TỨ CA, NGŨ CA NGÀN KHƠI, MAI HƯƠNG, QUỲNH GIAO, THIÊN THANH, BÍCH LIÊN, NGUYỄN THÀNH VÂN trong những ca khúc nghệ thuật và dân ca Việt Nam.
- BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI trong Trường Ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN của Phạm Duy do Trần Chúc hòa âm.

NGÀN KHƠI

Giá bán: $20 double CD ĐÊM NGÀN KHƠI.
Liên lạc: Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi (714) 531-2773 14265 Brookhurst St., Garden Grove CA 92643
Tại Little Saigon xin hỏi mua nơi Bích Thu Vân, Tú Quỳnh, Tự Lực, Văn Khoa, Người Đẹp Bình Dương, Star Music và trụ sở Hội VAALA.

Đã phát hành:

1. Cassette tape: Tiếng Chiều Rơi (Tiếng hát Kim Tước, Mai Hương, Trần Chúc, Lệ Thu, Sơn Ca, Hà Bích Hợp trong những ca khúc nghệ thuật do Lê Văn Khoa hòa âm cho dàn nhạc giao hưởng).... $7
2. Cassette tape and video tape: Việt Nam Quê Hương Mến Yêu .... cả bộ $22.
3. Compact disc: Đêm Ngàn Khơi 1 (Hội Trùng Dương) .... $12.

Tất cả giá biểu trên đã kể cước phí trong USA. Nơi khác xin thêm 10% cước phí.
Với độc giả dài hạn của báo Thế Kỷ 21: bớt 10%.

GIỌT NƯỚC MẮT THỨ BA

HOÀNG KHỞI PHONG

(Bài phát biểu trong cuộc hội thảo Văn Học tại Seattle Public Library)

Trước tiên tôi có mặt nơi đây trong tư cách của một nhà văn độc lập, không đại diện cho bất kỳ một cá nhân nào, một tổ chức nào. Bởi vì tôi nghĩ rằng một nhà văn nên có mặt trong một cuộc hội thảo văn học về đất nước mình. Cho dù tôi là một nhà văn không còn được sinh sống trong lòng đất nước, nhưng không một ai có thể cấm được những ước mơ của tôi dành cho xứ sở đã sinh ra tôi, đã ươm tôi khôn lớn. Hơn thế nữa, tôi cũng đã từng chiến đấu cho phần đất này, phần đất đã gây dựng tôi từ một người lính bình thường, trở thành một nhà văn.

Sau cùng chiến tranh Việt Nam đã tàn được 20 năm, so với đời người thì đó là một thời gian khá dài, nhưng so với lịch sử thì khoảng thời gian đó chẳng qua chỉ là một cái chớp mắt. Tuy nhiên trong cái chớp mắt của lịch sử này, hàng triệu người nằm xuống do rất nhiều nguyên nhân, mà trong đó nguyên nhân lớn nhất chính là hậu quả của những trận chiến tranh đã ngự trị trên đất nước chúng ta hàng hai, ba thế kỷ liền.

Chính vì chiến tranh và chỉ nội trong trận chiến cuối cùng, những hậu quả của nó đã làm cho dân tộc Việt Nam hao tổn sinh lực đến độ hàng triệu người chết, hàng triệu gia đình tan nát, và hàng triệu người phải sống xa tổ quốc. Chiến tranh đã khiến cho đất nước trong nhiều năm liền, hoàn toàn không phát triển so với các lân quốc trong vùng. Trong công cuộc đòi hỏi một nền độc lập cho tổ quốc, không một quốc gia Á Phi nào trả một cái giá đắt như dân tộc Việt Nam, một cái giá mà nhiều thế hệ sau này sẽ phải còng lưng gánh chịu do những sai lầm của những thế hệ trước.

Nghĩ cho cùng chiến tranh tuy đã tàn hai mươi năm, nhưng lòng hiếu chiến, sự thù hận vẫn còn ngự trị trong lòng người chiến thắng cũng như chiến bại. Trong suy nghĩ của một nhà văn, tôi cho rằng không thể dùng súng đạn bắn vào lòng mỗi con người để triệt đi lòng hiếu chiến, và lòng thù hận. Chính bản thân tôi cũng đã chịu những hậu quả của trận chiến tôi đã tham dự, chính bản thân tôi cũng đã chịu cảnh chia ly, gia đình tan nát, anh em thất tán khắp mọi nơi, do đó tôi hiểu được chiến tranh sẽ mang đến cho con người cái gì: Kẻ thắng thì tranh giành, xâu xé vì quyền lực. Còn người thua thì nói làm sao cho cùng những thống khổ của trần gian.

Cách đây hai tuần lễ, cũng trong một sinh hoạt tương tự diễn ra tại San Francisco để giới thiệu cuốn sách *"The Other Side of Heaven"* này, một cuốn sách nói về hậu chiến tranh Việt Nam, nhà văn Nguyễn Mộng Giác phát biểu về sự cần thiết của tiếng nói thứ ba, tiếng nói của những người không may mắn nằm trong phe thắng trận, hay khác đi tiếng nói của những nhà văn miền Nam đang sống lưu vong trên khắp thế giới. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho rằng: *"...Tiếng khóc, nỗi đau vốn không có biên giới. Hạt nước mắt nào cũng giống nhau, đã nhớ đến hai giọt nước mắt, cớ sao lại quên giọt nước mắt thứ ba..."* Tôi chia sẻ quan điểm của nhà văn Nguyễn Mộng Giác và xin bổ túc cho quan điểm này: Tiếng nói đó phải được cất lên bằng tấm lòng nhà văn mở ra, và những tác phẩm đó phải được viết vì nhu cầu của văn học, chứ không phải nhu cầu chính trị của một thế lực nào.

Bởi lẽ chúng tôi là hai nhà văn, không hoạt động chính trị, nên không thể phát biểu bằng cách xuống đường hoan hô đả đảo, bằng những diễn đàn chính trị, bằng những tranh cãi trong các hội trường với những bài diễn văn tưởng như có thể bạt núi, lấp sông. Những bài diễn văn từ bất cứ phía nào mới vô dụng làm sao, bởi vì nếu thật sự chúng hữu dụng thì đời sống chắc hẳn phải tươi đẹp hơn. Là nhà văn, chúng tôi phát biểu bằng những tác phẩm của chúng tôi, và điều quan trọng nhất đối với những tác phẩm này chính là chúng tôi phải viết như thế nào để có thể đi vào lòng người. Hay khác đi tác phẩm phải phản ảnh được hiện thực của đời sống, và phải có đủ tính văn học để có thể tồn tại với thời gian.

Nếu như trong tác phẩm, chúng tôi vẽ lại cái nền của cuộc chiến, sự thô bạo của những con người, sự tàn ác đôi khi mất nhân tính của những con người trong chiến tranh, sự nghèo đói, sự lạc hậu, sự chậm tiến, sự thù hận... là bởi vì cuộc sống hiện thực đang dẫy đầy những điều đó. Mô phỏng lại xã hội một cách trung thực, cả bề rộng lẫn bề sâu, chúng tôi tin rằng qua các tác phẩm của chúng tôi, những thế hệ sau sẽ nhìn vào những điều tiêu cực của xã hội chúng tôi đang sống, như là một thí dụ xấu phải tránh. Mô tả

những điều đó, không có nghĩa chúng tôi cổ võ lòng thù hận, mà trái lại chúng tôi muốn cảnh tỉnh những thế hệ đến sau để kêu gọi lòng nhân ái.

Chính vì vậy mà tính văn chương trong các tác phẩm này cần thiết. Bởi vì nếu không đạt được tiêu chuẩn văn chương, thì những tác phẩm của chúng tôi có khác gì một xấp truyền đơn dầy, không thể nào chạm tới tấm lòng người đọc. Trong chiến tranh, tôi đã đọc những tác phẩm kêu gọi lòng thù hận quá nhiều. Các thế hệ trước tôi, và thế hệ tôi đã thừa mứa thù hận, khiến cho máu chẩy thành sông và xương cao thành núi. Hai mươi năm sau chiến tranh, tôi mong rằng các nhà văn trước tôi, các nhà văn đồng thời với tôi, và các nhà văn sẽ đến sau tôi trong nước cũng như ngoài nước, sẽ cống hiến cho người đọc những tác phẩm viết bằng tấm lòng nhà văn, với nghệ thuật cao, chứ không phải là những tác phẩm đúng đường lối, hợp lãnh đạo, theo nhu cầu... Nói cho cùng mọi chuyện rồi cũng qua đi, cho dù bất cứ ai cũng không thể sống hoài hoài trên mặt đất. Cái tồn tại chính là những điều tốt đẹp trong đời sống, mà những tác phẩm văn chương đích thực là một trong những điều tốt đẹp này.

Tôi cũng nghĩ là nhà văn phải được toàn quyền mơ ước. Nhưng mơ ước không có nghĩa là dối trá với độc giả, vẽ lên những điều không thật, của một xã hội giả tưởng mọi điều đều tốt, mọi con người đều thánh thiện. Trước khi có được những con người như mơ ước, của xã hội ngày mai, bằng văn chương nhà văn phải vẽ cho kỳ được con người của xã hội hôm nay, cùng những guồng máy trì trệ đã làm những rào cản không cho con người tiến tới phía trước. Nương vào đó những lứa người tới sau có thể kiện toàn được xã hội của họ, tạo dựng một đời sống càng ngày càng gần với sự toàn thiện. Nếu một nhà tu lên đường với niềm tin, thì nhà văn phải lên đường với lòng thành thật. Chỉ có tấm lòng của nhà văn mở ra, nhiên hậu những tấm lòng khác sẽ bớt khép lại.

Tôi không bao giờ nguôi niềm tin tưởng về tương lai dân tộc tôi, một dân tộc thông minh, hiếu hòa. Nhưng lịch sử mọi dân tộc đều có thịnh và suy. Ba thế kỷ suy yếu vì chiến tranh đã quá đủ, do đó trong tư cách của một người cầm bút, tôi đến đây để kêu gọi lòng nhân ái nơi mọi con người.

Đã đến lúc mọi nhà văn phải quay lưng lại với những thỏa hiệp tới từ bất cứ đâu. Đã đến lúc mọi nhà văn phải dùng ngòi bút của mình của mình để mở một trận đánh khác, tất nhiên đây là một trận chiến không dùng súng đạn. Bởi vì vũ khí của nhà văn là ngòi bút cùng những suy nghĩ trong đầu, những thổn thức trong tim. Và cái đích mà nhà văn nhắm tới là những tấm lòng đã khép lại, thành quách mà nhà văn phải triệt hạ là những suy nghĩ trì trệ, lỗi thời. Đây là trận đánh giữa nhân ái và bạo lực, giữa tha thứ và cố chấp, giữa lương thiện và bất lương, giữa chân thật và giả dối, giữa sáng suốt và tăm tối, giữa thiện và ác... Sẽ không có máu đổ trong trận chiến này. Nơi trang sách mở ra, chỉ có tấm lòng của những nhà văn hiển hiện.

Đây chính là trận chiến của ngày mai. Trong trận chiến này mọi nhà văn phải đi hàng đầu, làm những cái gạch nối cho quá khứ liền với hiện tại, để thẳng tới tương lai.

Tôi chân thành cám ơn những người đã thực hiện cuốn sách *"The Other Side of Heaven"*, một tuyển tập quy tụ được nhiều nhà văn từ các phe tham chiến. Như nhà văn Wayne Karlin đã viết trong lời mở đầu, trong chiến tranh ông đã nhiều lần nhắm bắn kẻ địch. Và biết đâu chừng những nhà văn khác trong cuốn sách này, như Lê Minh Khuê chẳng hạn lại chính là một cái đích trên đường nhắm từ lỗ chiếu môn, tới đỉnh đầu ruồi nơi nòng súng của *"người lính"* Wayne Karlin trong chiến tranh cũ.

Hai mươi năm đã qua, tôi tin rằng thời gian là một liều thuốc nhiệm mầu, đã tẩy được những mầu sắc u ám trong lòng những nhà văn, nhờ đó cuốn sách được ra đời. Đôi khi con người phải biết quên đi những đau thương, những thảm họa để sống thanh thản hơn. Trên tro tàn nguội lạnh của trận chiến cũ, trên cái nền xám xịt của chiến tranh còn sót lại, hai mươi năm sau cuốn sách *"The Other Side of Heaven"* ra đời. Đó chính là một trong những bông hoa của tình người đã nở một cách muộn màng. Tôi tin tưởng rằng đang có những công trình tương tự, nơi những người cầm bút khác. Tôi vững tin rằng sẽ có những vườn hoa đang được ươm tại bên đây và bên kia Thái Bình Dương. Tôi tin rằng con cháu tôi sẽ có lần dạo chơi trên những vườn hoa này.

Sau cùng, tôi xin chân thành cám ơn ban tổ chức cuộc hội thảo này, đã cho tôi cơ hội phát biểu những suy nghĩ của cá nhân tôi. Trong trường hợp những phát biểu của tôi không hợp lòng quý vị, xin nhận nơi đây lời xin lỗi của tôi. Bởi vì xét cho cùng những lời kêu gọi nhân ái của một nhà văn vô hại. Nó không tổn thương đến tấm lòng của bất cứ một cá nhân nào, không đi ngược lại quan điểm một đoàn thể nào. Xin thành thực cám ơn quý vị.■

Không biết

Người mẹ tóc vàng, đứa con sơ sinh thì tóc nâu, cô y tá tò mò hỏi: "Bố thằng nhỏ tóc mầu gì vậy?" Bà mẹ trả lời: "Không biết. Anh ấy đội nón!"

MỘT HỆ THÁI DƯƠNG MỚI

BÌNH ANSON

Trong một thế giới 6 tỉ người bận rộn làm việc, sinh hoạt, trò chuyện hằng ngày, cảm giác cô độc có lẽ không phải là một vấn đề đáng bận tâm của nhân loại chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta nghĩ xa một chút: vũ trụ mà ta đang sống hiện có khoảng 200 tỉ tỉ ngôi sao, trong đó mặt trời của chúng ta chỉ là một ngôi sao nhỏ bé mà đến giờ chúng ta chỉ biết có đủ khả năng để duy trì sự sống, và có lẽ một dạng sinh vật thông minh. Như thế, trong bối cảnh vũ trụ vĩ đại nầy, có thể nói chúng ta là những sinh vật rất cô đơn!

Nhưng có phải đúng như thế không? Câu hỏi nầy vẫn chưa có giải đáp thỏa đáng. Nhưng gần đây, các nhà khoa học đã khám phá thêm những điều mới lạ để tìm hiểu thêm về sự hiện hữu của các loài sinh vật khác trong vũ trụ.

Tháng Mười 1995 vừa qua, một nhóm các nhà thiên văn Thụy Sĩ tuyên bố rằng họ đã tìm thấy một hành tinh đầu tiên quay quanh một ngôi sao như mặt trời, ở ngoài thái dương hệ của chúng ta. Hành tinh mới nầy trông giống như là Mộc tinh trong trạng thái hơi và có lẽ nặng hơn trái đất 150 lần. Tuy nhiên, cũng chưa rõ là hành tinh đó có kích thước thế nào.

Gần đây, các khoa học gia Mỹ đã xác nhận các khám phá trên. Thêm vào đó, một nhóm chuyên gia Mỹ khác cũng vừa mới báo cáo rằng họ đã khám phá thêm một hành tinh thứ hai, quay quanh ngôi sao nói trên. Một thái dương hệ mới với một mặt trời và ít nhất là hai hành tinh quay xung quanh đã được khám phá! Điều nầy tạo nhiều hứng khởi trong giới khoa học toàn cầu. Nếu có đời sống nào đó ngoài kia trong vũ trụ, ắt hẳn rằng các sinh vật đó phải sống trên một hành tinh. Nay ta đã khám phá ra được hai hành tinh, thì chắc rằng có một loài "ngoại cầu" (ET, Extra Terrestrials) nào đó đang sinh sống trên hành tinh nầy.

"Đây là một sự kiện kỳ thú, một trong các sự kiện đặc biệt mà bạn muốn kể lại cho con em nghe!" Ông John Bahcall, một trong những người cha đẻ của viễn vọng kính không gian Hubble, tuyên bố như thế.

Trong phong trào hứng khởi của các khám phá vũ trụ nầy, các khoa học gia khác cũng vừa báo cáo việc phát hiện một thiên thể màu nâu, một loại kết nối giữa đẩu tinh và hành tinh, mà họ đã bỏ công tìm kiếm trong mấy mươi năm qua. Các khám phá nầy đã làm cho tháng Mười 1995 là một tháng lịch sử của giới thiên văn. Có thể nói tất cả các khám phá thiên văn nầy là một điểm mốc quan trọng vì chúng xẩy ra trong cùng một lúc, sau nhiều thập niên bỏ công tìm tòi đầy thất vọng.

Công tác khám phá ra một hành tinh quay quanh một mặt trời nào đó chính là một trong

Tìm đọc:

lời trần tình

Thơ XUÂN BÍCH
Tác giả xuất bản - 1995
Thế Kỷ phát hành - Giá $10.00

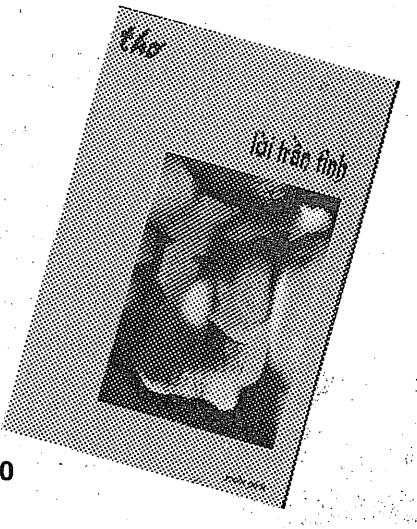

Liên lạc: THẾ KỶ
11022 Acacia Pky #A Garden Grove CA 92640
ĐT (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

các thách đố khoa học của các nhà thiên văn trong thế kỷ 20. Công tác nầy đã được rất nhiều người tham gia, với đủ loại viễn vọng kính, và cho tới nay cũng có rất nhiều báo cáo giả dối, không kiểm chứng được. "Trong 50 năm qua, đã có hơn 50 vụ khám phá như vậy, mà cuối cùng sau khi kiểm chứng, không còn có giá trị gì nữa!" Ông Paul Butler — một nhà thiên văn của Đại học California ở Berkeley — đã cho biết như thế.

Tuy nhiên, không phải các nhà thiên văn tự ngụy tạo ra các khám phá nầy đâu. Rất khó mà thấy được các hành tinh trong các thiên hệ khác, bởi vì các hành tinh thì lại rất nhỏ bé so với các ngôi sao và thường bị lẫn lộn trong quầng sáng của các ngôi sao gần đó, và vị trí của các hành tinh lại rất khó xác định. Thường thường, các nhà thiên văn dò tìm hành tinh bằng một phương cách gián tiếp. Họ quan sát các ngôi sao để xem ánh sáng phát ra có bị "khập khễnh" hay không. Nếu có thì đó có thể là vì lực kéo của một thiên thể khác. Nói cho cùng, việc khám phá ra một hành tinh thường bắt đầu bằng một cuộc tính toán mò mẫm.

Nếu các khoa học gia may mắn quan sát đúng hướng, họ có thể thâu đạt thắng lợi. Đó là việc làm của các ông Michael Mayor và Didier Queloz tại đài thiên văn Geneva, Thụy Sĩ. Khi quan sát ngôi sao Pegasus-51 (Thiên Mã 51), vốn có cấu trúc tương tự như mặt trời chúng ta, các ông nầy khám phá một thiên thể khập khễnh mà họ đoán là một hành tinh. Tuy nhiên, theo các tính toán của họ, "hành tinh" nầy chỉ quay một vòng quanh Pegasus-51 có bốn ngày và ở rất gần "mặt trời" trong hệ thống đó — hoàn toàn không giống cách sắp xếp của hệ thái dương quen thuộc của chúng ta. Vì vậy, khi nhóm chuyên gia Thụy Sĩ nầy trình bày các kết quả của họ trong tháng Mười vừa qua, dù có nhiều người tán thưởng, cũng có nhiều người nghi ngờ các kết quả đó.

Sau đó, các nhà thiên văn khác ở Hoa Kỳ bắt đầu kiểm chứng lại các kết quả của nhóm Thụy Sĩ. Ông Butler ở Berkeley cho biết: "Chúng tôi bắt đầu với sự hoài nghi. Chúng tôi tự bảo: À! Đây lại là một khám phá hư tạo mà ta phải khai mở cho mọi người biết..."

Lúc đó lại là một dịp may, vì ông và người bạn thiên văn đồng nghiệp, Geoffrey Macey, ở Đại học San Francisco, vừa bắt đầu sử dụng viễn vọng kính cỡ lớn tại đài thiên văn Lick, vốn chỉ dùng được trong 12 ngày mỗi năm. Trong đêm đầu và các đêm sau, hai ông Butler và Macey đã không "khai mở" được gì cả. Trái lại, họ đã kiểm chứng xác nhận các kết quả đầu tiên của nhóm Thụy Sĩ. Tuy nhiên, không phải người nào cũng ủng hộ các kết quả nầy. Những người còn nghi ngờ thì vẫn cho rằng có thể cái "thiên thể" quay quanh Pegasus-51 chỉ là các mảnh vụn của một ngôi sao nào đó...

Dù sao, nhiều nhà thiên văn khác đã tỏ ra rất hài lòng với các kết quả nầy, và họ tin tưởng rằng bây giờ với sự chú tâm của nhiều người vào hệ Pegasus-51, chắc chắn ta sẽ có thêm nhiều kết quả khẳng định và cụ thể hơn nữa. Đó là một điều hết sức vui mừng của các nhà khoa học, vì nó khẳng định được niềm tin là đã có nhiều hành tinh tương tự như địa cầu trong các hệ thái dương khác, ngoài hệ thái dương của chúng ta. Và nếu như thế, có lẽ chúng ta không còn cô độc trong vũ trụ bao la nầy nữa...■

Tháng Mười Một, 1995
(viết theo "Is this a new solar system at last?"
Sunday Times, 5 November 1995,
Western Australia)

TRIỂN LÃM ẢNH NGHỆ THUẬT HỨA VĂN BÂN

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ và Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam đồng thực hiện cuộc triển lãm ảnh nghệ thuật tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, số 14901 Moran Street, Westminster, California.

Hứa Văn Bân là một nhiếp ảnh gia lão thành. đã tích cực sinh hoạt trong ngành ảnh nghệ thuật, đã đem danh dự về cho Việt Nam qua nhiều giải thưởng lớn mà ông chiếm được qua các cuộc thi ảnh quốc tế trước 1975. Ảnh của ông mang đặc tính Việt Nam, bố cục chặt chẽ, sắc độ chính xác, tiết tấu nhịp nhàng.

Phòng triển lãm sẽ mở cửa từ **11 giờ sáng đến 5 giờ chiều** các ngày **thứ Bẩy và Chủ Nhật 16, 17, 23, 24, 30 và 31 tháng Mười Hai năm 1995.**

Vào cửa tự do.

NUÔI CỌP TRONG NHÀ

KHUYẾT DANH THỊ NGH.

Lúc ấy trời đã nhọ mặt người, ông già ngồi ngay bậc cửa nhìn ra ngoài ngõ bỗng thấy bóng mấy người vẻ vội vã đi tới rồi bước qua cổng vào khoảng sân hẹp. Một người tay dắt đứa nhỏ, tay giữ ba lô tới gần:

"Nhà tối hù rồi sao bố không thắp đèn..."

Ông già à lên một tiếng. Người trẻ nói:

"Ạ ông nội đi con."

Đứa nhỏ nói lí nhí. Ông già đưa tay ra, đứa nhỏ giữ lấy và ngước nhìn bố nó.

"Cháu ông đó."

Đứa nhỏ đứng yên bên ông già. Hai thanh niên khỏe mạnh đi phía sau bỏ xuống hiên một vật gì rất nặng. Họ làm cử động hai tay một lúc. Một người nói: phải chi nó là khối vàng cho bõ. Người trẻ nói:

"Thôi, cám ơn hai chú, như vậy là mình không còn nợ nần gì nhau nữa nhá. Chia tay."

Không quay lại, người trẻ bước lên hiên nhà bỏ ba lô xuống lục lọi, ánh sáng ngọn đèn bấm loang loáng quét mọi phía, ba gian nhà trống như ngày nào, những đồ đạc tầm thường đã bớt đi. Ông già châm được ngọn đèn để nơi bàn giữa nhà, ánh sáng vàng nhoa nhuếch, ông nhìn thấy mặt đứa con, ông hơi sững khi thấy một vết sẹo lớn từ mang tai kéo xuống như một vết chém, đứa cháu đen đúa, đầu to, tóc rễ tre dựng ngược. Ông già giọng nghi ngại:

"Anh về ở nhà?"

Người trẻ lôi những đồ vật ra giường đang sắp sắp mấy cuốn sách thành chồng, giọng buông xuôi:

"Đi rồi thì phải về thôi..."

Ngọn đèn lù mù không nhìn rõ mặt người. Người trẻ nhìn quanh quất rồi lấy mấy cục gạch vỡ ở góc sân nhóm một cái bếp gần bờ dậu. Cái ghế khập khiễng bị bẻ ra, mấy que củi chỗ này chỗ khác chụm lại và ngọn lửa bùng cao, mặt ông già sáng lên từng lúc với những nết nhăn nhúm bùng nhùng trên mặt, khoảng mắt tối mệt nhọc, thân hình khô đét như cong lại. Ông già đi đi lại lại quýnh quáng như không biết phải làm gì, lúc sau ông lấy gạo vào giá đưa ra nói bâng quơ:

"Chiều ăn miếng cơm nguội nấu từ sớm giờ cũng thấy kiến bò bụng rồi..."

Ấm nước đầu pha trà, nấu cơm, ấm thứ hai tắm cho đứa nhỏ ngay nơi sân, bị kỳ cọ ở nách ở háng làm nhột khiến thằng nhỏ cười ré lên, hai cha con nó đùa với nhau khiến ông già mỉm cười, ông vào nhà thắp ba nén hương trên bàn thờ.

Khi nghe tin hòa bình trở lại, đất nước thống nhất hai vợ chồng ông vui mừng trông chờ người con trai lớn đi Nam trở về, một năm, rồi ba năm mòn mỏi không tin tức, vợ ông bệnh rồi qua đời. Thằng út vừa lớn, có lệnh gọi nhập ngũ nó lên đường dù anh nó chưa về và có quyền khiếu nại, nó nói với cha: người ta nói ở trong bộ đội dù cực nhưng được ăn no. Người cha không biết nói sao. Ông còn một mình cầm giấy đi từ cửa này tới cửa khác hỏi tin con chưa về. Tất cả đều mù mịt với lời hứa sẽ trả lời. Có người nói: có khi nó lấy vợ ở trong ấy rồi, người lại bảo: có khi nó chiêu hồi và nay đang sống ở Mỹ chưa chừng... Một lần trở về, hàng xóm bu lại chia buồn với ông, lúc ấy ông mới rõ khi vắng nhà ở trên người ta đã mang giấy báo tử đứa con lớn của ông. Một người cầm tờ giấy đọc cho ông nghe, ông chỉ nhớ: ... đã hy sinh năm 1968 tại mặt trận miền Nam. Thằng út đi, chẳng bao giờ nó viết cho ông một chữ, rồi chiến tranh ở biên giới phía Bắc, trận chiến ở biên giới tây nam ông đứng ngồi không yên... Bỗng một hôm nó đeo ba lô trở về, khỏe mạnh, táo tợn, nó kể chuyện đường xa với những nơi chốn lạ hoắc. Nó bảo: quân xâm lược bao giờ cũng tàn ác. Buổi sáng nó dậy sớm tập võ huỳnh huych ở trước sân, nó bảo: tưởng đã liệt rồi, lúc ở trại an dưỡng có người dạy cho nó luyện khí công và võ để thủ thân, nhờ thế khỏe ra. Về ít lâu, nhìn trước nhìn sau không biết làm sao sống. Ông già bảo: Làm ruộng thì có gạo ăn. Nó thở ra khi sửa soạn đi: phần đất mình được chia bằng hai cái váy, dù vật lên vật vật xuống không cho đất nghỉ một ngày cũng chẳng khá được, làm sao nuôi vợ rồi nuôi con. Phải đi thôi, trời rộng sông dài... Và nó đi.

Tắm rửa xong thì cơm đã chín. Người con lấy ra khúc giò gói trong lá chuối cắt bỏ lên mâm, người cha với chai rượu trắng nơi bàn thờ xuống:

"Có uống một chén không?"

"Rượu cũng là một thứ thuốc độc, bố già rồi uống không sao."

Đứa nhỏ chừng quá đói nên ăn vồ vập rồi nằm ngay ra phản. Cha nó dựng dậy:

"Đi ra sân đái đã không đêm lại làm trôi bố xuống đất."

Ăn thêm một bát cơm với vẻ ngon miệng, ông già nói:

"Cái gì còn để ngoài hiên phải bỏ vào trong này không đêm có khi nó bưng mất."

Người con bước ra tháo bỏ cái bao tải, một con hổ bằng đá, rồi dùng hết sức mình đẩy cho nó áp vào vách hiên:

"Hổ đá à? Để làm gì cái của ấy?"

"Có khi cũng phải nuôi cọp trong nhà..."

Thu dọn xong người con trai mắc mùng cho đứa nhỏ rồi lấy ra một điếu thuốc châm hút. Hai cha con ngồi đối diện nhau nhìn ra sân tối. Người con nói:

"Ở một vùng mà cái gì cũng có sự tích. Chùa Bụt Mọc vì chùa được xây lên từ chỗ thấy đầu một pho tượng từ dưới đất nhô lên. Giếng Mực là giếng xưa kia một tiến sĩ đã liệng nghiên mực xuống đó chỉ vì khi vinh quy về làng đã không ai đón rước rồi thốt lên lời nguyền: làng này sẽ không có được một chữ, từ đó đa phần dân mò cua bắt ốc chẳng có ai biết chữ. Gò Mả Trâu, vì nơi đó làng từng táng một con trâu già suốt đời cày bừa đến nỗi quá sức chết ngay vào lúc đang cày ruộng... Con cọp này để ở đầu làng đó. Người ta bảo nó có uy đến độ hồi Tây càn đi đến đầu làng cũng đổi hướng, hồi Nhật bắt trồng đay cũng chỉ tới làng trên, hồi Mỹ thả bom, bom rơi ngay ven đê cũng không nổ. Làng chưa bao giờ bị trộm cướp lấy đi một cái bát mẻ, chỉ có người làng đi ăn cướp làng khác bị đánh chết...

Nhấp ngụm trà, nhìn con cọp nơi hiên:

"Chẳng ai hơi đâu mà đi ăn trộm nó, phải hai đứa cực khỏe mới khiêng nổi, mà đâu đi xa được. Hàng xóm láng giềng không ăn trộm của nhau, luật đời là thế..."

"Thế vợ anh đâu sao không đưa về?"

Câu hỏi nghe gấp vội. Người con dụi tắt điếu thuốc:

"Nó muốn có tiền để sống nhưng lại khinh chồng vì cái việc đã kiếm ra đồng tiền. Tham quá! Đồng tiền sạch đâu có nhiều... Khi đưa cháu về đã bảo: cửa vẫn để mở đấy."

Nói hết câu người con chui vào màn ôm lấy đứa nhỏ:

"Khuya rồi ông đi nghỉ cho khỏe."

Ông già vui khi xóm giềng, họ hàng lại thăm. Có người hỏi thăm về con dâu, ông bảo: nó ra sau. Người con về thu xếp nhà cửa gọn gàng ngăn nắp, ở nơi bàn thờ có chồng sách, bộ Thủy Hử nhiều tập đã quằn hết cả mép. Một buổi tối sau bữa cơm, người con nói:

"Cái nhà nát quá rồi để làm lại cho tươm tất."

Ông bố nhìn con:

"Làm nhà? Anh nói thật à?"

"Người xưa bảo: ba mươi tuổi không muốn cưới vợ thì không muốn cưới vợ nữa, 40 tuổi không làm quan, 50 tuổi không làm nhà... Bây giờ chẳng còn kịp mà cũng không ai cho làm quan nữa, chỉ còn kịp làm nhà. Bỏ nhà đi từng ấy năm lại không đủ sức làm nổi một cái nhà nhỏ cho bố sống và chết sao?"

"Tiền ở đâu ra?"

"Bố đừng hỏi. Thoắt một cái người ta xây nhà, tậu xe, mua vợ bé, những đồng tiền ấy ở đâu ra nếu chưa nói là dính máu. Còn bố? Anh con, và con? Lương hưu và mấy thước đất đủ đào cái huyệt..."

Ông già ngồi dựa lưng vào vách nhà thở ra.

Ít ngày thì hai ông cháu đã thân với nhau, ông dẫn cháu đi tắm sông rồi dạy cho nó bơi, đi tới đâu ông chỉ và giảng giải cho nó: ở đây xưa kia cái đình to lắm, cột lớn ông ôm không xuể... Rất nhiều những tiếng ngày xưa mà đứa nhỏ thì

ĐỖ THÌ KÊNH G

HOA SỨ

Đừng gọi em hoa đại
Em là hoa sứ cơ
Dẫu con gái dại khờ
Em chọn anh kỹ lắm

Cho anh thơm lên má
Má em thơm không anh
Ý đừng vịn mạnh cành
Ngã hoa đau lắm nhá.

Cấm anh thơm hoa khác
Má nhài giơ lem thèm
Môi hồng chu cám dỗ
Chả ai thơm bằng em.

Cấm anh nhìn hoa khác
Quỳnh ngả ngớn trăng đêm
Huệ nõn nà nắng sớm
Chả ai trắng bằng em.

Cấm anh nhắc hoa súng
Cấm anh khen hoa sen
Em chả bao giờ ghen
Đấy mẹ ra làm chứng.

Chỉ em xinh như mạ
Chỉ em yêu anh thôi
Anh ừ rồi đấy nhá
Ừ ngoan cả cuộc đời.

không hiểu gì.

Người con kêu một đám thợ về kéo sập ngôi nhà nát xuống. Có người hỏi: xây nhà mái bằng chứ? Người con mắt trợn ngược giọng gắt: Ở dưới đất đã đầy kín những quan tài rồi chưa đủ sao còn dựng thêm quan tài chôn sống nữa. Nhà thì phải có nền, có cột, có nóc. Ngôi nhà mới ba gian, hai trái có hiên dựng lên như trong mơ đối với ông già. Nhìn khoảng sân hẹp, người con bảo: chẳng đủ chỗ trồng một gốc mít, thôi kiếm vài cây cau vậy. Con hổ đá để ngay nơi đầu hiên, ai tới trước khi bước lên cũng nhìn thấy nó vươn cao cổ như sắp nhảy chồm về phía trước. Thỉnh thoảng đứa cháu lại trèo lên lưng cọp, miệng kêu: ếp nhoong nhoong, ếp nhoong nhoong ngựa ông đã về, cắt cỏ mang về cho ngựa ông ăn... Ông già nhìn nó cười thành tiếng:

"Bố mày, cọp chứ đâu phải ngựa mà cưỡi, cọp không biết ăn cỏ, nó chỉ ăn thịt người thôi..."

Người con nhìn cha mắt như có hung khí. Đứa nhỏ chán trò cưỡi ngựa, nó quay sang múa võ theo cha nó:

"Để cháu làm Võ Tòng nghe nội."

Bố nói, giọng rã rượi:

"Thôi con ạ, làm Vũ Tùng khổ thân lắm, giang hồ mãi võ làm sao nuôi ông nội."

Ông già ôm cháu vào lòng, gương mặt rạng rỡ:

"Thằng này to đầu chắc thông minh, nhưng to đầu thì khó chui, - ông nhìn sang người con - phải lo cho nó đi học, phải kiếm cho nó ít chữ...

"Ai không muốn thế. Nhưng không có cái ăn thì lo sao được cái học. Người ta nói: ăn học, ăn chơi, ăn ở... chứ sao nói ngược lại mà nghe được..."

Người con thuê thêm ít ruộng rồi xoay trần ra với đất, với nắng, với gió. Người làng nói với ông già: ông là người có phúc. Ông già ậm ừ. Một ngày đầu tuần lễ, đứa nhỏ được bố nó đưa tới trường học. Người bố để gói quà nơi góc bàn cô giáo, giọng buồn rầu:

"Trăm sự nhờ cô, không có mẹ ở bên sợ cháu lêu lổng..."

Cô giáo nhìn vào cánh tay người cha có xâm đậm nét một con dao ngắn, hàng chữ uốn cong phía dưới: hận đời dối trá. Cô giáo chớp mắt nhìn sang đứa nhỏ, nét mặt lì cứng. Cô nói nhỏ khiến cho cả hai cha con không nghe rõ rồi cô dắt tay đứa bé tới bàn thứ ba còn chỗ trống. Người cha chào cô giáo ra ngoài đứng nơi cửa sổ nhìn đứa con đang ngồi im lặng nhìn lên phía bảng đen.

Ông già mỗi lúc một kén ăn và gầy đi. Người con đưa ông đi khám bệnh, sau cùng phải lên tận tỉnh. Nào chụp phim, thử máu... Vị bác sĩ sau khi khám bệnh đã giữ riêng người con lại và nói: Ông cụ già rồi, có bướu, mổ cũng chỉ may ra, tiền thì tốn nhiều lắm... Người con lặng đi một lúc: còn nước còn tát bác sĩ giúp cho, mấy ngày nữa...

Đọc thấy nỗi lo lắng của con hiện trên nét mặt, ông già nói:

"Con người ta sống chết có số, hơi đâu mà lo. Ai mà không có một lần ngủ quên không trở dậy?"

Người con thở ra:

"Cùng đường thì nói vậy. Bố đã được sống gì đâu?"

Ông già nhìn con, xoa đầu đứa cháu:

"Cha được sống thế này là mãn nguyện lắm rồi, bao nhiêu năm chỉ thấy chết chóc, tan nát... nếu không quên đi thì người ta chẳng sống được..."

Sau vụ gặt, ngồi ăn bát cơm gạo mới, người con nói:

"Được mùa dù cật lực cũng chỉ đủ ăn, cứ thế này cha truyền con nối thì muôn đời vẫn con trâu đi trước cái cày đi sau. Còn người thì còng lưng nhìn xuống đất."

Ông già thở ra:

"Ông cha mình thế..."

"Đã đánh mấy thứ giặc rồi mà cái ách nghèo khổ không cởi ra được là làm sao? Con bò nó còn sướng hơn: sẵn cỏ đấy mà ăn."

Đứa nhỏ nhìn bố nó:

"Cọp nhà mình có ăn gì đâu bố?"

Ông già phá lên cười, âm thanh khô như phải gặng ra mới có. Người bố để tay lên vai con:

"Đến lúc cọp phải về rừng thôi."

"Nó lại bắt người ăn thịt, bố phải cõng nó vào rừng à?"

"Đúng vậy... cũng có khi người ta đập nó chết, lột lấy da, lóc lấy xương..."

Có đêm thức giấc người con thấy cha già ngồi lặng lẽ ngoài hiên, ông kêu trong người cồn cào không ngủ được. Người con bồn chồn lo toan: không thể chậm hơn được nữa.

Một ngày, trời chạng vạng, người con mặc bộ quần áo cũ nhàu nhượi, đầu chụp nón mê nói với cha:

"Bố trông cháu, con đi vài bữa..."

Ông già chưa kịp hỏi, người con không nói thêm, thoắt đã ra khỏi cổng và mất dạng trong bóng chiều nhòe nhoẹt. Vài ngày đã qua nhanh, rồi một tháng. Ông già chẳng mấy lúc nằm hay ngồi yên được, ông đứng lên ngồi xuống hết ra sân lại vào nhà. Đứa cháu thui thủi bên ông nội, thưa tiếng nói, vắng tiếng cười. Có hôm đứa nhỏ giữ tay ông:

"Sao bố đi lâu vậy ông?"

Có hôm nó hỏi:

"Bố cháu đi đâu ông biết không?"

Có lúc nó nói như nói một mình:

"Hay bố cháu đi đánh cọp như Võ Tòng - nó gật gù - cọp thì không sợ nhưng nếu uống phải

rượu có thuốc thì hết về... Người ta lấy thịt làm nhân bánh. Thịt người ăn được, ghê quá ông nhỉ? Cháu chẳng đi đâu đâu, cháu ở nhà với ông..."

*

Một buổi trưa, trời nắng đổ lửa, một người đàn bà còn trẻ đội nón lá có quai vải màu tím, tay cầm chiếc bì thư đứng trước cửa nhà cất tiếng gọi. Đứa trẻ chạy ra kêu thành tiếng:

"Má..."

Ông già ngồi nhỏm dậy khỏi giường, bước ra hiên. Người đàn bà trẻ cầm nón ra tay cúi đầu, giọng nhẹ:

"Thưa ba."

Da mặt ông già như giãn ra:

"Con mới về."

Cả ba người đều không lạ nhau dù có người không hề gặp nhau trước đó. Ông già lúng túng không biết nói gì thêm. Đứa nhỏ níu lấy tay mẹ:

"Bố nói với nội đi vài ngày mà mãi không thấy về."

Ông già nói:

"Bố cũng không hiểu ra sao."

Người đàn bà bước vào nhà, ngồi xuống ghế, lấy trong chiếc xách tay ít món quà, hình như cầm lòng không được, người đàn bà òa khóc, giọng kể nghẹn ngào:

"Anh ấy viết thư cho con: 'Về nuôi con cho anh...' Con được thư vội ra đây."

Ông già thở dài:

"Hóa ra nó có viết thư cho con, nó còn sống là được rồi. Bố những tưởng..."

Người đàn bà lau nước mắt, giọng bồi hồi:

"Con có lỗi với ba. Lúc chúng con quen nhau, con nói với ảnh: mình về gặp ba. Ảnh nói: nghèo quá không về. Hai vợ chồng cần cù thì đủ sống nhưng ảnh không chịu vậy. Phần ảnh trước biết làm ruộng, sau chỉ được dạy bắn súng. Nên mọi điều đều khó. Tay không, chẳng có vốn, nên không sao xoay sở được hơn... Thế là anh ấy không nghe con nữa. Anh ấy đi, ngày về anh ấy mở ba lô ra chỉ cho con nhìn vào rồi bảo: thu xếp về làng. Con nói: Anh làm gì để có vàng? Anh ấy trừng mắt: không cần biết. Bao nhiêu kẻ nhà cao cửa rộng, tậu xe hơi, mua gái trẻ, đi du lịch, rượu chè... vậy mình ngồi chịu chết à? Con năn nỉ anh: phải lương thiện thì mới nuôi dạy được con. Thế là anh ấy rút ra con dao dằn trên mặt bàn, trừng mắt, một mình lôi cháu đi: không có tiền làm sao sống?

"Cái thằng..."

Ông già buông thõng câu nói dở dang. Không khí im lặng của một làng quê như khô đặc lại. Tiếng gà con gọi mẹ chiêm chiếp đâu đó.■

Sàigòn 1992

• Kỷ niệm 20 năm xa nước, : 1975-1995

• 30 năm thành lập nhà xuất bản An Tiêm: 1965-1995

và nhân Mùa Lễ Hội Vu-Lan,

một tác phẩm nên đọc :

NGUYỄN DU

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SANH

chú thích, hiệu đính

Hoàng Xuân Hãn

AN TIÊM

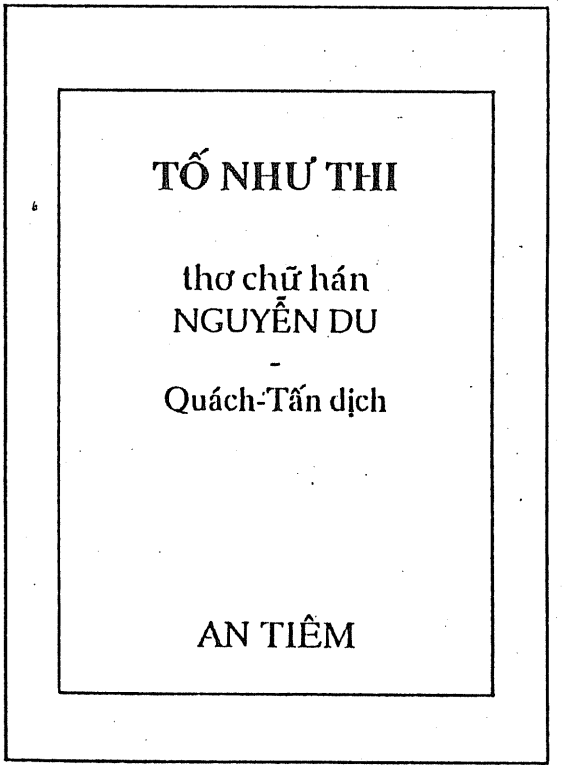

CON CHÓ MỰC CỦA ÔNG TÔI

NGUYÊN NGỮ

Năm ấy ông tôi bảy mươi sáu. Ông sinh ra ba tôi và quá một bán tiểu đội mấy bác, mấy chú, mấy o. Cho đến năm tôi sinh ra, bắt đầu biết đếm, con số ấy là chín. Con số chín theo truyền thuyết là điềm lành, dân cờ bạc mánh mung tin là hên. Chín là chín nút — chín nút là hết cỡ thợ mộc. Đánh bài cào ba con cộng lại hay trừ đi 10 còn chín là phỉu sạch tay chuẩn bị vơ tiền. Đánh bài lác, mười hai nặn gảy bài lên chín là 21. Hai mươi mốt, chỉ còn sợ thằng cha ngũ linh, con mẻ xì một đôi, còn lại là lùa đủ. Ăn cả cái mà ăn cả đấu.

Ông tôi lại ky rơ con số chín, dù gần một nửa đời người, ông sống chết với cờ bạc, dù đêm đêm ông vẫn nặn hoài con số chín của những cuộc đời đỏ đen ăn thua đủ. Tôi chưa thấy một người đàn ông nào trên cõi đời này mê cờ bạc như ông tôi. Ông mê nó hơn mê vợ, mê con. Đã mấy ai thức ròng một tháng 30 đêm vẫn còn đủ sức, cuốc bộ 12 cây số từ làng ra tỉnh cho kịp giờ sòng bài nhóm. Tôi nghe ba tôi kể lại nhiều giai thoại quái đản về cái đam mê ngút ngàn này của ông tôi. Có một lần ông tôi nhận làm chủ hôn cho một đám cưới làng bên. Bạn thử tin, trong đám cưới, ngoài cô dâu chú rể, ông chủ hôn quan trọng đến mức nào. Lúc nhà trai đến trình giờ xin đón dâu ở nhà gái, lúc mọi người chờ đợi ông chủ hôn uống chén rượu mừng, và trao đôi nhẫn cho dâu rể níu kéo đời nhau. Lúc mọi sự gần như đã triệt buộc vào theo một phong thái rất ư chi là Á Đông, ông chủ hôn, ông nội thân yêu của tôi lặn mất tăm. Cả nhà trai nhà gái tan hàng cố gắng đi tìm. Chẳng đi đâu xa. Ông lên căn gác nhà hàng xóm đánh bài chẫn lẻ ăn thua bằng dây thun với lũ trẻ cỡ chừng năm sáu tuổi. Mệ nội tôi dậm đất kêu trời. Chú rể cười méo mặt. Cô dâu mừng hết lớn. Và ba tôi ca bài con cá, năn nỉ nhà gái trăm sự, vạn sự bỏ qua cho.

Còn cái năm 45, giặc giã nổi lên tùm lum, ba tôi kể, dân thành phố chạy tản cư về các miền quê tránh đạn. Mệ tôi lại ở cữ. Hai giờ sáng một đêm tối trời, bà chuyển bụng. Ông tôi nhờ hai người đàn ông cùng với ông tôi cáng võng bà lên nhà thương chợ huyện cho kịp giờ khai hoa. Cả ba người hì hà hì hục, thay phiên nhau gánh, mồ hôi, mồ kê qua những con đường đất quê tôi và đoạn đường nhựa lên huyện. Ba tôi kể rằng, lúc băng qua một xóm nhà, thấy có ánh đèn và nghe tiếng người lao xao, ông nại cớ đau bụng, ông chuyển vai cho hai người bạn, nhảy vào nhập sòng ăn thua cho đến chiều hôm sau, sạch túi mới dẫn xác về nhà thương, nhìn mặt cái tác phẩm của một cuộc tình dậm đất kêu trời. Thế mà bà tôi vẫn yêu. Thế mà hai người vẫn không bỏ nhau. Cái triết lý trong hôn nhân của người Việt Nam mình nó đáo để đến thế. Ông càng đánh, bà càng yêu, bà càng yêu, ông càng đánh.

Cho đến một ngày kia, khi cả gia sản ông chỉ còn lại cái quần sọt, vải kaki, kỷ niệm mấy tháng quân Pháp về đóng đồn trên rú cát tập lính cho đám thanh niên trong làng, thì bà tôi mất. Ba tôi còn nhớ, bà tôi mất vào đúng chín giờ đêm ngày chín tháng chín năm 1949. Con số chín đi theo bà tôi tới cuối đời. Con số chín bỏ ông tôi suốt một chặng đường dài tứ sắc, tổ tôm, xì phé, bài cào.

Con số chín bỏ rơi ông tôi hay ông tôi ky rơ con số chín. Câu hỏi này, cho đến những năm tôi tôi bắt đầu lớn khôn với đời, tôi vẫn chưa tìm ra được đáp số. Chỉ nghe ba tôi kể lại rằng, sau ngày bà tôi mất, ông tôi bỏ hẳn cờ bạc. Ông bỏ làng, bỏ quê đi lang thang vào Nam, biền biệt gần mười năm trời. Cũng gần mười năm trời tôi cứ cưu mang mãi ý định viết một câu chuyện về cuộc đời của ông tôi, thậm chí kể cả cuộc tình của ông tôi, vốn đã lưu truyền qua hai ba đời con đời cháu. Cho đến khi qua đến Mỹ thì cái ý định ấy bị vùi dập. Phần vì cái bôn ba tất bật của đời sống. Phần vì xứ Mỹ này đánh bạc công khai, ăn thua bạc triệu, đánh cả vợ cả chồng, cả con cả cháu, đánh cả thành phố. Có đâu phải lén chức chủ hôn, lén võng vợ đi sinh, đánh chùng đánh trộm tội nghiệp như ông tôi.

*

Năm ấy ông tôi sáu mươi sáu tuổi. Ông làm nghề chèo đò đưa khách lên bến sông chợ huyện. Con đò ngày đưa khách, đêm trở thành sòng bài lý tưởng. Dòng sông quê tội có một cù lao nhỏ dọc lối về cửa biển Thuận An. Đất ở đó phù sa nên bắp đậu mỗi năm trồng được hai mùa. Ngoại trừ ba tháng đông mưa dầm bão dập, còn lại là một điểm du lịch yên tĩnh cho đám máu me đỏ đen cờ bạc hằng đêm. Bà tôi nhiều đêm canh cửa chờ chồng, rồi có đêm ngủ quên nơi tấm phản lim kê ngoài mái hiên. Cái cuộc tình già không còn gì thú vị và nghiện ngập hơn cái tiếng mái chèo khua sóng đêm đêm trở sáng

của người tình trăm năm lỡ canh bạc bỏ về. Cái hạnh phúc không mua được bằng tiền mà hai người đã lỡ bán đứt cho nhau bằng tình.

Mười đêm như một, bà đốt cây đèn dầu, lần mò ra bến sông cạnh nhà đón ông về.

"Ông đó phải không ông? Răng mà về khuya rứa. Mê chi mà mê dữ rứa ông ơi."

Bữa nào được bạc ông vui, bữa nào cháy túi, mặt ông lầm lì. Ông tôi đã lầm lì như thế một thời gian dài trước ngày quảng gánh xuôi Nam. Người ta đồn rằng ông phải lòng một cô đào hát cải lương trong một chuyến ra lưu diễn ngoài Trung. Những ngày đoàn còn diễn ở sân nhà thờ họ Phạm ông là khán giả trung thành và thường trực. Chẳng biết hư thực thời ấy như thế nào, chỉ biết rằng đoàn trở vào Nam chừng một tuần, ông tôi cũng bỏ đi biệt. Ông lái đò năm xưa đã buông chèo gác mái viễn du. Ông đi tìm thêm một chuyến đò tình giữa ngàn vạn con đò dọc đò ngang, nơi đất quê tôi cát trắng, có dòng sông nhỏ, bến đục bến trong.

*

Thế rồi câu chuyện về ông tôi vẫn nhiều lần gãy gánh đưa đường. Những ngày đợi chờ chuyến đi xa, tôi thường trở lại những nơi chốn ngày xưa của ông tôi. Tôi đi tìm cái đời và cái tình trong con người phiêu bạt giang hồ này. Tôi đi tìm cái hấp lực, cái si dại của vở tuồng Mạnh Lệ Quân, mà đoàn diễn năm xưa đã hát nhiều lần trên sân nhà thờ họ Phạm quê tôi; để thấu nguồn cơn cái cơ duyên nào, cái tương quan nào giữa cô đào đóng vai nữ chánh trong vở tuồng đã lôi cuốn được người đàn ông gần 70 tuổi, hết cả cuộc đời lao vào đam mê khác. Bảy mươi tuổi còn gì nữa đâu, tình cũng như tiền. Mà lỡ có còn thì được gì nữa đâu. Khi một người đàn ông đã đi gần trọn một đời người, chẳng còn gì ngoài cái quần sọt, vải kaki Nam Định nhạt màu, thì cái tình yêu kỳ quái này hẳn là chất chứa một màu sắc triết lý nào đó. Tôi lẩn quanh với cái triết lý ấy từ ngày qua Mỹ. Giá như ông tôi là một nhân khẩu ăn theo trong tờ khai gia đình của chuyến đi đoàn tụ. Cuộc đỏ đen của ông tôi ở đất Mỹ đỡ phải vất vả hơn. Đánh bạc ở xứ này có tàu bay, tàu lượn đưa đi đón về; có "ô teo, ô tiếc" ở chùa; đổi tiền mà đánh còn bù thêm tiền để lời, dại gì mà không nhào vô ăn thua đủ.

*

Năm ấy ông tôi sáu mươi sáu tuổi. Làng nước quê tôi mất đi một người chèo đò cần mẫn. Các sòng bài mất đi một tay đệ tử trung thành. Ngôi nhà hương hỏa và mảnh vườn đất cát của ông tôi trở nên vắng lạnh; hoa dại và cỏ hoang đua chen bốn mùa.

Lâu lâu ba tôi, cùng mấy chú, mấy bác, mấy mụ o cùng con cháu tụ về một lần, thắp hương van vái mệ tôi, sống khôn thác thiêng, phù hộ ông tôi về lại quê cũ, vườn xưa. Và ông tôi đã trở về thật. Một buổi chiều 30 Tết ông lững thững đi dọc đoạn đường làng ven con lộ chính cùng với một bầy trẻ nít tháp tùng hai bên. Ông về một mình với con chó mực cụt đuôi. Con chó đã theo ông từ ngày Nam tiến. Như ông đã theo cô đào cải lương, vai nữ chánh trong vở tuồng Mạnh Lệ Quân năm nào. Thời gian ông phiêu bạt trong Nam, đoàn hát có ra diễn lại quê tôi đôi ba bận. Cũng vẫn lớp tuồng cũ Mạnh Lệ Quân, nhưng được cải biên cải diễn có vẻ tân thời và nặng về đấm đá, múa may quay cuồng hơn. Thời qian đó phong trào phim võ hiệp Hồng Kông tràn sang quê tôi. Mấy đoàn cải lương, hát bội, hồ quảng ế ẩm, đám này rã gánh, đám kia chuyển hướng. Như ông tôi, một sớm một chiều đã chuyển từ một ông lái đò thành kẻ tình si, đắm đuối theo một bóng mờ xa xứ. Chao ôi, "những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ."

*

Cô đào cải lương, cứ cho là nhân tình của ông tôi, đã giã từ vai nữ chánh lớp tuồng Mạnh Lệ Quân, những đợt lưu diễn sau ngày ông tôi xuôi Nam. Ai cũng mừng là ông tôi đã cắm được con sào giữa dòng đời, một trăm bến đục, một chục bến trong. Thời buổi ấy, các phương tiện thông tin còn hạn chế, cho nên chi chuyện ông già gần 70 tuổi bỏ theo một cô đào gánh hát cải lương cũng chỉ vang bóng một thời. Người dân quê tôi lại có cái tính hay quên, ít cả nể.

Thế rồi những bàn tán xao xuyến buổi ông

DƯƠNG KIỀN

NẶM NGỌN NẾN HỒNG

Thắp lên năm ngọn nến hồng,
Tắt đi những nỗi long đong nửa đời.
Quay nhìn sau, hiểu lẽ Trời
Ngoảnh nhìn phía trước dâng người Tâm Không.
Có - Không, năm ngọn nến hồng.

(Bergen, 2-95)

tôi về lại vườn xưa cũng lắng dần. Vườn xưa, như một nhà thơ tiền chiến đã viết, cây mỗi ngày mỗi xanh. Từ ngày có ông tôi về, ông mẫn cán phát quang đám cỏ dại sau vườn, trồng thêm dăm ba gốc chuối ở bốn góc, kẻ thẳng đường với hàng tre cây ngã cây nghiêng. Con chó mực lủi thủi theo ông, khi thì lăng xăng chạy lui chạy tới, khi khác lại tìm một gò mối cao, nằm duỗi hai chân trước gác chéo lên nhau, mắt lim dim, đôi tai quặp xuống, với cái đuôi cụt lúc lắc ngộ nghĩnh. Con chó đã già, dễ chừng cũng trên mười tuổi. Ông tôi cũng đã già, đã qua một thời phiêu bạt. Cuộc tình già giữa ông tôi và con mực chảy miết một đường chân trời tới hoàng hôn. Những buổi trưa hè, thấm mệt, ông vác cán cuốc tựa vai, rê một điếu thuốc vấn. Cái loại thuốc ở quê tôi gọi là Cẩm Lệ, tên một ngôi làng chuyên nghề trồng thuốc hút ở trong xứ Quảng. Đôi ba tuần có ai lên chợ tỉnh, ông gởi người ta mua về, và còn dặn dò kỹ ân nhân phải mua cho được loại thuốc lá Cẩm Lệ, phải tìm cho được cái cửa hiệu Bồ Đề mà mua. Ông tôi nghiện thuốc từ sau ngày ông thất bát canh bạc cuối cùng. Những lúc ông hút, con mực nằm kề bên. Nhiều lúc ông hút, con mực cũng đâm ghiền. Hơn mười năm phiêu bạt, con mực theo cùng ông tôi, quẩn quại mê đắm ông tôi từ cơn ghiền ấy. Như ngày xưa tiếng trống thu quân, lớp diễn Mạnh Lệ Quân thắng trận trở về đã thu hồn ông tôi cùng với cơn ghiền của một cuộc tình anh ở đầu sông, em cuối sông. Hạnh phúc, cứ thế, rơi dần từng giọt tình tang. Mạnh Lệ Quân ở ngoài đời, vai nữ chánh của một tuồng tích cũ ở ngoài đời, cũng chỉ là một con mụ đàn bà bằng xương bằng thịt, cũng đủ trí khôn để ít nhất để nhận biết rằng, ông tôi ngoài khối tình mê đắm, cũng chỉ là một tên khố rách áo ôm. Con chó mực của ông tôi lại khác. Trời không ban cho nó trí khôn để phản bội, để tính toán, để lọc lừa. Nên đầu sông đến cuối sông, đầu cuộc tình lãng du, đến cuối tiếng còi thu quân, cái tình của nó với chủ không rơi từng giọt tình tang tí tách. Cuối cùng con số chín bỏ ông tôi, vai nữ chánh bỏ ông tôi, đám bạn cờ, bạn bạc, đám bạn rượu, bạn chè bỏ ông tôi, nhưng con chó mực của ông tôi theo ông tôi đến cuối đời. Con số chín bỏ ông tôi cùng với đám bạn lưu linh kể từ ngày ấy. Tôi lớn lên với kỷ niệm còn in dấu những đêm căn nhà gỗ lim ba gian hai chái đầy đặc cả người. Ông thua bạc, không ai lai vãng. Ông được tiền xóm dưới làng bên, hàng hàng lớp lớp kéo đến chúc mừng kín từ ngoài ngõ vào đến mái hiên. Kín từ gian trên xuống chái bếp. Thôi thì chúc tụng đủ lời, ngợi ca đủ kiểu. Ông tôi lại có cái tính, vừa hào phóng, vừa háo danh. Hình như những tay cờ bạc trên cõi đời này, thường coi đồng tiền như rơm như rác. Mâm cao cỗ đầy, đãi đằng mời mọc, chiếu dưới chiếu trên, chung cuộc chỉ có bà tôi là người khổ nhất. Thương chồng, chìu chồng bà nén cả vào lòng. Bà lui hui dọn dẹp đến tảng sáng, khi đám bạn thiên lôi địa giáng, kẻ say người tỉnh còn rề rà theo đám hát chèo, thuê từ trên phố huyện về.

Từ ngày ông tôi tán gia bại sản với canh bạc cuối cùng, phải thế cầm nốt cả mảnh ruộng lúa chiêm, hai vụ, năm sào, hương hỏa của tổ tiên, đám hát chèo không còn dịp trở lại quê tôi. Đám bạn lưu linh biệt tăm biệt tích. Mới hay còn tiền còn bạc còn rượu còn chè thì còn anh em, còn tình nghĩa. Hết tiền hết bạc, anh đi một đàng, em đi một ngã. Chao ôi, cái thế thái nhân tình những ngày cùng đen, bạc phước của ông tôi. Dẫu sao vào những ngày cuối của cuộc đời, hết tiền hết bạc ông tôi vẫn còn con chó mực trung thành, trung nghĩa.

Con chó theo ông tôi đến một buổi sáng mùa đông, làng nước khiêng gánh ông ra huyệt lạnh. Cái đám tang, theo lời ba tôi kể lại, mới buồn làm sao. Trời còn nổi cơn gió mùa đông bắc phủ quất thêm vào cái thê lương của căn nhà đám, mà suốt cả một mùa đông, phên tre, mây tranh lắc lư từng hồi. Đám bạn lưu linh, đám bạn đỏ đen biệt tăm, không một lần thăm viếng. Mấy mụ o, bà thím bận làm giàu trên phố huyện không về. Ba tôi trở thành người trưởng nam thân nhất cùng lèo tèo đám phu khuân, chưa khuân mà đã đòi rượu. Ba ngày đám, con chó mực bỏ ăn bỏ ngủ. Hai mươi bốn trên hai mươi bốn nó nằm phủ phục dưới quan tài ông tôi, bên dĩa đèn đậu phụng, có cái bấc bằng vải thưa xé vội đâu đó. Hình như mắt nó chảy nước. Nó khóc thầm và ba tôi khóc gào. Cuối một đời người, mới rõ trắng đen, mới say lẽ nghĩa ân oán giang hồ. Có một chi tiết, suýt nữa tôi quên thuật lại theo lời kể của ba tôi, lúc người ta tắm rửa cái bộ xương cứu chúa và mặc áo quần mới, đại liệm, tiểu liệm cho ông tôi, lúc hai tay hai chân ông tôi được buộc bằng hai dong vải, xếp dày nhiều bận để khiêng bỏ vào áo quan, con chó mực tru gào thảm thiết, ước chừng như nó muốn chiếm cả nơi trú thân cuối cùng của ông tôi; ước chừng như nó muốn đi với ông về một nơi nào đó, chỉ một nơi nào thôi, ở đó con người sống với nhau bằng tình và nghĩa, bằng thủy chung và ân oán sòng phẳng. Và cuối cùng cái ước mơ của nó đã thành. Ngày người ta gánh ông tôi ra huyệt, xong việc thiên hạ ra về, nó ở lại. Nghe đâu nó nằm phủ phục trên mộ phần của ông tôi đến ngày thứ ba, nó chết.

Ở thế giới bên kia, dù ngàn đời sau nữa, dù hóa kiếp đi đầu thai, dù canh bài nở rộ và những sòng nhậu ê hề, chắc hẳn ông tôi sẽ không, không bao giờ gặp lại đám bạn đỏ đen, đám mày tau rượu thịt. Ở đó ông sẽ gặp, hẳn là ông sẽ gặp, một lần và... mãi mãi... con chó mực cụt đuôi.■

QUỶ XƯỚNG VĂN

HÀ THÚC SINH

Mới đây anh về Việt Nam một chuyến. Về thăm cha già ốm đau và cải táng phần mộ mẹ anh. Cha anh ở Sài Gòn. Nhưng mộ mẹ anh còn ngoài Thanh Hoá. Hơn bốn mươi năm mộ vẫn còn. Lạ? Không đâu! Ấy là nhờ trong khối nhân dân bần cố còn sót một số trình độ tiếp thu tư tưởng cách mạng kém cỏi, nhồi cách mấy vẫn không thông chính sách cào bằng lấp sạch.

Anh mặc tang phục, mua hương nến, các thứ cần thiết thuê thợ cải táng. Áo quan mẹ anh xưa bằng gỗ Vàng Tâm, bền như sừng, thế mà khi mở xương khúc còn khúc mất. Anh nhìn xuống mộ huyệt khóc cười tùy lúc. Anh Mới, người kéo xe tay cho mẹ anh xưa, giờ đã là ông cụ hom hem ngoài bảy mươi ngạc nhiên hỏi vào tai anh:

"Cậu khóc hay cười đấy?"

Anh nhìn kín nhiều người lạ mặt, đáp khẽ:

"Cả hai. Phải thích nghi tình hình..."

Anh Mới hiểu, giọng gần với sự biếm nhẽ:

"Ngoài quy hoạch hết rồi. Cả nước đã tự do khóc. Cậu khóc tí nữa không sao."

Thế là anh khóc. Khóc to hơn cả ngày thơ ấu lúc mẹ anh mất.

Cải táng xong rời khách sạn, ôm lư sành nhỏ đựng cốt mẹ về Thọ Xuân, chỗ anh ra đời và chỗ sống của anh Mới hiện tại. Nghỉ thêm ít bữa, anh Mới hỏi có muốn quay lại thị xã thăm thú cơ ngơi cũ của gia đình ở phố nhà Chung không, có muốn về nhìn lại quê hương tổ tiên ở Ba Làng huyện Tĩnh Gia không?

Anh Mới dù gì vẫn là Nhân Dân. Còn anh con cháu giai cấp nợ máu. Nhân Dân khiến sao anh làm vậy. Và quả đúng như lời anh Mới nói: Cả nước đã có tự do khóc. Bà con anh khóc lu bù.

Anh tính đáp xe lửa về lại Sài Gòn rồi từ đó trở sang Mỹ, nhưng anh Mới bảo chẳng biết bao giờ gặp lại, nên vào Nghệ một chuyến. Ở Nghệ anh Mới biết gia tộc anh còn nhiều chi họ nội ngoại. Suốt mấy mươi năm chuyên chính vô sản, cái tình cảm tư sản độc hại lây từ gia tộc anh anh Mới chữa không dứt, vì thế vẫn lén lút duy trì mối liên-hệ linh tinh với họ hàng chủ cũ — những kẻ bị lịch sử vô sản tiêu diệt lốm đốm.

Anh Mới mua vé xe đem anh xuống Nghệ, dặn cứ y cách ở Thanh mà khu xử. "Nhờ ơn bác đảng" không còn là khẩu hiệu trí trá phổ thông với nhau nữa, giờ cứ nhờ ơn "phong bao" trong có ít tờ xanh xanh là nhất. Đó mới là tình nghĩa quốc tế keo sơn thứ thiệt.

Rời Thanh như rời một giấc mơ. Xuống Nghệ như đi vào giấc mơ khác. Anh cố nhẫn nhịn để câu thơ "đường vô xứ Nghệ quanh quanh, non xanh nước biếc như tranh họa đồ" hướng dẫn, thế mà không xong. Rừng thì phá, núi thì khoét, đường thì ổ gà; nói tóm lam nham như bức dư đồ rách. Cuối cùng anh tóm được trong anh cảm giác trung thực hơn cả: Chân không chấm đất, đầu không chạm trời, thần trí không chạm người. Anh thấy như anh đang phiêu diêu vào một cõi âm. Chỉ khi ôm sát vào lòng chiếc lư sành nhỏ đựng cốt mẹ anh, anh mới bừng tỉnh nhớ mình còn ở cõi dương. Nhưng điêu tàn đổ nát cũng có cái thẩm mỹ riêng của nó, vì thế cứ tức cảnh sinh tình anh đều đề trong óc một đoạn tứ tuyệt. Nhưng lạ, khuya đó ở nhà người cô họ, lấy giấy bút tính ghi lại thì đầu trắng bóc.

Buổi tối sau cơm nước, anh Mới đã ngáy như hùm anh mới hỏi han cô anh nhiều cố sự. Cô không nhớ gì nhiều, mà có thì lộn xộn lắm; đôi khi anh còn phải kín đáo điều chỉnh vài chuyện vụn ngay trong gia tộc, dù ngày còn bé anh chỉ nghe lóm.

"Vậy thì cháu nhắc nữa đi cho cô nhớ với." Cô xúc động: "Dĩ vãng chốn này tựa thú hiếm cháu ạ, nhiều thứ tuyệt chủng từ lâu, phiêu lưu vào nó thế nào cũng lộn mộng ra thực thực ra mộng."

Đêm ấy trên chiếc chõng tre anh băn khoăn quá. Hay đây đúng là nơi người ta dị nghị vùng đất ít người nhiều ma?

Cô là con nuôi ông chú — em ruột ông nội

anh. Xưa ông chú anh giàu lắm. Cha anh từng kể thời tiêu thổ kháng chiến Việt Minh phải đặt vè mà phá nhà ở Vinh:

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà,
Hoan hô bộ đội phá nhà (...)

Di sản ấy sót lại nơi đây là ít người như cô, một bà già ngoài sáu mươi ốm yếu, không chồng con, lam lũ như một bà nhà quê. Quyền làm người của cô là được sống sót. Nhưng giờ có vẻ cô sống thoải mái hơn. Nói kiểu biện chứng sự thoải mái ấy là nhờ cách mạng vừa thực hiện thành công cuộc đổi đời mới nhất và sau cùng nhất. Từ đổi mới, giai cấp vô sản — kẻ cựu thù với giai cấp dưỡng phụ cô — đã lặng lẽ hè nhau chạy túa theo con đường mưu cầu tư sản từ hồi nào, do đó chẳng ai còn rảnh rang, còn tai mắt đâu mà nhòm nhỏ dao thớt nhà cô, suy bì với lối sống "bóc lột" của gia tộc dưỡng phụ cô dù nó đã được mai táng từ nửa thế kỷ trước. Cô nghiễm nhiên trám chỗ hoàn toàn và triệt để khoảng trống vô sản bao la nhân dân vừa bỏ lại. Phần già chậm chân, phần kinh cung chi điểu, cô đành tận tụy với giai cấp mới nhưng vừa cũ mà xưa cô chỉ là kẻ tân tòng. Trong mắt anh, cô có nhiều triển vọng sẽ mang vinh dự người gác dan sau cùng, trao chìa khoá thiên đường cộng sản cho một thế lực mới nào đó đến tiếp thu một ngày không xa.

Một hai ngày đầu anh nuốt không vào miếng cơm độn đã nhiều chục năm trở thành xa lạ. Anh dấm dúi phong bao cho cô. Khá. Thế mà quanh đi quẩn lại vẫn cơm độn với canh đủ xanh nấu cá trống khô, bữa nào dôi lắm có thêm tí trứng rán. Anh hiểu và thương. Thượng đế sinh con người có kèm một ân huệ phụ: Thói tập thành huyền diệu! Cách khác, mù mãi thân được bóng tối!

Nhà cô nằm bên bờ sông Lam có núi Thành không xa nhìn xuống. Căn nhà lá vách đất mới đây rùng mình biến thành căn nhà ngói vách ván. Nhờ phép lạ kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa? Cả nước ngày nay nói láo như cuội, riêng về sự khá giả lại thật như đếm. Cô siêu nhân sao mà dám đi ngược xu hướng thời đại. Cái khoản nhà ngói cây mít cô thú nhận họ hàng từ nước ngoài gửi tiền về giúp.

Một lần cúi vo gạo bờ ao, thấy một lão già thoáng qua, cô có vẻ thất sắc, vòng tay kéo ngay vạt áo lưng xuống. Trông dáng dấp một bà cụ ngoài sáu mươi làm trò thiếu nữ, anh có ngạc nhiên hỏi:

"Ai thế?"

Cô không đáp, thầm thì:

"Lạ, sao dạo này lão về hoài."

Rồi cô quẩy quả mang rá gạo vào nhà, cài then cửa trước, không hé môi gì thêm.

Trưa sau anh lại thấy lão. Lúc ấy lão ngồi thả câu bên cái ao cá có tấm biển đề "ao cá bác Hồ." Thấy lão trầm ngâm, râu ria đạo mạo anh tò mò lân la làm quen. Nhờ cái cần câu làm vội anh nhanh chóng được lão chấp nhận bạn câu. Lão phá đi sự câm lặng như cái cối xay dưới lòng ao để trò chuyện với anh.

Lão mặc bộ quần áo nâu, xuềnh xoàng, nhiều túi; chân vẫn đôi dép râu như kẻ muốn tin họ Hồ còn sống đâu đây. Nói chung lão có tí cốt cách, duy giọng đục, xa; sự đục và xa ngang với dĩ vãng của anh, một dĩ vãng dài hơn bốn mươi năm mới lại được về chỗ cũ ngồi dưới một gốc sung thả câu bâng quơ thế này. Nhìn những con nhện nước chạy ngang dọc trên mặt ao anh rùng mình. Thốt nhiên anh nhớ lại những nẻo đường anh từng chạy ngang dọc trên đất nước, trên mặt địa cầu...

Anh bắt chuyện trước:

"Đây ra sông mấy bước sao cụ câu ao?"

"Tuổi già nhìn nước trôi như nhìn thời gian, chóng mặt lắm."

"Ao có cá chứ cụ?"

"Đất nước ta rừng vàng biển bạc, cá thịt xuất khẩu không hết, câu cho vui, miếng ăn nào phải vấn đề."

Anh nghĩ thầm có lẽ lão là một cấp ủy chi đó đã hưu. Mà thế thì thôi. Xảo trá ăn vào xương một lão già chỉ thần chết cạo được. Anh tiếp tục:

"Cụ bà và các anh các chị ở quanh đây cả chứ?"

Lão lạnh lùng:

"Cụ bà thì không nhưng con cháu rải rác đếm chi xuể. Vả ai đi làm cách mạng cũng thê tróc tử phược cậu nghĩ đem đất nước đến được kết quả thế này?"

Anh rút thuốc lá mời lão. Điếu thuốc Mỹ khiến cảm tình một người cách mạng lão thành dành cho anh nẩy nhanh như bèo tấm mùa xuân. Rít mấy hơi liền giọng lão có vui, bảo:

"Thơm, thuốc Mỹ vẫn thơm!"

Thấy lão già cũng phàm tục như ai, anh nổi máu đùa khá suồng sã:

"Cụ vừa bảo không cụ bà lại lắm con cháu là sao?"

Lão không đáp ngay câu hỏi mà mông lung kể một câu chuyện:

"Các cụ xưa có dạy 'đàn bà ra chợ là vợ đàn ông'. Mà nhẩy vào cách mạng thời chúng tôi khác nào nhẩy vào cái chợ quốc tế. Thôi thì mặc sức. Thời còn trẻ hoạt động tôi có thằng em song sinh đa tình, đi đâu vợ đó, sau, hai trứng dái, xin lỗi cậu, lúc chết phát to như trứng dái dê." Đột ngột lão ta đổi giọng nghiêm chỉnh: "Cậu nước ngoài về?"

Anh chột dạ:

"Sao... cụ biết?"

Ngẫm nghĩ giây lát, lão thở dài:

"Tôi chán sự định giá người cách mạng của các cậu lắm. Luôn luôn các cậu tưởng chúng tôi ngu. Không đâu. Cả một đời đụng và thắng đủ

các thế lực ngoại thù đế quốc thực dân, thủ tiêu hết các giai cấp nội thù phong kiến tư sản đảng phái Việt gian phản động, xin lỗi cậu, tai mắt mũi cách mạng không nhậy như chó nghe sao ra ý đồ xấu xa, thấy sao ra quyền biến mưu mẹo, ngửi sao ra vàng bạc châu báu chôn giấu? Phớt qua tôi biết cậu vừa cạo râu có bôi nước Old Spice; và gói thuốc của cậu nữa, sự bèo nhèo không tố giác cung cách kẻ quen thừa mứa hàng tiêu dùng đấy sao?"

Anh hơi lợm nhưng hiểu rõ hơn một điều đã hiểu. Lưỡi câu của lão máy động. Anh giục:

"Cá lớn đấy, giật đi."

Lão nhìn anh cười khỉnh:

"Mất cách mạng không phải mất dân thường. Máu còn chả khúc xạ được tia nhìn chúng tôi nữa là cái mặt nước ao. Cậu muốn tôi bắt một con giếc nhãi? Này thanh niên, đã cất công giật câu phải được cá kình."

Cho là lão già kiêu ngạo gàn dở, anh toan đứng lên thì lão ghì anh lại bằng câu hỏi đột ngột: "Bên Mỹ thế nào? Sau bang giao cậu thấy sao?"

Từ khi bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất, anh tự dặn lòng hai điểm phải tránh: Điều thứ hai không nói chính trị sau điều thứ nhất chớ đả động đến họ Hồ. Bên Mỹ thế nào, bang giao ra sao đều có tính chính trị; anh đánh bài lờ. Thấy anh im lặng, lão liếc, nét tinh quái hiện trong khoé mắt. Một lát lão trổ giọng phủ dụ:

"Giờ cởi mở. Với lại vùng này tôi tiên chỉ. Nói với ai cậu ngại chứ với tôi cứ tự nhiên. Ở đây tôi toàn quyền ngồi xổm trên mọi chính sách."

Anh không quan tâm lắm đến những lời huênh trộn cay đắng của đám cán bộ già hết thời. Về đây chạm hạng này nhiều rồi. Cố tỏ ra chút ngạc nhiên, anh hỏi:

"Thời xã hội chủ nghĩa làng xã cũng có tiên chỉ nữa sao?"

Lão cười:

"Hỏi bà gì ấy nhỉ, bà cô của cậu ấy khắc rõ."

Lão kéo câu, gắn mồi mới; anh lẩm bẩm:

"Thế ra bình mới rượu cũ. Vẫn tiên chỉ thứ chỉ..."

Lão nhìn anh như thương hại cho một con câu non, giải thích với giọng khá chân thành:

"Làm cách mạng là để đạt được những cái xấu, cái tiêu cực thơm phức của giới cai trị mà khi chưa cướp được chính quyền người cách mạng thèm, xin lỗi cậu, như chó thèm xia; hà tất chỉ tí đầu lợn làng xã."

Cảnh giác ban đầu mất biến, anh nổi tò mò:

"Hoá ra cứu cánh là tư lợi, phương tiện là cách mạng?"

Lão vung tay. Sợi dây bắn ra giữa mặt ao.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

ÁNH MẮT

Chỉ một tiếng lá vàng rơi vỡ
Cũng làm lay động mặt trăng êm
Thì cả vòm trời sao rực rỡ
Lẽ nào chưa tỏa sáng lòng đêm.

TÌNH GIÓ

Đêm rủ nhau nằm bên sương cỏ
Trái đất thơm da thịt ướt mềm
Có phải tình nào cũng như gió
Càng thổi cho đầy dập tắt thêm.

Lão hỉnh mũi:

"Cậu đọc Hàn Phi, đọc Machiavelli đấy chứ? Những liên hệ hữu cơ giữa người với người, giữa cai trị với bị trị đều vì tư lợi tuốt luốt. Ông tiên chỉ gắn với làng xã để hưởng cái đầu lợn. Cách mạng gắn với nhân dân để hưởng sự toàn quyền ban phát những cái đầu lợn thừa mứa. Ấy là nói kiểu biểu tượng đấy thôi. Mà cậu xem. Con cá dưới ao tù còn phát triển. Quyền lực lãnh đạo nửa thế kỷ qua cậu tưởng bị còi? Mồ hôi nước mắt nhân dân vô ích? Nẩy nở không lường được nữa, cao rộng không đo được nữa cậu ạ."

"Thụy kỳ chung..."

"Hà hà... Thì thế. Đã gần đất xa trời, quanh co với trẻ làm gì. Nói trắng với cậu chúng tôi phát động cách mạng là để lập lại chu kỳ lịch sử bằng cách tinh vi và khoa học hơn. Có thế mới tồn tại, mới muôn năm trường trị được. Cậu vừa chê chúng tôi phong kiến? Trở lại phong kiến và biến phong kiến thành siêu đã từ lâu lắm."

Anh ngẫm nghĩ giây lát, hỏi dè chừng:

"Không nên không phải cụ bỏ qua cho. Tôi nhớ Saint-Just có nói 'chẳng ai cai trị mà không phạm tội ác'..."

Như một người thừa thông minh vặt, lão già cười hệch lên:

"Lời thú tội của một tên ấu trĩ! Lão luyện phải nói thế này: 'chẳng ai cai trị giỏi mà phạm tội ác.'"

"Tôi...."

"Đáng thông cảm. Trình độ cậu chưa hiểu nổi đâu. Cứ xem như quá trình cách mạng vô sản nước ta, đấy cậu thấy, bọn phản động công phá bao năm rồi, thấm tháp gì. Như đồng chí Văn Cao viết, cách mạng chúng tôi có bao giờ nhợn

chuyện 'uống máu quân thù'? Nhưng ai sẽ là kẻ bị lên án uống máu, uống từ vụ đấu tố cải cách ruộng đất, đến vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, vụ xét lại chống đảng, sau này vụ tù cải tạo, vụ đào mồ bốc mả cả miền Nam lên, vụ bách hại các tôn giáo, đàn áp trí thức văn nghệ sĩ, cả vụ bán dân cho cá mập biển đông lấy vàng?"

Anh choáng váng thấy lão phun sự thật trong cung cách lạnh lùng vô cảm. Tay nhấp nhấp cần câu, miệng lão vẫn đều đều: "Giá như, tôi nói giá như thôi đấy, lịch sự làm một cú lộn lèo thì kẻ lãnh án uống máu là ai? Óc nhân dân sáng tạo phục vụ Tổ quốc thì bao la nhưng khả năng nhận diện những kẻ uống máu thì hạn hẹp lắm. Tôi bảo đảm với cậu nếu lịch sử tráo trở sẽ khó tránh cảnh:

Đầu đường cổ lính treo cao,
Cuối đường cảnh sát dao vào sau lưng..."

Vô cớ anh thốt la lên:

"Họ đâu là thủ phạm. Họ là tay sai!"

Lão già trầm ngâm hẳn. Lão ngước nhìn trời. Thấy xế bóng lão khoan thai thu lại mớ đồ nghề câu. Có tiếng chim chích choè loé sau bụi tre. Anh ngửi thấy mùi cơm độn khoai toả sau mấy cây rơm. Và mùi canh đủ xanh nấu cá trỏng khô nữa. Anh ngước nhìn núi Thành xa xa, bất giác thấy giống một mộ bia cao ngất chạm trời, và rùng mình nhìn dòng Lam như vừa biến thành dải tang bất tận dưới màu chiều lạnh.

Lão già đã sửa soạn đứng lên. Rõ ràng lão không có ý thân thiện mời một người từ ngoại quốc về ghé thăm nhà lão. Lão nhấp miếng nước đựng trong một vỏ bầu khô. Anh ngửi thấy một mùi rượu thơm khá quen thuộc. Nhưng lão không cho anh thêm thì giờ thám thính trên con người lão. Lão vuốt bộ râu dài chẳng để gỡ rối mà hình như vì thói quen. Ngoảnh mặt chỗ khác, lão nói khẽ:

"Vì thế tôi mới hỏi cậu bên Mỹ lúc này thế nào, sau bang giao ra sao?"

Anh lúng túng. Có lẽ đoán anh tối dạ, lão đội chiếc nón cối trắng lên đầu, tiếp: "Thường lãnh đạo thời nào cũng thế cậu ạ, đặc quyền đầu tiên là không phải trực tiếp xông pha hòn tên mũi đạn, kế nắm xã tắc trong tay, kế nữa tội ác chế độ có dê tế thần và sau chót giá như con quỷ lịch sử trở mặt, họ luôn có chỗ dung thân an toàn cho cả chó mèo. Mà thôi, hỏi cậu vậy thôi, chứ Mỹ thế nào, sau bang giao ra sao đây thông cả. Giờ kiếu nhá. Già nó vậy, cơm rượu phải đúng cữ, muộn chút khó ở ngay."

Lão lững thững vác cần câu bước ra bờ sông Lam. Anh cũng đứng lên, bần thần. Một lát sực nhớ, hỏi với theo:

"Thế cụ ở đâu, làm gì?"

Lão như miễn cưỡng dừng lại, nhưng không đáp, mà hỏi ngược:

"Thế cậu về làm gì?"

"Dạ hốt cốt mẹ tôi."

Lão bật cười thành tiếng:

"Quả lạc hậu là bệnh di truyền khó chữa. Sao người ta cứ thích sống với người chết thế nhỉ? Này nhớ, không phải ai chết cũng đáng nhắc mãi, nhớ mãi. Vinh dự ấy chỉ dành cho các lãnh tụ anh minh đã được sách sử đóng mộc thừa nhận sẽ sống mãi trong quần chúng thôi!"

Đã hiểu "muốn có chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa," mà lão ta không là một con người xã hội chủ nghĩa thuần thành đó sao, anh thấy hề nếu biến đạo lý thành chuyện tranh luận, nên bấm bụng lập lại câu hỏi cũ:

"Thế cụ ở gần đây chứ?"

"Bảo gần không phải bảo xa cũng không đúng. Mà cậu hỏi làm gì?"

"Tôi còn ở đây ít ngày, muốn đến... chơi cụ."

Lão không giấu nổi nét nghi ngại, cười nhạt, giọng khá bí hiểm:

"Đảng đứng trên đứng ngoài chứ không đứng kề đứng giữa nhân dân bao giờ. Sáp gần là cách dẫn đến họa tru di tam tộc nhanh nhất. Tôi mong cậu hiểu cho châm ngôn bất di dịch của người làm cách mạng vô sản chuyên chính nhà nghề như chúng tôi, cho dù tôi đã hưu từ lâu lắm."

"Vâng, nhưng ít nhất..."

Như đoán ra câu hỏi, lão nói luôn:

"Hỏi cô của cậu ắt biết... Hàng năm tôi vẫn về Nam Đàn nghỉ mát. Gần đây thôi. Ném lắng hoa cũng tới..."

Rồi lão gãi tai xin anh thêm điếu thuốc, bảo ban trưa đãng trí bỏ quên gói thuốc ở nhà. Anh đưa hết gói thuốc Mỹ còn sót dăm điếu cho lão, ý cũng ngầm xem kỹ nét mặt lão lần nữa trước lúc lão ra đi. Nhưng như biết ý đồ anh, lão lẩn tránh bằng cách cúi đầu châm thuốc, nhả khói mờ cả mặt, thản nhiên quay gót.

Những ngọn cau ngọn dừa xô dạt. Mùi sông nước đồng áng khi không tanh tanh lẫn với mùi lịch sử khi không cũng tanh tanh. Anh đứng bất động nhìn theo lão già khuất sau một bụi tre gai. Một giải nắng chiều sáng loé. Hình ảnh cuối của lão anh ghi được chỉ là một khóe mắt rất lanh, nét môi dày và một vành tai bạt nhĩ. Sau đó chỉ còn tiếng gió lộng như có lộn tiếng cười rền kỳ dị của lão.

Anh về. Cô hỏi đi đâu và bảo sửa soạn ăn tối. Anh đáp ngồi câu với lão già. Sực nhớ cả buổi quên hỏi tên lão, anh hỏi cô, cô im lặng. Nhìn ra ngoài trời chạng vạng, cô nói "Tháng này sương xuống sớm, tắt nắng đã u ám như bãi tha ma." Cô quay nhìn anh dặn cách khó hiểu: "Còn chơi đây ngày nào cháu nên thận trọng..."

Nói đoạn cô bước xuống bếp, lẩm bẩm "Rõ thần suy quỷ lộng," và lặng lẽ lấy treo trước cửa một xâu tỏi đã mốc mọt nhiều.■

Alhambra 20-9-95

LIÊN HIỆP TỊ NẠN QUẬN CAM (OCRC, Orange County Refugee Coalition),
một nhóm các tổ chức bất vụ lợi giới thiệu:

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VẬN ĐỘNG NHẬP QUỐC TỊCH

(PARTNERSHIP FOR CITIZENSHIP)

- Khóa học nhập tịch MIỄN PHÍ để GIÚP NGƯỜI TỊ NẠN chuẩn bị thi nhập quốc tịch Hoa Kỳ, gồm 25 giờ học dạy các môn về LỊCH SỬ và CƠ CẤU CHÍNH QUYỀN HOA KỲ, và luyện tập để trả lời những câu phỏng vấn của nhân viên sở di trú và nhập tịch (INS).
- Điều kiện theo học: bạn phải ở Mỹ hợp pháp bốn (4) năm trở lên.
- Chương trình MIỄN PHÍ này được chính phủ liên bang chuẩn chi và chấp nhận bởi Sở Định Cư Người Tị Nạn, và được các cơ quan Thiện Nguyện địa phương, các Hội Tương Trợ, cùng ty Xã Hội hạt Orange bảo trợ.
- Các lớp học sẽ được tổ chức vào các buổi

CHIỀU và TỐI MỖI NGÀY TRONG TUẦN và SÁNG THỨ BẢY

tại các địa điểm sau:

- *Garden Grove (4 trung tâm)*
- *Westminster (4 trung tâm)*
- *Santa Ana (2 trung tâm)*
- *Anaheim (2 trung tâm)*

Ngoài ra chúng tôi còn có các bài học và các lớp **ESL MIỄN PHÍ*.**

THỜI GIAN GHI DANH: BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 3 THÁNG MƯỜI 1994

XIN GỌI SỐ

CITIZENSHIP HOT-LINES
(714) 444-0400 hoặc (714) 558-3097

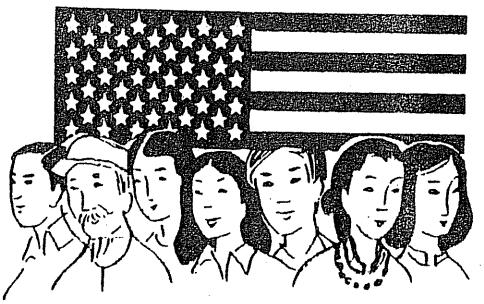

Các Cơ Quan và Hội Đoàn đồng bảo trợ chương trình:

Catholic Charities of Orange County/USCC
County of Orange/Social Service Agency
Episcopal Migration Ministries/ESA
International Rescue Committee, Inc.
Jewish Family Services of Orange County
Laotian American Organized Support
Lutheran Social Services of Southern California
St.Anselm's Cross-Cultural Center/Church World Services
The Cambodian Family, Inc.
Vietnamese American Arts and Letters Association
Vietnamese Community of Orange County, Inc.
World Relief

** Chúng tôi có lớp dạy đặc biệt MIỄN PHÍ cho những thường trú nhân không phải tị nạn ở Mỹ năm năm trở lên, xin gọi lấy hẹn riêng.*

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX
LASER PRINTERS
TONER CATRIDGES
FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA
THUÊ & LEASE
HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ
NHẬN ĐẾN MỌI NƠI
ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY
ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP
REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM
LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ
15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

ĐÃ PHÁT HÀNH

NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI

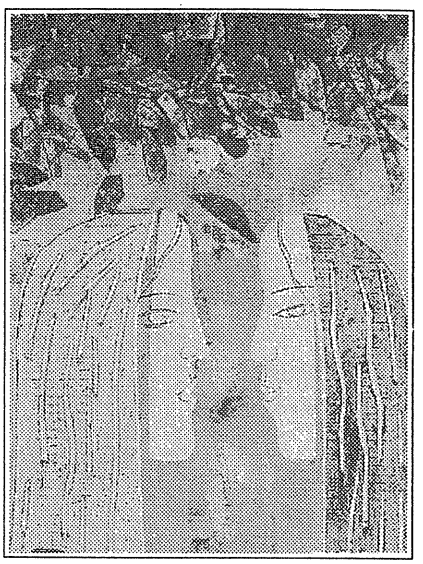

Tập thơ thứ nhì của

TRẦN HỒNG CHÂU

- Một tập thơ đầy chất trữ tình phóng khoáng và mới lạ
- Một tổng hợp của sức sáng tạo với kiến thức uyên bác về các nền văn nghệ Đông Tây

Bìa và phụ bản của họa sĩ

Nguyên Khai

160 trang - Giá $10
Nhà Xuất Bản Thế Kỷ
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove
CA 92640 - USA Tel: (714) 638-9510

Hãy tìm đọc

TRIẾT

tạp chí triết học và tư tưởng

Chủ Nhiệm: Nguyễn Hữu Liêm

Chủ Bút Triết Đông: Như Hạnh

Chủ Bút Triết Tây: Phan Công Chánh

Tổng Thư Ký: Phạm Việt Cường

Số ra mắt tháng 10, 1995 gồm các tiểu luận của Phan Công Chánh, Nguyễn Vĩnh Để, Như Hạnh, Trần Đức Thảo, Nguyễn Văn Trung....

Khổ lớn, dày 245 trang, trình bày trang nhã, mỹ thuật. Giá mỗi cuốn 10 Mỹ kim. Xin hỏi ở các hiệu sách, nhà Xuất Bản Văn Nghệ, hay tòa soạn ở 1943 Tully Road, San Jose, CA 95122 USA. Đt: (408) 223-8490.

Hân Hạnh Giới Thiệu Tác Phẩm Mới:

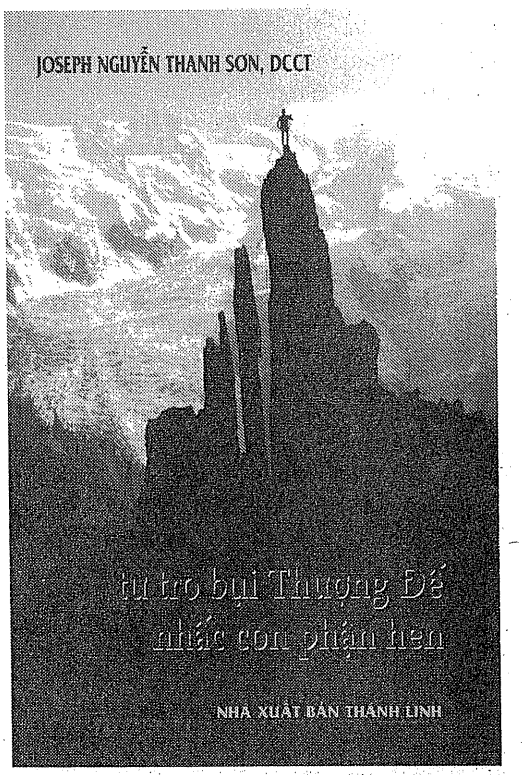

- *Ấn phí*: $10.00 (bao gồm cước phí trong HK)
[Chi phếu đề: JOHN VU]

- *Liên lạc*: **Nhà Xuất Bản Thánh Linh**
P.O. Box 8394
Fountain Valley, CA 92728
Phone: (714) 964-5354

MÙA THU VÀ NHỮNG BUỔI HỌC ĐẦU ĐỜI

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

Vậy là con bé út của tôi đã đi học được hai hôm. Mọi học khu đều đã khai giảng niên khóa mới từ đầu tháng Chín mà mãi tới giờ con gái tôi mới đến trường cũng bởi nó bị "lọt sổ." Chẳng là vì lợi tức của gia đình chúng tôi, nếu nói ví von theo kiểu tuổi tác, thì "trẻ đã qua già chưa tới." Đơn xin nhập học cho con bé, một thì bị bác, một thì còn nằm mãi ở đuôi của cái "waiting list" dài thoòng. Mà kiếm trường tư thì, eo ôi, chi phí cho một ngày gửi con tốn kém không thua một ngày lương kiếm được.

Mùa tựu trường đã qua hơn tháng rồi, con bé cứ háo ha háo hức chuyện đi học. Thấy thế, chúng tôi mới họp "hội nghị Diên Hồng," lấy ý kiến của bố, mẹ, mấy anh nó, xem có chịu "thắt lưng buộc bụng" để dành tiền đóng học phí tư cho con bé hay không. Vốn thương cô em út nhỏ xíu con, sợ đợi đến năm sau, đến tuổi chính thức được vào trường công thì nàng vừa nhỏ vừa nhát vừa dốt thì tội quá, mấy thằng anh của nó đành chịu rút mục Pizza Hut, Sizzler... để cho Bé Út "ăn học," và chỉ học "part-time" thôi, để ít ra tụi nó cũng còn được "enjoy" màn McDonald's, Carl Jr's nữa chứ.

Ngày đầu tiên đến trường, con bé nhảy tưng tưng, có vẻ náo nức với một "kinh nghiệm mới." Sau khi thở hắt ra một cái để nén cơn xúc động, nó "bye-bye" mẹ một cách bình tĩnh. Con bé náo nức đi học bao nhiêu thì tôi cũng hồi hộp không kém khi đi đón nó. Và tôi cũng không ngạc nhiên lắm khi được nghe cô giáo bảo nó đã khóc "off and on" trong nửa buổi học đầu tiên.

Vì vậy, buổi học thứ nhì hôm nay mới là một ngày... đáng sợ cho tôi đây. Sự náo nức đi học hôm nào đã biến mất ở con bé, mà chỉ còn những màn nói xa nói gần: thôi, con hổng chịu lớn đâu; con muốn ở nhà chơi với mẹ; đi học một lần thôi... (con gái có khác, mấy anh nó ở tuổi đó chưa biết màn tâm lý chiến giáo đầu kiểu ấy đâu). Cho tới lúc ngồi trên xe đến trường trong một buổi sáng sương đục âm u, nó òa khóc làm tôi mới khổ lòng chứ! Dỗ dành lẫn áp lực mãi thì cũng chia tay được với nó, dĩ nhiên là... một cuộc chia tay đầy nước mắt!

Buổi sáng đưa con đến trường tôi thấy ảm đạm bao nhiêu thì đến khi rước nó, lòng tôi ấm áp bấy nhiêu. Ở ngoài sân chơi, con bé ngồi gọn trong lòng cô giáo, chỉ chỏ nói nho nhỏ với cô giáo gì đó. Tôi thấy cô giáo cúi xuống nghe và gật gật đầu. Chắc chắn là cô không hiểu được gì, vì vốn liếng tiếng Anh của cô học trò nhỏ này có gì đâu ngoài mấy chữ mà con bé nhập tâm từ cái Tivi như "Help, come on, please come back, wait for me..." Vậy mà cô cũng cười cười,

nghiêng đầu hiền từ nhìn nó. Trông thấy tôi, nó ùa chạy tới và khoe: con chơi cát, con sơn màu, con lượm lông chim... rồi chạy lại ôm cô giáo, *bye-bye* cô trước khi ra về.

Tôi chợt cảm thấy đời sống dễ yêu quá. Đời sống với những tấm lòng, những chỗ nương tựa cho những đứa trẻ vừa bị bứt rời khỏi mẹ. Phải chi ai ai cũng đối xử tốt với tha nhân như vậy nhỉ! Nhìn con bé thỏ thẻ với cô giáo Mỹ, tôi chạnh nhớ tới một bà giữ trẻ mà tôi đã gửi nó khoảng hơn một năm lúc nó lên hai. Bà mới từ Việt Nam qua, chưa quen thuộc với cuộc sống ở Mỹ, nhưng bà cũng có vẻ hài lòng với điều kiện sống, dù khá chật vật, của mình và nhất là với công việc giữ trẻ ấy. Vào khoảng thời gian đó, nó chưa nói được nhiều, chỉ bập bẹ từng tiếng một hoặc diễn tả bằng tay chân. Cho tới khi tôi nghỉ việc, tôi thôi gửi nó nữa, bà vẫn thỉnh thoảng ghé nhà với dăm cái bánh, vài viên kẹo để thăm nó cho đỡ nhớ. Đó cũng là một tấm lòng Việt Nam thương yêu trẻ mà tôi đã từng chịu ơn. Ước gì có bà ở bên cạnh nó để nghe nó nói chuyện tiếng Việt như sáo và thật dễ thương ở tuổi lên bốn này.

Lần cuối cùng tôi gặp bà cách đây khoảng nửa năm, lúc chúng tôi đang tất tả dọn nhà. Chiều nay, tôi quyết định gọi cho bà, đưa số điện thoại mới để giữ liên lạc với người đàn bà dễ thương ấy hầu thỉnh thoảng dẫn con bé đi thăm bà vú nuôi đầu đời của nó. Thế nhưng, ở đầu dây bên kia, ngoài sự chờ đợi của tôi, có người trả lời là tôi đã gọi lầm số rồi.

Tôi bần thần nhìn buổi chiều đang xuống bên ngoài. Tia nắng vàng yếu của mùa thu mơ màng mỏng manh phiêu dật của tôi đã tắt từ lúc nào. Hoàng hôn cam nhạt đang bị pha lẫn bởi nhiều màu xám đục làm mờ dần tàn cây phong với những chiếc lá nâu khô héo úa đầu cành. Tự nhiên tôi thấy tiếc một cái gì đã trôi qua, đã không còn nữa. Sẽ không bao giờ còn thấy lại cái sân nhỏ trước nhà "bà bác" (mà con bé hay gọi) với bóng dáng hai bà cháu lom khom nhặt lá, xem hoa. Sẽ không còn buổi sáng đưa con tới, buổi chiều đón con về... Tôi đã ơ hờ đến đỗi quên không chụp cho bà với con bé một tấm hình.

Mà cho dù có bao nhiêu tấm hình đi nữa, thì liệu tôi có bớt u buồn tiếc nuối những cái bóng ấy không? Chưa chắc. Hình như tôi sinh ra cứ để chìm vào những hoài niệm mà tiếc chuyện đã qua. Nhất là những lúc trời đất giao mùa để cuối cùng choàng phủ khắp không gian những màu nắng, những sắc lá nên thơ hư ảo của một độ thu về.

Có lẽ mùa thu đẹp vừa vì sự toàn hảo của thời tiết, sự mơ màng của màu sắc lẫn ánh sáng, và cũng vì tính cách không trường cửu của nó. Nếu nó kéo dài ngày này qua tháng khác thì người ta còn thấy nó đẹp không? Mà nếu nó chỉ đẹp vì nó ngắn ngủi thì hóa ra con người ta chẳng bao giờ được hạnh phúc hay sao? Cứ cái gì mất rồi mới thấy tiếc, cái gì không còn nữa mới thấy quý. Vậy thì đời sống buồn quá đi thôi.

Nhưng không sao, có thể mơi sáng thức dậy, tôi sẽ nghĩ khác. Như nhiều lần đã xảy ra, sau một giấc ngủ, tôi sẽ nhìn sự việc một cách nhẹ nhàng dễ dãi hơn. Tại sao mình không tạ ơn đất trời và tận hưởng vẻ đẹp của mùa thu, vì mình đã biết rõ tiếp sau nó sẽ là một mùa âm u ảm đạm lạnh lùng. Hãy sống bằng hơi thở nồng nàn cho cái hiện tại đang có. Dòng đời rồi sẽ trôi, mọi sự tưởng sẽ không còn nhưng biết đâu sẽ có lúc chúng quay về, hay là chúng mãi còn ở đâu đó, dưới một dạng thức nào đó. Như nước thành mây và rồi sẽ thành mưa, rơi lại đầu nguồn. Như mùa thu dịu dàng êm ả ấy, qua một thời gian nhất định nào đó đủ để cho người ta chờ đợi, nhớ nhung, rồi lại sẽ trở về sau những ngày hạ nắng oi nồng.■

LÊ HỮU KHÓA

XÓA

Xóa sạch mọi chân trời
Những ngón tay
Những ngón chân đang cào
sẽ biết bay.

CHÙI

Người chết rầm rộ trở về
Thổi nóng các lò rèn
Mài dũa đầy roi sắt
Giao tận tay trẻ con
Tra quất vào trái đất tê liệt
Như những ngón tay của hư vô
đang chùi gương

9/95

THƠ NGƯỜI THƠ

ĐỖ THÌ KÊNH G

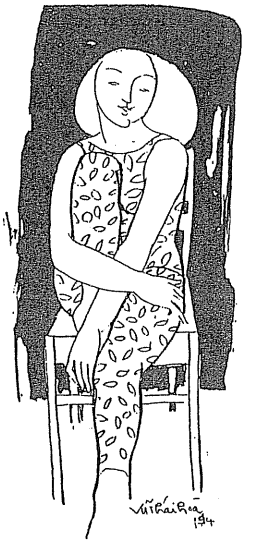

Anh viết thư này cho cô, cô thơ ơi. Anh nhớ cô quá. Mất cô đâu rồi? Dáng chân cô đâu rồi? Chiều nay gió to quá. Lá ngoài vườn như điên lên. Gió thổi lá bay. Gió thổi cô bay mất rồi, cô thơ ơi. Hoa cam rụng trắmg. Hoa cam má cô. Hoa cam gáy cô. Hoa cam eo cô. Hoa cam tóc cô. Thơm. Gió thổi cô bay mất rồi, hương cam còn thoang thoảng. Trắng. Hương cô còn ngát. Trắng. Trắng hương cau. Trắng quá cô ơi, cô thơ ơi.

Sáng ấy. Sáng mưa. Đi chung ô một phút với cô trong mưa. Cô che cho anh. Gió. Sợi tóc cô, một sợi thôi, mà thơm lắm, quấn tròn cổ anh. Sao tóc cô không siết chặt thêm, cho anh ngộp chết trong mưa? Gió. Gió tạt bụi mưa bám chặt ngực áo hoa cô. Anh ghen với bụi mưa. Bụi mưa chỉ bám hờ ngực áo? Hay thấm vào? Thấm vào... Gió. Gió chực tốc váy hoa cô. Tay cô che ô. Tay cô ôm váy. Dáng cô đi sóng mát vàm sông. Má cô ửng ướt mưa hồng. Anh ghen với gió. Gió trăm tay phàm tục. Gió giặc mọi tràn vào cấm cung. Gió quỉ dữ ùa lên cung thánh. Chân trần cô dẫm mưa. Nước mưa hí hửng được cô dẫm lên, hí hửng làm ướt chân cô, ướt ngón chân ngon, ướt kẽ chân nhiệm mầu, ướt gót cánh đào. Anh ghen với mưa. Mưa dâm loàn đọng giọt trên môi cô. Môi chín. Chín lắm. Môi chín cô nở. Lưỡi nết na cô lẳng rước giọt mưa vào. Cô nhấm nháp mưa. Cô thưởng thức mưa. Mưa dột qua hốc mắt lọt vào tim anh. Đây anh chiều cô. Anh rước mưa vào tim anh. Cô thưởng thức mưa đi. Cô liếm mưa trong tim anh đi. Cô đừng uống mưa buông tuồng đọng trên môi chín. Đấy là cô giết anh, cô ơi, cô thơ ơi!

Mưa. Mưa trên tóc cô. Mưa trên mắt cô. Mưa trên má cô. Mưa trên môi cô. Mưa trên ngực cô. Mưa trên váy cô. Mưa trên chân cô. Anh ghen với mưa. Mà anh yêu mưa lắm. Bởi mưa trên tóc cô, trên mắt cô, trên má cô, trên môi cô, trên ngực cô, trên váy cô, trên chân cô làm anh ghen. Mà ghen cũng là thơ. Mà mưa cũng là thơ. Mà cô cũng là thơ. Anh yêu thơ. Anh yêu cô. Người thơ không tìm được thơ, nhưng thơ luôn tìm tới người thơ. Chính trong những cơn điên cơn ghen tột cùng mà thơ tới với người thơ. Thơ ở với người thơ. Thơ ăn nằm với người thơ. Nên sáng ấy, dù chỉ một phút được đi chung ô với cô trong mưa, mưa đã ấm suốt cuộc đời. Dù cô là trái cấm, dù cô chẳng bao giờ thuộc về anh, anh vẫn ghen với mưa trên môi cô. Và anh vẫn yêu mưa. Bởi cô chẳng bao giờ thuộc về anh, anh càng khát cô. Mà cô cũng chẳng cần phải bận tâm chuyện thuộc về anh, bởi cô là thơ, bởi mưa là thơ, nên anh yêu mưa là yêu cô, anh có thơ là có cô. Thơ tới với người thơ. Thơ đâu tới với anh. Thơ ở với người thơ. Thơ đâu ở với anh. Thơ ăn nằm với người thơ. Thơ đâu ăn nằm với anh. Mà ăn nằm với cô biết bao nhiêu cho thỏa. Mà ăn nằm với thơ biết mấy cho vừa.

Đúng là cô đấy phải không? Đúng là cô của mưa đấy phải không? Không phải sáng mưa ấy, sáng mưa cô che ô cho anh. Mà chiều giông ấy. Chiều giông cách đây hai mươi măn bốn năm, hay cả ngàn năm bằng bạc cũng thế thôi, bên kia bờ Thái Bình Dương, quê nghèo, cô chèo thuyền đưa anh về.

Anh vừa nói sai. Bên kia bờ Thái Bình Dương không có quê nghèo. Quê trĩu xoài đường mơ, đường mơ khảm vô tận những hạt nắng vàng lung linh theo gió. Quê oằn dừa xiêm dừa lửa cầu ao, tưng tưng vú sữa cù lao, nước lên lúa hát rì rào, lem thèm má mận hồng đào, măng tím bờ tre sáo hót. Quê ăm ắp gió, ăm ắp mưa, ăm ắp nắng, ăm ắp núi, ăm ắp sông, ăm ắp tình. Nghèo gì mà nghèo. Đâu giầu bằng quê nghèo bên ấy?

Bên ấy có sông. Bên này chỉ có river. River không thể là sông. River chả là gì cả, chỉ là dòng nước chảy lững lờ. Ơ hờ. Chỉ bên ấy có sông. Sông tuổi ấu thơ. Sông sóng ru lời mẹ. Sông vốn liếng của cả cuộc đời. Sông bảy tuổi tắm truồng, bơi ngửa dòm chừng con gái cùng lớp đi qua, bơi sấp nhồn nhột cá lòng tong rỉa và ghê ghê sợ cá nóc táp mất... Sông đoàn quân lớp hai tồng ngồng ôm ngựa thân chuối chia phe tập trận suốt buổi chiều mưa tháng Sáu. Yết Kiêu

lấy hơi lặn xuống mưu tìm bóp dế giặc, vi hành dưới nước sai hướng, trồi lên giữa bụi bông súng nở trắng hoa thơm, con rắn râu giẫy đành đạch trên đầu.

Sông chín tuổi chèo thầy giáo lớp ba sang ngang. Ba đứa cố ý lật thuyền giữa sông. Thầy mắt kèm nhèm, không biết bơi.

"Cứu thầy với! Cứu thầy với chúng con!"

Sách thầy trôi hết. Sổ điểm, thước kẻ, roi mây thầy trôi hết. Thầy uống nước ừng ực.

"Thầy chừa đánh chúng con chưa?"

Thầy phun nước phèo phèo:

"Mà chúng mày không được trốn học đi bắn chim nữa."

"Vậy hễ đánh thì cho ba đứa con độn vở vào đít."

Thầy chìm lỉm. Hai mắt thầy trợn trắng dưới mặt nước phèn trong vắt. Một cụm rong lá dài màu xanh ngọc quấn chặt chân thầy. Đứa nắm tóc thầy kéo lên, đứa đủn đít thầy, cho thầy nằm sấp bám vào đuôi thuyền lật úp. Một đứa bơi vớt sách của thầy, nhưng không vớt sổ điểm, thước kẻ và roi mây. Hai đứa còn lại, đứa bám mũi đứa bám lái đập chân bơi đẩy thuyền vào bờ. Thầy ướt như chuột lột đứng run lẩy bẩy, hai hàm răng rụng quá nửa của thầy đánh vào nhau từng tràng cốp cốp. Cả lớp được nghỉ học một buổi. Sáng hôm sau, thầy lại có thước kẻ mới, roi tre thay cho roi mây, tay ôm sách còn ướt vào lớp, khảo bài ba đứa trước tiên.

Chỉ bên ấy có sông. Sông đón mẹ về chợ bên gốc bần xanh. Sông chị ngồi vo gạo dưới tàn hoa tràm trắng xóa. Sông nước lớn nước ròng. Sông chiều bờ lau gió ru em bé ngủ. Sông mười giờ đêm trăng trầm mình bến vắng. Sóng lượn trùng trùng như màn lụa vàng che cho trăng tắm. Trăng lung linh ảo mờ dưới bức màn sóng. Trăng cử động khoan thai như Tiên Dung đang ngồi vớt nước lên mình.

Chỉ bên ấy có sông. Sông cô đưa anh về chiều giông ấy. Bão chình chịch đen chân trời đàng đông. Sóng sông hớn hở. Thân sóng xóng xoài uốn lượn trắng xóa, chồm lên mũi thuyền nơi anh đang ngồi. Anh ngồi quay mặt lại nhìn cô chèo. Hai tay cô như nõn chuối nhịp nhàng bẫy nước đẩy thuyền cưỡi sóng. Anh vô tích sự ghê. Chỉ ngồi nhìn cô chèo. Còn ước gì được làm mái chèo trong tay cô. Hai tay cô đảm đang làm anh cảm thấy bình yên chi lạ giữa trời mây sông nước bao la. Anh ước được gối đầu lên tay cô, rúc vào nách cô mà ngủ một giấc yên lành. Ngủ suốt cuộc đời.

Thuyền tới giữa sông, áo phin nõn cô mặc đẫm ướt bụi sóng. Sau làn phin nõn là vườn quả. Ôi cam, ôi bồng, ôi hồng, ôi chanh, ôi ổi, ôi nhãn, ôi vải, ôi lê, ôi thị, ôi na, ôi chôm chôm, ôi bòn bòn, ôi giu gia, ôi vườn quả xuân.

Em cứ treo lên những quả non
Chi chít trên cây mũm mĩm tròn,
Gió xuân thổi phồng căng mọng nước
Nắng hạ nung vàng chín thơm ngon.

Má cô cũng lấm tấm bụi sóng, hồng lên. Mắt trai mới lớn của anh như nắng hạ nung má cô chín. Má mận hồng đào cắn cái được hông? Mận hồng đào lem thèm. Má mận hồng đào lấm tấm bụi sóng còn lem thèm gấp đôi như vườn quả sau cơn mưa. Cô thấy mắt ấy, mà khẽ mỉm cười giả bộ đăm đăm nhìn sóng vươn tay trắng tuốt xa. Cô mỉm cười bằng cặp môi cũng chín, cũng ướt bụi sóng. Trai mới lớn, vườn quả xuân, vườn thơ, quả thơ, bềnh bồng giữa sóng nước bao la, dưới mây đen vần vũ bắt đầu rắc mưa. Thuyền kịp tới bên kia bờ. Anh giơ tay nắm bụi lúa lạc loài bên bờ sông tính kéo mũi thuyền vào sát bờ. Cô hốt hoảng:

"Đừng nắm đòng đòng anh. Lúa đang có

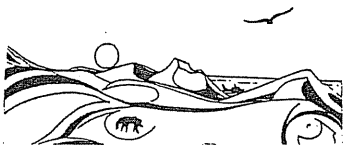

PHẠM BĂNG HỒ

CỔ THẠCH

Chừng nghe ngày tháng ưu phiền
Hồn bay bổng lượn trăm miền quạnh hiu.
Em về bóng đổ hình xiêu,
Mắt rưng rưng nặng, giọt tiều tụy rơi.
Nhịp trên gò má ru hời,
Ta tiêu sơ với những lời trối trăn.
Chừng nghe gót tủi in hằn,
Mưa qua cổ thạch cũng dằn vặt đau.
Chừng nghe hoa lá thay màu
Hai tay bưng lấy mặt nào lạ xa.
Thuyền về có chở trăng qua,
Bến xưa bờ vẫn yên hà ảo sương.

chửa. Đừng để thuyền đè lên đòng đòng."

Ừ, anh vâng lời cô. Anh ước cả đời được vâng lời cô. Anh không đè lên đòng đòng đâu. Năm tháng êm đềm, anh chỉ đứng nhìn đồng lúa xõa bay tóc dài chiều thoảng hương sen. Anh nhìn cô, trai khờ mới lớn, đêm về mơ lạc vườn quả xuân.

Rồi dòng sông trôi ra biển. Vườn quả xuân trôi ra biển. Đồng lúa trôi ra biển. Cô trôi ra biển. Anh trôi ra biển. Rồi sáng ấy, sáng mưa, cô che ô cho anh một phút trong mưa, bên này bờ Thái Bình Dương. Anh vẫn là trai khờ mới lớn. Muôn đời anh vẫn là trai khờ của cô. Nhưng cô đã bốn lần đòng đòng. Đừng đè lên đòng đòng nha anh. Ừ anh vẫn vâng lời cô. Mà anh điên lên. Mà ai đã đè đòng đòng? Mà ai đã bẻ quả xuân? Của anh!

Ờ anh điên, anh ghen, anh đau khổ, anh ốm o, anh bơ phờ vì cô. Cô không tới với anh bằng xương cô thịt cô. Cô gởi thơ tới với anh, thơ ở với anh, thơ ăn nằm với anh. Mà ăn nằm với cô biết bao nhiêu cho thỏa. Mà ăn nằm với thơ biết mấy cho vừa. Nên từ sáng đi chung ô với cô dưới trời mưa ấy, anh ốm o, anh bơ phờ đi tìm cô, đi tìm thơ. Anh đi tìm cô, đi tìm thơ, nhưng anh không gặp được cô, không gặp được thơ. Thơ tới với anh, cô tới với anh, tứ thời bát tiết, khắp chốn.

Sáng xuân ra vườn. Đóa hồng chúm chím. Cộ chúm chím. Sương còn lấm tấm má hoa. Bụi sóng sông ướt má cô, ướt môi cô, ướt ngực áo phin nõn. Nắng sớm vinh qui vào ngự lòng hoa. Cánh hồng tươi mịn vòng ôm thân nắng. Đài hoa rạo rực với nắng. Hoa thỏa tình tỏa hương. Cô tỏa hương. Cô nở. Cô nở với nắng. Anh ghen với sương. Anh ghen với nắng. Anh ngắt đóa hồng. Anh nhai đóa hồng. Anh nuốt đóa hồng. Anh nuốt đòng đòng. Anh nuốt cô.

Đêm hè xuống suối ôm trăng ở truồng. Trăng Tiên Dung trầm mình dưới sông mười giờ đêm bên ấy, cũng trôi ra biển, lạc loài vào suối bên này. Suối chảy lung linh. Nhưng sau tảng đá xanh kia, nước thanh bình trong vắt. Trăng trần truồng lồ lộ.

Anh ngồi cho im mà ôm trăng. Đừng nhúc nhích lỡ trăng đau. Đừng đè lên đòng đòng, nha trai mới lớn. Anh ngồi ôm trăng trần truồng ngủ gật dưới suối. Bảy giờ sáng chợt thức dậy. Ơ trăng đi rồi. Ơ cô đi rồi. Mà cô còn để thơ ở lại. Tảng đá còn xanh phẳng lì. Vũng nước còn trong veo, lượn lờ con cá nhỏ. Con cá là cô. Kìa cái đuôi vẫy bơi, kìa áo phin nõn sóng sông, kìa váy hoa mưa gió. Chim rừng chuyền cây líu lo. Suối rì rào chảy cuốn trôi quần áo người thơ đâu mất rồi. Thôi đành trầm mình dưới suối, ăn quả bông súng cầm hơi, đợi đêm về gặp lại trăng ở truồng. Gặp lại cô.

Chiều thu ra biển tìm tóc cô xanh. Sợi tóc níu vòng cổ anh sáng ấy trong mưa. Tóc cô gió bay trùng trùng sóng lượn. Cô mênh mông. Cô ôm anh. Bồng bềnh. Bồng bềnh. Cô rì rào rằng cô mênh mông thế, mà chỉ dành cho anh. Cô là của riêng anh, dù rằng cô chẳng bao giờ thuộc về anh. Thuộc về mà làm gì. Dành cho mới đáng kể. Thèm nhau mới là thơ. Nhớ cô mới là thơ. Cứ để cô mênh mông như biển. Đừng bắt cô thuộc về. Thuộc về là nước biển trong chai. Còn có tí ti. Hết mênh mông. Hết cô. Hết thơ.

Thế còn đêm đông? Tầu cau quạt mùa đông xuyên qua vách. Mùa đông chui vào chăn. Anh nằm vòng tay ôm mùa đông. Anh gác chân quặp mùa đông. Mùa đông cũng mênh mông như biển. Nhưng mùa đông không ấm như bụi sóng sông. Bụi sóng trên áo phin nõn cô, trên má cô, trên môi cô, trên tay nõn chuối cầm chèo cô. Nhưng mùa đông không ấm như mưa. Mưa trên tóc cô, trên mắt cô, trên má cô, trên môi cô, trên ngực cô, trên váy cô, trên chân cô. Mùa đông lạnh lắm. Từ tạo thiên lập địa tới giờ chưa ai biết mùa đông lạnh, chưa ai nói mùa đông lạnh. Mùa đông lạnh lắm, cô ơi. Ước gì có cô cầm ô che mùa đông cho anh. Ước gì anh được rúc vào nách cô ngủ một giấc giữa sông nước bao la. Nách cô ấm mùa đông. Nách cô thơm mùa đông. Ước gì cô đem giông chiều ấy, cô chèo mưa vào giường mùa đông cho anh ôm. Cô cho anh thơ. Cô cho anh trời đất. Cô cho anh tình yêu. Người thơ không có thơ, không có tình yêu thì khổ lắm. Thì chết. Cô ơi, cô thơ ơi!

Mà tình yêu là gì nhỉ? Tình yêu của người thơ muốn chiếm hữu mà không là chiếm hữu, không là quơ cào. Tình yêu của người thơ là phóng tay, là buông, là thả ra. Rồi tiếc nuối. Rồi ốm o bơ phờ đi tìm. Anh thất thểu trong mưa. Tưởng như có cô đang cầm ô che. Tưởng như có cô đang cầm mái chèo. Ước cho cô luôn được hạnh phúc. Muốn cho cô được hạnh phúc thì đừng làm khổ cô. Đừng làm khổ cô thì anh phải xa cô. Càng xa càng tốt. Bởi cô đã có chồng. Ừ anh xa cô. Anh nhất quyết xa cô. Xa cô anh còn cô mãi mãi, còn tình yêu mãi mãi, còn vườn quả xuân mãi mãi, còn sông nước mãi mãi, còn đồng lúa mãi mãi, còn giông mãi mãi, còn mưa mãi mãi, còn trăng mãi mãi, còn thơ mãi mãi. Cô ơi, cô thơ ơi!

Ký tên

Đỗ Thì Kênh G

Tái bút: Mà không chắc anh có sống được không với thứ tình yêu mãi mãi này. Không có tình yêu thì khổ lắm. Thì chết. Cô ơi, cô thơ ơi!

... Mà thôi, anh không gửi thư này cho cô nữa. Bởi nếu nhận được thư này, đọc xong, cô dám đòi đổi chỗ cho anh, cô biến thành người thơ và anh là thơ. Thơ khờ, thơ trai mới lớn. Như vậy là anh làm khổ cô rồi. Mưa ơi! Đòng đòng ơ! Cô ơi, cô thơ ơi! Cứ để anh là người thơ và cô là thơ. Người thơ quen khổ một mình... ■

SỐNG NHÀN, SỐNG GIẢN DỊ

HẠ QUYÊN

Elaine St James tại Santa Barbara, nguyên là một nữ thương gia, nay là văn sĩ, 52 tuổi. Dù bà có thể mua sắm nhiều hơn, nhưng bà đã chọn cách sống Giản Dị. Tủ áo bà mở ra chỉ gồm hai cái xiêm, hai áo chui đầu (*pullovers*), tám áo cụt tay (*T shirts*), sáu áo cổ rùa (*turtle necks*) và một đôi giày, một đôi bốt.

Hai vợ chồng ông bà Joe Dominguez và Vicki Robin nguyên là các nhà phân tích kinh tế làm tại Wall Street, tuy có thể kiếm hàng trăm ngàn dễ dàng nhưng họ đã tự ý bỏ việc, chỉ sống bằng lợi tức của số tiền để dành (200 ngàn) hai người chi tiêu khoảng 12 ngàn một năm mà thôi.

Gloria Quinones tại East Harlem bỏ việc Luật Sư 74 ngàn lương mỗi năm để có thể ở nhà trông hai con nhỏ (10 và 14 tuổi). Nay cả gia đình sống bằng lương giáo sư trung học của ông chồng. Bà cho biết nay không có tiền mua những bộ quần áo thời trang, "nhưng tôi đâu cần tới nó." Bà cảm thấy tự do và sung sướng "tôi đã bẻ gãy được cái vòng luẩn quẩn, tôi sẽ không trở lại lối sống đó nữa đâu."

Bác Sĩ Nguyễn Tấn Hồng tại Canada cũng là một người chọn lối sống Giản Dị và Tri Túc (biết đủ là đủ) để có thì giờ sinh hoạt với các nhóm thiện nguyện. Từ hồi di cư, tuy là một trong các y sĩ Việt Nam có bằng hành nghề tại Canada sớm nhất (1976), gia đình ông vẫn chỉ ở thuê một appartment ba phòng ngủ, đồ đạc rất tầm thường. Không phải chỉ được các bạn đồng nghiệp thương kính, bác sĩ Hồng được tất cả cộng đồng người Việt và người Canada nể trọng. Ông là người tái lập hội Y Sĩ VN tại Canada, làm chủ tịch trong mấy nhiệm kỳ đầu tiên, đã giúp được nhiều đồng nghiệp trong việc học thi lại. Ông cũng là một trong những người tái tạo phong trào Hướng Đạo VN tại Montreal. Hiện nay, là Giáo Thọ (Dharma teacher), là anh cả của Làng Cây Phong, ông dành hết thì giờ rảnh rỗi để làm vườn tại Làng và tu tập. Ông thường được mời đi giảng dạy về Thiền học cho người ngoại quốc.

Người Hoa Kỳ hiện nay bắt đầu có ý thức về cách sống phi lý, về xã hội chỉ lo "kiếm tiền và tiêu thụ" của họ. Suốt từ thập niên 30, sau kỳ kinh tế khủng hoảng tới nay, dân Bắc Mỹ mải mê làm việc, mải mê mua sắm. Càng tiêu thụ nhiều, càng có nhiều tiện nghi thì lại càng phải làm việc nhiều để có thể trả những món nợ do mua sắm. Càng làm việc nhiều, người ta lại càng cần mua những thứ máy móc giúp họ tiết kiệm thì giờ trong việc bếp núc, giặt rũ, quét dọn hay giải trí. Và càng có nhiều máy móc, người ta lại càng phải thuê hay mua nhà lớn hơn để chứa đồ đạc. Đó là chưa kể tới sự xa hoa vì ý muốn khoe khoang, chưng diện sao cho xe phải đẹp, nhà phải lớn hơn nhiều người khác. Trong vòng luẩn quẩn đó, một người bình thường phải làm việc nhiều chục năm, nhiều khi thêm giờ phụ trội hay làm hai việc. Nhiều chứng bệnh phát sinh do lối sống làm việc và thụ hưởng liên miên đó. Ai nấy đều bị căng thẳng thần kinh, mất ngủ, rồi áp huyết cao, hoặc tim đập loạn nhịp, đau bao tử, nhức đầu kinh niên. Và họ không hề có ngày giờ rảnh để mà thưởng thức cây cảnh trong khu vườn lộng lẫy (thuê thợ làm), hoặc ngồi nhâm nhi ly cà phê, nghe nhạc trong căn phòng đã thiết bị tối tân về âm thanh! Ai cũng nhăn nhó "không có thì giờ! Đi làm về đâu còn sức nữa!

Sau một số năm làm việc liên miên, họ còn vướng lụy vào những thói quen *overwork* (làm quá nhiều), *workaholic* (nghiền làm việc), như một điều kiện cần để tiếp tục sống, tới nỗi không thể ngừng nghỉ được. Và khi tới tuổi về hưu thì họ bị "sốc" vì buồn chán. Nhiều người Mỹ đã chết một hai năm sau khi nghỉ việc vì họ "hết lẽ sống."

Từ đầu thập niên 90 tới nay, trào lưu Sống Nhàn, Sống Giản Dị bắt đầu lên khá nhanh tại nước Mỹ. Trong cuộc thăm dò ý kiến dân chúng toàn quốc của tổ chức Merck Family Fund (Maryland) mùa hè vừa qua, có tới 82% dân Mỹ cho rằng chúng ta đã tiêu thụ và mua sắm quá nhiều so với nhu cầu cần thiết. 95% dân chúng Mỹ ý thức được là họ sống quá "vật chất." Theo đà mua sắm của các thập niên vừa qua, tuy một số dân Mỹ nay đã có ý thức về việc tiêu thụ quá mức, nhưng 35% dân chúng vẫn tìm cách nâng cao mức sống vật chất của họ (nghĩa là tiêu thụ nhiều hơn).

Cuộc nghiên cứu trên cũng cho biết có tới 28% dân chúng trong năm năm nay đã tự ý cắt giảm mức thu nhập để có thể sống một cách quân bình hơn.Có tới 33% dân chúng mong được làm việc ít giờ hơn dù có phải giảm thu nhập xuống bởi 20% lương. Một điều đáng chú ý là trong số những người tự ý cắt giảm lợi tức, người trẻ tuổi lại hăng hái hơn người lớn tuổi.

Tỷ số những người cắt giảm lợi tức bằng cách bớt làm việc:

Tuổi từ 18 tới 29:	34%
30 tới 39:	35%
40 tới 49:	28%
50 tới 64:	23%
Trên 65 :	15%

Tổ chức nghiên cứu The Trends Research Institute of Rhinebeck - New York, cho biết phong trào Sống Giản Dị là một trong 10 trào lưu mạnh nhất hiện nay của dân Hoa Kỳ. Họ tiên đoán tới cuối thập niên 90 này, 15% trong số 77 triệu *Baby Boomers* (lớp người sanh sau thế chiến thứ hai, sắp trên dưới 65 tuổi) sẽ theo đà Sống Giản Dị, ăn chắc mặc bền chứ không mua sắm những đồ dùng sang trọng tốn kém nữa. Họ sẽ cùng lớp tuổi vị thành niên (teenagers) ngày nay, trở nên lớp người đông đảo muốn tiêu thụ ít để bảo vệ sinh môi toàn thế giới. Hiện nay người ta cũng đã thay đổi khá nhiều ngay trong lãnh vực kiến trúc. Họ sửa sang nhà cũ thay vì xây nhà mới, họ trồng các loại cỏ dại có hoa trong một diện tích nhỏ thay vì trồng cả một thảm cỏ xanh mượt, vừa tốn nước tưới vừa phải cắt cỏ luôn luôn. Kiến trúc sư Travis Price Tại Takoma Park, Md, cho biết như vậy. Thân chủ của ông có khi còn tự chế lấy cả những loại nước trừ sâu bọ cổ truyền (do bà cố bà sơ dạy lại, như nước tỏi hoà với dấm và hành...) thay vì dùng thuốc bán ngoài chợ.

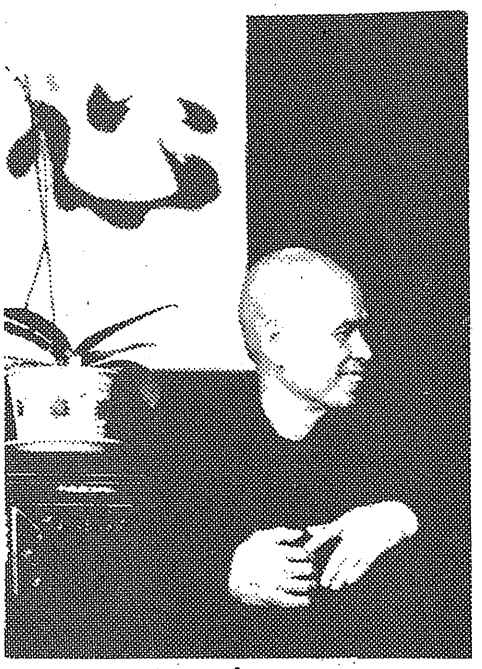

Thiền sư Nhất Hạnh. (*Ảnh Lê Phúc*)

Nhà kinh tế tốt nghiệp tại đại học Harvard, Juliet B. Schhor, cho biết trào lưu Sống Giản Dị đang lan tràn nhanh. Lớp người này đã tổ chức như một cộng đồng, có trung tâm sinh hoạt tại vùng Tây Bắc Hoa Kỳ, phía bờ biển Thái Bình Dương. Những người chọn lối sống làm việc ít, tiêu thụ ít là những người muốn có thì giờ với con cái trong gia đình, hoặc những người muốn sống cuộc đời thăng bằng, lành mạnh và ít bị áp lực (stress) hơn. Số người này có thì giờ để ý tới vấn đề Tinh Thần nhiều hơn, nên họ cũng là một thành phần quan trọng trong các khoá hội học, thiền tập...

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh ngày 23 tháng Chín 1995 vừa qua, đã hướng dẫn một khoá tu năm ngày cho 500 thiền sinh (tại Saratoga, California) và một ngày Sống Tỉnh Thức cho hơn 2,000 thiền sinh Mỹ tại Spirit Roch center (vùng Berkeley, California). Thiền Sư cũng đã thuyết giảng về cách sống tỉnh thức, An Lạc và thảnh thơi (tối ngày 26/9/95) cho một cử toạ 4,000 người Mỹ, đa số trẻ tuổi tại Berkeley Community Theater. Tại miền Đông Bắc Hoa Kỳ, vào tháng 10/95, Thiền sư Nhất HẠnh cũng giảng dạy tại Omega Center (New York) cho 800 thiền sinh.

Sống thiếu tỉnh thức, bị đám đông lôi cuốn vào cái vòng "kiếm tiền và tiêu tiền" là đặc tính chung của đa số dân Mỹ trong mấy thập niên vừa qua. Ngày nay, họ đang bắt đầu nhận diện lại vấn đề. Trong một lá thư luân lưu của cộng đồng Sống Giản Dị, bà Cecile Andrews viết " Nhiều người khám phá ra là họ không hề thích mua sắm hay tiêu thụ quá nhiều, họ giống như bị thôi miên, bị mấy con quỷ lôi kéo vào vòng luẩn quẩn. Họ giống như các em bé sa vào hàng kẹo, ăn hết thứ này tới thứ khác cho tới khi chán ngấy, có khi ăn tới lúc đau bụng luôn. Nhưng chỉ sau khi nghỉ ngơi một chút, các em lại đi tìm kẹo khác!" Bao nhiêu bộ óc siêu việt làm công cho các hãng quảng cáo đã tìm cách khuyến dụ chúng ta mua sắm thêm, thêm nữa. Các hạt giống Tham Dục trong con người khiến cho ta bị sa vào cái vòng "kiếm tiền, tiêu tiền" một cách rất tự nhiên, dễ dàng. Bà Andrews cắt giảm chi tiêu để có thì giờ đi dạo với chồng con, hay ngồi uống một ly cà phê trong tiệm nhỏ góc phố. Bà cho là mình có tự do hơn trước nhiều.

Tiến sĩ Schor cho biết "đa số những người chọn mức sống thấp hơn không phải chỉ vì muốn từ bỏ thói quen tiêu thụ. Họ tiêu pha ít đi vì muốn đi tìm những giá trị khác, coi có thứ gì đáng cho họ chú tâm vào hơn là việc dùng hết năng lực để kiếm tiền hay chăng." Họ khao khát những giá trị mới khác hơn là vật chất.

Từ thời xa xưa, Bụt, Chúa, các triết gia đã thực chứng và cổ võ cho lối sống giản dị. Henry David Thoreau (1854) đã viết "Đời sống ta sẽ bị lãng phí vào những chuyện nhỏ nhặt. Hãy sống giản dị..." Leon Tolstoy trong cuốn Chiến Tranh và Hoà Bình (1865): "Không thể có sự cao cả tại

nơi nào không có sự giản dị, chân thật và tử tế." Các vĩ nhân Benjamin Franklin và M. Gandhi đều là những tấm gương sáng chói của đời sống rất ít nhu cầu.

Người ta thường kể cho nhau nghe câu chuyện về một nhà triệu phú người Hoa Kỳ đi nghỉ hè tại một khu rừng núi vùng Nam Mỹ. Ông John Smith hàng ngày mang cần đi câu cá trong hồ nước giữa rừng, nước trong veo và chưa bị ô nhiễm. Ông mang cá lên bờ hồ nướng ăn, sung sướng với lối sống nhàn tản đó. Một bữa gặp người thổ dân cũng tới đó câu cá, ông Smith bắt chuyện làm quen, may thay người này bập bẹ nói được tiếng Anh chút ít. Sau vài lần cùng câu, cùng ngồi nướng cá, ông Smith bắt đầu hỏi về đời sống, gia đình và nghề nghiệp của anh chàng Bun (tên người thổ dân đó). Và ông Smith bắt đầu "cố vấn" cho anh Bun "Anh nên đi tìm mua một cái lưới để mà bắt cá thì sẽ lưới được nhiều hơn là câu từng con một như vầy... Dư cá ăn, anh có thể đem bán, rồi để dành tiền mua một cái thuyền nhỏ, chèo ra giữa hồ kia mà lưới, chắc phải có nhiều cá hơn nữa... Dần dà, anh có thể mua một cái tầu lớn ra khơi, và anh sẽ có tiền mua đủ thứ trên đời, sống cuộc đời giàu sang đầy đủ, muốn đi đâu cũng được cả..." Anh Bun chậm rãi mỉm cười: "Rút cuộc rồi cũng giống như ông, trả bao nhiêu tiền để tới đây hưởng cái thú vui đi câu từng con cá nướng ăn phải không?"

Trong lịch sử Việt Nam có biết bao danh nhân đã chọn chữ Nhàn sau khi đã sống rất tích cực khi còn trẻ. Như cụ Nguyễn Công Trứ, nổi tiếng với triết lý sống "Tri túc tiện túc, tri nhàn tiện nhàn." Cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng được coi là một người rất thiền khi tả cảnh ẩn dật, sống nhàn nhã trong rừng:

Một mai một cuốc một cần câu
Thơ thẩn dù ai vui thú nào
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người tới chốn lao xao.

Trong cuộc nghiên cứu của Harwood Group of Bethesada, Maryland, 86% những người chọn lối sống giản dị, tự giảm số thu nhập cho biết họ rất sung sướng. Hiện nay có khá nhiều sách vở khuyên chúng ta giảm thiểu nhu cầu để bớt chi tiêu. Những bước đầu tiên là:

- Chỉ mua những gì mình thật cần thiết và dùng cho tới khi phải thay thế nó. Dừng coi shopping như một cái thú giải trí vì thói quen mua sắm đó có thể trở thành một thứ bệnh hoạn (bệnh chiếm hữu)

- Bỏ bớt những dụng cụ không cần thiết trong nhà. Dọn về ở một chỗ nhỏ hơn.

- Trả hết nợ credit card, chỉ dùng một cái thôi.

- Bỏ những quà tặng trong các dịp lễ tết nếu chỉ vì bị bó buộc. - Giữ sổ chi tiêu và coi mình dùng tiền vào những mục gì. Có phải đa số tiền kiếm được chỉ dùng vào việc mua sắm quần áo đi làm, mua xe, bảo hiểm, ăn tiệm (mắc và độc!) khi đi làm, nghỉ hè cho lại sức vì làm việc sở quá mệt....?

Quí vị có muốn thử chăng?■

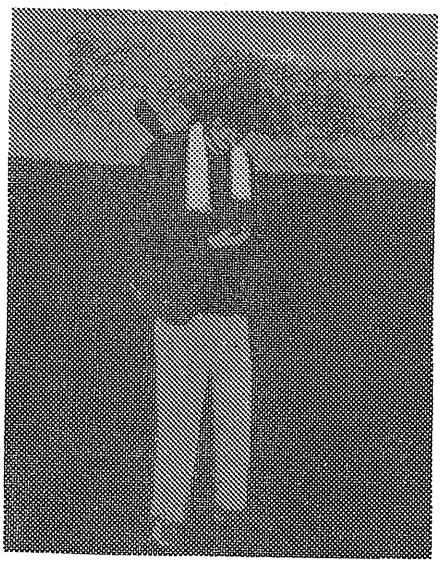

VAALA
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

DỰ ÁN
THÁI TUẤN 1996

Triển lãm tranh, họp mặt văn nghệ,
và phát hành album tranh Thái Tuấn

Washington DC - Paris - Los Angeles - Montréal

Liên lạc: VAALA (714) 537-8352

PHONG TRÀO DÙNG TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ BỎ TÚI

NGUYỄN ĐỨC QUANG

Liệu chiếc máy mới nhất VEC-888 có đáp ứng nổi nhu cầu học sinh ngữ rầm rộ hiện nay?

Càng ngày, những chiếc máy điện tử bỏ túi càng đóng góp vào nhiều mặt của đời sống. Những máy này nằm ngang dọc tại các tiệm computer như Circuit City, Federated, Fry's, Best Buy hay các tiệm máy Audio Video như Radio Shack, Hollytron và cùng khắp các tiệm sách báo Mỹ, các của hàng đại bách hoá Montgomery Ward, Robinson, May, Sears... Nó là dấu hiệu của một đời sống trong thời đại tân kỹ hiện nay. Và nền khoa học tân kỹ này không chối bỏ người Việt Nam dù ở bất cứ nơi nào, ngược lại người Việt Nam ở bất cứ đâu cũng không bỏ lỡ cơ hội nắm bắt ngay những phương tiện hữu hiệu ấy.

Hàng ngày, mỗi người chúng ta đều dùng tới ít nhất là một dụng cụ kỹ thuật để giải quyết công việc gì đó. Nơi này là chiếc máy thu thanh với hệ thống stereo suround sound, nơi kia là màn ảnh truyền hình với âm thanh nổi và có hình khung PIP để tha hồ chọn lựa. Ngay cả các trẻ em đang đi học, những chiếc máy điện toán (còn gọi là vi tính) cũng thân thiết hơn cả những người thầy, người bạn. Còn tại các cơ sở làm việc, không nơi nào thiếu những máy móc, kỹ thuật mỗi ngày một đổi thay, nhanh đến độ tưởng chừng phải chóng mặt hay hoa cả mắt.

Tất cả chỉ là giúp cho đời sống con người bước vào thời kỳ của tốc độ, một chỉ dấu đặc biệt của thời đại, khen hay chê, thích hay không là chuyện khác. Chỉ có điều hiện nay nó không từ bỏ con người và con người cũng hiểu rằng mình không thoát nổi sự bủa vây của nó.

Và vì vậy mà con người, nhất là người Việt Nam ở bất cứ nơi nào cũng nghiệm ra được rằng mình cần phải học. Học bằng cách này hay cách khác và học làm sao nhanh nhất trên tiến trình thu lượm trí tuệ, kỹ năng để biến cải khả năng hành động, thúc đẩy năng suất cá nhân. Cho đến nay, khắp mọi nơi đang diễn ra cuộc tranh đua học tập lạ lùng đó mà không một ai bảo ai, không cần nhắc nhở nhau, người Việt Nam ào lên một cơn lốc học hỏi từ trẻ tới già. Cùng một lúc với các phát triển cao thuật của phong trào tân kỹ, thế giới lại mở hẳn ra theo chiều rộng. Người Việt giờ đây sống ở bốn phương trời, nối một đường dây ngôn ngữ với nhau đã là một chuyện lớn mà nối với các chủng tộc khác trong một đời sống chung lại là chuyện nặng nề kinh khủng mà không thể nào tránh khỏi. Từ đó đặt ra vấn đề học hỏi về ngôn ngữ và cũng từ đó đặt ra những góc cạnh tế vi khác như sẽ lựa chọn ngôn ngữ nào, tiếng nói nào và phương tiện gì.

Không có câu trả lời nào hay hơn là phải tiến thật nhanh trên một ngôn ngữ mà mình đang sống, và chung quanh chấp nhận là phương tiện thực sự để làm đầu cầu trao đổi.

Thế Kỷ VEC-888 với năm bộ từ điển

Công trình tìm kiếm và ứng dụng kỹ thuật tân kỳ hiện nay để thực hiện tới năm bộ từ điển trong một máy điện tử là điều không quá khó khăn. Nhưng ép lại cực nhỏ để cầm trên tay như một cái máy tính hiện nay thì thật là một công trình. Một công trình vĩ đại và một sự tốn kém khủng khiếp. Nó khác xa với những cố gắng nhỏ bé chỉ nhằm ráp nhiều ngôn ngữ với phần đàm thoại không thôi.

1: Anh-Anh Từ Điển

Bộ từ điển Anh-Anh *American Heritage Dictionary* ấn bản lần thứ 3 in năm 1994 đã cho tác quyền để đưa vào Thế Kỷ VEC-888. Ai cũng muốn có cuốn *Franklin* nhưng tiếc thay tác quyền cuốn *Franklin* quá mắc mỏ, tới $600,000, không công ty nào tranh mua nổi, Golden Mate đành chọn bộ *Heritage*.

Bộ từ điển Anh-Anh này trở thành một cuốn gốc, làm căn bản cho kho trữ liệu từ để dịch ra tiếng Việt và tiếng Hoa. Và cũng qua cuốn gốc này, một hệ thống luân chuyển tra cứu được thiết định giúp cho mọi người có thể tra luôn một lần ba ngôn ngữ dễ dàng. Cách tra luân chuyển này gọi là tra cứu tuần hoàn rất là tinh vi và hữu ích. Nó cho ta hiểu rằng ba ngôn ngữ của máy thông thương với nhau.

2: Anh-Việt Từ Điển

Phần này được lấy từ bộ Thế Kỷ 555 qua nhưng đã được bổ túc và hiệu đính. Tất cả các câu chữ đều được trình bày lại, đầy đủ và chính xác với gần 80,000 từ. Con số này là lớn trong các từ điển Anh-Việt của người Việt Nam.

3: Việt-Anh Từ Điển

Việt-Anh vẫn là một chỗ yếu của ngành từ điển Việt Nam. Cái lý do chính là thiếu việc biên soạn của hệ thống ngữ học trong mấy chục năm qua. Tiếng Việt bị nghèo đi trước sự tiến bộ của các ngôn ngữ khác. Thiếu từ chuyên môn, thiếu vắng các từ mới, đó là câu chuyện đáng buồn đang còn kéo dài. Những nhà nghiên cứu cho biết rằng, có thể trong một tương lai gần, tiếng Việt mới sẽ đành phải nhập từ tiếng ngoại quốc thẳng vào và viết với âm tiếng Việt.

Khi tiếp xúc với những chuyên viên điện toán trẻ hiện nay, phần nhiều đều ưu tư về tình trạng thiếu từ của tiếng Việt, nhất là thiếu từ để dùng trong thời kỳ tân kỹ hiện nay. Các từ điển Anh-Việt của chúng ta không có cuốn nào vượt quá 55,000 từ. Thế Kỷ đem vào được có 47,000 là vượt mức và đang còn phải nghiên cứu cách đưa những từ loại khác, các từ chuyên môn và những ngành nghề thực dụng chưa từng có tại Việt Nam mà lại rất thực tiễn tại ngoại quốc.

4: Anh-Hoa Từ Điển

Đây là một cuốn từ điển mới nhằm đáp ứng nhu cầu của một số người đã có căn bản tiếng Hoa hay tiếng Hán muốn đi vào thế giới ngôn ngữ của một chủng tộc rất gần và rất mật thiết với đời sống của người Việt Nam. Với trên 82,000 từ Anh-Hoa, hệ thống ký tự của bộ này đã được thiết định từ tám năm qua và không ngừng điều chỉnh của công ty Golden Mate ở Đài Loan. Cái phần đáng tiếc là ở chỗ chưa có được căn bản Hoa-Việt, chắc phải ít lâu nữa, nhưng phần Hoa-Anh cũng có một chút giá trị. Nhất là cho những nhà nghiên cứu, cho giới sinh viên và nhất là số lượng người Hoa dùng tiếng Việt. Với phần Anh-Hoa, căn bản cho việc chuyển ngữ đã có giá trị đối chiếu thật đáng kể.

5: Hoa-Anh Từ Điển

Cũng vậy, Hoa-Anh từ điển với 79,000 từ là để dùng học thêm. Phần đàm thoại mà người Việt thường cần thiết nhất, hay nghe nhất và muốn biết nhất đều có trong hai bộ từ điển tiếng Hoa này. Và tất cả đều phát âm theo giọng Quảng Đông hay giọng Bắc Kinh tùy theo ý muốn.

Nói tóm lại, năm cuốn tự điển trong một máy điện tử là một chuyện lớn mà xưa nay chưa có máy từ điển nào làm được việc phối hợp phức tạp như vậy. Phải chờ cho đến khi từ điển Thế Kỷ VEC-888 ra đời.

60 công dụng, có nhiều quá chăng?

Về mặt công dụng, Thế Kỷ VEC-888 có một tầm hoạt động thật rộng rãi. Nó làm được tất cả các công dụng của ba máy khác hợp lại. Đó là hình ảnh VEC-888 được đem quảng cáo và điều đó cũng rất đúng với sự thực: một máy từ điển Anh-Anh *Heritage Concise Dictionary* cộng với chiếc máy Hoa-Anh, Anh-Hoa 9001 EC cộng với từ điển Thế Kỷ EV-555. Do đó, 47 công dụng của máy Thế Kỷ trước đã được nâng lên, nhiều công dụng mới xuất hiện, sức chứa tăng, tốc độ nhanh, làm người sử dụng thấy thoải mái hẳn ra khi bấm máy.

Trong vai trò làm một Văn Phòng Riêng có các Sổ Điện Thoại, Sổ Hẹn hay Sổ Ghi Nhớ, Thế Kỷ VEC-888 cho thấy ngay một danh mục những điều đã ghi vào và người dùng lược tìm ngay: à, cái mà tôi đang đi tìm đây rồi, ngày ấy giờ ấy ta có một cái hẹn với ông bà X, Y, Z...

Ngoài ra tất cả những ưu điểm của các công dụng bình thường vẫn được lưu giữ lại. Chẳng hạn việc Luyện Thi Nhập Tịch, phần Đàm Thoại hay phần Vạn Dụng từ điển, không có gì thay đổi.

Kết luận

Gần hai năm nay, máy từ điển điện tử như một dòng thác cuồn cuộn trôi vào giữa cộng đồng người Việt ở khắp nơi. Trước sau, trong thời ngắn ngủi đó đã có khoảng sáu máy ra đời, hãng Golden Mate mới thực hiện có hai. Những máy khác thì còn khá nhiều vấn đề, nhất là về nội dung và về khả năng của máy đến nỗi có máy vừa ra đã phải đem cất. Người ta đồn nhau có máy chỉ có 50 đô, có máy này đắt, có máy kia rẻ. Nhưng tất cả đã được chứng minh rõ rệt: tiền nào của đó, và là người mua, nên tìm hiểu và cân nhắc cho thuận hợp với ý mình và khả năng của mình.

Trên con đường thực hiện các máy tốt và giá trị, Golden Mate với các máy Thế Kỷ 555 cũng như VEC-888 có niềm vui riêng là luôn cố gắng làm cho tốt và đẹp. Khi thảo luận với nhau lần đầu, mọi người đã đồng ý đưa nó lên làm tiêu chí của Golden Mate "Mỗi Sản Phẩm Là Một Sự Hoàn Hảo". GS Lê Chính Long cùng các bạn hữu chuyên viên ngôn ngữ của ông, ông Patrick Chien, cùng cô Mỹ Chi, ông Tony ở công ty Golden Mate đã họp nhau lại trong một tinh thần khai phá mới nhằm cung cấp một học cụ thích hợp với tất cả mọi người, mọi lứa tuổi ở khắp mọi nơi, bất cứ nơi nào có người Việt. Chính trong tinh thần cầu tiến và cảm thông đó, người viết bài được mời góp một chút công sức để tư vấn về các vấn đề điều hợp doanh nghiệp và tiếp thị, cũng có niềm vui được ở trong một công việc nằm ngay giữa dòng thác học hỏi thật sinh động của người Việt hiện nay.

Từ khắp các chân trời, nói lên được một luồng ngôn ngữ đồng điệu với nhau đã là quý. Nhưng không gì quý hơn là nói được với tất cả những người chung quanh không nói tiếng mẹ đẻ với mình.■

El Monte, California

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

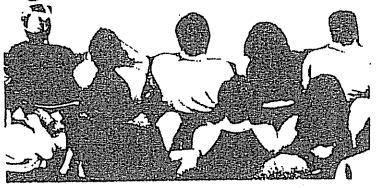

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã đến đất tự do

Nguyễn Chí Thiện, một nhà thơ đã dùng ngòi bút của mình đấu tranh cho tự do dân chủ ngay trong lòng chế độ cộng sản và đã bị tù đày nhiều năm, vừa đến Hoa Kỳ ngày 1 tháng Mười Một 1995, do kết quả đấu tranh của các tổ chức Nhân quyền quốc tế.

Năm 1956, ở tuổi thanh niên, Nguyễn Chí Thiện đã tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, đến năm 1958 ông đã bị bắt tù khổ sai hai năm. Một năm sau khi mãn hạn tù ông lại bị bắt nhốt ba năm. Ra tù được một năm ông lại bị bắt, lần này lãnh án 13 năm, được thả năm 1978. Năm 1979 ông đã vào tòa đại sứ Anh Quốc ở Hà Nội để trao tập thơ gồm 400 bài sáng tác trong tù, mang tên Hoa Địa Ngục. Ông lại bị bắt, và lần này thêm 12 năm khổ sai nữa, được phóng thích năm 1991. Tổng cộng ông đã ở tù cộng sản 27 năm.

Thơ Nguyễn Chí Thiện bị tuyệt đối cấm lưu hành trong nước vì thơ ông phê bình rõ ràng tội ác của đảng cộng sản và những người trong hàng ngũ lãnh đạo đảng từ Hồ Chí Minh trở xuống. Tập thơ Hoa Địa Ngục được phổ biến rộng rãi ở hải ngoại và được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Sau khi đến Mỹ được một tuần, ông Nguyễn Chí Thiện đã được mời điều trần trước Quốc Hội Mỹ về nhân quyền vào ngày 8 tháng Mười Một 1995 cùng với ba người Việt Nam khác là bà Đoàn Viết Hoạt (nhũ danh Trần Thị Thức), ông Võ Văn Ái và ông Trần Tử Thanh (con trai cố luật sư Trần Văn Tuyên).

Một nhạc sĩ người Áo phổ nhạc 14 bài thơ của Nguyễn Chí Thiện

Mười bốn bài thơ của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện vừa được một nhạc sĩ nổi danh người Áo, tiến sĩ Guenter Mattitsch, phổ nhạc và được trình tấu tại Nhạc viện của thành phố Klagenfurt nước Áo đêm 20 tháng Mười 1995. Các bài thơ được phổ nhạc theo bản dịch Đức ngữ của tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi xuất bản trong tập *Echo aus dem Abgrund* (Tiếng Vọng Từ Đáy Vực) xuất bản tại Đức năm 1988 và tái bản năm 1993. Trong thư mời ông bà Bùi Hạnh Nghi tham dự buổi trình diễn nói trên, nhạc sĩ Mattistch cho biết trong thời gian phổ nhạc ông đã cảm thấy rất gần gũi nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, và mối tương giao mật thiết này đã gợi hứng cho ông rất nhiều.

Buổi trình diễn này được thu vào CD để phát hành vào cuối tháng Mười Một 1995. Có thể hỏi thêm chi tiết về CD này nơi: *Dr Cuenter Mattistch, Dr. Alfred Leopoldgasse 9 A-9020, Klagenfurt, Austria.*

Một nhà văn Pháp lai Việt đoạt giải nhất của Hội Nhà Văn Pháp Ngữ

Một nhà văn người Pháp tên là Pierre Brocheux vừa đoạt Giải Nhất Văn Chương Á Châu 1995 của Hội Nhà Văn Pháp Ngữ, với cuốn sách nhan đề *Indochine, une Colonisation Ambigue (1858-1954)* do nhà xuất bản *La Découverte*, Paris ấn hành.

Sách này phác họa một cách vô tư và chính xác 96 năm Pháp đô hộ Đông Dương với một chính sách không lấy gì là rõ ràng, gây nhiều hiểu lầm và oán hận cho các dân tộc ở Đông Dương. Tuy đã có những cố gắng cải cách nhưng những cải cách này rụt rè và chậm chạp, không theo kịp đà tiến của thế giới, khiến cho những cuộc chiến tranh cách mạng bùng nổ dữ dội, bất lợi cho cả đôi bên.

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện

Nhà văn Pierre Brocheux là giáo sư thực thụ Đại Học Đường Paris, rất thông thái về các ngành chính trị học, xã hội học và nhân chủng học Á Đông. Ông năm nay khoảng 60 tuổi, rất thông thạo tiếng Việt, đặc biệt là "rất có hiếu với mẹ" là người Việt Nam.

Ban Tuyển Chọn Giải Văn Chương Á Châu 1995 *(Prix de l'Asie 1995)* thuộc Hội Nhà Văn Pháp Ngữ *(Association des Écrivains de Langue Francaise AEDLF)* đã đọc mười cuốn sách viết về Á Đông xuất bản trong năm 1995, và kết quả là cuốn sách nói trên của Pierre Brocheux được chọn Giải Nhất.

Nghệ sĩ Vũ Huyến qua đời

Nghệ sĩ Vũ Huyến — một kịch sĩ, một nhạc sĩ — đã qua đời ngày 3 tháng Mười Một 1995 tại Los Angeles, California, thọ 61 tuổi. Từ bốn năm qua, vì một căn bệnh nặng ở phổi, nghệ sĩ Vũ Huyến đã ngưng xuất hiện trước công chúng.

Để lưu lại một cái gì cho đời, tháng Tám vừa qua ông đã cho ra mắt cuốn băng "Cô Hàng Nước," cũng là tên một bài hát nổi tiếng do ông sáng tác từ những năm của thập niên 50.

Giải Goncourt 1996 trao cho nhà văn Andrei Makine

Nhà văn gốc Nga, Andrei Makine, 37 tuổi, hôm 13 tháng Mười Một 95 đã được trao tặng một trong những giải thưởng văn chương cao quý nhất của Pháp, là giải Goncourt, qua cuốn tiểu thuyết mang dạng hồi ký "Le Testament Francais" (Chúc Thư Pháp).

Makine đã đến cư ngụ tại Pháp từ tám năm qua. Đây là giải văn chương kép của nhà văn Andrei Makine, sau khi cũng chính cuốn "Chúc Thư Pháp" này được tặng giải văn học Medicis. Nhà văn Francois Nourrissier, khi loan báo kết quả giải Goncourt năm nay trên đài truyền hình Pháp, cho biết ban giám khảo đã chọn ngay tác phẩm của Andrei Makine trong vòng bỏ phiếu đầu tiên.

Giải thưởng Goncourt, dành để trao cho các tiểu thuyết bằng Pháp ngữ, có số tiền thưởng chỉ 50 quan tiền Pháp (tương đương 10 đô la Mỹ), nhưng nhờ giải thưởng mà tác phẩm có thể bán đến cả nửa triệu bản, và thành một món quà quý để tặng nhau mùa Noel, tại Pháp.

Oklahoma có Chi Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

Thứ Bảy 11 tháng Mười Một vừa qua, tại Oklahoma City thuộc miền trung nước Mỹ, một nhóm văn nghệ sĩ trong vùng đã họp mặt và chính thức thành lập một Chi Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ.

Hiện diện trong buổi họp khoảng 30 người, có ông Lê Đình Điểu, đại diện Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ từ California, nhà báo Lê Hồng Long, nhà thơ Vũ Băng Đình từ Wichita, về dự. Buổi họp thành hình sau nhiều tháng vận động, nên nghị trình được thông qua nhanh chóng, với kết quả là một ban điều hành lâm thời cho Chi Hội đã được bầu ra với bà Ngô Thế Quý, các ông Nguyễn Văn Cường, Xuân Bích, Nguyễn Văn Lộc và Tạ Ân. Tất cả các tham dự viên hiện diện đều trở thành thành viên ban Cố vấn và Bảo trợ của Chi Hội.

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, thường được gọi tắt theo tên tiếng Mỹ là VAALA (Vietnamese American Arts and Letters Association) đã ra đời ở quận Cam từ năm 1991, và có quy chế của một hội bất vụ lợi, với mục đích tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ phô diễn tài năng trong các ngành nghệ thuật trình diễn, nghệ thuật tạo hình, văn chương và học thuật, để đáp ứng nhu cầu thưởng ngoạn nghệ thuật của quần chúng. Hội VAALA có hội viên ở nhiều nơi trên nước Mỹ, nhưng Oklahoma là nơi đầu tiên một Chi Hội được thành lập.

Nhà văn Duyên Anh ra mắt một số tác phẩm mới tại California

Duyên Anh, một nhà văn được quần chúng mến mộ nhưng đồng thời cũng gây ra nhiều sóng gió bằng ngòi bút cũng như bằng ngay đời sống cá nhân của mình, đã ra mắt bốn cuốn sách mới nhất của ông tại phòng sinh hoạt Người Việt, thành phố Westminster, Nam California, ngày 4 tháng Mười Một vừa qua.

Bốn cuốn sách được nhà xuất bản Vũ Trung Hiền giới thiệu trong buổi này là: Về Với Ca Dao, Vỡ Lòng Ca Dao, Ca Dao Quyện Lấy Miếng Ngon Dân Tộc, Những Đứa Trẻ Con Mỹ Hẩm Hiu. Tất cả các cuốn này được viết trong giai đoạn tác giả phần nào bình phục sau khi bị những người lạ mặt đánh trong chuyến đến California trong năm 1988, khiến gây chấn thương sọ não.

Hầu hết các diễn giả được mời lên phát biểu ý kiến, như Cao Thế Dung, Phạm Kim Vinh, Nguyễn Trọng Nho, Đinh Quang Anh Thái... đều nói lên những nhận định khâm phục văn tài của nhà văn Duyên Anh.

Bằng một giọng nói chân tình tuy có nhiều khó khăn trong phát âm, Duyên Anh ca ngợi "nỗi cô đơn" của nhà văn. Tâm sự về tai nạn xảy cho mình năm 1988, ông cho biết phải bắt đầu tập viết lại bằng tay trái, lúc đầu tư tưởng đi quá nhanh so với ngòi bút, nhưng dần dần ông có thể tập trung được suy nghĩ. Ông tự nhận xét rằng văn phong của ông bây giờ khác hẳn trước, và tin rằng "đơn giản như quốc văn giáo khoa thư."

Triển lãm tranh lụa tại Quận Cam

Một cuộc triển lãm tranh lụa, do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) tổ chức đã được khai mạc lúc 11 giờ sáng ngày 18 tháng Mười Một 1995 tại phòng Sinh Hoạt báo Người Việt, thị xã Westminster, Nam California.

Tại cuộc triển lãm này, tranh của 12 họa sĩ đã được trưng bày, trong đó có Lam Thủy, Bé Ký, Nguyễn Thị Hợp đang sống tại Quận Cam. Một số tranh được gửi từ trong nước ra, của các tác giả Tú Duyên, Tố Oanh, Tôn Thất Văn...

Nằm trong khuôn khổ sinh hoạt thường lệ của Hội VAALA, cuộc triển lãm tranh lụa nhằm giới thiệu với đồng hương và khách "ngoại quốc" những nét đẹp đầy hồn tính Việt Nam. Lụa vốn là một chất liệu mềm mại, mong manh. Mực và màu dùng cho tranh lụa cũng thường mờ nhạt, lãng đãng, kết hợp với những đường nét đôi khi mơ hồ, đôi khi tỉ mỉ, tạo cho người xem những cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát. Trong nội thất nếu được treo ở một chỗ riêng biệt, thích đáng, tranh lụa sẽ đem lại một không khí thanh tao, tĩnh lặng, một dáng vẻ Á Đông đơn sơ nhưng đầy sức quyến rũ.

Tác phẩm Như Ảo Như Thực ra mắt ở Quận Cam

Lúc 2 giờ 30 chiều ngày 18 tháng Mười Một 1995 cuốn tiểu thuyết **Như Ảo Như Thực** của Thái Chinh Lưu Kim Loan đã được tác giả ra mắt tại phòng Sinh Hoạt của báo Người Việt, Quận Cam, California.

Tác giả Thái Chinh Lưu Kim Loan hiện sống cùng gia đình tại Texas. Trước 1975 bà tốt nghiệp đại học Vạn Hạnh và làm giáo sư trung học ở Việt Nam. Bà qua Mỹ từ năm 1975, và thú tiêu khiển ngoài giờ làm việc của bà là viết văn.

Tác giả Thái Chinh Lưu Kim Loan

Trước một cử tọa độ 70 người, bà Thái Chinh đã nói một số nhận định về dân tộc Việt Nam và vận mệnh của nó. Các diễn giả tiếp theo đã đóng góp những ý kiến đặc sắc và khác biệt về tác phẩm của bà.

Nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, dựa trên các kiến thức khoa học, đã luận về cái ranh giới mong manh giữa ảo và thực. Nhà giáo Lưu Trung Khảo dựa vào tinh thần Thiền học, cho rằng muốn đi vào tác phẩm Như Ảo Như Thực để tiếp cận với những vấn nạn hết sức nghiêm trọng, cần phải trút bỏ các kiến thức thực nghiệm. Nhà văn "trẻ" Hoàng Khởi Phong nói đây là một cuốn sách thâu tóm quá nhiều vấn đề, mà toàn là những vấn đề lớn, và cho rằng tác giả của nó là một nhà văn nữ đặc biệt, không giống với bất cứ nhà văn nữ Việt Nam nào trước đây và hiện nay. Bác sĩ Trần Ngọc Ninh nói rằng mình đã gặp một thích thú bất ngờ khi đọc Như Ảo Như Thực, khen quyển truyện đã thực sự gây cho mình một cảm giác "sợ," và được cấu tạo rất quân bình, đối xứng. Sau cùng nhạc sĩ Phạm Duy, cũng trong tinh thần ảo và thực, đã đọc lời bài ca Thiên Đàng Địa Ngục của ông làm cách đây hai năm để tặng tác giả.

Đây là một buổi ra mắt sách mang một không khí thâm trầm và trí tuệ hiếm có, rất thích hợp với luận đề *thực, ảo* mà tác giả đưa ra.

Ra mắt Nụ Non Trên Nhành Khô của Trần Quán Niệm

Philadelphia: Tại thành phố này, nơi sinh sống của nhà văn Trần Quán Niệm cũng là nơi ra đời và sinh hoạt của nhóm Duyên Văn mà ông là một thành viên, buổi ra mắt cuốn truyện ngắn Nụ Non Trên Nhành Khô của ông đã được tổ chức vào chiều ngày 12 tháng Mười Một 1995 tại nhà hàng Việt Nam Palace.

Giới thiệu tác giả với một cử tọa khoảng trên 100 người, nhà văn bác sĩ Lê Văn Lân đã trình bày ngắn gọn và đầy đủ về tác giả Trần Quán Niệm, nhất là chiết tự bút danh *Niệm* cho thấy trong đó có chữ *Tâm* là tên khai sinh tác giả, một việc làm có ý nghĩa trình bày hướng viết lách của ông. Nhà văn Hà Kỳ Lam và nhà thơ Võ Đình Tuyết đảm trách phần giới thiệu tác phẩm, cho mọi người một cái nhìn khái quát cuốn sách mà mình sẽ đọc. Rất nhiều nghệ sĩ và thân hữu đã góp ý kiến và phần văn nghệ, giúp buổi ra mắt sách thành một buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật hào hứng, vui tươi.

Quận Cam: Đúng một tuần sau, nhà văn Trần Quán Niệm đã có mặt tại Quận Cam để tham dự buổi ra mắt cuốn sách này, do Hội Cửu Long, Cựu Hải Quân QLVNCH cùng nhóm thân hữu Tạp Chí *Thế Kỷ 21* bảo trợ tổ chức, chiều ngày 19 tháng Mười Một 1995. (Nhà văn Trần Quán Niệm vốn là cựu sĩ quan Hải Quân QLVNCH và hiện nay vẫn cộng tác bài vở với tạp chí *Thế Kỷ 21*.)

Khoảng gần một trăm cựu quân nhân Hải Quân và thân hữu của tạp chí *Thế Kỷ 21* đã có mặt tại quán Tao Nhân thuộc thành phố Garden Grove để dự buổi ra mắt cuốn Nụ Non Trên Nhành Khô. Sau khi ông Trần Quốc Bảo giới thiệu tác giả, các người bạn cũ đã lên đồng ca một bài hát hải quân, giọng hùng tráng hào sảng làm sống lại cả một thời trai trẻ ngày xưa. Hai nhà văn Phạm Xuân Đài và Hà Thúc Sinh đã đảm trách phần giới thiệu tác phẩm. Ý kiến của nhà văn Hoàng Khởi Phong và các bạn đồng ngũ cũ của tác giả đã đem lại vẻ cảm động thân mật không những của một buổi ra mắt sách, mà còn của một dịp tái ngộ giữa những người bạn cũ.■

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH
PHẠM XUÂN ĐÀI

Nụ Non Trên Nhành Khô, tuyển tập truyện ngắn của **Trần Quán Niệm**, tác giả ấn hành 1995, bìa và minh họa của họa sĩ Phạm Cơ, tựa của Lê Văn Lân. Sách dày 200 trang, giá 12 mỹ kim. Liên lạc: 3 Coventry Circle East, Marlton, NJ 08053.

Tác giả là cựu sĩ quan Hải Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, sau 1975 tị nạn tại Hoa Kỳ, bắt đầu viết năm 1984. Đây là tuyển tập truyện ngắn đầu tiên của ông được xuất bản. Sách gồm 11 truyện, viết về những chuyện tại Việt Nam và tại Hoa Kỳ, trước và sau 1975. Chuyện trước 1975 đều liên quan đến đời sống quân ngũ, là quãng đời có lẽ hào hứng nhất của tác giả, trong đó có những chuyện vui vô cùng duyên dáng như *Nguyễn Thị Hậu Giang*, chuyện buồn gây ngậm ngùi như *Nước Mắt Mùa Xuân*, hoặc tình yêu mãnh liệt trong *Thời Điểm Luân Hồi*. Sau 1975, có hai truyện được viết với bối cảnh trong nước, về thảm cảnh của những người kẹt ở lại. Số truyện còn lại là đời sống tị nạn tại Mỹ, phản ảnh những mảnh đời nho nhỏ nhưng cũng có thể coi là những vấn đề điển hình của cuộc sống lưu vong.

"Văn tức là người." Đọc Trần Quán Niệm chúng ta gặp một người có cái tâm thiện và một cái nhìn ân cần với cuộc sống, dù là nhìn chuyện buồn hay chuyện vui. Tác giả đem những buồn vui ấy đến với ta như là những chia sẻ, giúp cho ta biết rung động theo cuộc sống và hoàn cảnh của đồng bào mình mà cũng là của chính mình, và chợt thấy mình bỗng trở nên phong phú hơn, và cũng ân cần hơn với cuộc đời. (PXĐ)

Truyện Thật Ngắn, Truyện Miền Nam tập ba, Thơ Miền Nam tập hai, Ký-Bút-Kịch Miền Nam tập hai, tập truyện và biên khảo của **Võ Phiến**, Văn Nghệ xuất bản. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Truyện Thật Ngắn là một tập... truyện thật ngắn của Võ Phiến, 179 trang, giá 8 mỹ kim, ngoài nước Mỹ 9 MK. Tập truyện này được in lần thứ nhất vào năm 1991, đây là lần tái bản đầu.

Truyện Miền Nam tập ba là tập biên khảo để tiếp tục giới thiệu các tác giả viết truyện ở Miền Nam trong giai đoạn 1954 - 1975 sau hai tập đã được xuất bản. Tập thứ ba này giới thiệu Bình Nguyên Lộc, Duy Thanh, Đỗ Tiến Đức, Linh Bảo, Nguyễn Thị Hoàng, Phan Văn Tạo, Võ Hồng.

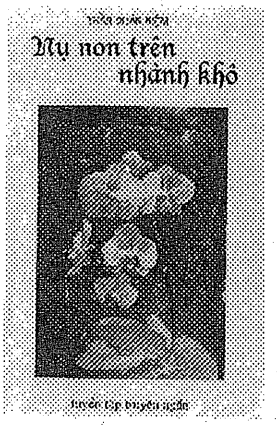

Thơ Miền Nam tập hai tiếp tục tập một, giới thiệu các nhà thơ ở Miền Nam thời kỳ 1954 - 1975, gồm: Đỗ Tấn, Đông Hồ, Lê Nguyên Ngữ, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đức Sơn, Nhã Ca, Nhất Tuấn, Quách Tấn, Thanh Nam, Trần Dạ Từ, Tường Linh, Võ Chân Cửu, Vũ Hoàng Chương, Vũ Hữu Định.

Ký, Bút, Kịch Miền Nam tập hai, cũng như hai tập trên, tiếp tục giới thiệu các nhà văn viết các thể loại ký, bút, kịch của Miền Nam từ 1954 đến 1975. Về ký, có các tác giả Đoàn Thêm, Phan Nhật Nam, Thế Uyên, Xuân Vũ; về kịch có Phan Tùng Mai, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương.

Trong ba tập biên khảo nói trên cách làm việc của người soạn là lần lượt giới thiệu từng tác giả một, mỗi người một chương riêng. Thoạt đầu là giới thiệu tác giả, tùy tính cách của từng tác giả mà lời giới thiệu mang một phong cách riêng. Phần sau là phần trích đăng tác phẩm.

Võ Phiến có nhiều nhận xét kỹ càng, sát đúng cho từng người, với lối văn giản dị, dí dỏm. Ông là người có mặt và hoạt động tích cực cho văn học của Miền Nam suốt thời kỳ 1954 - 1975 nên ông biết rất rõ hầu như từng tác giả, từng tác phẩm. Đọc ông, ta biết được nhiều điều về nền văn học ấy, những điều mà không phải ai sống ở Miền Nam trước đây cũng biết hết được, dù ít nhiều có đọc

sách báo. Ví dụ chuyện Đoàn Thêm và Nguyễn Hiến Lê từ chối giải thưởng văn học, chuyện Phan Tùng Mai viết một mạch từ đầu đêm đến năm giờ sáng thì xong vở kịch Người Giết Tần Cối,... và vô số các chi tiết thú vị khác. Các bài văn trích cũng là một kho tài liệu quý, như những nét bút đẹp và già dặn tạo nên bức bích họa khổng lồ nền văn học Miền Nam.

Từ cuốn Tổng Quan Văn Học Miền Nam 1954 - 1975 (Văn Nghệ xuất bản 1986 và 1988) cho đến các tập biên khảo về truyện, thơ, ký, bút, kịch này, Võ Phiến đã âm thầm, kiên nhẫn từng bước dựng lại bức tranh của 20 năm nền văn học ấy. Công việc của ông nhằm cho người Việt Nam và thế giới biết rằng tuy Miền Nam đã bị bại trong cuộc chiến, nhưng đời sống tự do của nó đã làm đơm hoa kết trái một nền văn học đa dạng, đầy sức sống, xứng đáng đóng vai trò nối tiếp dòng văn học Việt Nam từ năm 1954 trở về 20 năm sau, trong hoàn cảnh đất nước bị chia hai. (PXĐ)

Vết Xước Đầu Đời, tập truyện của **Trần Doãn Nho**, Thanh Văn xuất bản, dày 254 trang, giá 12 mỹ kim. Liên lạc: Thanh Văn, P.O. Box 411723, Los Angeles, CA 90041.

Trần Doãn Nho trước năm 1975 làm nghề dạy học, từng có bài trên các báo *Bách Khoa, Văn, Vấn Đề, Khởi Hành, Đối Diện*... Sau năm 1975 đi cải tạo sáu năm. Năm 1993 ông được định cư tại Mỹ, viết cho *Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21*... Hiện ông và gia đình sống ở tiểu bang Massachussetts.

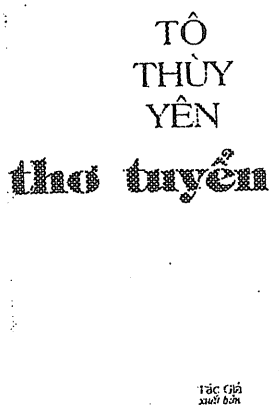

Mặc dù cầm bút đã lâu, có thể nói Vết Xước Đầu Đời là tác phẩm đầu tay của Trần Doãn Nho. Định cư ở Mỹ chưa đầy hai năm, Trần Doãn Nho đã ghi nhận được một số mẫu đời tiêu biểu, "phần nhiều là số phận của những người trẻ tuổi đang ngẩn ngơ băn khoăn không biết mình thuộc về đâu." *(Tựa, Nguyễn Mộng Giác)*.

Trần Doãn Nho viết cẩn thận, nhưng đôi lúc có hơi dễ dãi. Tuy vậy, ông là một ngòi bút biết tự chế, không cường điệu. Ông không viết về những con người vĩ đại mà về những con người có một đời thường, mà chúng ta dường như đã gặp đâu đây trong cuộc sống. (NNA)

Du lịch California của **Ngô Thanh Tùng**, sách khổ lớn, nhà Văn Nghệ phát hành. (Liên lạc Văn Nghệ).

Đây là một công trình biên soạn rất công phu, một tác phẩm độc đáo, phối hợp văn chương, biên khảo và nhiếp ảnh.

Được nhà văn Võ Phiến tặng danh hiệu "người tình của Cali," Ngô Thanh Tùng quả thật xứng đáng với mỹ từ ưu ái này. Hai mươi năm ở California, anh đã vác máy ảnh lặn lội đi cùng khắp tiểu bang để săn, tìm, chụp các phong cảnh đẹp nhất, lạ nhất, tình nhất. Từ các thành phố nổi tiếng như Los Angeles, San Francisco, tới các thị trấn nhỏ bé, xinh đẹp bên bờ biển hay trên sườn núi như Carmel, Big Pine, từ các khu rừng thông xanh rì, các rừng tùng bách cổ thụ ngàn năm, thân cây mấy chục người ôm không giáp vòng, ngọn cây cao ngẩng cổ nhìn mãi không thấy ngọn, tới các bãi biển cát vàng ngập nắng, các xóm chài hẻo lánh, nên thơ, hồ nước xanh như ngọc, con suối róc rách, ngọn núi tuyết phủ hùng vĩ, thác nước trắng xóa ngoạn mục, đồi cát với những đường nét góc cạnh lạ kỳ, làm mê dân nhiếp ảnh..., tất cả được Ngô Thanh Tùng gói ghém, mô tả trong tác phẩm một cách lôi cuốn, tài tình.

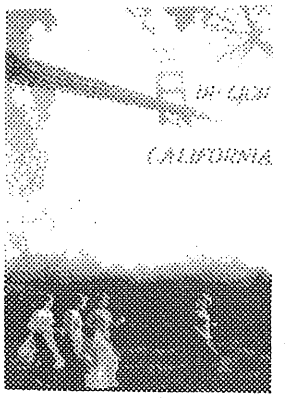

Điểm đặc biệt nhất của cuốn sách là ngoài bài vở còn có gần 80 tấm ảnh nghệ thuật in rất đẹp kèm theo, với chú thích rõ ràng, khiến người đọc hình dung ngay được cảnh đẹp trước mắt.

Đặc điểm thứ hai của cuốn sách là mặc dầu viết về du lịch, các bài vở không khô khan như trong một cuốn hướng dẫn (*Guide, Tour Book*). Các bài được viết bằng một lối văn trong sáng, dễ đọc và bay bướm. Nhiều đoạn văn đẹp như thơ. (...) (Theo *Hải Điểu*)

Thơ tuyển của **Tô Thùy Yên**, tác giả xuất bản, 224 trang, giá US$15.00.

Tô Thùy Yên là một nhà thơ thành danh, có thơ đăng trên báo *Sáng Tạo* từ những năm 1950. Nhưng đây là lần đầu tiên thơ ông được in thành sách.

Đây không phải là tất cả những bài thơ mà Tô Thùy Yên đã làm trong hơn 40 năm qua, mà

đúng như tựa sách cho thấy, tác giả chỉ *tuyển* một số bài, trong đó có bài rất... cũ, như *Cánh đồng con ngựa cái tàu* làm từ năm 1956, và những bài rất mới, như *Sáng nay, ta còn đi bên nhau* làm tháng Sáu 1995.

Hơn 200 trang sách, chỉ 37 bài thơ. Như vậy là thơ Tô Thùy Yên thường dài, rất dài. Mỗi bài là một câu chuyện, không chứa đựng những tình tiết éo le, mà dàn trải nhiều ngóc ngách của tâm hồn. Thơ ông dài nhưng không lập lại, đọc mỗi câu là một ý mới. Điều đó cho thấy hứng thơ và tứ thơ của người nghệ sĩ là những dải trường giang trôi qua vô vàn bến lạ.

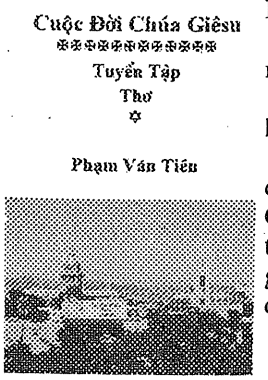

Thông điệp chung của tập thơ có lẽ đã được chính tác giả giới thiệu bằng đoạn thơ in nơi bìa sau cuốn sách:

Nghe im lặng mà sống,
Nhìn trời đất mà vui.
Hãy như người từng trải mỏi mê về
Lúc tàn khuya
Nhà hương hỏa tối mốc.
Còn ai không, có gọi
chỉ thêm buồn.
Thôi, chẳng tiếc túi vàng đã phung phá
Mà mừng mẩu nến chợt tìm ra.

Người đọc ước mong được đọc một "Tô Thùy Yên toàn tập."(LTC)

Dấu Vết Văn Hóa Việt Trên Đường Bắc Mỹ tập Một và Hai, biên khảo của **Phạm Quốc Bảo**, Việt Hưng xuất bản, tập Một dày 300 trang, giá US$15.00, ngoài Hoa Kỳ US$20.00; tập Hai 348 trang, giá US$16.00, ngoài Hoa Kỳ $20.00. Liên lạc: Bà Ngọc Hương Ngô Phạm, 14381 Pleasant St. Garden Grove, CA 92643, USA. Tel: (714) 531-8639.

Dấu vết văn hóa Việt Nam tại Bắc Mỹ? Trước hết xin đừng hiểu những chữ này như khoa lịch sử hay khảo cổ vẫn dùng, kiểu như *văn hóa Đông Sơn, văn hóa Sa Huỳnh* v.v... Nếu hiểu "dấu vết" là những gì của quá khứ để lại mà nay ta phải tìm kiếm và khai quật thì không đúng với ý của tác giả. Văn hóa Việt Nam mà tác giả nói ở đây là văn hóa "sống," nói nôm na là đời sống hiện nay của người Việt trên đất Mỹ. Tác giả đã đi, đã gặp, đã đọc, ghi chép, rồi ghép tất cả các mảnh rời rạc ấy lại thành sách. Mỗi mảnh là một hình ảnh, một vấn đề, một gợi ý.

Trả lời cuộc phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh về bộ sách này, tác giả Phạm Quốc Bảo đã nói: "Qua bộ sách này, thay vì tôi làm công việc giải thích thế nào là văn hóa, tôi đã biểu lộ chất văn hóa Việt bằng cách nhìn, suy nghĩ và nhận xét những vấn đề tiêu biểu xuyên qua những hiện tượng và sự kiện đang xảy ra trong xã hội Hoa Kỳ nói riêng và Tây phương nói chung." (PXĐ)

Cuộc Đời Chúa Giêsu, tuyển tập thơ của **Phạm Văn Tiêu**, Văn Phạm Foundation, Inc. xuất bản, 153 trang, giá $10.00. Liên lạc: P.O. Box 8716, Springfield, MO 65801.

Tác giả giới thiệu cuốn thơ của mình: "Là một tuyển tập gồm trên 100 bài thơ về tôn giáo, tình yêu, quê hương, gia đình và xã hội."

Đây là một tập văn vần lời và ý đều mộc mạc dễ hiểu. Riêng bài Cuộc Đời Chúa Giêsu dài nhất (23 trang) là một bài diễn ca theo lối dân gian xưa, bây giờ ít thấy ai làm. Thử đọc ít câu:

Giờ nghe tiếng gọi Ơn Trên,
Một lòng quyết chí bước lên hành trình.
Thôi mẹ ở lại an bình
Con đi rao giảng Tin Lành khắp nơi...
(PXĐ)

Lời Trần Tình, thơ của **Xuân Bích**, tác giả xuất bản, tựa của Hà Thượng Nhân, phụ bản là tranh của Thái Văn Bá và thư họa của Vũ Hối. Sách dày 140 trang, không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc.

Nhà thơ Hà Thượng Nhân cho biết đã từng ở tù chung với tác giả tại trại tập trung Nghệ Tĩnh.

"Chúng tôi thường xuyên đói, thường xuyên rét nhưng luôn luôn lạc quan. Chúng tôi vẫn ca hát, vẫn làm thơ và vẫn đọc thơ cho nhau nghe. (...) Tôi nhớ đến Xuân Bích gầy gò đẩy chiếc xe đá, gặp nhau là cười, là nói chuyện thơ. Con người ấy yêu thơ vô cùng và cũng hết sức chân thành tha thiết... Cuộc sống trong thơ Xuân Bích hết sức phong phú, Xuân Bích lại là người có tâm hồn. Chỉ hai điều ấy cũng đủ để Xuân Bích trở thành thi sĩ." (PXĐ)

Bùi Giáng 1994, tập thơ của Bùi Giáng làm trong năm 1994, tranh bìa do Bùi Giáng vẽ. Sách dày 90 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Bùi Văn Vịnh, 1055 Dewcrest Drive, Anaheim, CA 92808, USA. Tel: (714) 281-2934.

Trong bài "Một Vài Kỷ Niệm Với Bùi Giáng" đăng trên tạp chí *Văn* tháng Tám 1984, nhà văn Mai Thảo đã nói đến tài làm thơ "thoăn

thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả'' của nhà thơ Bùi Giáng. Ngày nay trong tuổi già có lẽ nhà thơ không còn mẫn nhuệ như ngày xưa, nhưng sức sáng tác của ông xem ra vẫn còn rất dồi dào. Năm 1994, nhà xuất bản Thế Kỷ vừa cho ra đời tập thơ của ông làm trong khoảng thời gian 1992-93, thì năm nay, 1995, những người trong gia đình ông tại Hoa Kỳ lại xuất bản tập thơ Bùi Giáng 1994, tập họp một số bài ông làm trong năm vừa qua. Sự chia cắt từng năm như thế thật không đúng với dòng thơ của ông, một dòng chảy liên tục, tươi mát, không kể ngày tháng, như một con suối lúc nào cũng có nước tuôn chảy róc rách nhưng vẫn luôn luôn là một dòng nước mới.

Thơ Bùi Giáng 1994 là một luồng không đứt đoạn với nguồn thơ trước đó. Người ta lại được tắm trong cùng một dòng nước ấy nhưng lại không phải là nước ấy. (PXĐ)

Hoa Tím Niềm Riêng, thơ của **Thái Thụy Vy**, Sông Phố xuất bản 1995, bìa Đinh Cường, các phụ bản của Đinh Cường, Nguyên Khai, Mai Thứ. Sách dày 100 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: 600 N. Madison St. #232, Arlington, VA 22203.

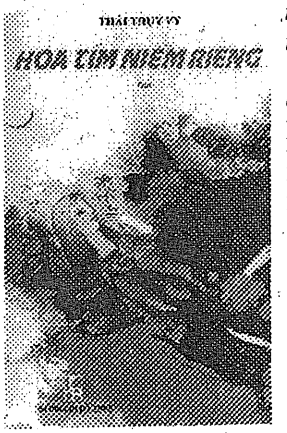

Đây là một tập thơ màu tím đúng nghĩa đen. Nhan đề mang tên hoa tím, giấy màu tím, chữ màu tím, tranh phụ bản màu tím, thậm chí cái triện tác giả đóng trên sách cũng không phải là triện son như truyền thống mà là... triện tím. Đó rõ ràng là một cố ý, để tạo ra hoặc nói lên một kiểu cách, một ý thích. Cho nên cũng không lạ là rất nhiều câu thơ ở đây nói về màu tím, từ mực, áo, hoa, mây, khói, mắt... là những thứ cụ thể có thể mang sắc tím, đến cả những thứ trừu tượng như men đời, ân ái, thơ, nhạc... cũng tím nốt.

Nhưng trùm tất cả là hồn thơ của tác giả. Ông đã biến màu tím thành thơ, cũng màu tím ấy mà có khi vui, có khi buồn, lúc hạnh phúc, lúc bâng khuâng... Thi hứng và sự chân thực được lọc qua lăng kính màu tím tỏa ra thành những vần thơ rất mộng, giống như màu tím chính nó đã là một màu thường gây cảm giác dìu dặt cho lòng người. (PXĐ)

Triết, tạp chí Triết Học và Tư Tưởng, do một nhóm chủ trương gồm **Nguyễn Hữu Liêm, Như Hạnh, Phan Công Chánh, Phạm Việt Cường**, xuất bản sáu tháng một lần, số ra mắt 144 trang, giá 10 mỹ kim. Liên lạc: 1943 Tully Road, San Jose, CA 95122, USA.

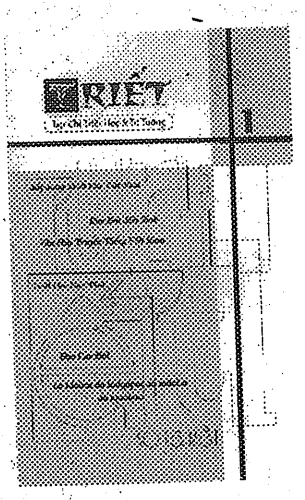

Bắt nguồn từ những thao thức về vận mệnh của dân tộc, tạp chí **Triết** nhận định rằng *Việt Nam như một cây cổ thụ quá già nhưng chỉ lờn vờn mặt đất mà không vươn được cao lên trời xanh để nhìn thấy và tiếp cận được nhiều hơn với khả thể tính của một nội dung thời đại mới,* và từ đó thấy sự cần thiết của một diễn đàn triết học. *Chúng ta có rất nhiều điều, trên phương diện triết học và tư tưởng, để thảo luận cùng nhau. Của văn minh, văn hóa, của lịch sử, của con người, chính trị, cơ chế, của xã hội và thời đại.*

Số ra mắt gồm bài của Nguyễn Hữu Liêm, Phan Công Chánh, Như Hạnh, Nguyễn Vĩnh Để, Đỗ Thuận Khiêm, Trần Đức Thảo, Jacques Derrida, Phan Tấn Lộc, Nguyễn Văn Trung. Tờ tạp chí chưa có ban biên tập, và kêu gọi bài vở, ý kiến từ độc giả. (PXĐ)

Vỡ Lòng Ca Dao, Ca Dao Quyện Lấy Món Ngon Dân Tộc, Những Đứa Trẻ Con Mỹ Hẩm Hiu, Về Với Ca Dao, các tác phẩm mới của **Duyên Anh**, Vũ Trung Hiền xuất bản. Liên lạc với nhà xuất bản: 1839 N. Los Rodlis, Pasadena, CA 91104, USA.

* **Vỡ Lòng Ca Dao**, tâm bút, 200 trang, giá 16 mỹ kim. Trong lời mở đầu cho tác phẩm này, dưới tên *Ý Nghĩ Ngoài Lề*, Duyên Anh viết: ''Tôi bắt đầu viết về ca dao, tình tự của dân tộc Việt Nam, theo sự hiểu biết của tôi. Mọi người đều có quyền viết về ca dao, theo sự hiểu biết của họ. Ca dao không giải thích...'' Tác phẩm này, cũng như hai cuốn khác mang tên Ca Dao, có thể được xem như mang một hướng mới trong sáng tác của Duyên Anh.

* **Ca Dao Quyện Lấy Món Ngon Dân Tộc**, 200 trang, giá 16 mỹ kim. Như tựa đề sách, đây là một tác phẩm đặc biệt viết về cách *nấu nướng dân gian*, gồm mười món, như lươn bung củ chuối, cò xáo măng, con rươi, chả cá... Trong lời mở đầu cho tập sách này, bác sĩ Hoàng Văn Đức viết: ''Xin mời quý vị nhập tiệc, bữa tiệc Quê,

với Duyên Anh, và để nghe những Lời Dân Tộc nghìn xưa, qua những câu ca dao..."

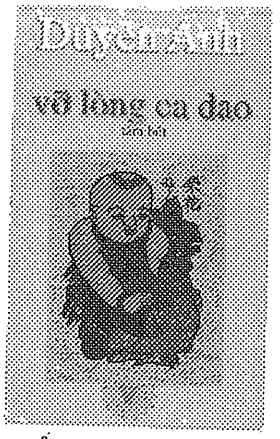

* **Những Đứa Trẻ Con Mỹ Hẩm Hiu**, tiểu thuyết, 250 trang, giá 18 mỹ kim.

Không phải vô tình mà Duyên Anh cho nhân vật "tôi" trong tác phẩm này mang tên Ca Dao. "Tôi" trong truyện là một nhà văn. "Một vợ hai con. Đứa lớn năm tuổi, con trai. Đứa bé ba tuổi, con gái. Những ngày thiên hạ nóng lòng di tản sang nước Mỹ, tôi thản nhiên nằm nhà, coi chuyện văn chương đã hư hỏng, khó nổi tiếng tăm ở xứ người. Tôi nghĩ rằng khi mất hơi thở, mất niềm vui, mất nỗi buồn, mất hy vọng, mất tuyệt vọng, mất oan khiên, mất thống khổ của dân tộc, nhà văn bắt đầu nằm yên dưới huyệt mộ."

Từ *Thằng Vũ* đến *Những Đứa Trẻ Con Mỹ Hẩm Hiu* Duyên Anh cho thấy ông vẫn là một nhà văn thành công khi viết về tuổi thiếu niên. Ông đã bắt lại nhịp điệu của *Hoa Thiên Lý, Con Sáo Của Em Tôi.* (NNA)

Thi Ca Văn Hóa Việt, thơ của **Minh Thông**, tác giả xuất bản, 212 trang, giá 15 mỹ kim. Liên lạc: Tel: (909) 620-7041.

Thi Ca Văn Hóa Việt là một tập thơ cảm hứng về lịch sử, con người, tín ngưỡng Việt Nam thông qua truyền thống Phật Giáo của dân tộc. Sách chia làm ba phần: phần Một, gồm những đề tài tổng quát; phần Hai là thơ vịnh chùa, hầu như tất cả các chùa nổi tiếng thuộc miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam; phần Ba gồm những bài thơ về các vị cao tăng và một số bài điếu văn.

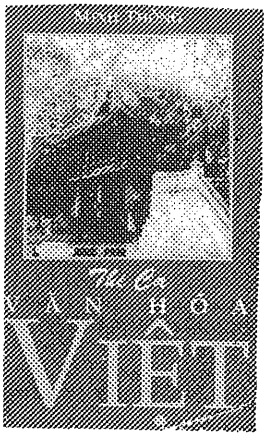

Mỗi lãnh vực thơ có ngôn ngữ riêng của nó. Thơ để diễn tả tín ngưỡng thường không hoa bướm mà đượm vẻ chân thật trang nghiêm. Thơ Minh Thông thuộc loại ấy. Tình yêu đời sống văn hóa truyền thống Việt Nam của tác giả rất thiết tha dồi dào, và được diễn đạt trôi chảy, dễ dàng và chân thành. (PXĐ)

Kỷ Yếu Hội Thảo Giáo Dục Thiếu Nhi Trong Gia Đình Việt Nam (Recueils du colloque sur l'éducation des enfants dans les familles Vietnamiennes), do Cơ Sở Khuyến Học Và Phát Huy Văn Hóa Việt Nam tại Montréal, Canada xuất bản. Liên lạc: 6420 Victoria suite 4, Montréal, (Québec) H3W 2S7 Canada. Tel: (514) 343-4390.

Ngày 30 tháng Mười 1994, một cuộc hội thảo về giáo dục thiếu nhi trong gia đình Việt Nam đã được Cơ Sở Khuyến Học và Phát Huy Văn Hóa Việt Nam tổ chức tại Montréal. Cuộc hội thảo xoay quanh hai đề mục chính: Vai trò của gia đình, và Làm sao để dung hòa văn hóa Đông Tây trong việc giáo dục thiếu nhi. Các bài thuyết trình của các nhà chuyên môn, các ý kiến của người tham dự cùng một số bài tham luận đã được tập hợp và in thành cuốn kỷ yếu này. Nội dung cuộc hội thảo này là một trong các đề tài được quan tâm hàng đầu trong tất cả gia đình cũng như cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại, vì thế cuốn kỷ yếu này là một tài liệu tốt để mọi người tham khảo, và có thể trao đổi, thảo luận để làm phong phú thêm vấn đề giáo dục con em của chúng ta. (PXĐ)

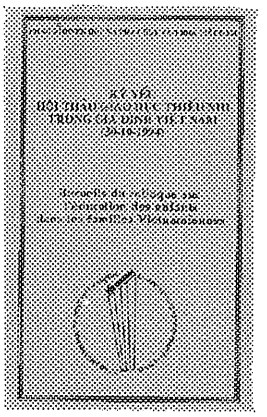

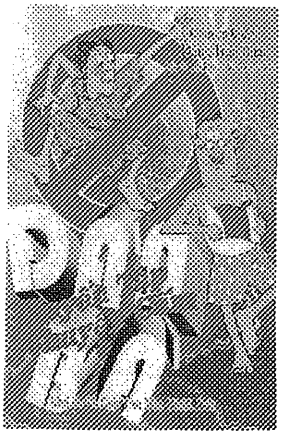

Tuyển Tập Chuyện Cấm Đàn Bà, truyện cười của **Đặng Trần Huân** do Tân Văn (Nhật Bản) xuất bản 1995, bìa và minh họa của họa sĩ Vũ Trọng Gia, dày 410 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Đỗ Thông Minh, 140 To-kyo-to, Shinagawa-ku, OI 1-11-4, Ogawaya Bldg. 2F, Japan. Tel. và Fax: 81-3-5742-2168. Liên lạc tại Hoa Kỳ: Trần Kim Xuyến, 2654 Bonnie Dr. Santa Clara, CA 95051, USA. Tel: (408) 243-9309.

Ra mắt lần đầu tại Sài Gòn năm 1969, cuốn Chuyện Cấm Đàn Bà đã được in tới bốn lần trong vòng bốn tháng, với tổng số 17,500 bản. Trong tuyển tập xuất bản lần này sau khi tác giả định cư tại Mỹ, tác giả đã thu thập tất cả những chuyện vui cười hay nhất của mình từ trước tới nay, gồm những chuyện cũ, mới, từ 1970 đến các chuyện đặc biệt vừa viết xong trong năm 1995.

Tác giả là một người say mê chuyện cười, từ nhỏ đã ham đọc loại sách Trạng Quỳnh, Trạng

Lợn, Ba Giai Tú Xuất, Tiếu Lâm..., lớn lên đọc rất nhiều sách báo khôi hài bằng tiếng Pháp và tiếng Anh, vì thế vốn liếng cái cười của tác giả rất phong phú và đa dạng.

Một cuốn sách gồm những chuyện ngắn ngắn để giải trí rất vui vẻ, tục mà thanh, thanh mà tục, gọi là cấm đàn bà vì sợ làm các bà đỏ mặt, nhưng các bà có đọc cũng chẳng sao! Dân tộc nào cũng thích cười, và Việt Nam cũng có một kho truyện cười dân gian rất dồi dào. Trong thời hiện đại hình như chỉ mới có Đặng Trần Huân chính thức nối tiếp truyền thống cười của dân tộc bằng một công trình... nghiêm túc: vừa sưu tầm, vừa sáng tác, đúc kết nên một tuyển tập khá đồ sộ của tiếng cười, **Tuyển Tập Chuyện Cấm Đàn Bà.**

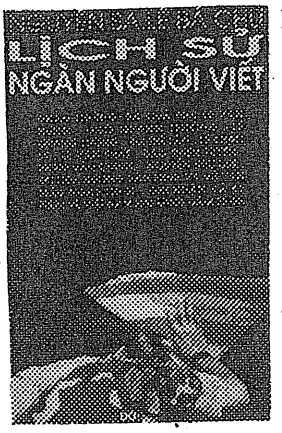

Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp Ở Việt Nam (1858-1897), biên khảo của **Nguyễn Xuân Thọ**, dịch từ bản Pháp văn *Les Débuts de l'Installation du Système Colonial Francais au Viet Nam (1858-1897)*, tác giả xuất bản và giữ bản quyền, 503 trang, giá 20 mỹ kim. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Tác giả Nguyễn Xuân Thọ sinh năm 1916 tại Phan Thiết, đậu tiến sĩ Văn chương tại đại học Sorbonne, Paris, cùng tốt nghiệp một số ngành khác như Ngoại giao, Chính trị học, Xã hội học. Ông là một chuyên viên ngoại giao đã từng làm việc nhiều năm tại bộ Ngoại Giao Pháp và các nhiệm sở nước ngoài.

Nhờ môi trường làm việc, ông Nguyễn Xuân Thọ đã nghiên cứu được rất nhiều tài liệu lịch sử lưu trữ tại bộ Ngoại Giao Pháp liên quan đến việc Pháp xâm lăng nước ta mà phần lớn chưa được tiết lộ, từ đó ông thấy cần phải viết lại lịch sử về giai đoạn này. Phải viết lại vì theo ông hầu hết các sách sử đã có từ trước tới nay về việc Pháp xâm chiếm Việt Nam đều thiếu trung thực, vì được viết theo quan điểm của "chính quốc," tức là chính quyền Pháp. Ông đã có công sưu tầm giới thiệu vô số tài liệu cho tới nay hoàn toàn mới mẻ đối với chúng ta, như sự mâu thuẫn giữa những người đi thực dân và các nhà truyền giáo, như kết quả tích cực của sứ bộ Phan Thanh Giản tại triều đình Pháp, như phóng ảnh của những tờ hiệp ước ai cũng biết nhưng chắc chắn không có cơ hội nhìn thấy: Hiệp ước Saigon 1862, Hiệp ước 1874, Hiệp ước 1884 thường gọi là Patenôtre... Chỉ đứng về phương diện tài liệu, đây đã là một tập sách rất quý giá.

Ông đã phải làm việc với văn khố của bộ Ngoại Giao Pháp, với văn khố của bộ Ngoại Giao Tây Ban Nha, đã tìm xem được những tài liệu ngoại giao quý báu của Trung Quốc, đã nhiều lần tiếp xúc với bà Hoàng thân Như Mai, con gái đầu của vua Hàm Nghi, để tìm hiểu về đời sống của vua Hàm Nghi tại Alger... hầu thu thập tài liệu viết cuốn lịch sử này. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã nhận xét: *Bản thảo này quả là độc đáo, hơn hết các công trình nghiên cứu của các sử gia khác.* (PXĐ)

Lịch Sử Ngàn Người Viết, sách tài liệu của **Nguyên Sa** và **Lê Bá Chư**, Đời xuất bản, 192 trang, giá US$12.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Sách gồm hai phần: Phần Một Nhân Chứng, do Lê Bá Chư ghi thuật; phần Hai Kỷ Niệm Hai Mươi Năm, do Nguyên Sa viết. Lê Bá Chư đã đi phỏng vấn một số các nhân vật quân sự của Việt Nam Cộng Hòa đã đối diện với quân thù trong trận đánh chót năm 1975 làm thất thủ cả miền Nam, như Ngô Quang Trưởng, Lê Quang Lưỡng, Bùi Thế Lân..., trong đó có cả bà quả phụ của Thiếu Tướng Lê Văn Hưng. Nguyên Sa viết một số bài nhân dịp 20 năm nhìn lại, nhìn lại quá khứ, nhìn trong nước, nhìn ngoài nước.

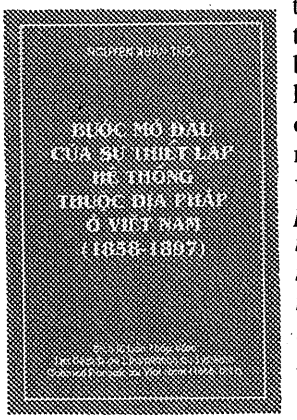

Lịch sử của Miền Nam Việt Nam trước 1975 đang bị kẻ thắng trận bóp méo bằng một sự dối trá có hệ thống. Hai tác giả của cuốn sách này nói rằng họ *không có tham vọng viết sử, mà muốn phục sinh trong khả năng hạn hẹp phần nào những di tích, ghi nhận những nhân chứng trước khi không còn cơ may nữa.* Quả vậy, đây chỉ mới là những mảnh sự thật nho nhỏ ghép lại để thành một cuốn sách chưa tới 200 trang. Đối với sự sụp đổ của một quốc gia, đây chỉ là một vài dấu vết khiêm tốn của lịch sử. Nhưng nó rất quan trọng, vì đó là sự thật. Chúng ta đang cần rất nhiều mảnh sự thật như vậy để có một bức tranh đúng về miền Nam trước đây, hầu giúp cho mai hậu có được những trang lịch sử trung thực. (PXĐ) ■

MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * 1-800-565-3637 (NGOÀI ORANGE COUNTY)
FAX: 714-544-5677

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: *Giá trị căn nhà thấp hơn nợ cũ *Tiền trả hàng tháng cao quá *Bệnh nặng hoặc chết chóc *Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA**, **VA**, **Conv** (trên toàn Hoa kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

*** Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down***

"Leads" provided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

Leyna Thủy (Pager: 714-214-5207) *Ken Phạm (Pager: 714-385-0587)*
Mr. Nguyễn (Home: 714-552-5148) *Kha John (Pager: 714-571-6885)*

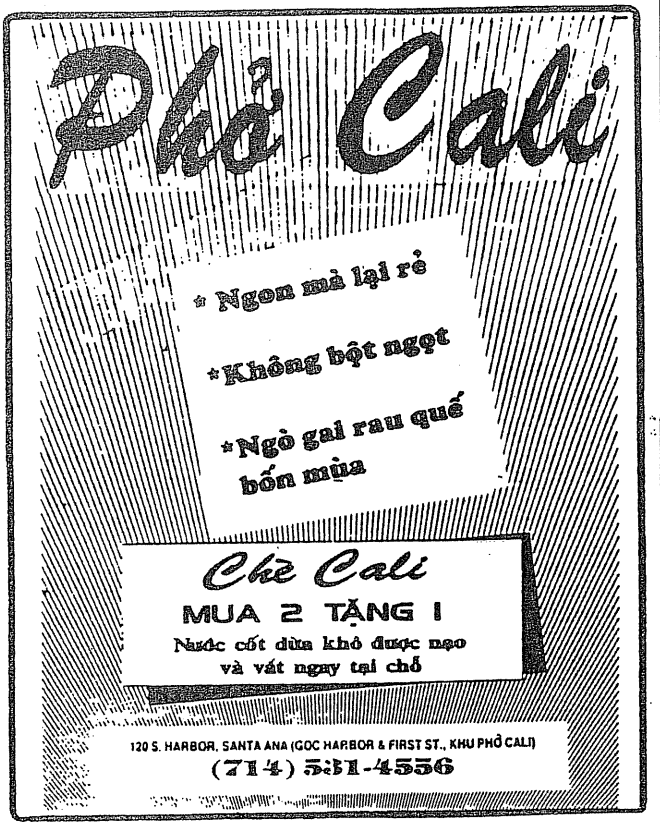

Thuh ★

BEAUTY INSTITUTE

8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9904
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**

NEW YORK LIFE
The Company You Keep™

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HƯNG, M.D.

CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM

NHẬN

MEDI-CAL - MEDICARE
&BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM
Chủ Nhật: Đóng cửa

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM

1995

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin quí vị vui lòng liên lạc:

TOGETHER
WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643
Phone (714) 537-4877 Fax (714) 379-1216
California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

BÍ MẬT của Phan Thiên Ân

Bạn đã ngạc nhiên khoái trá khi đọc trên các báo về cuộc phiêu lưu kỳ thú của anh T., nguyên Thiếu Úy Hải Quân, vượt biển đến Mỹ vào năm 1977. Bắt đầu từ chân lao công cho một hãng sửa tàu biển ở Washington, anh đã trở thành chủ nhân của hãng này sau tám năm.Dù vẫn không thạo ngôn ngữ, Anh đã điều khiển hơn 200 nhân viên bản xứ. Ngày nay, thương vụ của công ty Anh lên đến 86 triệu Mỹkim và tài sản cá nhân của Anh phải hơn 50 triệu.

Rồi chuyện của anh L., năm nay mới 35 tuổi, qua Mỹ lúc còn là học sinh. Sau khi ra trường, Anh đi làm cho một hãng điện tử ở San Jose. Bốn năm sau, anh mở hãng cung cấp phụ tùng máy vi tính cho nhiều hãng lớn danh tiếng của Mỹ. Ngày nay, thương vụ của công ty Anh vượt quá 100 triệu Mỹ kim và tài sản cá nhân của Anh phải hơn 45 triệu Mỹ kim.

Đã hãnh diện và vui sướng với những thành quả vẻ vang của đồng hương trên chốn thương trường, bạn sẽ thích thú hơn nữa khi chiêm nghiệm cuộc đời thăng trầm của Phan Thiên Ân. Từ một chân tài xế xe vận tải ở Việt Nam, ông đã trở thành một trong những người giàu nhất thế giới. Ông sẽ chia xẻ cái bí mật làm giàu của ông ở cuốn sách này.

BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN

Anh H.N.T.: *Cám ơn bạn hiền đã gửi tặng cuốn sách. Không dấu gì bạn, tôi đang gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống. Từ tiền bạc đến gia đình bà con. Tôi gần như tuyệt vọng. Cuốn sách của bạn giúp tôi tìm thấy mọi giải đáp cho những bài toán nan giải. Cám ơn cái món quà lớn nhứt cho đời tôi.*

Ông T.X.N.: *Cuốn sách của ông là một bản hòa tấu tuyệt diệu như "Giòng Sông Xanh" của Strauss. Một ngợi ca bất hủ về thiên nhiên, tình yêu, con người, sự sống và Thượng Đế. Nếu cuộc đời là một nhiệm màu, Bí Mật Của Phan Thiên Ân sẽ là đôi cánh đưa ta bay đến Thiên Đường đó.*

Chị N.T.V.: *Tôi đã đọc rất nhiều cuốn sách về bí quyết làm giàu, từ nhanh đến chậm. Sau cùng, tôi đã tìm thấy. Tôi không ngờ nó giản dị như vậy. Cám ơn, Mr Phan Thiên Ân.*

Phiếu Mua Sách

Tên: .....

Địa chỉ: .....

.....

Đính kèm $ _____ để trả cho _____ cuốn sách

(Giá $5.00 một cuốn kể cả cước phí)

Thư và chi phiếu xin đề:

T.A. PHAN P.O.Box 915, Los Alamitos, CA 90720

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

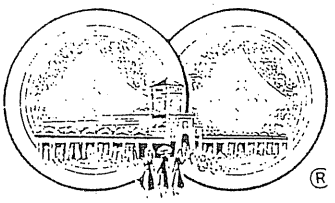

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

小西貢海鮮市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

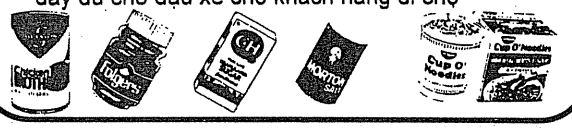

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lotter: LOTTO
California Lotter: DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

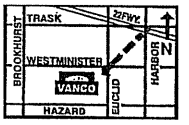

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

CÔNG TY THỰC PHẨM TÂY HỒ

Được Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ cho sản xuất từ năm 1986 các loại Giò lụa, Giò bì, Chả chiên đúng hương vị Việt Nam, và Bò viên cho các hiệu phở danh tiếng từ Hawaii đến New York. Ngoài ra còn sản xuất Paté, Jambon, Giò thủ, Thịt dồi heo, Dồi giò heo cho hơn 100 Chợ, Nhà hàng và Food To Go, Dồi sả chiên cho các hiệu thịt quay khắp Hoa Kỳ.

Điện thoại liên lạc: **714-750-3331 * 714-839-1389**
Fax: **714-971-9420**

CÔNG TY BÁNH CUỐN TÂY HỒ RESTAURANT

Sản xuất các loại Bánh cuốn nhân thịt, Thanh Trì Tôm chấy, Bánh cuốn thịt nướng, Bánh cống, Bánh tôm Cổ Ngư, Bánh bèo, Bánh xèo, Bánh canh tôm cua. Ngoài ra còn có Bún ốc, Bún riêu, Bún tôm thịt nướng, Nem nướng, Bún Chả giò và các loại Cơm Tấm hấp dẫn.

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 2
9242 Bolsa #F
(bên hong Phước Lộc Thọ)
Điện thoại: **714-895-4796**

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 4
15566 Brookhurst St.
(Ngã tư MC Fadden Ave.)
Điện thoại: **714-839-1389**